**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**

**Giảng Kinh Vô Lượng Lần Thứ XI**

**Quyển 10/60**

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không

Mục Lục

[Tập 91 2](#_Toc420851053)

[Tập 92 24](#_Toc420851054)

[Tập 93 41](#_Toc420851055)

[Tập 94 58](#_Toc420851056)

[Tập 95 76](#_Toc420851057)

[Tập 96 97](#_Toc420851058)

[Tập 97 118](#_Toc420851059)

[Tập 98 134](#_Toc420851060)

[Tập 99 152](#_Toc420851061)

[Tập 100 170](#_Toc420851062)

# Tập 91

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giảo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

      Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải trang một trăm lẻ ba, xem hàng thứ sáu kể từ dưới lên.

*“Bổn kinh tiên liệt Thanh Văn, hậu chương Bồ Tát, chánh như Phật Địa Luận đệ nhị vân: - Tiên thuyết Thanh Văn, hậu thuyết Bồ Tát. Thanh Văn chúng giả, cận đối Thế Tôn, thân thọ hóa cố. Hựu chư Thanh Văn, thường tùy Phật cố, hình đồng Phật cố. Thị cố, chư kinh đa thị tiên Thanh Văn, nhi hậu Bồ Tát”* (Kinh này trước là liệt kê Thanh Văn, sau nêu bày hàng Bồ Tát. Đúng như Phật Địa Luận, quyển thứ hai đã nói: “Trước nói Thanh Văn, sau nói Bồ Tát. Vì hàng Thanh Văn thân cận đức Thế Tôn, được Ngài đích thân giáo hóa. Lại nữa, các vị Thanh Văn thường theo đức Phật, có hình dáng giống như Phật. Do vậy, các kinh phần nhiều liệt kê chúng Thanh Văn trước, sau đó mới nói đến hàng Bồ Tát”). Trong phần trước, chúng ta đã nói tới ý nghĩa này. Khi kết tập Kinh Tạng, Sáu Thứ Thành Tựu trong phần trước chính là lời mào đầu của đức Thế Tôn, liệt kê các vị Thượng Thủ hoàn toàn nhằm biểu thị pháp. Từ các vị Thanh Văn và Bồ Tát, chúng ta liền biết tánh chất của bộ kinh này. Từ những vị biểu thị pháp, chúng ta sẽ thấy: Qua bộ kinh này, đức Thế Tôn muốn dạy chúng ta pháp môn nào. Như đã nói trong phần trước, ngài Liễu Bổn Tế tượng trưng cho tự tánh, Bổn Tế là là bổn tánh, Liễu là hiểu rõ. Nói theo cách bây giờ, [Liễu Bổn Tế] chính là “minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật”, biểu thị ý nghĩa này, thành tựu trong một đời. Thông thường, ta thấy [những vị Thượng Thủ được nêu tên] nhiều nhất là Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên, gần như mỗi bộ kinh đều có hai Ngài, điều đó tượng trưng cho trí huệ và thần thông trong tự tánh, đồng thời [biểu thị] bản năng (năng lực sẵn có) của sáu căn chẳng có chướng ngại. Mắt thấy thì chúng ta có thể thấy khắp pháp giới hư không giới, có thể thấy tự tánh, có năng lực to dường ấy, căn tánh của sáu căn đều chẳng thể nghĩ bàn. Ngài Ca Diếp biểu thị Thiền Tịnh bất nhị, tôn giả A Nan biểu thị đa văn đệ nhất, khiến cho chúng ta trông thấy những vị ấy liền biết tánh chất trọng yếu của bộ kinh này, chúng ta học tập bộ kinh này sẽ có thể đạt tới cảnh giới như thế nào!

      Hôm nay chúng ta xem tới phần Bồ Tát Chúng. *“Hựu hữu Phổ Hiền Bồ Tát”* (lại có Phổ Hiền Bồ Tát), xếp Phổ Hiền trước Văn Thù giống như trong kinh Hoa Nghiêm, kinh Hoa Nghiêm cũng xếp ngài Phổ Hiền đầu tiên, Văn Thù thứ hai. Phổ Hiền tượng trưng Hành môn, Văn Thù tượng trưng Giải môn. Nói cách khác, bộ kinh này chú trọng thực hành, phải thật sự làm, chú trọng Hành môn. Chúng ta đọc lời chú giải của Hoàng lão cư sĩ, *“Bồ Tát nãi Phạm ngữ chi lược tồn”* (Bồ Tát là nói tắt của tiếng Phạn), đây là nói tới [nguyên gốc của chữ Bồ Tát] trong tiếng Phạn, người Trung Quốc chuộng đơn giản, nên đã rút gọn [từ ngữ ấy], *“cụ túc ưng vân Ma Ha Bồ Đề Chất Đế Tát Đỏa”* (nói đầy đủ phải là Ma Ha Bồ Đề Chất Đế Tát Đỏa). Phía trước còn thêm chữ Ma Ha, Ma Ha có nghĩa là Đại. *“Bồ Đề Chất Đế Tát Đỏa”*, Ma Ha dịch là Đại, Bồ Đề dịch là Đạo, Chất Đế (Citta) dịch thành Tâm, Tát Đỏa (Sattva) dịch thành Chúng Sanh hoặc Hữu Tình, gộp lại là Đại Đạo Tâm Chúng Sanh, trong giáo pháp Đại Thừa, cách này được gọi là Cổ Dịch. [Nói đến] cổ hay kim bèn lấy Huyền Trang đại sư làm đại biểu, [những nhà dịch kinh] trước thời ngài Huyền Trang đại sư gọi là Cổ Dịch, sau Huyền Trang đại sư gọi là Kim Dịch. Chúng ta đọc chú giải thấy nói Cổ Dịch hay Kim Dịch là theo ý nghĩa này, [chứ Kim Dịch] chẳng phải là [dịch thuật theo lối] hiện đại. Thời cổ dịch [Bồ Tát] là Đại Đạo Tâm Chúng Sanh, Huyền Trang đại sư dịch từ ngữ này thành Giác Hữu Tình, vì Bồ Đề (Bodhi) là giác ngộ, Tát Đỏa (Sattva) là hữu tình chúng sanh. Tình của họ chưa đoạn, [tức là] chưa đoạn tình thức, vẫn chưa thể chuyển A Lại Da thành Đại Viên Kính Trí, chưa chuyển tám thức thành bốn trí. Bậc Bồ Tát như vậy được gọi là Bồ Đề Tát Đỏa, đã giác ngộ. Nếu Ngài chuyển tám thức thành bốn trí sẽ gọi là Ma Ha Tát. Ma Ha Tát là Pháp Thân đại sĩ, Pháp Thân đại sĩ là Phật. Cho nên *“giản xưng Bồ Đề Tát Đỏa, nghĩa vi Giác Hữu Tình”* (gọi đơn giản là Bồ Đề Tát Đỏa, nghĩa là Giác Hữu Tình). Giác Hữu Tình là do Huyền Trang đại sư dịch, trước thời Huyền Trang đại sư, [từ ngữ ấy] được dịch là Đại Đạo Tâm Chúng Sanh.

*“Đồng Phật sở chứng chi vị Giác, vô minh vị tận chi vị Tình”* (sở chứng giống như Phật thì gọi là Giác, chưa hết vô minh nên gọi là Tình). Ở chỗ này, hoàn toàn nói về hàng Pháp Thân Bồ Tát. Cớ sao nói Pháp Thân Bồ Tát chưa hết vô minh? Tập khí vô minh chưa hết, chứ vô minh đã thật sự đoạn xong, chẳng khởi tâm, không động niệm, nhưng tập khí vẫn có. Các Ngài ở nơi đâu? Các Ngài không ở trong mười pháp giới, mà ở ngoài mười pháp giới, trụ trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai. Nói chư Phật Như Lai, nhưng thật ra là nói tới cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chính mình, vô minh đã đoạn, chứng đắc Pháp Thân, bốn cõi [Tịnh Độ] ấy đều rõ ràng, rành rẽ. Quý vị đến cõi Phương Tiện, hay đến cõi Đồng Cư, nhằm hóa độ chúng sanh. Ấy là do chúng sanh có cảm, tức là chúng sanh trong mười pháp giới có cảm, bốn thánh pháp giới là cõi Phương Tiện, lục đạo là cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Do chúng sanh có cảm, Bồ Tát bèn ứng, cảm ứng đạo giao trọn chẳng sai chạy, rất chuẩn xác, hễ có cảm bèn có ứng. Cảm ứng có bốn loại, trong phần trước chúng tôi đã nói rồi, có bốn loại là hiển cảm hiển ứng, hiển cảm minh ứng, minh cảm hiển ứng, minh cảm minh ứng (cảm và ứng rõ rệt; cảm rõ rệt, ứng ngấm ngầm; cảm âm thầm, ứng rõ rệt; cảm và ứng đều âm thầm). Phàm phu chúng ta phiền não quá nặng, tập khí quá sâu, chúng ta có thể cảm Phật, Bồ Tát hay không? Có cảm, các Ngài sẽ ứng, tuy có ứng nhưng chúng ta không biết. Chúng ta là hiển cảm, các Ngài là minh ứng (ứng ngấm ngầm), minh cảm minh ứng (cảm lẫn ứng đều ngấm ngầm) chúng ta cũng không biết, đều chẳng thể nhận biết, nên Phật, Bồ Tát âm thầm gia trì và che chở chúng ta. Nếu là hiển ứng thì sẽ rất rõ rệt, quý vị thấy, nghe, trong tâm cảm nhận, rất rõ rệt! Có [những trường hợp cảm ứng] rõ rệt, chẳng phải là không có, trong các đồng tu thường có những người như vậy, [những trường hợp như vậy] đều thuộc loại cảm ứng. Vì thế, chúng ta phải hiểu câu *“vô minh vị tận”*này có nghĩa là vị ấy chưa đoạn hết tập khí.

*“Hựu Giác thị sở cầu Phật đạo, Hữu Tình thị sở hóa chúng sanh”* (lại nữa, Giác là Phật đạo được mong cầu, Hữu Tình là chúng sanh được hóa độ). Đây là một ý nghĩa khác của Giác Hữu Tình, nói theo phương diện giáo hóa chúng sanh. Phần trước là Tự Thọ Dụng, ở đây là Tha Thọ Dụng. Dùng gì để giáo hóa chúng sanh? Dùng Phật pháp. Vì thế, chúng ta thấy ở đây [kinh điển] đã ban cho chúng ta một tấm gương rất hay: Bồ Tát giáo hóa chúng sanh, chẳng tách lìa giáo huấn của đức Phật. Bồ Tát có thể nói không giống hệt như Phật, tức là lời lẽ có thể khác nhau, nhưng ý nghĩa chẳng khác! Đó là *“y nghĩa, bất y ngữ”* trong Tứ Y Pháp như đức Phật đã nói, chẳng giống như phức giảng. Phức giảng nhất định phải vừa y nghĩa lại còn y ngữ. Bồ Tát giáo hóa chúng sanh có thể y nghĩa, chẳng y ngữ thì quý vị mới có thể khế cơ; nếu không, sẽ chẳng khế cơ! Vừa y nghĩa vừa y ngữ là gì? Đó là phức giảng kinh do Phật, Bồ Tát đã nói nhằm tạo tín tâm cho đại chúng, ta chẳng thay đổi một chữ nào do Phật, Bồ Tát đã nói, hoàn toàn nói đúng như thế, nhằm kiến lập tín tâm, mang ý nghĩa này. Nếu giúp chúng sanh lý giải bèn sống động, linh hoạt, hãy nên thuận theo nghĩa, chứ không lập lại y hệt từ ngữ. Giải thích cho họ, kinh văn tuyệt đối chánh xác, chẳng thêm vào một chữ nào, nhưng giảng giải thì sống động, linh hoạt, phải giảng ý nghĩa rõ ràng ngõ hầu người khác sẽ thật sự thấu hiểu. Do vậy, *“hữu tình”* là những chúng sanh được giáo hóa, những hữu tình chúng sanh ấy đều chưa đoạn tập khí phiền não.

*“Lợi sanh vi cấp, quảng độ quần sanh đồng đăng Đại Giác, cố vị Giác Hữu Tình”* (gấp rút lợi sanh, rộng độ quần sanh chứng lên Đại Giác, nên [Bồ Tát] được gọi là Giác Hữu Tình), ý nghĩa này hay hơn ý nghĩa trong phần trước. Bồ Tát thật sự phát tâm đại Bồ Đề, lấy chuyện giúp đỡ và thành tựu người khác làm đầu, mong mỏi người khác được thành tựu trước, hy vọng người khác sớm thành tựu. Địa Tạng Bồ Tát đại diện chuyện này, *“địa ngục bất không, thệ bất thành Phật”* (địa ngục chẳng trống, thề chẳng thành Phật). Quý vị đọc kinh Địa Tạng, mở quyển kinh ra, sẽ thấy một điều chẳng hề thấy trong hết thảy các kinh khác: Trong số các vị thượng thủ của đại chúng [tham dự pháp hội của] Địa Tạng Bồ Tát, mười phương chư Phật Như Lai đều đến tham gia pháp hội. Chư Phật Như Lai là ai? Toàn bộ đều là học trò của Địa Tạng Bồ Tát. Hết thảy học trò của Địa Tạng Bồ Tát đều đã thành Phật, Ngài vẫn còn làm Bồ Tát. Điều này nhằm bảo chúng ta: Bồ Tát phải nên có tâm lượng như vậy, chính mình thì cần gì phải lo [sớm được] thành tựu? Đúng là toàn tâm toàn lực giúp đỡ người khác. Giúp đỡ chúng sanh căn cơ chín muồi, khiến cho họ thành Phật trước; giúp kẻ căn tánh chưa chín muồi được chín muồi, giúp kẻ thiếu căn tánh gieo thiện căn. Tâm nguyện của Bồ Tát viên mãn; đúng là chẳng bỏ một ai! Hữu duyên thì Bồ Tát độ kẻ ấy; vô duyên, Bồ Tát bèn kết duyên với kẻ đó để đời sau, kiếp sau [trở thành] hữu duyên, chúng ta phải học tập chuyện này. Đặc biệt là trong Đại Thừa, nhất là Tịnh Tông, Tịnh Tông phải lấy bổn nguyện của Phật Di Đà làm nguyện lực của chính mình, A Di Đà Phật đúng là chẳng bỏ một ai. Vì thế, Bồ Tát có nghĩa là Giác Hữu Tình. *“Bồ Tát nhị tự tắc thị tối lược giả dã”* (hai chữ Bồ Tát là giản lược nhất), đó là tỉnh lược, người Hoa chuộng đơn giản, cho nên chỉ nói là Bồ Tát, lược bớt âm cuối.

      Tiếp đó, [lời chú giải] ghi: *“Vân hà vi Đại Đạo Tâm Chúng Sanh”* (vì sao gọi là Đại Đạo Tâm Chúng Sanh?), đây là giải thích cho chúng ta [ý nghĩa của chữ Bồ Tát theo lối] cổ dịch. *“Dĩ cụ tứ chủng đại cố”* (do có đủ bốn thứ Đại), Bồ Tát nhất định trọn đủ bốn thứ Đại ấy. *“Tứ chủng giả”* (bốn thứ là), Thanh Lương Sớ giảng rất khéo. *“Nhất giả, nguyện đại, cầu đại Bồ Đề cố”* (một là nguyện đại vì cầu đại Bồ Đề). Đây là điều kiện đầu tiên của Bồ Tát, chúng ta thường gọi đại nguyện này là “phát Bồ Đề tâm”, đấy là “nguyện đại”. Đối với Bồ Đề tâm, nay chúng tôi nói rõ ràng hơn, thêm vào mấy chữ nữa. Tâm chân thành là Thể của Bồ Đề tâm; bổn thể của Bồ Đề tâm là chân thành, chân thật, chẳng giả. *“Thành”* (誠) là chẳng hư ngụy. Học Phật, nếu là học Đại Thừa, đối với hết thảy người, đối với hết thảy sự, đối với hết thảy vạn vật, chúng ta nhất định phải dùng tâm chân thành. Tâm chân thành là Tự Thọ Dụng, tức là Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Chánh Giác như đã nói trong tựa đề kinh chính là Tự Thọ Dụng. Đối với chính mình, dùng tâm chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, giác, đối người khác là đại từ đại bi. Từ là ban vui, Bi là dẹp khổ. Chúng ta cần phải dùng trí huệ như thế nào, phương pháp ra sao để giúp người khác lìa khổ được vui, đó là Bồ Đề tâm.

      Hiện thời, chúng sanh trong thế gian này gặp quá nhiều khổ nạn, khổ nạn do đâu mà có? Do mê hoặc mà có. Đã biết như thế, chúng ta dùng phương pháp gì để giúp họ? Hãy giúp họ giác ngộ. Dùng phương pháp gì để giúp họ giác ngộ? Thân hành và ngôn giáo. Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời nêu gương, chúng ta nhìn vào đó phải hiểu, phải học theo Ngài. *“Thân hành”* tức là những gì Ngài đã nói Ngài đều làm được toàn bộ, chẳng giả tí nào, trong và ngoài như nhau. Đức Phật có vì chính mình hay chăng? Nói  thật cùng quý vị, vì chính mình! Hết thảy chúng sanh là chính mình, ta và người chẳng hai, vì người khác mới là thật sự vì chính mình. Vì chính mình mà chẳng biết vì chính mình, như vậy là sai rồi. Vì thế, dạy chúng ta giác ngộ, giác ngộ điều gì? Giác ngộ pháp môn Bất Nhị. Toàn thể vũ trụ là một Thể! Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật dạy chúng ta: Hết thảy chúng sanh và chư Phật Như Lai có cùng một tâm, một nguyện, một trí huệ, cho đến mười lực, bốn vô úy, mười tám pháp Bất Cộng, không có gì chẳng giống nhau. Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật dạy chúng ta hãy thật sự nhận thức chính mình, chính mình và toàn thể vũ trụ là một, chẳng hai, vĩnh viễn chẳng tách rời. Chúng sanh gặp nạn là chính mình bị khổ nạn, chúng sanh lìa khổ là chính mình lìa khổ, chúng sanh được vui là chính mình được vui, ta và người chẳng hai. Do vậy, như thế nào thì quý vị sẽ có thể nhập Phật môn? Quý vị thấy trong kinh luận đã dạy: Buông tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong tam giới xuống, quý vị sẽ nhập môn. Tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc chia thành năm loại lớn, đầu tiên là Thân Kiến, chấp trước thân này là ta; thân chẳng phải là ta, trật mất rồi! Chư Phật Như Lai minh tâm kiến tánh, minh tâm kiến tánh là chứng đắc Pháp Thân, Pháp Thân là gì? “Pháp” là hết thảy các pháp, hết thảy các pháp đều là thân của ta, đó là Pháp Thân. Chấp trước thân này là ta, vứt bỏ thân khác, giống như đối với cái thân của quý vị, chấp trước một sợi lông là ta, những thứ khác đều chẳng phải là ta! Chúng ta nói kẻ ấy mê mất rồi. Nay chúng ta là kẻ mê, chẳng biết vạn sự vạn vật trong toàn thể vũ trụ và chính mình là một thể, một tâm, một trí huệ.

      Người kiến tánh mới thật sự hiểu rõ, chẳng còn có phân biệt nữa, chăm sóc hết thảy chúng sanh giống như chăm sóc chính mình, coi hết thảy chúng sanh như người nhà, quyến thuộc của chính mình. [Cách nhìn như vậy] vẫn còn cách biệt một tầng, trên thực tế là chăm sóc chính mình. Mỗi vị Pháp Thân Bồ Tát đều có cách nhìn và cách nghĩ như vậy, vì sao? Chân tướng sự thật [là như vậy]. Trước kia, chúng ta đã học bộ Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của Hiền Thủ đại sư, chẳng phải là chuyện này đã được Ngài giảng rất rõ ràng, minh bạch rồi hay sao? Từ một Thể khởi hai tác dụng, một Thể là tự tánh. Quý vị thấy đầu kinh này nêu tên ngài Liễu Bổn Tế, tức tôn giả Kiều Trần Như. Bổn Tế là lý thể, sách Hoàn Nguyên Quán [gọi Bổn Tế] là *“tự tánh thanh tịnh viên minh thể”*, đó là Bổn Tế. Y báo và chánh báo trang nghiêm đều do tự tánh biến hiện, cùng một Thể, cớ sao quý vị nói chúng chẳng phải là chính mình? Há có lẽ ấy! Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật thường bảo: *“Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng”*. Tâm là chính mình, thức là chính mình, tâm là chân tâm của chính mình, thức là vọng tâm của chính mình, chân - vọng chẳng hai! Đức Phật bảo chúng sanh đã mê rồi, mê ở chỗ nào? Mê ở chỗ này, chẳng biết hết thảy các pháp do tánh thức của chính mình biến hiện, dấy lên phân biệt, chấp trước, đối lập ở trong ấy, nẩy sanh mâu thuẫn, trật mất rồi, lầm lẫn quá đỗi! Kinh Phật dạy những đạo lý này, nói về những chân tướng sự thật này. Nếu những nhà khoa học hiện thời có thể tìm hiểu kinh Phật, tôi tin tưởng cảnh giới của họ sẽ được nâng cao với một mức độ lớn, nhập vào cảnh giới của Phật, Bồ Tát. Trong Lượng Tử Lực Học đã nói đến A Lại Da, chỉ cần chuyển A Lại Da thành Đại Viên Kính Trí, họ bèn viên thành Phật đạo. Cách chuyển ra sao? Buông xuống là chuyển, buông khởi tâm động niệm xuống, thông đạt, hiểu rõ hết thảy các pháp, đấy là quả vị của Như Lai, trong Phật pháp gọi chuyện này là “chứng đắc”.

      Nguyện đại thì chẳng thể không có đại nguyện. Nghĩ đến chính mình, nhất định phải nghĩ đến chúng sanh, nhất là chúng sanh đang mê hoặc, điên đảo, chúng ta dùng phương pháp gì để giúp họ giác ngộ? Hiện thời chúng sanh tham đắm, tham tài, tham sắc, bản thân chúng ta hãy buông những thứ ấy xuống, buông tự tư tự lợi xuống, buông tiếng tăm, lợi dưỡng xuống, rất muốn buông xuống, nhưng buông chẳng được là do nguyên nhân nào? Trong Phật pháp thường nói: “Nghiệp chướng của chính mình quá nặng”, thật đấy, chẳng giả đâu! Nguyên nhân thứ hai là do chưa hiểu rõ chân tướng sự thật! Nghiệp chướng sâu nặng là Phiền Não Chướng, chưa hiểu rõ chân tướng là Sở Tri Chướng, đó là Nhị Chướng. Thích Ca Mâu Ni Phật vì chúng ta thị hiện thân hành, ngôn giáo; thân hành giúp chúng ta phá Phiền Não Chướng, ngôn giáo giúp chúng ta phá Sở Tri Chướng. Ân đức của Phật đối với chúng ta quá lớn, vấn đề là chúng ta phải khéo học, phải biết học, biết học thì quý vị sẽ tiến bộ rất nhanh. Thế nào là biết học? Biết học là quý vị hiểu rõ rồi thật sự làm, đó gọi là “biết”. “Thật sự làm” là gì? Buông xuống là thật sự làm, thấy thấu suốt là hiểu rõ. Chúng ta hãy nghĩ xem Thích Ca Mâu Ni Phật có thứ gì chẳng buông xuống được? Ngài suốt đời nêu gương cho chúng ta, thật sự buông xuống. Quý vị thấy bản thân Ngài có tự tư tự lợi hay chăng? Có thấy tiếng tăm, lợi dưỡng hay chăng? Nơi thân đức Phật có tập khí tham, sân, si, mạn hay không? Còn có hiện tượng tham luyến ngũ dục, lục trần hay chăng? Chúng ta nhìn kỹ lưỡng, hoàn toàn chẳng có! Thuở tại thế, đức Thế Tôn thường ở dưới cội cây, chẳng ở trong nhà. Toàn bộ đều làm cho chúng ta thấy, đắc đại tự tại. Nếu nói theo cách bây giờ, sự tự tại ấy chính là trong tâm chẳng lo nghĩ, chẳng có áp lực tinh thần, thân tâm khỏe mạnh, đắc đại tự tại.

      Điều thứ hai là Hạnh Đại, Hạnh Đại chính là *“nhị lợi thành tựu cố”* (do thành tựu tự lợi và lợi tha), thật sự làm, y giáo tu hành. Nhị lợi là tự lợi và lợi tha, là cùng một chuyện, lợi tha chính là tự lợi, tự lợi chính là lợi tha, quyết định chẳng tách rời! Nay chúng ta chưa làm được, tự và tha tách rời, giới hạn rạch ròi; đấy là nguyên nhân khiến cho chúng ta vĩnh viễn chẳng nhập môn. Nếu chúng ta thật sự biết tự tha bất nhị, sẽ nhập môn chẳng khó! Nay ta tự lợi, nay ta nói cuộc sống của cá nhân ta là tự lợi, ta ăn uống mỗi ngày chỉ nhằm duy trì thân mạng, quần áo nhằm giữ cho ta ấm áp. Đó là tự lợi, chẳng sai! Nhưng vì sao ta cần tới thân thể này? Cần tới thân thể này nhằm phục vụ người khác. Đó là lợi tha, là bất nhị. Vì sao ta hiện thời dũng mãnh học hành khó nhọc ở nơi đây? Ta học thành công, sẽ nêu gương cho kẻ khác nhìn vào, giảng giải những đạo lý và chân tướng sự thật ấy cho kẻ khác nghe, đó là lợi tha, là một, chẳng hai! Nếu sau khi ta học thành công, trong tương lai làm đại pháp sư, trong tương lai sẽ đạt được tiếng tăm, lợi dưỡng trong Phật môn, trật rồi! Như vậy là quý vị đã hoàn toàn đi ngược lại Phật pháp, vì sao? Quý vị có hai, Phật pháp chẳng hai; hãy vĩnh viễn ghi nhớ: Nhập pháp môn Bất Nhị. Ta thấy người khác nay đang chịu khổ mắc nạn, chính mình phải dụng công gấp bội, vì sao? Ta thành tựu sớm một ngày, kẻ ấy sẽ chịu khổ ít hơn một ngày, ta thành tựu chậm một ngày, người ấy phải chịu khổ thêm một ngày! Người khổ nạn đông như thế đang ở trước mặt, đốc thúc quý vị ngay lập tức dụng công, quý vị trông thấy, chẳng thể không phát phẫn, chẳng thể không nghiêm túc. Vì thế, những chúng sanh khổ nạn ấy đang thị hiện trước mặt chúng ta, đốc thúc chúng ta nghiêm túc thật sự tu tập hòng sớm có ngày thành tựu. Quý vị nói xem họ là phàm phu hay là Phật? Chẳng phải là Phật, chẳng phải là phàm phu, tùy thuộc quý vị có cách nhìn như thế nào! Nếu quý vị có cách nhìn giống như Thiện Tài đồng tử, trừ chính mình ra, hết thảy chúng sanh đều là thiện tri thức, đều là thầy của chính mình thì sau khi thành tựu cũng giống hệt như chư Phật, Bồ Tát, thị hiện đủ mọi hình tướng hòng giúp đỡ chúng sanh có căn cơ chín muồi. Ta và người phân chia theo cách nào? Thật sự là chẳng tách rời! Đây là cửa ải đầu tiên để người thật sự học Phật khế nhập cảnh giới của Phật, rất khó đột phá cửa ải này, không có đại nguyện và đại hạnh sẽ rất khó khăn.

      Thứ ba, *“thời đại, kinh tam vô số kiếp cố”* (thời đại, vì trải qua ba vô số kiếp). Kiếp (kalpa) là đơn vị thời gian rất dài, phải trải qua bao nhiêu kiếp? Vô số kiếp, lại còn phải trải qua ba lần vô số kiếp nên đây là một công việc lâu dài, chẳng phải là một khoảng thời gian ngắn ngủi. Chúng ta phải biết: Tu hành trong thế giới này phải trải qua thời gian dài ngần ấy. Chúng ta mong sớm có ngày thành tựu, hòng sớm có ngày giúp đỡ chư Phật Như Lai hóa độ chúng sanh, giống như Văn Thù, Phổ Hiền, Ca Diếp, A Nan. Chúng ta thấy người khác thành Phật, bèn thị hiện làm đệ tử hay làm ngoại hộ của người ấy, khẳng định là như thế, thành tựu đại nghiệp hóa độ chúng sanh của Phật Đà. Phải mong rút ngắn thời gian, phải nghe lời đức Phật khuyến cáo, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, gần gũi A Di Đà Phật, thời gian sẽ được rút ngắn với một mức độ to lớn. Quý vị thấy ở đây là*“trải qua ba vô số kiếp”*, kinh Quán Vô Lượng Thọ nói niệm Phật vãng sanh thế giới Cực Lạc sẽ đạt phẩm vị gì? Hạ phẩm hạ sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, là phẩm vị thấp nhất trong thế giới Cực Lạc, tu hành trong thế giới Cực Lạc, phải tu bao lâu mới viên mãn thành Phật? Trong kinh, đức Phật bảo là mười hai kiếp. Kẻ hạ hạ phẩm vãng sanh về cõi Phàm Thánh Đồng Cư, đến thế giới Cực Lạc, mười hai kiếp sẽ viên mãn, chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Ba vô số kiếp so với mười hai kiếp, thời gian rút ngắn khiến chúng ta chẳng dám tưởng tượng nổi! Thật đấy, chẳng giả đâu! Đức Phật chắc chắn chẳng vọng ngữ, chúng ta phải tin tưởng!

      Do vậy, sau khi hiểu rõ chân tướng sự thật này, nhiều vị cổ đại đức xưa kia đã buông hết những kinh giáo và pháp môn khác xuống, suốt đời hành một môn này. Rất nhiều vị cổ đại đức cả đời niệm một bộ kinh Vô Lượng Thọ, niệm một câu A Di Đà Phật, những vị đó ai nấy đều vãng sanh. Còn nữa, tuyệt đại đa số trong ấy, có thể nói là đến tám hay chín phần trong mười phần, tỷ lệ như vậy đó, ba năm đã làm xong. Căn cứ vào đâu mà chúng ta có con số ấy? Từ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, từ Vãng Sanh Truyện trong Đại Tạng Kinh, quý vị thấy người xuất gia, kẻ tại gia niệm Phật vãng sanh phải niệm bao lâu? Ba năm hoặc năm năm bèn thành công, đã vãng sanh. Chúng ta hiểu rất rõ ràng, nhất định chẳng phải là họ niệm Phật ba năm hoặc năm năm, do đã hết tuổi thọ [nên vãng sanh], chẳng phải vậy! Mà do chính mình công phu đã thành tựu, thỉnh cầu A Di Đà Phật đến tiếp dẫn sớm hơn. Các điều kiện đã hội đủ rồi, đã thực hiện Tín - Nguyện - Hạnh viên mãn, thật sự tin tưởng, thật sự phát nguyện cầu sanh thế giới Cực Lạc, thân cận A Di Đà Phật, ta muốn học hết thảy kinh luận, pháp môn thì đến thế giới Cực Lạc sẽ lại học. Trước tiên, ở thế giới này, chỉ giữ lấy thế giới Cực Lạc, hoàn toàn chẳng quan tâm đến những điều khác. Như thế thì sẽ thành tựu với tốc độ nhanh chóng ngần ấy. Chuyện này là thật, chẳng giả. Ngoài Vãng Sanh Truyện, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục và bút ký của cổ nhân ra, trong một đời này, chúng tôi đã thật sự thấy chuyện này: Người đứng vãng sanh, ngồi vãng sanh, đều là biết trước lúc mất, lâm chung chẳng ngã bệnh, ra đi tự tại và tiêu sái dường ấy, chẳng phải là lừa người. Họ là hạng nhất trong những người học Phật, ngài Kiều Trần Như làm đại biểu, là đệ tử bậc nhất của Như Lai.

      Điều kiện thứ tư là *“đức đại, cụ túc Nhất Thừa chư công đức cố”* (đức đại, do trọn đủ các công đức Nhất Thừa). Nhìn vào bốn điều đại này, đức đại khó lắm! Chúng ta phải như thế nào mới trọn đủ hết thảy công đức Nhất Thừa? Thưa quý vị, thật sự phát Bồ Đề tâm, một bề chuyên niệm, tôi chẳng nói nhất tâm, nhất tâm chẳng dễ gì làm được, mà là nhất hướng (một bề), nhất hướng chuyên niệm quý vị sẽ trọn đủ các công đức Nhất Thừa. Nhất Thừa là một Phật Thừa. Chỉ cần trong tâm quý vị có A Di Đà Phật, sẽ trọn đủ các công đức Nhất Thừa, chẳng phải là Đại Thừa, Đại Thừa chẳng sánh bằng Nhất Thừa, Đại Thừa là Bồ Tát, Nhất Thừa là chư Phật Như Lai. Công đức thù thắng khôn sánh, chẳng khó khăn gì!

      Hiện thời mọi người đều biết, trên quả địa cầu này phát sanh tai nạn. Các khoa học gia thuộc cơ quan vũ trụ và hàng không của Mỹ, đúng ra là các khoa học gia thuộc cơ quan quản trị vũ trụ (NASA) của Mỹ, đã cho biết rất có thể là Ngân Hà sẽ thẳng hàng [[1]](#footnote-2)[[1]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-46.htm#_ftn1), giống như người Mã Nhã (Maya) đã tiên đoán, họ nói vào năm 2012. Các khoa học gia thuộc cơ quan quản trị vũ trụ nói không phải là 2012 mà là 2013, họ cũng cảnh cáo, một cơn bão mặt trời có thể gây tổn hại nghiêm trọng cho địa cầu. Tất cả các thiết bị khoa học rất có thể bị mất điện, toàn thể địa cầu mất điện. Phàm những máy móc dùng điện, như máy bay, tàu thủy trong hiện thời, hệ thống thông tin, vệ tinh truyền thông hoàn toàn chẳng sử dụng được, giống như tòa cao ốc chúng ta đang ở, thang máy chẳng chạy, những đồ dùng bằng điện trong gia đình đều ngưng hoạt động, đèn điện chẳng thắp sáng, điện thoại chẳng hoạt động, mang lại ngần ấy khó khăn cho chúng ta! Tai nạn ấy phỏng chừng mất bao lâu mới có thể khắc phục? Phỏng đoán là phải mười năm mới có thể khôi phục, chuyện này phiền phức rất lớn. Chúng ta ban ngày chẳng nhìn thấy mặt trời, một bầu đen kịt [[2]](#footnote-3)[[2]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-46.htm#_ftn2), họ nói trong khoảng thời gian phỏng chừng từ ba bốn tháng đến nửa năm chẳng thể thấy mặt trời, có thể sẽ gặp tai nạn như vậy. Vì thế, người học Phật chúng ta, tôi thường nói với mấy đồng tu khá gần gũi đôi chút, trong tâm chúng ta chẳng kinh hãi tí nào, chẳng hề hoảng sợ, chúng ta chẳng tham sống, sợ chết, chúng ta phải định kỳ hạn vãng sanh vào lúc nào? Nhằm cuối năm 2012. Nếu chuyện ấy phát sanh thì chúng ta đã đi trước rồi, tai nạn ấy hữu ích cho chúng ta, giúp chúng ta tiến hơn, thúc chúng ta phải nhanh chóng tu hành, kẻo trễ tràng chẳng kịp, lại phải luân hồi. Luân hồi rất khổ, ta chẳng còn luân hồi nữa! Thời gian của chư vị còn dài lắm, sống thọ cả trăm tuổi, [hãy nghĩ] thọ mạng của ta chỉ có hai năm, thời gian đã định rồi, cũng là biết trước lúc mất, triệt để buông xuống, chuyện đáng làm là hãy nhanh chóng tích công lũy đức, chớ nên làm chuyện hồ đồ nữa! Vì thế, tôi dùng thời gian này để cùng mọi người học kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ, hy vọng bộ kinh này có thể lưu truyền hậu thế, tôi tin tưởng [kinh này sẽ] phổ độ các chúng sanh trong hơn tám ngàn năm nữa. Pháp sẽ chẳng bị diệt, chúng sanh quay đầu thì Phật, Bồ Tát bèn đến! Chúng ta liễu giải kinh Vô Lượng Thọ và danh hiệu A Di Đà Phật có công đức chẳng thể nghĩ bàn!

      Chúng ta xem tiếp đoạn dưới, *“thử diệc hàm nhiếp Pháp Hoa chi lục đại”* (điều này cũng bao gồm [giáo nghĩa] sáu đại trong Pháp Hoa), [trong bản chú giải] kinh Pháp Hoa [của Trí Giả đại sư] có nói tới sáu đại. Điều thứ nhất trong sáu đại là *“tín đại pháp”*. Pháp môn này là đại pháp, không có pháp môn nào có thể phổ độ chúng sanh trong chín ngàn năm cuối thời Mạt Pháp của đức Thế Tôn, chỉ có pháp này. Cổ đại đức đã chứng minh cho chúng ta thấy Hoa Nghiêm và Pháp Hoa đến cuối cùng đều quy vào Tịnh Độ, đều quy vào kinh Vô Lượng Thọ, chứng tỏ pháp này là đại pháp, phải tin tưởng, quyết định đừng hoài nghi. [Điều thứ hai là] *“giải đại nghĩa”*, ngày nay chúng ta may mắn dường ấy, suốt hai ngàn năm qua, kinh Vô Lượng Thọ chẳng có một bản hoàn thiện, quý vị đọc các bản dịch gốc cảm thấy rất khó khăn, đâu có bản nào đọc trôi chảy, thông suốt, hoan hỷ, chẳng có chướng ngại như bản này! Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ lại viết lời giảng nghĩa để giảng giải, [đó là] giải đại nghĩa. [Điều thứ ba là] *“phát đại tâm”*, phát đại tâm là thật sự phát tâm cầu sanh Tịnh Độ. [Điều thứ tư là] *“xu đại quả”* (tiến đến đại quả), tức là một phương hướng, một mục tiêu, một bề chuyên niệm, hết thảy thời, hết thảy chỗ, trong tâm thường nghĩ đến A Di Đà Phật, trong tâm thật sự có Phật. [Điều thứ năm và sáu là] *“tu đại hạnh, chứng đại đạo”*, mỗi ngày đọc tụng, niệm Phật chính là tu đại hạnh. Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, cho dù là hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư cũng là chứng đại đạo, vì sao? Mười hai kiếp bèn viên mãn. *“Dĩ cụ thượng thuật chư đại cố, danh vi Đại Đạo Tâm Chúng Sanh”* (do trọn đủ các điều đại như đã nói trên đây, nên gọi là Đại Đạo Tâm Chúng Sanh), giải thích chữ Bồ Tát như vậy đó.

      Tiếp đó, cụ Niệm Tổ giới thiệu Phổ Hiền Bồ Tát (Samantabhadra). *“Phổ Hiền diệc danh Biến Cát”* (Phổ Hiền còn gọi là Biến Cát), Biến (遍) là phổ biến, trọn khắp pháp giới hư không giới; Cát (吉) là cát tường. *“Thanh Lương Sớ vị Phổ Hiền hữu tam”* (Thanh Lương Sớ giảng có ba loại Phổ Hiền), nói đến ba loại, nhưng trên thực tế, Phổ Hiền rất nhiều. Thưa quý vị, người thật sự phát tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, người ấy chính là Phổ Hiền Bồ Tát. Vì sao? Tựa đề của phẩm thứ hai trong kinh này là Đức Tuân Phổ Hiền, chúng ta biết Tây Phương Cực Lạc thế giới là cảnh giới của pháp môn Phổ Hiền, những vị Bồ Tát trong thế giới Cực Lạc đều có thể gọi là Phổ Hiền Bồ Tát. Chúng ta phát nguyện cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn là Phổ Hiền Bồ Tát. Chúng ta chưa tu mười đại nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát, nhưng một câu A Di Đà Phật đã gồm trọn mười đại nguyện, chẳng thể nghĩ bàn. Đức đại, [tức là] đức của Phổ Hiền đại sĩ ở ngay trong một câu danh hiệu này, nói cặn kẽ là trong bộ kinh Vô Lượng Thọ này toàn là nói về đức của Phổ Hiền đại sĩ, tuyệt diệu thay! Chữ *“Thanh Lương”* chỉ bộ Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao, [trong bộ sớ giải kinh] Tứ Thập Hoa Nghiêm [của ngài Thanh Lương] có câu: *“Đệ nhất cá vị tiền, đản phát Phổ Hiền tâm”* (thứ nhất là Vị Tiền, chỉ phát tâm Phổ Hiền). Nay chúng ta phát tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, đó là tâm Phổ Hiền, nay chúng ta là Vị Tiền Phổ Hiền. Thứ hai là *“vị trung”*, tức là đang thuộc vào địa vị này, đó là Đẳng Giác Bồ Tát. Thứ ba là *“vị hậu”*, vị hậu là đã thành Phật, *“thành Phật bất xả nhân hạnh”*, có nghĩa là *“vị thành Phật nhưng bất xả nhân địa đích tu hành”* (ý nói đã thành Phật, vẫn chẳng bỏ sự tu hành trong lúc tu nhân). Thành Phật, đắc quả tức là thành Phật; sau khi thành Phật, vẫn dùng thân phận Bồ Tát để giúp A Di Đà Phật tiếp dẫn chúng sanh trong mười phương cõi nước. Dùng thân phận Bồ Tát vì thân phận Bồ Tát thuận tiện, thân phận Phật chẳng thuận tiện. Phật là sư đạo, sư đạo là tôn sư trọng đạo, chẳng thuận tiện; Bồ Tát là đồng học, [Bồ Tát và chúng sanh sẽ được hóa độ] là đồng học lớp trước và lớp sau, thuận tiện rất nhiều! Vì thế, chư Phật Như Lai giáo hóa chúng sanh, rất ít khi dùng thân phận Phật, mà dùng thân phận Bồ Tát, như ba mươi hai ứng thân đã nói trong Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn Phẩm, nên dùng thân gì để độ kẻ khác bèn thị hiện thân ấy. Thảy đều là Phổ Hiền Bồ Tát.

*“Sớ vị Phổ Hiền chi nghĩa vi: Quả vô bất cùng viết Phổ, bất xả nhân địa viết Hiền”* (Lời sớ giảng ý nghĩa của [danh hiệu] Phổ Hiền: “Quả không gì chẳng cùng tột là Phổ, chẳng bỏ sự tu hành trong lúc tu nhân là Hiền”), tách hai chữ ra để giảng. *“Thử tức Vị Hậu chi Phổ Hiền, thị vi Như Lai chi hóa hiện dã”* (Đấy là Vị Hậu Phổ Hiền, do Như Lai hóa hiện). Hóa Thân của Phật, toàn bộ ba mươi hai ứng thân là Hóa Thân của Phật, dẫu hóa hiện làm Phật, vẫn là Hóa Thân. Thuở tại thế, thân của Thích Ca Mâu Ni Phật là thân gì? Ứng Hóa Thân, chẳng phải là Báo Thân. Chúng ta chẳng thấy Báo Thân, Báo Thân quá lớn. Báo Thân của Phật có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ thấy Báo Thân của A Di Đà Phật, quý vị phải biết: Thấy được Báo Thân của A Di Đà Phật tức là bản thân quý vị đã chứng đắc Báo Thân. Nếu quý vị chẳng chứng đắc Báo Thân, sẽ chẳng thể thấy Báo Thân của Phật. Do vậy, nói chung, thấy Phật trong cõi Đồng Cư thì vẫn là thấy Ứng Hóa Thân, tới khi nào sẽ thấy Báo Thân của Phật? Minh tâm kiến tánh. Cũng chính là như tôi vừa mới nói: Hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, tu hành nơi ấy mười hai kiếp, quý vị chứng đắc Báo Thân; do quý vị đã thành Phật nên trong Tây Phương Cực Lạc thế giới quý vị thấy Báo Thân của A Di Đà Phật. Lúc ấy mới thật sự là A Duy Việt Trí Bồ Tát. Trước lúc đó, A Duy Việt Trí Bồ Tát của quý vị là do bổn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, chẳng phải là quý vị thật sự đạt được, nhưng trí huệ, thần thông, và đạo lực của quý vị chẳng khác A Duy Việt Trí Bồ Tát. Trong thế giới của mười phương chư Phật chẳng có điều tốt đẹp này, chỉ riêng thế giới Cực Lạc là có, quý vị hãy suy nghĩ, có nên sang nơi ấy hay chăng? Không chỉ nên đi, mà còn nên đi ngay cho nhanh. Đừng lưu luyến thế gian này nữa! Lưu luyến thế gian này, nếu chính mình chẳng vững vàng, quý vị chẳng thể nào không tạo nghiệp. Do đó, quý vị phải suy nghĩ cẩn thận về sự khác biệt một trời một vực giữa lẽ lợi - hại, được - mất trong hai chỗ tu hành này, kẻ thông minh phải nên biết chọn lựa như thế nào!

*“Chí ư Hội Sớ vân”* (Còn như sách Hội Sớ nói), Hội Sớ là bản chú giải kinh Vô Lượng Thọ của người Nhật, có những câu như thế này cũng nhằm giải thích [danh hiệu] Phổ Hiền: *“Thể biến pháp giới”* (Thể trọn khắp pháp giới), đó là ý nghĩa Phổ, *“vị lân cực thánh”* (địa vị gần với đấng thánh tột bậc), nên gọi Hiền. Đây cũng là Vị Trung Phổ Hiền, tức Đẳng Giác Bồ Tát. Giảng rõ cho chúng ta biết ý nghĩa của Phổ Hiền Bồ Tát. *“Hội Sớ hựu vân: Năng đạo ngự nhất thiết”* (sách Hội Sớ lại nói: “Có thể hướng dẫn, chế ngự hết thảy”), đạo (導) là dẫn đạo (引導: hướng dẫn), chỉ đạo, ngự (御) là thống ngự (統御: cai quản, kiềm chế), mang ý nghĩa dẫn dắt, lãnh đạo, chữ *“nhất thiết”* chỉ chúng sanh. Đối với chúng sanh thuộc mười pháp giới trong hết thảy các cõi Phật đều có năng lực giúp đỡ, chỉ dạy, dìu dắt chúng sanh. *“Phát thập đại nguyện vương, nguyện Tây Phương vãng sanh, đặc dực tán Di Đà”* (phát ra mười đại nguyện vương, nguyện vãng sanh Tây Phương hòng đặc biệt khen ngợi, giúp đỡ đức Di Đà), giúp đỡ A Di Đà Phật, *“cố ư thử kinh thị vi thượng thủ”* (nên trong kinh này, Ngài là thượng thủ). Trong kinh này, Ngài đứng đầu trong các vị Bồ Tát nhằm biểu thị pháp, chúng ta đọc đến những đoạn này sẽ hiểu: *“Hựu Thám Huyền Ký viết: Đức châu pháp giới viết Phổ, chí thuận điều thiện viết Hiền”* (lại như sách Thám Huyền Ký giảng: “Đức bao trùm pháp giới là Phổ, hiếu thuận, nhu hòa đến cùng cực là Hiền”) [[3]](#footnote-4)[[3]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-46.htm#_ftn3). Thám Huyền Ký là tác phẩm chú giải bộ Lục Thập Hoa Nghiêm của quốc sư Hiền Thủ, [Lục Thập Hoa Nghiêm] là bản dịch [kinh Hoa Nghiêm] đời Tấn. Trong tác phẩm ấy, lão nhân giảng:*“Đức châu pháp giới”*, tánh đức viên mãn là Phổ. *“Chí thuận điều thiện”*, Thuận (順) là gì? Người Trung Quốc nói là hiếu thuận, *“điều”* (調) là điều lý (調理: điều hòa, giữ cho cân bằng), Thiện là Chí Thiện (tốt lành tột bậc), người Hoa nói *“minh đức, thân dân, chỉ ư chí thiện” [[4]](#footnote-5)*[[4]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-46.htm#_ftn4), đó là ý nghĩa của chữ Hiền.

*“Đại Nhật Kinh Sớ nhất viết”* (Đại Nhật Kinh Sớ [[5]](#footnote-6)[[5]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-46.htm#_ftn5) quyển một nói), đây là sách Mật Tông, *“Phổ Hiền Bồ Tát giả, Phổ thị biến nhất thiết xứ, Hiền thị tối diệu thiện nghĩa, vị Bồ Đề tâm sở khởi nguyện hạnh, cập thân khẩu ý, tất giai bình đẳng, biến nhất thiết xứ, thuần nhất diệu thiện, bị cụ chúng đức, cố dĩ vi danh”* (Phổ Hiền Bồ Tát: Phổ là khắp hết thảy các chỗ, Hiền nghĩa là sự lành mầu nhiệm nhất; tức là nguyện hạnh do tâm Bồ Ðề khởi lên và thân, miệng, ý thảy đều bình đẳng, trọn khắp hết thảy các chỗ đều là thuần nhất diệu thiện, đầy đủ các đức. Vì vậy, lấy đó làm tên). Cách giải thích này cũng rất rõ ràng, rành rẽ. Hai chữ Phổ và Hiền đều là tánh đức viên mãn, hết thảy chúng sanh chẳng ai không có, thảy đều có. Nay chúng ta mê mất tự tánh, tánh đức có còn hay không? Vẫn còn, chỉ là ẩn, chẳng hiện. Đã mê thì trí huệ biến thành phiền não, đức hạnh biến thành tạo nghiệp, chúng ta tạo nghiệp thiện, nghiệp ác, đức hạnh biến thành tạo nghiệp, tướng hảo biến thành lục đạo. Cũng có nghĩa là trí huệ và đức tướng trong tự tánh của chúng ta sau khi mê bèn bị biến dạng. Sự biến dạng ấy cũng chẳng thật sự là biến dạng, khi nào chúng ta quay đầu, sự biến dạng ấy cũng sẽ khôi phục bình thường, khôi phục bình thường chính là tánh đức Phổ Hiền. Vì thế, câu kế tiếp [trong sách Chú Giải] rất hay: *“Vị Bồ Đề tâm sở khởi nguyện hạnh”* (tức là nguyện hạnh do tâm Bồ Ðề khởi lên), câu này rất quan trọng, nguyện và hạnh của quý vị phải tương ứng với Bồ Đề tâm. Vì vậy, mười sáu chữ *“chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi”* là quan trọng, trong hết thảy lúc, hết thảy chỗ, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác đều phải tương ứng với chúng, chúng ta sẽ thuộc vào Bồ Đề đạo. Chúng ta dùng tâm gì để niệm Phật? Dùng Bồ Đề tâm để niệm Phật, Bồ Đề tâm sung mãn thân, khẩu, ý của chúng ta, giống như Thích Ca Mâu Ni Phật đã vì chúng ta mà thị hiện thân hành, ngôn giáo, hiển thị Bồ Đề tâm nơi thân tâm của chính mình, dùng tâm chân thành đãi người, tiếp vật, dùng thanh tịnh, bình đẳng, giác, dùng đại từ đại bi, tự tha bất nhị. *“Tất giai bình đẳng, biến nhất thiết xứ”*(thảy đều bình đẳng, trọn khắp hết thảy các chỗ), tín, giải, hành, chứng của chúng ta cũng trọn hết thảy các nơi, một chính là hết thảy, hết thảy chính là một, đấy là cảnh giới Hoa Nghiêm. *“Thuần nhất diệu thiện”*, thuần nhất diệu thiện là nói tổng quát. Vì sao Phật, Bồ Tát pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ? Nếu chúng ta nhập cảnh giới ấy, quý vị nói xem quý vị có hoan hỷ hay không? Giống như chư Phật, Bồ Tát, pháp hỷ sung mãn. *“Bị cụ chúng đức”* (trọn đủ các đức), Bị (備) là chẳng khuyết, những đức năng vốn sẵn có trong tự tánh thảy đều hiện ra. Đó là ý nghĩa của Phổ Hiền.

*“Phổ Hiền, Văn Thù nãi Thích Ca Như Lai chi nhị hiếp sĩ”* (Phổ Hiền và Văn Thù là hai vị hiếp sĩ của Thích Ca Như Lai), *“hiếp sĩ”* (脅士) [[6]](#footnote-7)[[6]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-46.htm#_ftn6) chính là [vị Bồ Tát thân cận ở] hai bên. *“Thị Phật tả hữu”* (hầu hai bên Phật). Phía sau chúng tôi là tượng Tam Tôn Phật, chính giữa là Tỳ Lô Giá Na Như Lai, Tỳ Lô Giá Na là Pháp Thân, Lô Xá Na là Báo Thân, Thích Ca Mâu Ni Phật là ứng thân, tam thân là một thân, một thân là tam thân. Nói theo Thể, Tỳ Lô Giá Na là Pháp Thân; nói theo Dụng, trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm, bèn gọi là Lô Xá Na, tức Báo Thân; ứng hóa trong mười pháp giới là Ứng Thân, Thích Ca Mâu Ni Phật là Ứng Thân. Một tức là ba, ba tức là một, chẳng tách rời! Phía sau chúng tôi, Văn Thù và Phổ Hiền ở hai bên Phật. *“Nãi Thích Tôn hội trung thượng thủ, tại Hoa Nghiêm hội thượng diệc thị thượng thủ. Hựu, Phổ Hiền Bồ Tát vi nhất thiết chư Phật chi trưởng tử”* (là Thượng Thủ trong hội của đức Thích Ca. Trong hội Hoa Nghiêm, họ cũng là Thượng Thủ. Phổ Hiền Bồ Tát còn là con trưởng của hết thảy chư Phật), *“trưởng tử”* là danh hiệu chung. Trong Tứ Thập Hoa Nghiêm Kinh Tứ Thập Tụng có câu: *“Nhất thiết Như Lai hữu trưởng tử, bỉ danh hiệu viết Phổ Hiền tôn”* (Hết thảy Như Lai có trưởng tử, danh hiệu của Ngài là Phổ Hiền). Vì thế, quý vị phải biết, danh hiệu của Bồ Tát chẳng phải là danh xưng chuyên biệt của một người nào. Quý vị học pháp môn này bèn gọi là Phổ Hiền Bồ Tát. Trong kinh Hoa Nghiêm, người học kinh Hoa Nghiêm là Phổ Hiền Bồ Tát, mà cũng là Văn Thù Bồ Tát. Quý vị lý giải, tức là hiểu rõ, lý giải kinh Hoa Nghiêm, sẽ là Văn Thù; quý vị áp dụng những điều đã lý giải vào cuộc sống, thực hiện trong công việc, áp dụng vào sự đãi người, tiếp vật, bèn gọi là Phổ Hiền. Phổ Hiền tượng trưng Hạnh môn, Văn Thù tượng trưng Giải môn, giải hạnh bất nhị, đều là nói theo mặt Dụng. Về Thể thì Tỳ Lô Giá Na tượng trưng bản thể, tượng trưng cho thanh tịnh viên minh thể của tự tánh, đều là biểu thị pháp.

*“Khả kiến Phổ Hiền chánh thị Như Lai Pháp Thân chi sở lưu hiện, hóa tác Đẳng Giác đại sĩ, tương tán Thích Tôn, diễn xướng thánh giáo. Nhược cứ Mật giáo, Phổ Hiền tức thị Mật giáo Sơ Tổ Kim Cang Tát Đỏa. Kim Cang Tát Đỏa tức thị Kim Cang Thủ Bồ Tát Ma Ha Tát”* (có thể thấy Phổ Hiền chính là từ Pháp Thân của Như Lai xuất hiện, hóa thành vị Ðẳng Giác Ðại Sĩ tán trợ Thích Tôn, xướng diễn thánh giáo. Trong Mật giáo, Phổ Hiền chính là Kim Cang Tát Ðỏa, Sơ Tổ của Mật giáo. Kim Cang Tát Ðỏa chính là Kim Cang Thủ Bồ Tát Ma Ha Tát). Ở đây, Ngài được xếp đứng đầu các vị Bồ Tát; trong phần trước, chúng ta thấy tôn giả Ca Diếp biểu thị Thiền Tịnh bất nhị, ở chỗ này, Phổ Hiền Bồ Tát cũng nhằm biểu thị Mật Tông và Tịnh Độ bất nhị. Trong Mật Tông, Phổ Hiền Bồ là Sơ Tổ của Mật Giáo, Mật Tông do Ngài truyền thừa, nhưng trong Mật Tông Ngài được gọi là Kim Cang Tát Đỏa (Vajrasattva) hay Kim Cang Thủ Bồ Tát Ma Ha Tát (Vajrapāni). Tiếp đó, *“Thánh Vô Động Tôn Đại Oai Nộ Vương Bí Mật Đà La Ni Kinh viết: Thử Kim Cang Thủ thị Pháp Thân đại sĩ, thị cố danh Phổ Hiền”* (Thánh Vô Động Tôn Đại Oai Nộ Vương Bí Mật Đà La Ni Kinh chép: “Ông Kim Cang Thủ này là Pháp Thân Ðại Sĩ; vì vậy, tên là Phổ Hiền”), sự biểu thị pháp của Ngài ở đây có ý nghĩa sâu xa, có thể nói là sâu rộng không ngằn mé. *“Hựu Kim Cang Trí chi Ngũ Bí Tát Quyết viết: Kim Cang Tát Đỏa giả, tức thị Phổ Hiền Đại Bồ Tát dị danh dã, diệc danh nhất thiết Như Lai trưởng tử, diệc danh Đại A Xà Lê”* (Sách Ngũ Bí Tát Quyết của ngài Kim Cang Trí cũng ghi: “Kim Cang Tát Ðỏa chính là tên khác của Phổ Hiền Ðại Bồ Tát, Ngài cũng được gọi là con trưởng của hết thảy Như Lai, cũng gọi là Ðại A Xà Lê”). Chúng ta xem mấy câu này, Kim Cang Tát Đỏa chính là biệt danh của Phổ Hiền Bồ Tát, là danh xưng trong Mật Tông. *“Diệc danh Như Lai trưởng tử”* (cũng gọi là con trưởng của Như Lai), đây là danh xưng trong kinh Hoa Nghiêm. *“Diệc danh Đại A Xà Lê”*, Đại A Xà Lê là danh xưng trong Mật Giáo. A Xà Lê (Ācārya) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Quỹ Phạm Sư, [có nghĩa là] tư tưởng và ngôn hạnh của vị ấy có thể làm gương mẫu, khuôn phép cho người tu hành. Bất luận quý vị tu pháp môn nào hay tông phái nào, Phổ Hiền Bồ Tát là gương mẫu chung. Mỗi nguyện trong mười đại nguyện vương đều hàm nhiếp chín nguyện kia; do vậy, mười nguyện biến thành một trăm nguyện, một trăm nguyện ấy nếu lại triển khai sẽ gồm trọn vô lượng vô biên hoằng nguyện của Bồ Tát, chẳng sót một nguyện nào; từ tâm Bồ Đề mà sanh, chân thật, chẳng dối!

*“Lễ kính chư Phật”*, chư Phật là gì? Tự tánh là chư Phật, Thể của hết thảy chúng sanh, nói theo Triết Học là bản thể, Lý Thể có thể sanh, có thể hiện chính là tự tánh. Trong Phật pháp có nói: *“Ngoài tâm chẳng có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm”*. Nói cách khác, tâm và pháp là một, chẳng hai. Tâm đã là Phật, lẽ nào pháp chẳng phải là Phật? Chúng ta bèn hiểu rõ ý nghĩa của *“lễ kính chư Phật”*,lễ kính chư Phật là hết thảy cung kính, như vậy thì mới có thể đoạn sạch sành sanh những tập khí ngạo mạn cực kỳ vi tế từ vô thỉ kiếp đến nay, vì sao? Lễ kính chư Phật thì Lễ là hình thức bề ngoài, Kính là trong tâm. Trong tâm thật sự có ý kính trọng, cung kính hết thảy. Cung kính hết thảy mọi người, như vậy thì đối với hết thảy chư Phật, Bồ Tát chẳng cần phải nói nữa, vì sao? Hết thảy mọi người là vị lai Phật. Cung kính hết thảy động vật, muỗi, trùng, kiến, những loài cựa quậy, bò trườn trong giới động vật, nay chúng ta biết vi khuẩn là động vật nhỏ nhất. Nhìn dưới kính hiển vi, vi khuẩn giống như tiểu trùng, chúng cử động, đó là chư Phật, phải lễ kính chúng. Cây cối, hoa, cỏ cũng do tâm hiện, tâm sanh. Đá, bùn, cát, các khoáng vật cũng do tâm hiện, thức biến, cho đến hư không, chẳng có một pháp nào chẳng phải là tâm hiện, thức biến, toàn là chư Phật. Do vậy, kinh Hoa Nghiêm nói: *“Tình dữ vô tình, đồng viên chủng trí”* (tình và vô tình cùng viên mãn Chủng Trí), *“tình”* là hữu tình chúng sanh, *“vô tình”* là thực vật, khoáng vật, hư không, đại địa như chúng ta thường nói. Trong pháp Đại Thừa, toàn bộ đều do tự tánh hiện, không có thứ gì chẳng phải là tự tánh. Tự tánh ở nơi đâu? Tùy tiện lấy một pháp nào cũng đều là nó, người minh tâm kiến tánh bèn biết [điều này]. Do đó, lễ kính chẳng có ngằn mé, đúng là vật to lớn chẳng ra ngoài, vật nhỏ bé không gì chẳng ở trong, đấy là Tánh Đức của tự tánh, là Tánh Đức viên mãn. Nếu chúng ta muốn kiến tánh, quý vị làm như thế sẽ kiến tánh rất dễ dàng. Quý vị chẳng tu theo cách như vậy, kiến tánh rất khó, vì sao? Quý vị có nghiệp chướng. Nghiệp chướng là gì? Bất kính! Tự tánh của quý vị vốn trọn đủ lễ kính, nay quý vị ngạo mạn đối với kẻ khác, thấy kẻ ấy chẳng vừa mắt, đấy chính là nguyên nhân vì sao quý vị chưa thể kiến tánh! Phổ Hiền Bồ Tát đã nói rõ ràng, đã dạy quý vị rồi, nhưng quý vị chẳng tin tưởng, không chịu y giáo phụng hành, ai thua thiệt? Chính mình bị thiệt thòi, chứ Phổ Hiền Bồ Tát chẳng bị thiệt thòi. Pháp Tánh và Pháp Tướng chẳng bị thiệt thòi, mà chính mình bị thiệt thòi to lớn! Sau khi mê, chưa tỉnh lại, không có cách nào giác ngộ. Nếu muốn giác ngộ, phải khởi đầu bằng lễ kính, Phổ Hiền Bồ Tát dạy như thế đó!

      Thứ hai là *“xưng tán Như Lai”*, thứ ba là *“quảng tu cúng dường”*, quảng tu cúng dường chính là Cộng Sản chủ nghĩa, chính là *“lợi hòa đồng quân”* trong Lục Hòa Kính. Tiếp theo đó là “*sám trừ nghiệp chướng”*. Chưa làm được ba điều trước, sẽ chẳng thể sám trừ hết sạch nghiệp chướng. Sám thế nào cũng chẳng sạch, vẫn còn lưu lại khúc đuôi! Ba điều trước đã làm được, nghiệp chướng sẽ sám trừ sạch sành sanh. Quý vị bèn suy nghĩ, ta đối với hết thảy người, sự, vật, hễ còn có tí xíu tâm chẳng cung kính, đó là nghiệp chướng, ta thấy kẻ khác làm chuyện tốt mà chẳng khen ngợi, nghiệp chướng đấy! Thấy người khác làm chuyện bất hảo bèn rêu rao, đó cũng là nghiệp chướng. Do vậy, khen ngợi là khen ngợi điều thiện, chẳng khen ngợi sự ác. Ta thấy chúng sanh chịu khổ bị nạn, cuộc sống của bản thân ta còn khá, sau khi đã thấy, [nếu chính mình] có nhân duyên để giúp đỡ họ mà chẳng chịu làm, đó là nghiệp chướng! Quý vị làm thế nào để sám trừ nghiệp chướng? Do vậy, ba điều trước có đạo lý rất sâu! Mười đại nguyện ấy, mỗi điều sau sâu hơn điều trước, điều sau có thể bao gồm điều trước, nguyện thứ hai bao gồm nguyện thứ nhất, nguyện thứ nhất chẳng bao gồm nguyện thứ hai, cuối cùng là *“phổ giai hồi hướng”*gồm trọn các điều khác. Nhất định phải hiểu đạo lý này, nhất định phải thật sự làm, thực hiện bằng tâm chân thành của chính mình, như vậy là đúng! *“Tác A Xà Lê”* (làm A Xà Lê), A Xà Lê chính là nêu gương, đúng là *“học làm thầy người, hạnh làm gương cho đời”*, học làm thầy người là ngôn giáo, hạnh làm khuôn mẫu cho đời, đó là thân hành, phải thật sự làm mới được.

*“Kim thử kinh trung, Phổ Hiền đại sĩ, liệt tối thượng thủ, chánh hiển Mật Tịnh bất nhị”* (Nay trong kinh này, Phổ Hiền Ðại Sĩ được kể tên là bậc Thượng Thủ cao nhất, chính là để hiển thị Mật, Tịnh bất nhị), ý nghĩa này hay lắm, nói thật hay! *“Cố tiên sư Hạ lão vân”* (Vì vậy, tiên sư là Hạ lão cư sĩ nói), tức là lão cư sĩ Hạ Liên Cư, *“Tịnh Độ tức thị Mật giáo hiển thuyết”* (Tịnh Ðộ chính là hiển thuyết của Mật giáo), câu này nghĩa là gì? Khuyên kẻ học Mật hãy trở về Tịnh Độ. Vì sao? Mật chẳng dễ gì thành tựu! Cụ Hoàng Niệm Tổ bảo tôi, nước Trung Hoa mới [[7]](#footnote-8)[[7]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-46.htm#_ftn7) thành lập đã nhiều năm như thế, nhưng tu Mật Tông chỉ có sáu người thành tựu. Lão nhân gia kể cho tôi biết chuyện này, quá khó khăn! Tu Thiền Tông, theo lão pháp sư Đàm Hư cho biết, Ngài nói suốt đời Ngài chưa thấy một ai tham Thiền khai ngộ, chưa hề thấy, mà cũng chưa hề nghe nói đến, đắc Thiền Định thì có, như lão hòa thượng Hư Vân đắc Thiền Định, nhưng chẳng khai ngộ, quý vị bèn biết Thiền khó lắm! Ở đây, tôn giả Ca Diếp biểu thị pháp “Thiền Tịnh bất nhị”. Nếu quý vị mong thật sự thành tựu, hãy tu Tịnh Độ, Thiền có thể tu kèm, *“có Thiền, có Tịnh Độ”.* Câu ấy nói rõ chẳng thể thành tựu nơi Thiền, bèn có thể thành tựu nơi Tịnh. Học Mật cũng giống như vậy, ở đây, Phổ Hiền Bồ Tát biểu thị pháp, chẳng thể thành tựu nơi Mật thì thành tựu bằng Tịnh. Lão cư sĩ Hạ Liên Cư cũng học Thiền và Mật, cuối cùng niệm Phật vãng sanh thế giới Cực Lạc. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ cũng học Thiền và Mật, cụ học Thiền với lão hòa thượng Hư Vân, học Mật với Cống Cát lão nhân [[8]](#footnote-9)[[8]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-46.htm#_ftn8), cụ cũng tu Tịnh Độ. Cuối cùng, trong lúc ngã bệnh, cụ bảo tôi: Mỗi ngày niệm Phật mười bốn vạn câu, ngày đêm chẳng giải đãi, niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ. Những vị ấy đều là đại thiện tri thức, đã nêu gương cho chúng ta trong thời kỳ Mạt Pháp này! Vì sao [các Ngài] thị hiện những chuyện như thế? Đấy là lòng từ bi vô tận, dạy chúng ta đừng đi theo đường vòng, các Ngài đã đi đường vòng cho chúng ta thấy, cuối cùng các Ngài đều trở về Tịnh Độ, đạt được thành tựu. Chúng ta còn phải học Thiền hay học Mật nữa hay chăng? Chẳng cần! Chúng ta trực tiếp tu Tịnh Độ là được rồi, theo đường thẳng, không đi loanh quanh, biểu thị ý nghĩa ấy. *“Tạng Mật Hồng giáo tổ sư Liên Hoa Sanh Đại Sĩ, tức A Di Đà Phật chi hóa thân Phật, cố Hồng giáo tôn sùng Di Đà, khuyến sanh Cực Lạc, viễn thịnh ư kỳ tha giáo phái. Mật Tịnh bất nhị chi chỉ, ư bổn giải trung tạm bất tường luận”* (tổ sư Liên Hoa Sanh Ðại Sĩ (Padmasambhava) của Hồng giáo [[9]](#footnote-10)[[9]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-46.htm#_ftn9) Mật tông Tây Tạng chính là hóa thân của A Di Ðà Phật. Vì vậy, Hồng giáo tôn sùng A Di Ðà Phật, sốt sắng khuyên sanh về Cực Lạc hơn các tông phái khác. Trong bản giải thích kinh này, tạm chẳng bàn luận chi tiết về yếu chỉ “Mật, Tịnh bất nhị”). Sự thị hiện này, đặc biệt là một chiêu cuối cùng của Niệm công lão nhân (cụ Hoàng Niệm Tổ) nhằm bảo chúng ta, hãy chuyên niệm A Di Đà Phật, nhất tâm cầu sanh Tịnh Độ bèn thành công.

      Chúng ta lại xem đoạn kế tiếp, *“Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát”. “Văn Thù Sư Lợi*, *diệc vân Mạn Thù Thất Lợi”*(Văn Thù Sư Lợi còn gọi là Mạn Thù Thất Lợi), đây là dịch âm tiếng Phạn, cách dịch khác nhau, âm thanh cũng chẳng sai khác mấy, cũng rất gần gũi, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Diệu Thủ, hoặc còn dịch là Diệu Cát Tường, *“diệc vân Diệu Đức, thị chư Phật chi sư”* (còn dịch là Diệu Đức, Ngài là thầy của chư Phật). Trong kinh có nói Ngài là thầy của bảy vị Phật quá khứ. Quý vị thấy bảy người học trò đều đã thành Phật mà lão nhân gia vẫn thuộc địa vị Bồ Tát, giúp người khác thành tựu Vô Thượng Bồ Đề, nêu gương cho chúng ta thấy. *“Phóng Bát kinh viết: Kim ngã đắc Phật, giai thị Văn Thù Sư Lợi chi ân dã. Quá khứ vô ương số chư Phật, giai thị Văn Thù Sư Lợi đệ tử. Đương lai giả diệc thị kỳ oai thần lực sở trí. Thí như thế gian tiểu nhi hữu phụ mẫu”* (Kinh Phóng Bát chép: “Nay tôi được thành Phật đều do ơn của Văn Thù Sư Lợi. Quá khứ vô ương số chư Phật đều là đệ tử của Văn Thù Sư Lợi. Các vị [Phật trong] tương lai cũng cậy vào sức oai thần của Ngài mà thành. Ví như trẻ nít trong cõi đời có cha mẹ”). Những người nương cậy Bồ Tát, bao nhiêu Bồ Tát trong quá trình tu hành đều được Văn Thù Bồ Tát chiếu cố. Trên thực tế, Văn Thù Bồ Tát cũng đã thành Phật trong kiếp số lâu xa, nhưng luôn dùng thân phận Bồ Tát, tuy đã thành Phật, nhưng giống như Phổ Hiền Bồ Tát, đã thành Phật vẫn chẳng bỏ nhân địa. Chúng ta thấy kinh chỉ nói Ngài là thầy của bảy vị Phật, ở đây, chúng ta thấy, *“quá khứ vô ương số chư Phật đều là đệ tử của Văn Thù Sư Lợi”*, trong kinh đức Phật đã dạy điều này! “*Văn Thù giả, Phật đạo trung phụ mẫu dã”* (Văn Thù là cha mẹ trong Phật đạo), trong Phật đạo và trong Bồ Tát đạo, Ngài giống như cha mẹ, chiếu cố những kẻ tu hành phát tâm học đạo.

*“Tâm Địa Quán Kinh viết: - Tam thế giác mẫu Diệu Cát Tường”* (Kinh Tâm Ðịa Quán nói: “Mẹ giác ngộ của ba đời là Diệu Cát Tường”), Diệu Cát Tường là Văn Thù Sư Lợi. *“Tam thế giác mẫu”*, Giác là Phật, [tam thế giác mẫu] là mẹ của ba đời chư Phật. *“Hựu Diệu Đức giả, Pháp Hoa Gia Tường Sớ nhị”* (Lại nữa, Diệu Đức, theo quyển hai trong tác phẩm sớ giải kinh Pháp Hoa của ngài Gia Tường), *“nhị”* là quyển thứ hai, *“viết: Văn Thù, thử vân Diệu Đức”*(nói: “Văn Thù, cõi này dịch là Diệu Đức”), Văn Thù là dịch âm tiếng Phạn, Văn Thù Sư Lợi dịch sang tiếng Hán là Diệu Đức hay Diệu Cát Tường. *“Dĩ liễu liễu kiến Phật Tánh cố, đức vô bất viên, quả vô bất tận, xưng Diệu Đức dã”* (do thấy rõ ràng Phật Tánh, đức không gì chẳng viên mãn, quả không gì chẳng cùng tột, nên xưng là Diệu Ðức). Vì sao dịch là Diệu Đức? Đức đã trọn vẹn, quả đã chứng đến địa vị cùng tột, *“quả vô bất tận”* là đã chứng đến địa vị cùng tột, cũng tức là công đức viên mãn, nên gọi là Diệu Đức. *“Hội Sớ viết: Cụ tam đức bí tạng, thần hóa bất tư nghị, cố danh Diệu Đức”* (Hội Sớ chép: “Trọn đủ ba đức bí tạng, thần thông và giáo hóa chẳng thể nghĩ bàn, nên gọi là Diệu Đức”). Trong kinh Đại Thừa thường nói đến tam đức bí tạng, Pháp Thân, Bát Nhã, và Giải Thoát được gọi là Tam Đức. *“Cụ”* (具) là đầy đủ, đây là nói đến sự chứng đắc. Chứng đắc tam đức bí tạng là Pháp Thân Bồ Tát. Trong tam đức bí tạng, A La Hán chỉ có một đức là giải thoát, A La Hán vẫn chưa có Bát Nhã và Pháp Thân, giải thoát [của A La Hán] thường nói là giải thoát một nửa, giải thoát chẳng viên mãn. Quyền Giáo Bồ Tát cũng chưa chứng đắc Bát Nhã và Pháp Thân, Pháp Thân Bồ Tát mới chứng đắc, người Trung Quốc thường nói là “minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật”, đấy là chứng đắc, kiến tánh thành Phật là chứng đắc. Theo kinh Hoa Nghiêm, Sơ Trụ trong Viên Giáo đã chứng đắc [tam đức bí tạng], nhưng chẳng thể nói là viên mãn. Vì sao? Các Ngài chưa đoạn tập khí, tập khí vô thỉ vô minh vẫn còn. Trong phần trước, tôi đã nói, phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp mới đoạn hết tập khí, đoạn hết tập khí bèn trở về tự tánh viên mãn, đó là Thường Tịch Quang Tịnh Độ. Vì vậy, Ngài trọn đủ tam đức bí tạng, cũng tức là đã thật sự chứng quả từ lâu, nhưng chẳng bỏ hạnh đã tu nơi nhân địa, giống như Phổ Hiền. Vì thế, nói Ngài là thầy của chư Phật, thần hóa chẳng thể nghĩ bàn, [tức là] thần thông và giáo hóa chẳng thể nghĩ bàn, cho nên gọi là Diệu Đức.

*“Diệu Cát Tường giả, Viên Trung Sao viết: - Vi diệu tam đức, đồng Phật sở chứng, cố diệc vân Diệu Cát Tường. Hoặc nghiệp khổ tam, hữu thiểu phần tại, giai vị cát tường”* (Diệu Cát Tường: Sách Viên Trung Sao giảng: “Chứng ba đức vi diệu giống như Phật nên cũng gọi là Diệu Cát Tường. Ba thứ Hoặc, Nghiệp, Khổ nếu còn có chút phần đều chẳng phải là Cát Tường”). Chúng ta phải ghi nhớ câu này, Hoặc là mê hoặc, Nghiệp là tạo nghiệp, Khổ là chịu báo, đó là gì? Là những thứ trong lục đạo luân hồi. Mê hoặc, tạo nghiệp, chịu báo, ba chuyện này hễ còn chút phần, đều chẳng thể gọi là Cát Tường. Trong quá khứ, người thế gian chúng ta khen ngợi người khác bèn nói “cát tường”, thật ra là lời lẽ khen ngợi hữu danh vô thực! Tiêu chuẩn Cát Tường theo nhà Phật có mức độ thấp nhất là A La Hán, vì sao? A La Hán đã đoạn hết Hoặc, Nghiệp, Khổ, đã đoạn xong, vượt thoát lục đạo luân hồi, đối với bốn thánh pháp giới được gọi là Cát Tường, nhưng chưa thể thêm vào chữ Diệu! Diệu là Pháp Thân Bồ Tát thì mới có thể xưng là Diệu Cát Tường. *“Vi diệu tam đức, đồng Phật sở chứng”* (chứng ba đức vi diệu giống như Phật), này là Diệu Cát Tường. *“Vị cư cứu cánh, tam đức viên chương, cố hựu hiệu Diệu Cát Tường dã”* (Địa vị đạt đến rốt ráo, ba đức hiển lộ trọn vẹn, nên lại có hiệu là Diệu Cát Tường). Quý vị thấy địa vị đạt đến rốt ráo. Đạt đến rốt ráo là Diệu Giác, chẳng phải là Đẳng Giác, Ngài thị hiện thân phận Đẳng Giác, Đẳng Giác là Ngài thả chiếc bè Từ, chứ thật ra Ngài đã thành Phật từ rất lâu rồi! *“Văn Thù ư Bồ Tát chúng trung, trí huệ đệ nhất, bổn vi Long Chủng Tôn Vương Như Lai”* (Trong các vị Bồ Tát, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát là bậc trí huệ bậc nhất. Ngài vốn là Long Chủng Tôn Vương Như Lai), Ngài đã thành Phật xưa kia, đấy là Phật hiệu của Ngài. *“Hiện tại Bắc phương Thường Hỷ quốc thành Phật, hiệu Bảo Tích Như Lai”* (hiện tại Ngài thành Phật trong cõi Thường Hỷ thuộc phương Bắc, hiệu là Bảo Tích Như Lai), nguyên lai Bảo Tích Như Lai cũng là Ngài. Theo như kinh Đại Bảo Tích đã nói, [Bảo Tích Như Lai] vốn vẫn là Ngài. *“Vị lai thành Phật, hiệu Phổ Kiến Như Lai”* (trong tương lai thành Phật, hiệu là Phổ Kiến Như Lai), trong tương lai, Ngài lại thị hiện thành Phật, đắc đại tự tại.

      Ở đây, đã thấu lộ cho chúng ta một tin tức, tin tức gì vậy? Đoạn hết tập khí vô thỉ vô minh, cõi Thật Báo Trang Nghiêm cũng không có, đúng là *“phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng”*, cõi Thật Báo cũng chẳng thật, chỉ có Thường Tịch Quang là thật. Có người hỏi, trong Thường Tịch Quang, ta có khởi tác dụng hay chăng? Quý vị đọc đến đây, [sẽ thấy] có khởi tác dụng. Trong Thường Tịch Quang, khi nào chúng sanh hữu duyên có cảm, Ngài sẽ ứng, “ứng” ở đây là có thể thật sự hiện thân Phật, xuất hiện. Văn Thù Bồ Tát là một thí dụ, Ngài chẳng cần phải thị hiện tám tướng thành đạo, có thể thị hiện quả vị rốt ráo để xuất hiện. Đấy chính là “có cảm”, nói chung là người nào cảm? Pháp Thân Bồ Tát hễ có cảm bèn ứng. *“Cố tri Văn Thù đại sĩ nãi quá hiện vị tam thế thành Phật giả, kim thị hiện hội trung, đại trí độc tôn, biểu thử pháp môn duy đại trí phương năng tín nhập”* (Do vậy biết: Ðại Sĩ Văn Thù thành Phật trong ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai. Nay Ngài thị hiện làm bậc đại trí độc tôn trong hội này, biểu thị chỉ có người đại trí mới có thể tín nhập pháp môn này). Thật vậy! Chẳng phải là bậc đại trí, đại thiện căn, đại phước đức thật sự sẽ chẳng thể ngay lập tức tiếp nhận pháp môn này. *“Hựu Diệu Đức giả, liễu liễu kiến Phật tánh cố, kim lân Phổ Hiền vị liệt thượng thủ, chánh biểu Thiền Tịnh bất nhị”* (Hơn nữa, Diệu Ðức là thấy rành rẽ Phật tánh nên kinh văn đặt Ngài làm Thượng Thủ tiếp ngay theo Phổ Hiền chính là để biểu thị ý chỉ “Thiền, Tịnh bất nhị”). Vì Văn Thù Bồ Tát cũng là tổ sư của Thiền Tông, nên núi Ngũ Đài cũng là đại bản doanh, là tổ đình của Thiền Tông. Ở đây, chúng ta thấy ý nghĩa biểu thị pháp của Văn Thù và Phổ Hiền.

      Tôi giảng kinh Hoa Nghiêm kinh được một nửa, nghĩ Văn Thù và Phổ Hiền tu pháp nào? Do thuở ấy, tôi chưa có tín tâm đối với Tịnh Độ, nhưng cũng chẳng hoài nghi, cũng chẳng phản đối, không muốn tu Tịnh Độ, vẫn là muốn học Giáo. Kết quả là lật xem phần sau kinh Hoa Nghiêm, đều thấy [các vị Bồ Tát] phát nguyện cầu sanh về Tịnh Độ. Lại đọc phần năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử, đúng là đều dạy thâm nhập một môn, huân tu lâu dài. Tuy tham phỏng mỗi vị thiện tri thức, đến cuối cùng đều là lễ từ, tức là *“luyến đức lễ từ”*, cảm ơn đại đức đã giáo huấn. *“Lễ từ”*: [Lễ] là lễ tạ, Từ là chẳng học pháp môn ấy, Ngài vẫn là một câu Di Đà niệm tới cùng, từ đầu tới cuối chẳng thay đổi pháp môn. Lúc ấy, tôi mới nghiêm túc xem xét chỗ vi diệu của Tịnh Tông, như vậy rồi mới tiếp nhận. Vì thế, rất khó khăn, Hoa Nghiêm, Pháp Hoa và Lăng Nghiêm đã dẫn tôi về Tịnh Độ. Hôm nay thời gian đã hết rồi, chúng ta học tới chỗ này.

# Tập 92

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giảo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

      Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm lẻ sáu, xem từ dòng thứ tám, cũng là đoạn thứ hai.

*“Di Lặc Bồ Tát, cập Hiền kiếp trung nhất thiết Bồ Tát, giai lai tập hội”* (Di Lặc Bồ Tát và hết thảy Bồ Tát trong Hiền kiếp đều đến nhóm hội). Đối với câu kinh văn này, trong Chú Giải, cụ Niệm Tổ đã giới thiệu, Di Lặc (Maitreya) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Từ Thị, tức là từ bi. *“Bồ Tát chi tánh dã, danh A Dật Đa”* (là họ của Bồ Tát, Ngài tên là A Dật Đa). A Dật Đa (Ajita) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Vô Năng Thắng (không ai có thể trỗi hơn được), có nghĩa là thù thắng khôn sánh. *“Cụ túc tắc vi Từ Thị Vô Năng Thắng”* (nói đầy đủ là Từ Thị Vô Năng Thắng), cũng có nghĩa là trong các vị Bồ Tát, Di Lặc Bồ Tát từ bi nhất. Trên thực tế, Phật Phật đạo đồng, chư Phật Như Lai, Pháp Thân Bồ Tát chẳng hề bất bình đẳng. Trí huệ, đức năng, và tướng hảo đều bình đẳng. Những danh hiệu như vậy trong kinh điển không gì chẳng nhằm thể hiện ý nghĩa biểu thị pháp, pháp môn nào sẽ dùng vị Bồ Tát nào làm đại diện, mang ý nghĩa biểu thị pháp. Di Lặc đặc biệt biểu thị lòng từ bi thù thắng, như Văn Thù tượng trưng trí huệ thù thắng, Phổ Hiền tượng trưng sự thực hành thù thắng, Địa Tạng tượng trưng “hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy” thù thắng. Thật ra, đều là bình đẳng, chúng ta phải hiểu điều này! Hiện thân, làm việc, ngôn ngữ, danh hiệu trong Phật pháp, không gì chẳng nhằm biểu thị pháp. Nói cách khác, hết thảy đều là phương tiện dạy học, mục đích là không gì chẳng khiến cho hết thảy chúng sanh thấy hình tượng Bồ Tát, đó là thân hành, nghe Bồ Tát giáo huấn, có thể đạt giác ngộ, trở về tự tánh, đấy là mục tiêu chung cực trong học tập Phật pháp.

      Tiếp đó, cụ Hoàng dẫn chứng: *“Di Đà Sớ Sao vân”* (sách Di Đà Sớ Sao viết). Sớ Sao do Liên Trì đại sư soạn, trong Sớ Sao có một đoạn như vậy, những điều được nói trong đoạn ấy đều là những điều được nói trong kinh điển. *“Dĩ tại mẫu thai trung, tức hữu từ tâm, cố dĩ danh tộc”* (Do khi Ngài còn trong thai, mẹ liền có tâm Từ, nên lấy đó làm họ): Khi mẹ có thai Ngài, tâm từ bi vô cùng rõ rệt; vì thế, bộ tộc của Ngài lấy tên là Di Lặc. Di Lặc là họ của Ngài, dòng họ là bộ tộc, tại cổ đại Ấn Độ là như vậy, mà ở Trung Quốc cũng là như thế. Trung Quốc cổ đại thường lấy dòng họ làm danh xưng của bộ tộc. *“Hựu quá khứ sanh trung, ngộ Đại Từ Như Lai, nguyện đồng thử hiệu, tức đắc Từ Tâm tam-muội”* (Lại nữa, trong đời quá khứ, gặp Đại Từ Như Lai, nguyện có cùng danh hiệu ấy, liền đắc Từ Tâm tam-muội). Trong kiếp trước lâu xa, Bồ Tát gặp Phật nghe pháp, gặp được một vị Phật có hiệu là Đại Từ Như Lai, Ngài làm đệ tử của Đại Từ Như Lai, phát nguyện đời đời kiếp kiếp mong có cùng danh hiệu với thầy. Danh và thực nhất định tương xứng, danh hiệu giống nhau, trí huệ, đức năng, hành trì nhất định chẳng khác thầy, đó là *“thầy trò đạo hợp”*, là truyền nhân của thầy. Do phát nguyện ấy bèn đắc Từ Tâm tam-muội. Tam, đúng mực, còn dịch là Chánh Định, tâm đã định, định trong đại từ đạ-muội (Samādhi) là tiếng Ấn Độ, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Chánh Thọ, tức sự hưởng thụ chánh đáng, còn dịch là Chánh Định, tâm đã định rồi, định trong đại từ đại bi.

*“Hựu tích vi Bà La Môn, hiệu Nhất Thiết Trí, ư bát thiên tuế, tu tập Từ hạnh”* (Xưa kia, Ngài lại là Bà La Môn có hiệu là Nhất Thiết Trí, tu tập hạnh Từ trong tám ngàn năm). Trong đoạn này nói đến rất nhiều thời đại, đấy cũng là sự tích tu hành của Di Lặc Bồ Tát trong đời quá khứ. Lại nữa, trong thời đại ấy, Ngài từng hiện thân làm Bà La Môn. Bà La Môn giáo của cổ Ấn Độ là một tôn giáo vô cùng xa xưa, lịch sử đã lâu đời, hậu thân của tôn giáo này chính là Hưng Đô Giáo (Hinduism) trong hiện tại, người Hoa gọi tôn giáo ấy là Ấn Độ giáo. Nghe nói tôn giáo ấy có hơn một vạn năm lịch sử, chúng ta có thể tin tưởng lời này, người Ấn Độ không coi trọng lịch sử cho lắm, họ chú trọng tu Định, khai ngộ. Điều này cũng có lý, tu Định, khai ngộ là thật; trừ chuyện này ra, như đức Phật đã dạy trong kinh: *“Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng”*, *“hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng”*, những điều này đều là sự thật. Hiện thời, trên thế giới thừa nhận Ấn Độ giáo có lịch sử tối thiểu là tám ngàn năm trăm năm, họ nói Phật giáo chỉ có hơn hai ngàn năm trăm năm lịch sử. Nói như vậy, tối thiểu Ấn Độ giáo lâu hơn Phật giáo năm ngàn năm, thật sự là một tôn giáo cổ xưa. Bà La Môn giáo coi trọng tu Định, trong kinh điển, đức Phật thường nhắc tới Tứ Thiền Bát Định, những món Thiền Định ấy do Bà La Môn giáo của cổ Ấn Độ đề xướng. Thuở đó, ở Ấn Độ, tất cả các tôn giáo, kể cả các học phái đều coi trọng tu Thiền Định. Trong Định có thể đột phá các chiều không gian, có thể thấy quá khứ, mà cũng có thể thấy tương lai. Họ có năng lực thấy trạng huống trong toàn thể lục đạo, học thuyết lục đạo luân hồi do họ đề ra, đó là cảnh giới do họ đích thân chứng nghiệm trong Định. Nói theo hiện thời, điều này cũng thuộc về Triết Học và Khoa Học, bất quá họ chẳng dùng máy móc khoa học, mà dùng công phu Thiền Định để hoàn toàn thấy được, hoàn toàn thông đạt, hiểu rõ! Đây là giới thiệu đơn giản về Bà La Môn giáo.

      [Thuở ấy], Di Lặc Bồ Tát tu hành trong đạo Bà La Môn rất có thành tựu, phải thuộc vào hàng đại sư, nên có hiệu là Nhất Thiết Trí. Trong tám ngàn năm, Ngài thường tu hạnh Từ. Tám ngàn năm là thời gian, niên đại được nói ở đây cũng là niên đại trên địa cầu, Ngài tu đại từ đại bi. Chữ *“hựu”* (lại nữa) tiếp đó nhằm nói đến một thời đại nữa, tức là một thời đại khác, chỉ rõ Bồ Tát tu từ bi không chỉ một đời, một kiếp, mà là đời đời kiếp kiếp, vĩnh viễn tiếp tục không ngừng! Vì thế, ngày nay chúng ta vẫn lấy Di Lặc Bồ Tát tượng trưng cho lòng từ bi trong Đại Thừa Phật pháp. Tiếp đó, nói *“Phất Sa Phật thời”* (thời Phất Sa Phật), đây là danh hiệu của một vị cổ Phật, *“dữ Thích Ca Như Lai đồng phát Bồ Đề tâm, thường tập Từ Định”* (cùng phát tâm Bồ Đề với Thích Ca Như Lai, thường tu tập Từ Định). Trong đời ấy, Ngài là bạn học của Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Phật, đều là học trò của Phất Sa Phật, cùng tu học có thành tựu, Di Lặc và Thích Ca đều mang thân phận Bồ Tát. Tiếp đó, sách Sớ Sao lại nêu ra: *“Tư Ích Kinh vân: Chúng sanh kiến giả, tức đắc Từ Tâm tam-muội”* (Kinh Tư Ích chép: “Chúng sanh trông thấy liền đắc Từ Tâm tam-muội”). Hết thảy chúng sanh trông thấy Bồ Tát, tâm từ bi đều sanh khởi. Do vậy, tại Trung Quốc, các vị tổ sư đại đức thờ Di Lặc Bồ Tát ngay tại cửa chùa. Chùa miếu được xây dựng theo lối chánh quy, bước vào đầu tiên là sơn môn, tức là Thiên Vương Điện. Tứ Đại Thiên Vương là thần hộ pháp trong Phật môn. Tứ Đại Thiên Vương được bày hai bên, chính giữa thờ Di Lặc Bồ Tát, nhưng Di Lặc Bồ Tát được tạc tượng khác với Ấn Độ. Tại Ấn Độ, Di Lặc Bồ Tát [được tạc tượng] rất giống Quán Thế Âm, Đại Thế Chí; ở Trung Quốc thờ tượng Bố Đại hòa thượng.

      Trong lịch sử, thật sự có một vị Bố Đại hòa thượng, trong Cao Tăng Truyện có chép truyện ký của Ngài. Ngài sanh nhằm thời đại Tống Cao Tông (1107-1187) nhà Nam Tống. Rất nhiều đồng học biết trong lịch sử Trung Quốc có danh nhân Nhạc Phi, tinh trung báo quốc. Bố Đại hòa thượng cùng thời với Nhạc Phi, xuất hiện tại huyện Phụng Hóa, tỉnh Chiết Giang. Tuy truyện ký ghi chép rất tỉ mỉ, vẫn chẳng biết dòng họ và lai lịch của Ngài. Rốt cuộc, Ngài là người nơi nào, không biết, tên họ gì cũng không biết, thậm chí đối với pháp danh xuất gia của Ngài cũng không biết, chẳng ai biết! Người ta gọi Ngài là Bố Đại hòa thượng (hòa thượng túi vải) do Ngài hằng ngày cầm một cái túi to đi khắp nơi hóa duyên, người ta cúng dường thứ gì Ngài đều bỏ vào túi. Mỗi ngày gặp người khác đều thật sự hoan hỷ, mặt tràn đầy vẻ tươi cười, người cũng rất mập mạp. Vì thế, tạo tượng Di Lặc Bồ Tát đều là tạo hình tượng của Bố Đại hòa thượng. Theo truyền thuyết, khi vãng sanh, Ngài bảo người khác Ngài là Di Lặc Bồ Tát thị hiện. Nói xong bèn tịch, chẳng sanh bệnh, nói ra thân phận bèn ngồi xếp bằng vãng sanh. Vào thời cổ có chuyện như thế, là thật. Phật, Bồ Tát thị hiện trong nhân gian chúng ta, hễ thân phận bộc lộ bèn tịch, chẳng thể lưu lại trong nhân gian nữa. Nếu bộc lộ thân phận mà vẫn không tịch, vẫn sống trong nhân gian, tức là giả trất, chẳng thật! Các đồng học học Phật chúng ta phải hiểu điều này, sẽ chẳng bị kẻ khác lường gạt! Kẻ đó nói hắn là Bồ Tát hay Phật sống nào đó tái lai, nói xong vẫn chẳng tịch, vậy thì mục đích của hắn là gì ta có thể đoán ra được, vẫn là tham cầu tiếng tăm, lợi dưỡng. Nói rồi bèn tịch thì là thật, chẳng giả tí nào! Do vậy, từ đó trở đi, người Hoa đặt tượng lão nhân gia ở ngay sơn môn, khiến cho hết thảy chúng sanh hễ bước vào sơn môn sẽ thấy vị đầu tiên là Ngài. Vì sao? Đấy là như kinh đã dạy: *“Chúng sanh kiến giả, tức đắc Từ Tâm tam-muội”* (chúng sanh trông thấy liền đắc Từ Tâm tam-muội), biểu thị pháp ấy, khiến cho hết thảy chúng sanh hễ bước vào cửa Phật, thấy Ngài đầu tiên, tâm từ bi sẽ sanh khởi. Quý vị thấy Bồ Tát hoan hỷ dường ấy, vẻ mặt tràn đầy vẻ tươi cười, bụng to đùng, tượng trưng điều gì? Có thể bao dung. Chớ nên so đo với bất cứ ai, mà có thể bao dung, có thể rộng lòng tha thứ, có thể xử sự, đãi người, tiếp vật bằng đại từ đại bi, biểu thị những ý nghĩa này. Do vậy, đây là giáo dục, là lên lớp.

      Đã nói tới Thiên Vương Điện, chúng tôi cũng tiện dịp giới thiệu đôi chút về ý nghĩa biểu pháp của Tứ Đại Thiên Vương. Họ hộ trì Phật pháp, chớ nên không biết họ hộ trì chúng ta ra sao! Họ hộ trì bằng cách chỉ dạy chúng ta hộ trì chính mình như thế nào, tức là hộ trì thân tâm của chính mình. Có thể hộ trì thân tâm của chính mình, hạng người như thế được gọi là “biết yêu thương chính mình”. Yêu mình thì có thể yêu người; chẳng yêu thương chính mình, làm sao có thể yêu thương người khác, há có lẽ ấy? Tứ Đại Thiên Vương tượng trưng cho sự yêu thương chính mình, họ được chia thành bốn vị thiên vương Đông, Nam, Tây, Bắc:

      1) Đông Phương Thiên Vương có danh hiệu là Trì Quốc (Hộ Quốc thiên vương, Dhrtarāstra, Đề Đầu Lại Tra). Ý nghĩa Hộ Quốc được mở rộng thành hộ trì chính mình, hộ trì gia đình, hộ trì dòng họ, hộ trì láng giềng làng xóm, hộ trì xã hội, hộ trì quốc gia, hộ trì dân tộc, hộ trì toàn thể thế giới, quý vị phải hiểu ý nghĩa này. [Cần phải lưu ý] một chuyện trọng yếu nhất trong hộ quốc, từ xưa tổ tiên đã dạy chúng ta đạo Trung Dung, điều kiện trọng yếu nhất là phải biết sử dụng Trung, chớ nên thái quá mà cũng đừng bất cập sẽ đạt đến chỗ tốt đẹp, đó chính là tốt lành nhất, *“chỉ ư chí thiện”.* Tiêu chuẩn của Trung là gì? Trong Phật pháp, [Trung được hiểu] sâu hay cạn khác nhau, quá nhiều. Sách Trung Dung [[10]](#footnote-11)[[10]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-46.htm#_ftn10) trong Tứ Thư của triết học Trung Quốc giảng về Trung, trong ấy tổ tiên Trung Quốc đã giảng về tiêu chuẩn [của Trung].

      Danh hiệu của thiên vương khiến chúng ta hiểu Ngài biểu thị ý nghĩa nào. Tay Ngài cầm đàn tỳ bà, tỳ bà là nhạc khí, không phải là nói vị thiên vương này thích ca hát, không phải là ý nghĩa ấy! Đàn tỳ bà biểu thị Trung Đạo. Nhạc khí sử dụng dây thì dây đàn không thể rất căng, quá căng sẽ bị đứt, cũng chẳng thể quá chùng, quá chùng sẽ không phát ra tiếng, phải điều chỉnh thích đáng, phù hợp, âm sắc sẽ hay đẹp, mang ý nghĩa ấy! Quý vị phải điều chỉnh sao cho thích đáng, vừa phải. Trong Đại Thừa Phật pháp, [Trung] được gọi là Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa Đế, biểu thị ý nghĩa ấy. Ai có thể hành Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa Đế? Chư Phật Như Lai, Pháp Thân đại sĩ, còn Phật và Bồ Tát thuộc trong mười pháp giới vẫn chưa làm được. Quý vị phải hiểu Trung, chẳng lệch, chẳng tà mới là Trung, người ở trong lục đạo chẳng làm được, vì sao? Họ có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là lệch lạc, tà vạy, chẳng phải là chánh. Trung và Chánh có ý nghĩa giống nhau. Trung Đạo được hành trong bốn thánh pháp giới là tương tự, chưa thật, vì sao? Đã đoạn phân biệt và chấp trước, nhưng chưa hết vọng tưởng, vẫn còn có khởi tâm động niệm, nên chẳng phải là Trung Chánh thật sự. Nhất định phải đạt đến minh tâm kiến tánh, trong cảnh giới sáu trần, sáu căn thật sự làm được “chẳng khởi tâm, không động niệm”, đấy mới là thật sự đạt được Trung Chánh, đó là tiêu chuẩn cao nhất của Trung Đạo. Pháp Thân Bồ Tát chứng đắc, chứng đắc bèn vượt thoát mười pháp giới, chứ không phải chỉ là lục đạo. Hộ Quốc thiên vương biểu thị ý nghĩa này. Chúng ta thấy tượng Hộ Quốc thiên vương bèn hiểu ý nghĩa biểu thị pháp, xử sự, đãi người, tiếp vật phải hành Trung Đạo, chẳng lệch lạc, chẳng tà vạy, mang ý nghĩa này.

      2) Nam Phương Thiên Vương có đức hiệu là Tăng Trưởng (Virūdhaka, Tỳ Lâu Lặc Xoa), danh hiệu của Ngài là Tăng Trưởng. Tăng Trưởng có nghĩa là không ngừng tiến lên, tiến bộ, mong cầu tiến bộ! Tổ tông Trung Quốc đã dạy: *“Cẩu nhật tân, nhật nhật tân”* (ngày một mới, mỗi ngày một mới mẻ hơn), chính là ý nghĩa này. Nói theo Phật pháp sẽ là Tinh Tấn Ba La Mật, Tinh Tấn là trọn chẳng thoái chuyển, mang ý nghĩa này. Tay Ngài cầm kiếm, tức bảo kiếm, bảo kiếm tượng trưng trí huệ, chỉ có trí huệ mới có thể thật sự giúp cho chúng ta tiến bộ, tiến bộ nhưng không để lại hậu quả. Tại Ấn Độ vào thời cổ và tại Trung Quốc xa xưa, tông chỉ giáo dục có mục tiêu chung cực là cầu trí huệ. Phật pháp sau khi truyền đến Trung Quốc đã thúc đẩy Nho và Đạo đều theo đuổi trí huệ. Trí huệ do đâu mà có? Kinh điển cho chúng ta biết: Tự tánh của chúng ta vốn trọn đủ trí huệ. Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật dạy: *“Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai”*, nói rất rõ ràng, rất rành mạch. [Nói] “Như Lai” là nói tới tự tánh, chẳng phải là ai khác, trong tự tánh của chúng ta có trí huệ viên mãn, đức năng viên mãn, nay chúng ta nói là năng lực, năng lực kỹ thuật. Hiện thời, người bình phàm chúng ta gọi “tướng hảo” là phước báo, không có gì chẳng viên mãn. Nay vì sao chúng ta có sai biệt? Chúng ta so với Phật và Pháp Thân Bồ Tát khác biệt một trời một vực, vì sao vậy? Đức Phật dạy: *“Chỉ vì vọng tưởng, chấp trước, nên không thể chứng đắc”*, câu này đã nói toạc ra. Thật vậy, chúng ta có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, nên trí huệ và đức tướng sẵn có trong tự tánh chẳng thể hiện tiền, chúng bị những thứ ấy chướng ngại.

      Do đó, đức Phật dạy chúng ta ba phương pháp nhằm phá ba thứ chướng ngại ấy. Ngài dạy Giới, nếu trì giới thanh tịnh sẽ phá được Kiến Tư phiền não. Kiến Tư phiền não là chấp trước, có thể phá chấp trước, khôi phục tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh hiện tiền. Tâm thanh tịnh là bổn tâm, tâm thanh tịnh là phước báo. Chư vị phải ghi nhớ, chúng ta mong cầu phước thì: Tâm chẳng thanh tịnh sẽ chẳng có phước; tâm đã thanh tịnh, phước báo bèn hiện tiền. Thật đấy, chẳng giả đâu! Có phước, sẽ có địa vị và của cải trong xã hội; nếu tâm không thanh tịnh, phước ấy là giả, chẳng thật. Có địa vị và của cải mà tâm thanh tịnh, phước đó là thật, người ấy thật sự hưởng phước. Thứ hai là dạy chúng ta tu Định, tu Định có thể phá Trần Sa phiền não, tức là phân biệt, đạt được gì? Được bình đẳng, đấy là như kinh Vô Lượng Thọ kinh đã nói “thanh tịnh bình đẳng giác”, đạt được bình đẳng. Tâm bình đẳng hiện tiền, bình đẳng là Đại Định, chẳng nổi sóng gió, bình lặng rồi, đấy là cảnh giới của Bồ Tát, đã tiến cao hơn. Cuối cùng đức Phật dạy chúng ta giác, chánh giác, giác chứ không mê, giác có thể phá căn bản vô minh, thành Phật, trở về tự tánh. Đức Phật dạy chúng ta ba phương pháp Giới - Định - Huệ. Vì vậy, trong kinh Phật thường nói: *“Cần tu Giới, Định, Huệ, tức diệt tham, sân, si”* (siêng tu Giới, Định, Huệ, dứt bặt tham, sân, si). Thứ nghiêm trọng nhất trong Tham là chấp trước, thứ nghiêm trọng nhất trong Sân là phân biệt, thứ nghiêm trọng nhất trong Si là vọng tưởng, đức Phật dạy chúng ta phương pháp phá ba thứ chướng ngại ấy, trí huệ và đức năng sẵn có trong tự tánh của chúng ta đều hiện tiền, chẳng phải là hướng ra ngoài để cầu. Do vậy, Phật pháp được gọi là Nội Học, kinh Phật được gọi là Nội Điển, chẳng hướng ra ngoài cầu mà cầu từ bên trong là trí huệ, hướng ra ngoài để cầu bèn là tri thức. Tri thức và trí huệ là hai chuyện [khác hẳn nhau]. Giáo dục của người phương Tây nhằm cầu tri thức, chẳng phải là cầu trí huệ. Trí huệ do Giới, Định, Huệ mà có, còn tri thức thật sự là từ tâm ý thức của chúng ta, chúng ta dụng tâm nghiên cứu, làm như vậy càng chẳng ăn khớp với Giới, Định, Huệ, trong ấy chẳng có Giới, Định, Huệ. Giáo dục phương Đông coi trọng Giới, Định, Huệ, đặc biệt là Phật giáo.

      Sau khi Phật giáo truyền đến Trung Quốc, đúng như tiến sĩ Thang Ân Tỷ (Toynbee) đã nói, nó đã phong phú hóa nền văn hóa bản địa của Trung Quốc. Nho gia coi trọng Giới, Định, Huệ, Đạo gia cũng xem trọng Giới, Định, Huệ, tăng trưởng mà! Nâng cao Giới, Định, Huệ, đó là tăng trưởng, Giới, Định, Huệ thúc đẩy hết thảy tiến bộ trong xã hội. Giới, Định, Huệ cũng có thể thúc đẩy quý vị thăng quan, phát tài, nó là chánh đáng, chẳng để lại hậu quả, cao minh hơn phương Tây nhiều. Ở phương Tây, tri thức, khoa học, kỹ thuật phát triển, đến hiện thời chúng ta có thể thấy, chẳng qua là ba trăm năm, chúng ta thấy gì? Thấy ngày tàn của thế giới. Vì vậy, hiện thời họ cũng dần dần giác ngộ, học theo Trung Quốc, học tập Ấn Độ. Trong mấy năm gần đây, họ tìm cầu hóa giải xung đột, khôi phục sự an định trong xã hội và thế giới, chung sống hòa bình. Họ chẳng làm được điều này, khiến cho xã hội rối loạn, địa cầu bị tổn hại. Địa cầu đã bị tổn hại, theo họ nói, tức theo lời các nhà khoa học, hiện thời địa cầu triển khai sự trả thù đối với nhân loại, sự trả thù ấy chính là tai nạn. Vì sao? Các nhà Lượng Tử Học hiện đại đã biết, hết thảy tất cả hiện tượng vật chất, giống như vi trần được nói tới trong kinh Phật, một hạt vi trần là vật chất, nó có Thọ, Tưởng, Hành, Thức, có thể thấy, nghe, hiểu ý nghĩ, ý niệm, hành vi của con người. Nó có ưa, ghét. Ngôn hạnh của con người tốt đẹp, nó sẽ ưa chuộng. Tâm hạnh của con người tạo ác, nó sẽ chán ghét, chẳng phải là vô tri. Do vậy, trong Phật pháp nói vạn sự vạn vật trong toàn bộ vũ trụ đều là thể hữu cơ, sống động, chẳng chết cứng! Hiện thời, các nhà khoa học Lượng Tử phát hiện điều này, là thật, chẳng giả.

      Hiện nay, tư tưởng và hành vi của loài người chúng ta có lỗi với địa cầu! Phá hoại sự cân bằng sinh thái tự nhiên, phạm lỗi với nó, nó phải báo thù. Có thể hóa giải tai nạn hay không? Các nhà Lượng Tử Học nói “có thể”, Phật pháp cũng giống như vậy, cũng có cách nói như thế. Chúng ta chỉ cần thay đổi tâm thái, nhận biết chân tướng của hiện tượng tự nhiên, điều chỉnh tâm thái của chính mình, vứt bỏ tham, sân, si, mạn, đoạn hết thảy ác, tu hết thảy thiện. Hết thảy vạn vật ưa chuộng thiện pháp, chúng ta tìm lại mười hai chữ*“hiếu đễ, trung tín, lễ nghĩa, liêm sỉ, nhân ái, hòa bình”* của tổ tông, khởi tâm, động niệm, ngôn ngữ, tạo tác đều tương ứng với đức hạnh, xã hội sẽ hòa hài, chẳng có tai nạn. Vì sao? Cảnh chuyển theo tâm, “cảnh” là hoàn cảnh. Đối với đại hoàn cảnh của chúng ta, địa cầu là đại hoàn cảnh, vô lượng vô biên tinh hệ trong không gian cũng là đại hoàn cảnh của chúng ta. Khoa học gia đã đưa cảnh cáo nghiêm trọng nhất, năm 2012, Ngân Hà thẳng hàng, người Maya đã tính như vậy. Chúng tôi thấy có một tài liệu tức là bài phát biểu của tổng cục vũ trụ của Mỹ tuyên bố chuyện Ngân Hà thẳng hàng là có thật, nhưng họ nói không phải là năm 2012, mà là năm 2013, sai khác một năm. Chúng ta có thể hóa giải tai nạn này hay không? Có thể, vì sao? Trong hoàn cảnh cư trụ, tâm chúng ta chánh đáng, không chỉ địa cầu chẳng có tai nạn, mà các tai nạn trong các tinh hệ (hệ thống tinh tú) thuộc vũ trụ cũng có thể hóa giải. Người thâm nhập Đại Thừa biết [như vậy], có tín tâm, chẳng hoài nghi tí nào!

      Trong quá khứ đã từng có người bảo cho tôi biết, hy vọng người học Phật chúng ta sẽ nghiêm túc, nỗ lực tu học, thay đổi quỹ đạo của các tinh hệ trong vũ trụ. Lúc đó, tôi nghe xong, hết sức ngơ ngác, há có loại năng lực ấy? Phật, Bồ Tát cũng làm không được, lẽ đâu chúng ta có năng lực như vậy? Học kinh Hoa Nghiêm, học bộ Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của Hiền Thủ đại sư, chúng tôi hoảng nhiên đại ngộ “thật sự có loại năng lực ấy”. Các nhà khoa học cận đại đã phát hiện ý niệm có năng lượng chẳng thể nghĩ bàn, chẳng có bất cứ năng lượng nào có thể sánh bằng năng lượng sanh bởi ý niệm; nhưng trong kinh điển, chúng ta thường đọc thấy điều gì? Không thể liễu giải thấu triệt ý nghĩa của nó. Quý vị thấy trong kinh Phật, từ lúc mới học Phật, chúng ta đã đọc đến rồi, vũ trụ sanh ra như thế nào? *“Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”*. Đều đọc nhuyễn nhừ cả rồi, nhưng ý nghĩa thật sự được bao hàm [trong câu nói ấy] chẳng biết; vì vậy, chẳng thể sử dụng được, vẫn mê trong cảnh giới y như cũ, chẳng biết chân tướng sự thật của cảnh giới, không biết Thật Tướng của các pháp, rất oan uổng, rất đáng tiếc! Trời cao đã cho chúng tôi sống thọ, chúng tôi rất cảm kích! Nếu tôi chết từ năm năm trước, sẽ chẳng biết đến chuyện này, tôi thật sự biết là đã đọc đến nằm lòng rồi, nhưng chẳng thấu triệt, chẳng thật sự hiểu, chẳng dùng được! Thật sự hiểu, vận dụng được, ứng dụng điều ấy vào đời sống, công việc, xử sự, đãi người, tiếp vật, học sống động, dùng sống động, tức là quý vị đã thật sự học được! Sách Hoàn Nguyên Quán giảng rõ ràng, minh bạch, lại còn đọc các báo cáo khoa học hiện thời, đối chiếu những điều này, tín tâm của chúng tôi mười phần đầy đủ. Các khoa học gia đã phát hiện, tuy phát hiện, họ chẳng nói rõ ràng và thấu triệt như trong Phật pháp.

      Do vậy, chúng tôi nghĩ, tiên sinh Phương Đông Mỹ giới thiệu Phật pháp với tôi, bảo tôi: *“Triết học trong kinh Phật là đỉnh cao nhất trong triết học toàn thế giới”*, lão nhân gia giới thiệu điều này với tôi. Nay tôi nhận thấy, không chỉ là đỉnh cao nhất trong triết học toàn thế giới, mà đồng thời cũng là đỉnh cao nhất của khoa học toàn thế giới. Ngày nay, có những vấn đề mà khoa học chưa thể giải quyết, nhưng Đại Thừa Phật pháp đã giải quyết toàn bộ! Quý vị nghĩ xem, các nhà khoa học biết chuyện Ngân Hà xếp thẳng hàng, nhưng bó tay không có cách giải quyết! Phật pháp biết có biện pháp để thay đổi nó, vì sao? Toàn thể vũ trụ do tâm hiện, thức biến, ta muốn sửa đổi một chút khuyết điểm chẳng phải là chuyện thực hiện dễ dàng ư? Ta có thể sáng tạo nó, lẽ đâu chẳng thể thay đổi nó? Phải tin tưởng chuyện này! Trong Tịnh Độ Tông nói tới Tín, Nguyện, Hạnh, tuyệt đối tin tưởng, chẳng có mảy may hoài nghi nào. Sức của một người chúng ta chẳng đủ! Đúng vậy, lời này có lý lắm, chẳng phải là vô lý! Nếu nay chúng ta thật sự chứng đắc địa vị Pháp Thân Bồ Tát thì được, chúng ta có năng lực, một người là được rồi! Chắc sẽ có người hỏi, chư Phật Như Lai rất nhiều, Pháp Thân Bồ Tát càng nhiều hơn nữa, vì sao các Ngài chẳng sử dụng thần thông và pháp thuật để hóa giải tai nạn cho chúng ta? Nếu các Ngài chẳng hóa giải tai nạn, từ bi ở chỗ nào? Chúng ta hỏi, Phật, Bồ Tát sẽ bảo: *“Tâm, Phật, chúng sanh, ba thứ chẳng sai biệt”*, tâm, Phật, chúng sanh có sức mạnh bình đẳng. Nghiệp này do chúng ta tự làm, tự chịu, quý vị tạo tội nghiệp thì người khác sẽ chẳng thể chịu thay, quý vị gây ra sai sót này thì chính mình phải bù đắp, hóa giải, Phật, Bồ Tát chẳng thể hóa giải giùm quý vị. Phật, Bồ Tát nói cho quý vị biết lý luận và phương pháp hóa giải, quý vị phải hiểu rõ lý luận, nương theo phương pháp ấy, sẽ thật sự có thể hóa giải vấn đề, đó là chánh lý.

      Sự rối loạn hiện thời do chúng ta gây ra, trong cảnh giới của Phật, Bồ Tát có tai nạn hay không? Không có. Tôi nói với quý vị những câu này đều là lời thật, trong cảnh giới của các Ngài chẳng có tai nạn, nhưng trong cảnh giới của chúng ta có tai nạn. Trong kinh điển thường nói điều này, mỗi người tự lo chuyện sống chết, mỗi người tự nhận lãnh nghiệp báo. Đã làm sai, đừng sợ, nhất niệm hồi đầu, vấn đề lập tức được giải quyết. Cổ nhân Trung Quốc nói: *“Hành hữu bất đắc, phản cầu chư kỷ”* (làm không được thì hãy quay lại xét mình), câu này quan trọng lắm! Oán trời, trách người, tội càng thêm tội, không chỉ chẳng thể giải quyết vấn đề, mà còn khiến cho vấn đề càng thêm nghiêm trọng, chỉ có quay lại tự vấn, vấn đề sẽ thật sự được giải quyết. Kẻ khác chẳng có lầm lỗi, thiên nhiên chẳng có lầm lỗi. Vì sao thiên nhiên biến hiện tai nạn nhiều ngần ấy? Do tâm bất thiện của chúng ta cảm vời, chẳng phải là thiên nhiên cố ý, nó vô tình. Thiên nhiên biến hóa theo lệnh của ai? Nghe theo ý niệm của chúng ta! Ý niệm của chúng ta tốt lành, thiên nhiên trở thành tốt lành, ý niệm của chúng ta bất thiện, thiên nhiên trở thành bất thiện, đạo lý là như thế đó. Ý niệm làm chủ tể hết thảy, ý niệm thay đổi hết thảy. Quý vị bắt thiên nhiên trở thành thiện hay ác đều do ý niệm. Ý niệm của Phật là thanh tịnh, bình đẳng, giác, nên trong cảnh giới của Ngài không có tai nạn. Ý nghĩa biểu thị pháp của Tăng Trưởng Thiên Vương rất sâu, rất rộng, chúng ta phải nghiêm túc học tập. Giới, Định, Huệ trọng yếu hơn bất cứ gì khác, do Giới đắc Định, do Định đắc Huệ.

      3) Vị thiên vương thứ ba là Quảng Mục Thiên Vương (Virūpāksa, Tỳ Lâu Bác Xoa) ở phương Tây. Phương Tây và phương Bắc nhắc nhở chúng ta tâm thái tu học. Chúng ta phải làm như thế nào để thật sự đạt được trí huệ? Vì mấu chốt của toàn bộ chính là trí huệ, mục tiêu là hộ quốc, có trí huệ thì mới có thể hộ quốc. Thiếu trí huệ sẽ chẳng thể hộ quốc. Hộ quốc là đại nguyện, tăng trưởng trí huệ là đại đức, đại năng, cầu bằng cách nào? Đa văn, quảng học đa văn, thành tựu trí huệ chân thật. Ở đây, coi trọng Hậu Đắc Trí, không gì chẳng biết, quý vị đạt được quảng học đa văn. Quý vị thấy đạo cụ do Ngài cầm trên tay: Một tay cầm rồng hoặc rắn, rồng và rắn tượng trưng cho lắm nỗi thay đổi, quan hệ giữa con người lắm nỗi thay đổi, xã hội lắm chuyện thay đổi, vạn vật có nhiều điều thay đổi, thiên biến vạn hóa. Tay kia cầm một viên châu, châu biểu thị điều gì? Biểu thị “chẳng thay đổi”. Trong nhiều nỗi thay đổi, quý vị nắm giữ sự chẳng thay đổi. Thường thay đổi là Sự, chẳng thay đổi là Lý, thường biến đổi là Tướng, chẳng biến đổi là Tánh. Cũng có thể nói quý vị dùng “thanh tịnh, bình đẳng, giác”, vĩnh hằng chẳng thay đổi để quan sát thế giới này và vũ trụ, trí huệ bèn hiện tiền, biết dùng phương pháp gì để an định xã hội này. Thật sự lưu lộ lòng từ bi viên mãn vốn có trong tự tánh, giúp đỡ hết thảy chúng sanh khổ nạn lìa khổ, được vui, phá mê, khai ngộ.

      Giúp đỡ họ lìa khổ được vui như thế nào? Chẳng phải là người ta không có tiền bèn cho tiền, họ không có ăn bèn cho ăn, kẻ ấy không có cái mặc bèn cho [quần áo], từ bi cứu tế như thế là nhỏ nhoi, nhỏ bé nhất! Phật là đại từ đại bi, đức Phật dùng phương pháp gì để giúp đỡ hết thảy chúng sanh trong thế gian và xuất thế gian? Giáo học, phải hiểu đạo lý này! Vì sao? Khổ do đâu mà có? Khổ do mê mà có, quý vị chẳng liễu giải Thật Tướng của các pháp (tức chân tướng của vạn pháp trong vũ trụ), đã mê rồi. Do mê nên quý vị suy nghĩ loạn xạ, làm càn, làm quấy, tạo đủ mọi điều bất thiện, chống trái pháp tắc trong thiên nhiên, phá hoại quy luật thiên nhiên, khiến cho hết thảy bị mất cân bằng, tai nạn bèn xảy ra. Vốn không có tai nạn, chúng ta chưa hề nghe nói thế giới Cực Lạc có tai nạn, cũng chẳng hề nghe nói thế giới Hoa Tạng có tai nạn. Cõi trời có tai nạn thì có nghe nói, chứ đối với nơi Phật, Bồ Tát ngự, chưa hề nghe nói có tai nạn, do nguyên nhân nào? Mỗi ngày đều là giáo học, mỗi ngày đều lên lớp. Đạo lý ở chỗ này, chúng ta chớ nên không biết.

      Chư Phật, Bồ Tát xuất hiện trên thế gian, có vị nào chẳng giáo học? Thích Ca Mâu Ni Phật đã nêu gương cho chúng ta, mười chín tuổi xuất gia, tham học, ba mươi tuổi thành đạo, học xong trong mười hai năm. Sau khi thành đạo, trong Phật pháp nói là *“đại triệt đại ngộ*, *minh tâm kiến tánh”* vào lúc ba mươi tuổi. Sau khi kiến tánh bắt đầu giáo học, mãi cho đến khi chết già, lão nhân gia bảy mươi chín tuổi viên tịch. Do vậy, kinh chép suốt đời đức Phật *“giảng kinh hơn ba trăm hội, thuyết pháp bốn mươi chín năm”*, mọi người đều biết rõ chuyện này. Phật giáo có phải là tôn giáo? Chẳng phải! Phật giáo là giáo dục. Chúng ta thấy rõ ràng thân phận của Thích Ca Mâu Ni Phật, suốt đời dạy học, mang chức nghiệp của một vị thầy, chẳng bỏ sót ngày nào, lão nhân gia đúng là thân hành, ngôn giáo. Những gì Ngài dạy người khác, Ngài đều thực hiện toàn bộ, đó là một vị thầy tốt. *“Học vi nhân sư, hành vi thế phạm”* (học được làm thầy người, hạnh làm khuôn mẫu cho đời), tám chữ ấy Thích Ca Mâu Ni Phật thực hiện một trăm phần trăm, thực hiện viên mãn, chúng ta phải nhận thức điều này. Ngài dạy học nhưng chẳng mở trường, không tạo lập cơ sở vật chất, dạy học ở chỗ nào? Phần lớn thời gian là trong núi rừng, dưới gốc cây, bên bờ nước, nơi phong cảnh tốt đẹp, thầy ngồi dưới gốc cây, trò cũng ngồi dưới cội cây, các Ngài chọn lựa những nơi ấy, học ngoài trời! Suốt đời Ngài chẳng xây cất, chúng tôi thường nghĩ vì sao? Ngài muốn dựng đại đạo tràng thật là chuyện dễ dàng! Gia đình, gia tộc đức Phật là vương tộc, đủ sức để dựng đạo tràng cho Ngài. Kinh điển ghi chép, thuở ấy ở Ấn Độ, vua mười sáu nước lớn, chẳng nhắc tới những vua nước nhỏ, mười sáu vị đại quốc vương đều là đệ tử Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài muốn tạo dựng một đạo tràng, chẳng phải là chuyện dễ dàng ư? Chỉ cần nói một chút, chẳng cần tốn sức nghĩ ngợi, đạo tràng bèn thành tựu, nhưng Ngài chẳng dựng. Vì sao? Đại từ đại bi, thể hiện lòng từ bi khôn sánh. Có đạo tràng sẽ có kẻ tranh chấp, người đến học tập tâm chẳng thanh tịnh, chẳng thể nói là toàn thể, nhưng trong ấy nhất định có kẻ tâm chẳng thanh tịnh toan khống chế, chiếm hữu đạo tràng ấy! Vì vậy, Thích Ca Mâu Ni Phật không làm chuyện này, từ bi đến tột bậc. Một kẻ có ác niệm, Ngài đều ngăn chặn hắn.

      Phương thức sống là mỗi ngày ăn một bữa, đêm nghỉ dưới cội cây, đoạn sạch sành sanh tham, sân, si, mạn, nghi, tâm đặt nơi Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa. Học trò Phật chẳng ít, chúng ta dựa theo tưởng tượng, sách vở cổ điển của Trung Quốc ghi chép đệ tử của Khổng Tử là ba ngàn người, trong số đó có bảy mươi hai người hiền (Thất Thập Nhị Hiền). Tôi tin Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng kém Khổng Tử, kinh điển thường ghi chép một ngàn hai trăm năm mươi lăm người, [những vị ấy tương đương với] Thất Thập Nhị Hiền của Khổng Phu Tử, Thích Ca Mâu Ni Phật có hơn một ngàn vị [hiền nhân]. Mỗi buổi giảng, mọi người tới tham gia, chẳng phải là [những người] thường tiếp xúc [đức Phật], ở đây không ghi chép, chỉ nói là đại chúng rất đông, tôi nghĩ đại chúng sẽ chẳng ít hơn một ngàn năm trăm người, gộp thành ba ngàn. Chúng ta thấy kinh này nói tỳ-kheo tăng đến hai vạn người, chuyện này rất ít được nói tới. Chúng ta thấy trong hội Pháp Hoa và hội Vô Lượng Thọ người [tham dự] rất đông, do vậy, từ chỗ này ta có thể nhận biết: Đức Phật dạy học cả đời, học trò đông ngần ấy, nhưng chẳng có tổ chức, đức Phật chẳng chia thành mấy lớp, người nào thuộc lớp nào, mời ai làm trưởng lớp nào. Nếu thuở ấy mà có, kinh điển nhất định ghi chép, đây là đại sự [lẽ nào] chẳng ghi chép. Thầy chỉ có một, học trò đông đúc, các học trò ưu tú bèn giúp đỡ những học trò căn tánh kém cỏi hơn một chút, đều là tự động, tự phát, đều là người một nhà, đệ tử cùng một thầy, các đệ tử ở cùng nhau giống như anh em trai, chị em gái. Đây là nói tới luân lý trong Phật pháp, không chỉ là đem kinh điển dạy chúng ta, mà quý vị thấy Ngài nêu gương cho chúng ta xem, ai nấy đều thi hành Lục Hòa Kính. Chúng tôi thường nghĩ thuở Phật Đà tại thế, thầy dạy mỗi ngày, trò học tập mỗi ngày. Thiên vương phương Tây tượng trưng cho chuyện này, ý nghĩa ấy quá sâu!

      4) Thiên vương ở phương Bắc là Đa Văn (Vaiśravana, Tỳ Sa Môn). Tây Phương Quảng Mục, Bắc Phương Đa Văn, xem nhiều, nghe nhiều. Bắc Phương Thiên Vương tay cầm lọng, lọng có dụng ý ngăn ngừa ô nhiễm. Hiện thời, trong xã hội đề xướng *“hoàn bảo”* (bảo vệ môi trường), lọng tượng trưng cho sự bảo vệ môi trường, dẫn khởi ý nghĩa ngăn ngừa ô nhiễm thân tâm. Quý vị thấy: Xem nhiều, nghe nhiều, ngăn ngừa ô nhiễm, khôi phục thanh tịnh, bình đẳng, giác, thật sự bảo vệ chính mình. Ngài dạy chúng ta bảo vệ chính mình ra sao. Đó chính là hình tượng được tạc của Tứ Đại Thiên Vương. Danh hiệu gia trì công đức của chúng ta, quý vị phải hiểu điều này. Họ dùng gì để che chở quý vị? Dùng danh hiệu này, dùng [hình tượng của bốn vị thiên vương] để biểu thị ý nghĩa này, quý vị đã thật sự hiểu rõ, sẽ biết trong cuộc sống hằng ngày, xử sự, đãi người, tiếp vật, tuân thủ những nguyên lý và nguyên tắc ấy, sẽ đạt được thân tâm an định, đạt được thanh tịnh, bình đẳng, đó là gia trì thật sự. Chẳng phải là thắp hương, lễ bái, dập đầu cầu nguyện, xin các Ngài phù hộ cho con, như thế là mê tín. Mê tín thì làm sao có thể truyền được hai ngàn năm trăm năm? Nhưng hiện thời đúng là mê tín, vốn là trí huệ, nay biến thành mê tín. Trí huệ có thể truyền hai ngàn năm trăm năm; mê tín thì sợ rằng hai mươi lăm năm cũng chẳng truyền được, thật đấy, chẳng giả đâu!

      Hai tháng trước, vào tháng Sáu, chúng tôi theo đoàn phỏng vấn tôn giáo của Mã Lai đến thăm Vatican ở La Mã, gặp gỡ Giáo Hoàng. Hồng Y Giáo Chủ Đào Nhiên (Jean-Louis Tauran) thuộc Tòa Thánh cùng chúng tôi trao đổi, nghe ông ta báo cáo. Ông ta cho chúng tôi biết: Trong xã hội hiện thời, người tín ngưỡng tôn giáo mỗi năm một ít đi. Họ có thống kê, người chịu lễ rửa tội mỗi năm một ít hơn. Trong nhà Phật gọi là Quy Y, tức là người quy y [đạo Thiên Chúa] mỗi năm một ít hơn. Theo lập trường của một giáo sĩ, họ rất lo ngại, cứ như vậy, tôn giáo sẽ dần dần biến mất trên địa cầu. Lần lượt đến phiên tôi trình bày, tôi cũng tha thiết thưa với mọi người, vì sao lúc các vị giáo chủ sáng lập tôn giáo thuở ấy, cũng như thời các vị cổ thánh tiên hiền kế thừa truyền thống, một mực kéo dài mấy ngàn năm cho đến hiện thời là do nguyên nhân nào? Hiện thời chúng ta gặp gỡ quần chúng, quần chúng bỏ rơi, rời khỏi chúng ta. Trong quá khứ, giáo chủ, tổ sư đại đức truyền giáo ở nơi đâu, tín chúng từ phương xa tụ hội đến, nay chúng ta ở đây họ bèn bỏ đi, do nguyên nhân nào? Chúng ta suy nghĩ vào thời đại của Thích Ca Mâu Ni Phật là giáo học, một nền giáo dục tốt đẹp như vậy, người ta nghe thấy bèn hoan hỷ, nên người ta kéo đến, nay thì sao? Chẳng có giáo học. Rất nhiều tôn giáo ở ngoại quốc lo cầu nguyện, Phật giáo tại Trung Quốc thì lo làm kinh sám Phật sự, pháp hội, ngay như Tam Thời Hệ Niệm của chúng ta cũng giống như chuyện cầu nguyện của họ, những người trẻ tuổi trong xã hội trông thấy chẳng tin, [chê là] mê tín. Thôi rồi! Hễ nói đến mê tín thì còn ai muốn đến nữa? Đương nhiên đều bỏ đi, đạo lý ở chỗ này!

      Chúng ta phải cứu vãn tôn giáo như thế nào? Phải đưa tôn giáo trở về giáo học. Phải biết: Kinh điển chẳng phải để tụng! Vì sao? Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, Ngài chẳng viết một bộ kinh nào! Kinh điển do đâu mà có? Sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật viên tịch, các đệ tử nhớ lại các giáo huấn của Thích Ca Mâu Ni Phật mà họ đã được tiếp nhận trong một đời, cũng là hội tập, thỉnh tôn giả A Nan nhắc lại, đại chúng cùng nghe, xem A Nan có nói sai hay không. Năm trăm vị A La Hán chứng minh, chép lại thành văn tự lưu truyền hậu thế, đó là nguồn gốc của kinh điển. Chúng ta hiểu rõ kinh điển nhằm dạy chúng ta hiểu lý, vâng giữ quy củ, sống như thế nào, dùng tâm thái gì để làm việc, đãi người, tiếp vật, nhằm nâng cao linh tánh của chính mình, đức Phật dạy chúng ta những điều ấy, chẳng dạy chúng ta niệm kinh, càng chẳng dạy chúng ta siêu độ. Siêu độ là phải đem công đức chân thật của chính mình, đối với xã hội và hết thảy đại chúng dâng hiến công đức chân thật, hồi hướng cho thân nhân của quý vị. Phương pháp siêu độ trong Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh là như thế, chẳng có kinh sám Phật sự, nói theo Lý cũng thông suốt. Vì thế, chúng ta chớ nên không biết, chớ nên chẳng giác ngộ điều này. Chúng ta dạy học mỗi ngày, cùng nhau học tập mỗi ngày, biến các đạo lý được giảng trong kinh điển thành tư tưởng và kiến giải của chúng ta, và cũng biến rất nhiều lời khuyên bảo trong kinh điển thành hành vi trong cuộc sống của chính chúng ta, kinh điển có cống hiến quá lớn đối với chúng ta. Từ kinh điển, chúng ta học tập cách làm người, biết làm một người tốt, chính mình làm được sẽ ảnh hưởng cả nhà, nhà chúng ta sẽ là một gia đình thật sự hạnh phúc mỹ mãn; hạnh phúc mỹ mãn ấy do đức Phật dạy dỗ. Lại mở rộng ra, chúng ta sẽ có xã hội hài hòa, thế giới hòa hợp, đó là cống hiến chân thật của chư Phật, Bồ Tát đối với thế giới và nhân loại, chẳng giả tí nào! Phật giáo là như thế, mà các tôn giáo khác cũng đều như thế. Các tôn giáo học tập lẫn nhau, chỉ có học tập lẫn nhau mới có thể nâng cao chính mình, giống như tại Trung Quốc, Nho và Đạo tiếp nhận Phật pháp, học tập kinh điển, nâng cao văn hóa bản địa, có cùng một đạo lý!

      Quảng Mục thiên vương đã thị hiện ngăn ngừa tạp loạn, Đa Văn thiên vương thị hiện ngăn ngừa ô nhiễm. Thiên Vương Điện gồm bốn vị thiên vương và Di Lặc Bồ Tát đã ban cho chúng ta bài học thứ nhất. Hết sức đáng tiếc là hiện thời mọi người đã bỏ sót, quên khuấy ý nghĩa này, coi Di Lặc Bồ Tát và các thiên vương như thần tiên, đốt hương, lễ bái cầu phước! Há có chuyện như thế ư? Mười phần mê tín. Sa sút như vậy, Phật giáo sẽ dần dần bị suy diệt, mà cũng có thể chẳng còn nữa! Phật giáo bị diệt trong đời này của chúng ta, người trong thời đại chúng ta có thể thành tựu hay chăng? Niệm Phật có thể vãng sanh hay chăng? Tôi nghĩ chẳng thể nào, thảy đều vào địa ngục. Vị thầy tốt như thế, nhưng quý vị làm cho đại chúng trong xã hội nẩy sanh hiểu lầm nghiêm trọng đối với thầy, quý vị có tội lỗi hay không? Chúng ta làm sao để xứng với thầy? Phương pháp duy nhất là quay đầu. Thật sự quay đầu là bờ, nghiêm túc học tập kinh giáo, thực hiện trong cuộc sống, nâng cao phẩm chất cuộc sống, cống hiến chân thật, đấy là mới là Phật pháp tồn tại lâu dài trong nhân gian, chánh pháp tồn tại dài lâu. Thưa mọi người, trong ấy có giáo dục luân lý, giáo dục đạo đức, giáo dục nhân quả, giáo dục triết học, giáo dục khoa học viên mãn. Những gì đại chúng trên thế gian đang theo đuổi trong hiện thời, trong kinh Phật đều có cả, đó là lòng đại từ đại bi chân chánh. Vì thế, chúng sanh hễ trông thấy, nghe tên đều đắc Từ Tâm tam-muội.

      Tiếp theo là *“hựu Bi Hoa kinh vân: Phát nguyện ư đao binh kiếp trung, ủng hộ chúng sanh”* (lại nữa, kinh Bi Hoa nói: “Phát nguyện ủng hộ chúng sanh trong kiếp đao binh”). Nay chúng tôi đọc câu này, cảm xúc thật sâu! Trong nhiều tiên đoán về sự ngày tận thế, có một tiên đoán hầu như mọi người đều nhắc tới, chiến tranh thế giới lần thứ ba là vũ khí nguyên tử, hoặc chiến tranh sinh hóa, chúng là đại tai nạn hủy diệt địa cầu. Di Lặc Bồ Tát phát nguyện trong kiếp đao binh, tức là nói về thời đại này, Ngài sẽ đến ủng hộ chúng sanh, chúng ta thường nói: Ngài đến che chở, gia trì chúng sanh. Chúng ta mỗi ngày thắp hương, lạy lục Ngài có được hay chăng? Không được, sai lầm rồi, đó là mê tín. Phải nên như thế nào? Phát huy rộng lớn tinh thần đại từ đại bi của Di Lặc Bồ Tát; hiện thời trong thế gian này chẳng có lòng yêu thương, Di Lặc Bồ Tát tượng trưng cho sự yêu thương. Quý vị nghĩ xem đại từ đại bi có thể nào chẳng hiếu thuận với cha mẹ ư? Bất hiếu với cha mẹ là thiếu từ bi. Có thể chẳng kính trọng sư trưởng ư? Bất kính sư trưởng là thiếu từ bi. Lòng đại từ đại bi của quý vị thiếu năng lực mở rộng đến xóm giềng làng nước, đến quốc gia, dân tộc, đó chẳng phải là chân ái! Cổ nhân Trung Quốc đã nói: *“Nhân dân cập vật”* (nhân từ đối với dân và vật), *“nhân”* là nhân từ, đối đãi nhân từ với hết thảy mọi người, tâm yêu thương thanh tịnh, bình đẳng, sau đấy còn mở rộng đến cả loài vật. Đấy là Đại Thừa Phật pháp đã phong phú hóa văn hóa truyền thống của Trung Quốc. Vật là gì? *“Vật”* là vạn vật, tức vạn vật trong trời đất. Tâm yêu thương của chúng ta như Phật pháp đã nói: *“Từ bi trọn pháp giới, thiện ý ngập nhân gian”*, chẳng phải là khẩu hiệu, mà là thật sự làm được, làm rất viên mãn, làm rất thù thắng. Thật sự có thể làm được, chúng ta mới thật sự bước vào Phật môn, vượt qua Thiên Vương Điện, quý vị mới thấy Phật, Bồ Tát. Chẳng vượt được cái ải Thiên Vương Điện sẽ chẳng thấy Phật, Bồ Tát, ý nghĩa này sâu lắm!

      Di Lặc Bồ Tát là ai? Phải hiểu rõ ràng, Di Lặc Bồ Tát là lòng từ bi trong tự tánh của chính mình. Phật, Bồ Tát từ bi, các Ngài thị hiện hình tướng, ngôn ngữ, âm thanh, nhằm dẫn khởi lòng từ bi trong tự tánh của chúng ta. Quý vị thấy: Trong đời quá khứ, Di Lặc gặp Đại Từ Như Lai, nguyện có cùng danh hiệu ấy, thật sự đã đồng, vì sao? Chứng đắc Từ Tâm tam-muội. Từ Tâm tam-muội là tâm từ bi vĩnh viễn chẳng thoái chuyển, an trụ trong từ bi, hết thảy thời, hết thảy chỗ luôn một lòng từ bi đối với hết thảy chúng sanh, có ý nghĩa này! Bản thân chúng ta đã làm được sẽ cảm động, lan truyền sang người khác. Chẳng thể khiến người khác cảm động là vì bản thân chúng ta làm chẳng đủ, đừng nên trách người khác là căn tánh của họ chậm lụt, hoặc nghiệp chướng nặng nề, chẳng phải vậy. Đó là do chính mình nghiệp chướng nặng nề. Tánh con người vốn lành, quý vị nhất định phải thừa nhận lời Phật dạy: *“Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai”*. Từ bi là một phần của đức, là một phần vô cùng trọng yếu, là phần mấu chốt. Phật pháp nói từ bi, trong Ngũ Luân của Trung Quốc có nói *“phụ tử hữu thân”* (cha con có tình thân ái), thân ái chính là từ bi. Giáo dục Trung Quốc phát xuất từ chỗ này, lại trở về nguồn đúng chỗ này. Quý vị thấy trong nhà Phật, quý vị bước vào cửa là từ bi, mắt quý vị thấy vị đầu tiên chính là Di Lặc Bồ Tát; quý vị rời khỏi tự viện, vẫn phải từ sơn môn ấy đi ra, quý vị vẫn phải trông thấy Ngài, từ đầu đến cuối là một bầu từ bi, đấy là Phật pháp. Phật pháp giáo dục điều gì? Giáo dục từ bi, giáo dục yêu thương, lại còn là giáo dục lòng yêu thương thanh tịnh, bình đẳng. Phật giáo chẳng có cống hiến đối với xã hội là vì đệ tử học Phật trong Phật môn chúng ta chẳng thực hiện lòng yêu thương ấy, chẳng nói rõ ràng lòng yêu thương đó. Chẳng nói rõ ràng là lẽ đương nhiên, vì sao? Chẳng làm được! Có làm được thì quý vị mới có thể nói rõ ràng, làm không được thì làm sao có thể nói rõ ràng cho được? Há có đạo lý ấy? Yêu thương có thể hóa giải xung đột, đối lập, mâu thuẫn, cho nên chẳng còn chiến tranh, có thể hóa giải đao binh kiếp!

      Chúng ta xem câu cuối cùng, *“thị tắc từ long tức thế”* (vì thế, lòng Từ chan chứa đương thời), đại từ đại bi, long (隆) là hưng long (興隆: chan chứa, dồi dào), *“tức thế”* là hiện tại, đang trong hiện tiền, *“bi trăn hậu kiếp”* (lòng Bi đến tận các kiếp sau), *“hậu kiếp”* là tương lai. Chúng ta có thể yêu thương, bảo vệ hiện tại, xung đột trong thế gian hiện thời đã được hóa giải, xã hội đã an định, thế giới hòa bình. Không chỉ là hết thảy chúng sanh trong hiện tại được lợi ích, mà đời sau cũng được lợi ích. Chúng ta phải giống như cổ nhân, khéo dạy dỗ thế hệ kế tiếp, điều này trọng yếu lắm! Trong xã hội hiện tại, mọi người không hiểu sự giáo dục, bao nhiêu phụ nữ hoặc người mẹ trẻ tuổi chẳng biết dạy bảo con thơ ra sao! Hiện thời còn có khá nhiều giáo viên chẳng biết dạy học trò như thế nào! Tôi đã gặp rất nhiều, kẻ làm mẹ tìm tôi kể khổ, kẻ làm thầy cũng như vậy! Những chuyện ấy không thể trách họ được, kinh Vô Lượng Thọ đã nói rất hay: *“Tiên nhân vô tri, bất thức đạo đức, vô hữu ngữ giả, thù vô quái dã”* (Người đời trước chẳng biết, chẳng hiểu đạo đức, không có ai nói với họ, trọn chẳng đáng trách), đừng trách móc họ! Quý vị chê trách họ sẽ là tàn nhẫn, nhân duyên của chuyện này rất phức tạp.

      Trung Quốc kể từ sau khi nhà Thanh mất nước, một trăm năm qua, xã hội lâm vào cảnh động loạn, chẳng được an định, quân phiệt cát cứ, chiến tranh kháng Nhật. Đặc biệt là cuộc chiến tranh kháng Nhật đã đánh sụp văn hóa truyền thống khiến nó chẳng còn nữa, tối thiểu là chúng ta đã đánh mất [văn hóa truyền thống] bốn thế hệ. Người hiện thời chẳng biết đến giáo dục truyền thống, quý vị hỏi cha mẹ, họ cũng chẳng biết, quý vị hỏi ông bà cố họ cũng không biết. Nói chung là phải ông bà sơ thì họ mới biết, làm sao quý vị trách họ được? Hiện thời muốn phục hưng văn hóa truyền thống nhất định gặp khó khăn. Cổ nhân nói rất hay: *“Gần son ắt đỏ, gần mực thì đen”*. Trong xã hội hiện thời, chẳng thấy son đâu nữa, không có, toàn là đen thui, vì sao? Đại biểu cho màu đen ấy chính là TV, Internet, truyền thông, nhật báo, tạp chí, mỗi cá nhân trên toàn cầu hằng ngày tiếp xúc những thứ ấy, hễ tiếp xúc bèn bị ô nhiễm. Tiếp xúc mà chẳng bị nhiễm bẩn thì Quảng Mục thiên vương làm được, chứ chúng ta chẳng làm được! Quảng Mục thiên vương có Định Tâm Châu, tâm Ngài là định, thấy rõ ràng, nghe rõ ràng, tâm Ngài chẳng dao động, chẳng biến đổi. Người ta có bản lãnh to lớn, viên châu của Ngài chính là “thanh tịnh, bình đẳng, giác”. Chúng ta có thể nào chẳng bị nhiễm bẩn ư? Vì thế, con cái bị nhiễm bẩn từ nhỏ, chính mình cũng bị nhiễm bẩn. Quý vị phải biết, bản thân quý vị bị nhiễm bẩn bảy phần, con cái quý vị bị nhiễm bẩn mười hai phần, đến thời cháu quý vị chỉ sợ bị trở thành nhiễm bẩn đến hai mươi bốn phần, đáng hãi quá! Vì thế, thế giới có thể bị tận thế!

      Do đâu có ngày tận thế? Do ý niệm bất thiện cảm ứng, nguyên nhân là như thế đó. Nếu muốn cứu vãn, đoạn kinh văn này hay lắm, cứu từ chỗ nào? Cứu bằng tâm từ bi, cứu bằng tâm yêu thương. Trước hết, chính mình quay đầu, tự yêu thương. Tự yêu thương nhất định phải học theo Tứ Đại Thiên Vương, phải học theo Di Lặc Bồ Tát, thật sự tự yêu thương chính mình. Mắt ta chẳng thể không nhìn, tai chẳng thể không nghe, thật sự giữ gìn sự thanh tịnh, bình đẳng, giác của chính mình như thế nào để chẳng bị xã hội quấy nhiễu, chẳng bị xã hội dẫn dụ, mê hoặc, đó là quý vị thật sự tự yêu thương. Quý vị đã có thể tự yêu thương, nhất định sẽ cảm động cả nhà, con cái trong nhà quý vị sẽ dễ dạy. Thầy biết tự yêu thương sẽ cảm động học trò, con người tánh vốn lành. Chỉ cần thầy tâm chánh, hạnh chánh, tôi nghĩ học trò cũng hoan hỷ, cũng bằng lòng theo học lớp của quý vị. Cả nhà quý vị tốt đẹp, sẽ ảnh hưởng xóm giềng, ảnh hưởng thân thích, bạn bè. Khiến cho cả thế giới khôi phục như thế nào? Ít nhất phải là một trăm năm, phải mất một thế kỷ, thế giới này mới có thể khôi phục bình thường, lại còn phải có nhiều người ngần ấy thật tâm thực hiện. Nếu không có những người ấy thực hiện, sẽ là như chúng ta thường nghe nói trong hiện thời, tận thế! Địa cầu bị hủy diệt. Chúng ta quan sát cẩn thận chuyện này xem có thể xảy ra hay chăng?

      Vì vậy, đọc đến chỗ này, *“chí cực chi từ”* (lòng Từ tột bậc), câu này hay lắm, khuyên chúng ta phải phát tâm học tập Di Lặc Bồ Tát, phải học giống hệt như Ngài, *“siêu xuất phàm tiểu, cố Vô Năng Thắng”* (vượt trỗi phàm phu, Tiểu Thừa, nên không ai có thể hơn được). Vô Năng Thắng là nói biến đổi bản thân chúng ta, đoạn ác, tu thiện, phá mê, khai ngộ, chuyển phàm thành thánh, khởi điểm là lòng Từ đến tột bậc. Bốn chữ ấy chẳng hai, chẳng khác với khái niệm *“phụ tử hữu thân”* trong Ngũ Luân của Trung Quốc. Hiện thời, giáo học truyền thống bị coi nhẹ, chẳng nhắc tới, [chỉ có] thiểu số, rất ít người học tập Đại Thừa đọc được điều này trong kinh điển, hiểu minh bạch, rõ ràng, nghiêm túc nỗ lực thực hiện, cứu chính mình, cứu gia đình, cứu con cháu, cứu người đời, cứu địa cầu bằng một câu nói này. Vì thế, nói là Vô Năng Thắng.

      Lại xem đoạn kế tiếp, *“Đại sĩ vị cư Bổ Xứ”* (đại sĩ thuộc địa vị Bổ Xứ), dùng chữ Đại Sĩ để gọi Di Lặc Bồ Tát, thật sự có vị này. Ngài thuộc địa vị nào? Ngài là Đẳng Giác Bồ Tát, là hậu bổ Phật sau Thích Ca Mâu Ni Phật. Phật Thích Ca là vị Phật thứ tư trong Hiền Kiếp, chúng ta nay thuộc pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật, cũng có nghĩa là sự giáo hóa của Ngài có ảnh hưởng đến một vạn hai ngàn năm. Theo cách ghi chép của người Trung Quốc, [từ khi] Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ cho tới hiện thời là ba ngàn lẻ ba mươi bảy năm, những vị đại đức trong Phật giáo Trung Quốc từ xưa đều tuân theo cách tính niên đại này. Ba ngàn lẻ ba mươi bảy năm, sau đấy còn có chín ngàn năm nữa, [gộp thành] một vạn năm, thời Mạt Pháp mới qua một ngàn năm, còn có chín ngàn năm sau nữa, tức là sự giáo học của Thích Ca Mâu Ni Phật hãy còn ảnh hưởng tới chín ngàn năm. Trong chín ngàn năm, đương nhiên có lúc [Phật pháp] hưng vượng, có lúc suy vi. Trong quá khứ, Chương Gia đại sư đã nói cho tôi biết chuyện này, nay chúng ta đang thuộc giai đoạn Phật pháp suy vi, suy đến tột cùng sẽ hưng vượng trở lại. Thầy bảo tôi, phải có lòng tin nơi Phật, Phật pháp sẽ chẳng diệt vong, cũng có nghĩa là thế giới này chẳng phải sẽ chấm dứt như người ngoại quốc nói. Có tai nạn là thật, nhưng chẳng thể tận thế, trong nhà Phật chẳng có thuyết tận thế.

      Ngài hiện đang ở đâu? *“Tại Đâu Suất nội viện”*, Di Lặc Bồ Tát ở nơi ấy, cõi trời Đâu Suất, tức tầng trời thứ tư trong Dục Giới. Từ quả đất của chúng ta tính lên, tầng thứ nhất là Tứ Vương Thiên, tầng thứ hai là Đao Lợi Thiên, tầng thứ ba là Dạ Ma Thiên, tầng thứ tư là Đâu Suất Thiên, Ngài ở trong tầng thứ tư, trên đó còn hai tầng nữa, [đó là] Dục Giới. Lại lên trên nữa là Sắc Giới và Vô Sắc Giới. Vì vậy, Ngài ngự trong tầng trời thứ tư trong Dục Giới. *“Tứ thiên niên hậu”* (bốn ngàn năm sau), bốn ngàn năm là thọ mạng trong cõi trời Đâu Suất, [cụ Hoàng] mở dấu ngoặc ở đây, *“chỉ Đâu Suất Thiên chi tứ thiên niên”* (chỉ bốn ngàn năm trong trời Đâu Suất), chẳng phải là bốn ngàn năm trong nhân gian chúng ta, thời gian sai khác rất lớn. Vì một ngày trong Đâu Suất Thiên bằng bốn trăm năm trong nhân gian, nên nhân gian sống một trăm tuổi, Đâu Suất Thiên thấy [nhân gian chúng ta] rất đáng thương, tương đương với gì? Sáu giờ. Bốn lần sáu là hai mươi bốn, hai mươi bốn giờ, một ngày của họ bằng bốn trăm năm trong nhân gian chúng ta.*“Tương đương ư địa cầu thượng chi ngũ thập thất ức lục thiên vạn niên”* (tương đương năm mươi bảy ức sáu ngàn vạn năm trên địa cầu), cũng có nghĩa là tính theo thời gian trên địa cầu, sau năm mươi bảy ức sáu ngàn vạn năm, Ngài sẽ đến thế gian này thành Phật, tức vị Phật thứ năm. *“Hạ sanh thử giới thành Phật”* (hạ sanh thành Phật trong cõi này). Thời gian trong thế gian này không có Phật rất dài! Pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật đã suy rồi, hiện thời học Giáo cũng thế, mà học Thiền cũng thế, học Mật cũng thế, thật sự vô cùng khó khăn. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ bảo với tôi điều này, cụ đích thân học Thiền, học Thiền với lão hòa thượng Hư Vân, theo Cống Cát lão nhân học Mật. Cụ bảo tôi, trong đời cụ, chẳng có ai học Thiền khai ngộ, đắc Định còn được mấy vị, không nhiều lắm, đắc Thiền Định nhưng chưa thể khai ngộ. Cụ cho biết kẻ học Mật kể từ khi nước Trung Hoa mới được thành lập cho tới hiện thời, kẻ học Mật có thành tựu tại Trung Quốc Đại Lục chỉ có sáu người, quá ít ỏi! Bản thân cụ niệm Phật vãng sanh, khi ấy, cụ cho tôi biết, mỗi ngày cụ niệm Phật bèn niệm mười bốn vạn câu Phật hiệu, ra đi rất thù thắng, thật sự niệm Phật cầu sanh về Tịnh Độ. Chúng ta chớ nên không biết những sự thật này.

      Trong tương lai, Di Lặc Phật hạ sanh làm Phật, *“tam hội Long Hoa, độ sanh vô lượng”* (ba hội Long Hoa, độ sanh vô lượng). Ngài khác Thích Ca Mâu Ni Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật cả đời giảng kinh hơn ba trăm hội, trong tương lai Di Lặc Bồ Tát hạ sanh chỉ có ba hội. Hội của Ngài rất lớn, số người rất nhiều. Hội của Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng lớn, có những hội nhỏ chỉ có hai ba người, cũng là một hội. Một hôm hướng về Ngài thỉnh giáo, Ngài bèn thuyết pháp cho họ, [lời thuyết pháp ấy] cũng được ghi chép trong kinh A Hàm, quý vị thấy kinh văn rất ngắn, hai, ba trăm chữ, là một hội. Đại hội có khi lâu đến mấy năm, khác hẳn, dài ngắn khác nhau, nơi chốn cũng khác nhau. Long Hoa tam hội là ba lần đại pháp hội tại cùng một chỗ, độ sanh vô lượng, trong kinh điển đã nói như thế.

      Hiện tại thuộc vào pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật, kẻ học Phật nhưng chưa thể đắc độ, đã gieo thiện căn, trong tương lai đến năm mươi bảy ức sáu ngàn vạn năm, trong khoảng thời gian ấy, chúng ta đã luân hồi chẳng biết bao nhiêu lần trong thế giới này. Đức Phật chẳng còn, có người thay thế Phật, điều này rất khó có, Địa Tạng Vương Bồ Tát thay thế Phật. Vì thế, Địa Tạng Vương Bồ Tát rất cực nhọc! Trong năm mươi bảy ức sáu ngàn vạn năm, Phật pháp đều do Địa Tạng Vương thay thế, Ngài ở nơi đây giáo hóa chúng sanh, vun bồi thiện căn, đợi khi Di Lặc Phật hạ sanh sẽ tham gia Long Hoa tam hội. Chúng ta có muốn làm như vậy hay không? Làm như vậy cũng được, nhưng thời gian rất dài. Nếu quý vị muốn thành Phật nhanh chóng hơn một chút, hãy niệm Phật để đến thế giới Cực Lạc gặp A Di Đà Phật, như vậy thì sẽ rất nhanh. Cho tới lúc nào Di Lặc Bồ Tát hạ sanh làm Phật, quý vị từ thế giới Cực Lạc hạ sanh lần nữa giúp đỡ Ngài, giống như Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên là loại người như vậy, quý vị thừa nguyện tái lai, giúp đỡ Di Lặc Phật giáo hóa chúng sanh, trở thành đại đệ tử trong hội của ngài Di Lặc. Tôi tiết lộ tin tức này cho quý vị, còn cách làm ra sao chính mình có thể quyết định. Hôm nay thời gian đã hết rồi, chúng ta học đến đây.

**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**

**Phần 46 hết**

# Tập 93

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giảo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

      Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm lẻ bảy, dòng thứ hai, xem từ dòng thứ hai.

*“Bổn kinh dĩ thượng tam đại sĩ vi Bồ Tát chúng trung thượng thủ, cái nhân tam đại sĩ Tịnh Độ duyên thâm, chánh hảo ảnh hưởng hải hội đại chúng đồng quy Tịnh Độ”* (Trong kinh này, ba vị đại sĩ trên đây là thượng thủ trong hàng Bồ Tát, do vì ba vị đại sĩ có duyên sâu đậm với Tịnh Độ, rất phù hợp để tạo ảnh hưởng khiến đại chúng cùng quay về Tịnh Độ). Mấy câu này vô cùng hay, khiến tôi cảm xúc rất sâu, vì quả thật ba vị đại Bồ Tát ấy đã hướng dẫn tôi quay về Tịnh Độ, pháp môn này quả thật là pháp khó tin. Đặc biệt là nói [pháp môn này] với những người hiện đang được gọi là “thành phần trí thức” càng đặc biệt khó khăn, vì sao? Sở Tri Chướng quá nặng. Nếu lại thêm Phiền Não Chướng, chuyện này sẽ rất phiền phức. Phiền Não Chướng nhẹ nhàng, Sở Tri Chướng nặng nề, cũng rất khó trở về Tịnh Độ. Chúng ta xem tiếp trang sau: *“Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm trung Phổ Hiền Bồ Tát ư Thệ Đa lâm trung, phát thập đại nguyện vương”* (trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, Phổ Hiền Bồ Tát ở trong rừng Thệ Đa phát ra mười đại nguyện vương). Thệ Đa Lâm tức là Kỳ Thụ Cấp Cô Độc Viên [[11]](#footnote-12)[[1]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-47.htm#_ftn1), chúng ta thấy Phổ Hiền Bồ Tát dùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Quý vị phải nhớ: Mười nguyện ấy giống như một tòa cao ốc mười tầng, lễ kính là tầng thứ nhất, xưng tán là tầng thứ hai, cúng dường là tầng thứ ba, sám trừ nghiệp chướng là tầng thứ tư, càng về sau càng phát triển cao hơn, tầng sau nhất định bao gồm tầng trước, nhưng tầng trước chẳng bao gồm tầng sau. Tầng thứ nhất không bao hàm tầng thứ hai, nó có thể độc lập; tầng thứ hai nhất định có tầng thứ nhất, không có tầng thứ nhất sẽ chẳng thể xây dựng được. Từ chỗ này, chúng ta biết: Nếu không có lễ kính, tâm cung kính chẳng thể sanh khởi, thứ gì cũng chẳng có. Quý vị không có tầng thứ nhất, toàn bộ đều chẳng có! Ngàn vạn phần chớ nên sơ sót. [Nếu nghĩ] cung kính qua loa một chút là được rồi, không được đâu nhé! Qua quít không được! Hễ qua quít là thôi rồi! Vì vậy, quý vị thấy trong pháp thế gian, người Trung Quốc từ xưa tới nay [tự hào Trung Hoa là] *“lễ nghĩa chi bang”* (đất nước lễ nghĩa). Chúng ta mở sách Lễ Ký ra xem, câu đầu tiên là *“Khúc Lễ viết, vô bất kính”* (Khúc Lễ [[12]](#footnote-13)[[2]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-47.htm#_ftn2) nói: “Không gì chẳng kính”), quý vị thấy, [cổ nhân] đặt lễ kính vào hàng đầu, bèn biết pháp môn này trọng yếu ngần ấy!

      Giữa những người quá thân thuộc với nhau, suồng sã một tí, cần gì phải bày vẽ màu mè như thế? Trọn chẳng biết đấy không phải là bày vẽ màu mè, mà [lễ kính] phát xuất từ trong nội tâm, tánh đức tự nhiên lưu lộ, lại còn phải vĩnh viễn chẳng suy thì pháp thế gian và pháp xuất thế gian mới có thể kiến lập. Lễ kính hơi suy một chút, chắc chắn sau đó sẽ nẩy sanh vấn đề. Người sáng mắt hiểu rõ: Lễ số bị suy kém một chút, đó là tín hiệu cho thấy [đoàn thể] bị phân tán, sắp phải chia tay, đã có chuyện thay đổi! Vì thế, chúng ta phải hiểu rõ: Chẳng thể điên đảo thứ tự! Cùng một đạo lý, Bồ Tát tu sáu Ba La Mật, thứ nhất là bố thí, thứ hai là trì giới, thứ ba là nhẫn nhục, thứ tư là tinh tấn; nếu chẳng có bố thí, toàn bộ những điều sau đó cũng chẳng có! Kẻ không chịu bố thí làm sao trì giới được? Chẳng thể nào! Không thể trì giới, làm sao kẻ ấy tu nhẫn nhục cho được? Trong Phật pháp, đức hạnh có rất nhiều thứ, nhưng chắc chắn không thể đảo lộn thứ tự các đức hạnh trong tu hành. Hễ thứ tự bị xáo trộn bèn rối loạn, đến cuối cùng chẳng có chuyện nào thành tựu! Đối với lễ kính, Phổ Hiền Bồ Tát dạy chúng ta *“lễ kính chư Phật”*, từ cơ sở này mà tu thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đấy mới là công đức xứng tánh viên mãn, làm sao có thể coi thường cho được? Những gì do chư Phật Như Lai, Pháp Thân đại sĩ đã kiến lập, nhất định có đạo lý to lớn trong ấy, chúng ta phải tin sâu chẳng nghi, phải nghiêm túc học tập, tuân thủ các lời răn dạy mới hòng thành tựu. “Phổ giai hồi hướng” là tầng lầu thứ mười ở tận trên cùng, là chót đỉnh của tháp báu, “phổ giai hồi hướng” nghĩa là gì? Chính là nguyện thứ nhất trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện, *“chúng sanh vô biên thệ nguyện độ”*, cơ sở của phổ độ là lễ kính.

      Sau khi đã phát mười đại nguyện vương, Phổ Hiền Bồ Tát nói tiếp, những điều ấy đều là lời phát nguyện của Ngài, *“thị nhân lâm mạng chung thời, tối hậu sát-na”* (người ấy lúc sắp lâm chung, trong sát-na cuối cùng), tức là trong hơi thở cuối cùng, *“nhất thiết chư căn tất giai tán hoại”* (hết thảy các căn thảy đều hư hoại), cái thân vật chất bị tan nát.*“Nhất thiết quyến thuộc tất giai xả ly”* (hết thảy quyến thuộc thảy đều lìa bỏ), khi ấy quý vị không buông xuống cũng chẳng được, chẳng còn là người nhà quyến thuộc của quý vị nữa, duyên trong đời này đã hết, đã chấm dứt rồi. *“Nhất thiết oai thế tất giai thoái thất”* (hết thảy quyền uy, thế lực thảy đều lui mất), oai đức, quyền lực của quý vị đến lúc ấy đã chấm dứt rồi. *“Phụ tướng đại thần”*, nếu quý vị mang thân phận quốc vương thì [từ ngữ “phụ tướng đại thần”] nói đến Tể Tướng, bầy tôi của quý vị. *“Cung thành nội ngoại”* (cung thành trong ngoài), đấy là của cải và cung điện của quý vị. *“Tượng mã xa thặng”* (xe voi, xe ngựa), đấy là công cụ giao thông, đều rực rỡ, xa hoa nhất, thù thắng nhất. *“Trân bảo phục tạng”* (kho tàng quý báu), những món quý báu, đồ cổ quý vị đã thâu thập*. “Như thị nhất thiết vô phục tương tùy”* (hết thảy những thứ như vậy chẳng còn theo ta nữa), chẳng có thứ gì là của quý vị, khi ấy quý vị liền biết, nguyên lai, ngay cả cái thân của chính mình cũng chẳng phải là của chính mình! Có thân thể này, quý vị có hết thảy những thứ đó, thân thể chẳng còn, toàn bộ hết thảy những thứ kèm theo đều chẳng còn nữa! Những điều ấy nói với chúng ta một chân tướng sự thật, mỗi cá nhân đều chẳng thể tránh khỏi, cái thân xác thịt này đã có sanh nhất định phải chết, đó là hiện tượng tự nhiên. Một năm có bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông luân chuyển, luôn đổi dời chẳng ngừng, không thể ngưng lại được, biến hóa trong từng sát-na. Do vậy, đức Phật dạy chúng ta, phàm thứ gì không mang theo được hãy buông xuống, chớ nên ghim trong lòng. Thứ gì thật sự mang theo được hãy nên giữ nơi tâm, niệm niệm chẳng xả, đó là đúng!

      Tôi nhớ cư sĩ Lưu Tố Vân có báo cáo, quý vị có thể xem đĩa CD của bà ta, trong ấy bà ta có kể một câu chuyện thật, chẳng giả, một bạn gái thân thiết than vãn chồng cô ta lăng nhăng bên ngoài. Bà ta bảo người bạn gái ấy: “Đó là chồng cô dan díu bên ngoài, cô có biết hai chữ trượng phu giải thích như thế nào hay không? Trượng là xa đến một trượng, trong vòng một trượng là chồng cô, ngoài một trượng chẳng phải nữa. Cô bận tâm làm gì?” Đó là khuyên người khác buông xuống, chẳng nên tự tìm phiền não. Cùng một đạo lý, chúng ta hãy mở rộng ra để quan sát, thân thể này, một hơi thở chưa đoạn thì còn sống, là của chính mình; hễ một hơi thở chẳng hít vào được nữa, chẳng phải là của ta. Quần áo quý vị mặc trên người là của chính quý vị, bỏ chúng vào trong tủ áo bèn chẳng phải là của quý vị. Căn nhà quý vị đang ở, hôm nay quý vị ở trong căn nhà ấy thì nó là của quý vị, quý vị rời khỏi nhà, nó chẳng phải là của quý vị nữa. Trong túi quý vị chứa bao nhiêu tiền thì là của quý vị, tiền trong ngân hàng chẳng phải là của chính mình. Nếu chúng ta có thể quán như thế, tâm thanh tịnh sẽ rất nhanh chóng hiện tiền, đây là nói lời thật với quý vị, chẳng nói giả dối. Buông xuống, bảo quý vị hãy thời thời khắc khắc quán tưởng, tự nhiên quý vị có thể buông xuống. Sau khi buông những thứ tạp nhạp xuống, Phật hiệu mới dấy lên được, đó là thật, vì sao? Mang theo được! Khi ta mạng chung sẽ sang thế giới Cực Lạc. Trong sát-na cuối cùng, nếu quên mất Phật hiệu, vẫn mê luyến những thứ ấy, quý vị lại luân hồi trong lục đạo, chẳng phải là bỏ lỡ cơ hội vãng sanh Tây Phương ư? Thật đáng tiếc! Tôi cũng gặp chuyện giống như người bạn thân tố khổ với Lưu cư sĩ, tôi cũng từng gặp phải chuyện đó. Một vị nữ cư sĩ kể lể chồng bà ta dan díu bên ngoài, hỏi tôi nên làm sao? Tôi nói: “Điều ấy rất hợp để giúp cho bà niệm Phật, bà đừng bận lòng, cứ để chồng làm theo ý muốn sẽ hay hơn. Không chỉ chẳng oán hận, mà còn cảm tạ người tình của chồng. Nếu không, bà phải chăm sóc chồng, công phu niệm Phật chẳng đắc lực! Có một người tốt như thế đến giúp đỡ bà, đó là chuyện tốt, Bồ Tát đấy!” Chuyện thế gian chẳng có gì tuyệt đối phải, trái, đúng, sai, chẳng có, đều là trong một niệm của chính mình. Một niệm đã giác ngộ, ai nấy đều là người tốt, chuyện gì cũng là chuyện tốt, đều do trong một niệm, tùy thuộc quý vị chuyển ý niệm theo cách nào! Vì vậy, niệm nhiều những đoạn kinh văn như thế này sẽ có lợi.

      Tiếp theo đó là *“duy thử nguyện vương bất tương xả ly”* (chỉ có nguyện vương này chẳng bỏ lìa), chẳng phải là bảo quý vị niệm mười đại nguyện vương, mà là bảo quý vị hãy hành. Lễ kính chư Phật là quan hệ luân lý rốt ráo viên mãn trong Phật môn, quý vị thấy pháp thế gian được thực hiện từ đâu? Từ *“phụ tử hữu thân”*, tức là thực hiện bằng tình thân ái. Trong Đại Thừa Phật pháp, Hoa Nghiêm là Nhất Thừa Phật pháp được thực hiện từ đâu? Thực hiện từ *“lễ kính chư Phật”.*Xét theo ý vị, ý vị thế gian và pháp vị là một vị, chẳng hai, chớ nên không biết điều này; nhưng phạm vi của lễ kính chư Phật to lớn, lớn đến mức độ nào? Cổ nhân Trung Quốc nói: *“Đại nhi vô ngoại, tiểu nhi vô nội”*(không gì lớn ở ngoài, không gì nhỏ nhoi chẳng ở trong), toàn bộ đều bao gồm trong ấy. Chư Phật là gì? Chư Phật là tự tánh, chúng ta gọi người minh tâm kiến tánh là Phật. Quá khứ Phật là Phật đã thành, hiện tại Phật cũng đã minh tâm kiến tánh, vị lai Phật là ai? Vị lai Phật chính là chúng ta, là hết thảy hữu tình chúng sanh, hoàn toàn là vị lai Phật, muỗi, trùng, kiến là vị lai Phật, các loài trùng ngọ ngoạy, bay, bò là vị lai Phật. Kinh Hoa Nghiêm nói càng khéo: *“Tình và vô tình đều cùng viên thành Chủng Trí”*, ý nghĩa này bao hàm điều gì? Hữu tình chúng sanh là vị lai Phật, vô tình chúng sanh cũng là vị lai Phật. Vô tình là gì? Hoa, cỏ, cây cối, núi, sông, đại địa, các hiện tượng vũ trụ toàn bộ đều là vị lai Phật, đều do tự tánh biến hiện, lìa khỏi tự tánh sẽ chẳng có một pháp nào để được. Nhà Phật thường nói: *“Ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm”*, tâm tức là Phật, Phật tức là tâm. Những năm qua, chúng tôi đề xướng Tam Thời Hệ Niệm là trợ tu; trong nghi thức ấy, thiền sư Trung Phong đã bảo: *“Tâm ta chính là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật chính là tâm ta. Phương này chính là Tịnh Độ, Tịnh Độ chính là phương này”*, loại nhận thức, ngôn hạnh như thế được gọi là *“lễ kính chư Phật”.*

      Quý vị thấy Phật pháp giảng luân lý, đúng là giảng đến rốt ráo viên mãn; đối với một sợi lông trong chánh báo, y báo trên đầu một sợi lông của chúng ta được gọi là một hạt vi trần. Các nhà khoa học hiện thời phân tích, biết nguyên tử có thể phân tích [nhỏ hơn], điện tử vẫn có thể phân tích, phân tích đến hạt cơ bản, phân tích đến khoa khắc (quartz), vẫn còn có thể phân tích [nhỏ hơn nữa], hiện thời đã phân tích đến tiểu quang tử (photon); các nhà khoa học đặt cho nó cái tên là lượng tử (quantum), nói chung là chẳng còn cách nào phân tích nhỏ hơn nữa! Đó là vật chất nhỏ nhất trong vũ trụ; trong Phật pháp [vật chất nhỏ nhất] được gọi là *“cực vi chi vi”* đã bị họ phát hiện. Các nhà khoa học nói trên thế giới không có vật chất, họ nói rõ vật chất chẳng tồn tại, vật chất là gì? Vật chất là hiện tượng được phát sanh bởi ý niệm tích lũy, hiện tượng ấy chính là tiểu quang tử, nó là từ trong Không sanh ra Có. Hơn nữa, tốc độ vô cùng nhanh chóng, vừa thấy nó sanh, nó đã diệt, gần như là gì? Sanh diệt đồng thời, tốc độ nhanh ngần ấy! Vì thế, hiện tượng vật chất là một thứ huyễn tướng tích lũy liên tục phát sanh. Hơn nữa, họ còn phát hiện những vật chất vô cùng vi tế ấy cũng có tác dụng tinh thần, [tác dụng] tinh thần là gì vậy? Trong tự tánh, chúng được gọi là “kiến, văn, giác, tri” (thấy, nghe, hay, biết). Khi mê, nơi hiện tượng vật chất, chúng (kiến, văn, giác, tri) được gọi là Thọ, Tưởng, Hành, Thức, đấy chính là A Lại Da, [nói chính xác hơn, đó] là ba tế tướng của A Lại Da. Nói theo Lý, quả thật có thứ tự trước sau, nhưng trên mặt Sự, chẳng nhìn ra thứ tự trước sau, nó quá nhanh chóng, quá lẹ làng! Từ ba ngàn năm trước, trong kinh, Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói: *“Một niệm bất giác bèn có vô minh”.* Vô minh là ba tế tướng, từ ba tế tướng sanh ra sáu thô tướng. Tướng thứ nhất trong sáu thô tướng là Trí Tướng, người hiện thời gọi Trí là tri thức (kiến thức), thưa quý vị, Trí ấy chẳng phải là trí huệ, mà là tri thức. Loại thứ hai là Tương Tục Tướng, thứ ba là Chấp Thủ Tướng; thứ tư là Phân Biệt; thứ năm là Nghiệp Tướng, tạo nghiệp, thứ sáu là Nghiệp Hệ Khổ Tướng, đó là quả báo. Quả báo luân hồi trong lục đạo, ba tế, sáu thô, có thể nói là sáu thô bao gồm y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới. Cũng như khi Huệ Năng đại sư khai ngộ đã báo cáo năm câu, câu cuối cùng là *“nào ngờ tự tánh, có thể sanh vạn pháp”*, ba tế, sáu thô sanh ra vạn pháp, sáu thô tướng chính là vạn pháp. Nay chúng ta mê nơi sáu thô tướng, chẳng thể giác ngộ, chẳng thể quay đầu, khi nào quay đầu sẽ giác ngộ, sẽ tu hành chứng quả. Trong kinh Hoa Nghiêm, Phổ Hiền Bồ Tát dạy chúng ta quay đầu, dùng phương pháp gì? Chỉ có nguyện vương này chẳng lìa bỏ. Quý vị tu hành mười đại nguyện vương, thật thà niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, bèn thành tựu trong một đời này.

*“Ư nhất thiết thời, dẫn đạo kỳ tiền”* (trong hết thảy các thời, nó dẫn đường trước mặt), nguyện vương ấy dìu dắt quý vị. *“Nhất sát-na trung tức đắc vãng sanh Cực Lạc thế giới”* (trong một sát-na liền được vãng sanh thế giới Cực Lạc), mười đại nguyện vương này là mười nguyện phải phát, chẳng phải phát bằng miệng, chỉ phát nguyện đằng miệng, chẳng khởi tác dụng, phải từ trong tâm phát ra, phải thực hiện lễ kính. Lễ là bề ngoài, Kính là trong tâm, biểu hiện ra ngoài bằng chân tâm thương yêu, cung kính. Nay chúng ta trông thấy người khác, ắt phải cúi gập người chín mươi độ để chào, đối với bất cứ ai đều biểu thị sự lễ kính. Đối với muỗi, kiến, có cần phải cúi gập người chín mươi độ để chào hay chăng? Quý vị cũng cúi gập người chín mươi độ để chào, người ta sẽ nói quý vị là kẻ ngốc! Thấy hoa, cỏ, cây cối cũng cúi gập người chín mươi độ để chào ư? Chẳng phải vậy! Chân tâm yêu thương, hãy chắp tay niệm Phật hồi hướng, thuyết pháp cho nó. Cái bàn, băng ghế dài cũng là một trong các vị Phật, ta có nên hành lễ với cái bàn hay chăng? Chẳng phải, lễ kính bàn ghế là lau chùi sạch sẽ, sắp xếp ngay ngắn, đó là lễ kính! Vì vậy, lễ kính do người, do thời, do nơi chốn, sống động, chứ không chết cứng, chẳng phải là khô khan, mà là sống động, linh hoạt. Trong tâm thật sự thành kính, sẽ chẳng có gì không đúng pháp, thứ gì cũng đều đúng pháp, chúng ta thật sự có thể cảm động người khác, có thể giúp cho người khác “quay đầu là bờ”. Vì thế, tự hành thật sự là hóa tha, thật sự hóa tha nhất định phải tự hành. Tự hành và hóa tha là một chuyện, chẳng phải hai chuyện.

      Vãng sanh thế giới Cực Lạc, *“đáo dĩ, tức kiến đáo A Di Đà Phật”* (đã đến [cõi Cực Lạc] liền thấy A Di Đà Phật). Vì sao? Đó là pháp Nhất Thừa, dùng mười đại nguyện vương tu pháp môn Niệm Phật, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng phải là trong cõi Đồng Cư, cũng chẳng phải trong cõi Hữu Dư, mà là trực tiếp sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Quý vị không tin thì hãy thử xem, quý vị có thể đối với đá, đối với bùn cát cung kính chân thành dường ấy, quý vị sẽ cung kính người khác chẳng khác gì cung kính A Di Đà Phật. Tâm chân thành như vậy sẽ tự nhiên tương ứng với cõi Thật Báo Trang Nghiêm của A Di Đà Phật, vì sao? Chư Phật Như Lai đối với vạn sự, vạn pháp, vạn vật đều cung kính như thế, quý vị học theo chư Phật Như Lai không hai, không khác, nên phẩm vị của quý vị trong bốn cõi, ba bậc, chín phẩm nơi thế giới Tây Phương sẽ cao. Nho gia nói đến quan hệ nhân luân cao nhất là *“phàm thị nhân, giai tu ái”* (hễ là người đều phải yêu), chẳng nói đến động vật. Nếu động vật cũng nói đến thì là *“ái ốc cập điểu”* (yêu nhà, yêu lây cả chim), đó là nói đến động vật; nhưng chẳng nói đến cây cối, hoa, cỏ, chẳng nói đến núi, sông, đại địa, chẳng nói đến hiện tượng tự nhiên. Phật pháp thảy đều nói tới, toàn bộ được bao gồm trong ấy; vì thế, luân lý rốt ráo viên mãn ở trong kinh Đại Thừa. Người ấy đến nơi đó thấy A Di Đà Phật, thấy Pháp Thân và Báo Thân của A Di Đà Phật Pháp Thân, chẳng phải là Ứng Hóa Thân.

*“Hựu kệ vân”* (lại nói kệ rằng), tiếp theo đó là tám câu kệ, đấy là Phổ Hiền Bồ Tát phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ [bài kệ này được chép] trong quyển bốn mươi của bộ Tứ Thập Hoa Nghiêm, chúng ta hãy đọc mấy câu kệ đó. *“Nguyện ngã”* (nguyện tôi), *“ngã”* là Phổ Hiền Bồ Tát tự xưng, *“lâm dục mạng chung thời”*,tức là khi thọ mạng chấm dứt, *“tận trừ nhất thiết chư chướng ngại”*(trừ sạch hết thảy các chướng ngại), khi mất chẳng có chướng ngại, vì sao? Thảy đều buông xuống. Hễ có một chuyện chẳng buông xuống được sẽ trở thành chướng ngại, chuyện dẫu nhỏ bé đến mấy cũng rất phiền phức, chướng ngại quý vị chẳng thể vãng sanh, chướng ngại khiến quý vị tiếp tục luân hồi trong lục đạo, quý vị nói xem chuyện này có phiền phức hay không? *“Diện kiến bỉ Phật A Di Đà, tức đắc vãng sanh An Lạc sát”* (gặp mặt đức Phật A Di Đà, liền được vãng sanh cõi An Lạc), chẳng có chướng ngại nên quý vị mới có thể thấy Phật, sanh Tịnh Độ. *“Ngã ký vãng sanh bỉ quốc dĩ, hiện tiền thành tựu thử đại nguyện”* (tôi đã vãng sanh cõi ấy rồi, hiện tiền thành tựu đại nguyện này), mười đại nguyện vương phải được thực hiện viên mãn rốt ráo khi nào? Trong thế giới Cực Lạc. Vì vậy, quý vị thật sự thực hiện viên mãn rốt ráo mười đại nguyện vương, thế giới Cực Lạc sẽ hiện tiền, vì sao? Thế giới Cực Lạc do ý niệm của quý vị biến hiện. Đúng là *“phương này chính là Tịnh Độ, Tịnh Độ chính là phương này”*, ý niệm mười đại nguyện vương biến hiện thành cõi Thật Báo Trang Nghiêm của A Di Đà Phật. *“Nhất thiết viên mãn tận vô dư, lợi lạc nhất thiết chúng sanh giới”* (hết thảy viên mãn chẳng còn sót, lợi lạc hết thảy chúng sanh giới), chính mình đã thành tựu, lại thành tựu hết thảy chúng sanh giới. Lợi ích như thế nào? Giáo hóa. Phổ Hiền Bồ Tát cũng là trong hết thảy thời, hết thảy chỗ, khởi cảm ứng đạo giao cùng hết thảy chúng sanh hữu duyên. Chúng sanh có cảm, Ngài bèn hiện thân, giống như Quán Thế Âm Bồ Tát *“nên dùng thân gì để đắc độ bèn hiện thân ấy”*. Tám câu ấy là lời phát nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát.

      Kế đó, chúng ta lại xem Văn Thù Bồ Tát, [xem xong lời] phát nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát, lại xem tới ngài Văn Thù, lời nguyện của ngài Văn Thù hầu như hoàn toàn giống với Phổ Hiền Bồ Tát: “*Nguyện ngã mạng chung thời, diệt trừ chư chướng ngại, diện kiến A Di Đà, vãng sanh An Lạc sát”* (nguyện tôi lúc mạng chung, diệt trừ các chướng ngại, gặp gỡ A Di Đà, vãng sanh cõi An Lạc), cõi An Lạc chính là thế giới Cực Lạc. *“Sanh bỉ Phật quốc dĩ, thành mãn chư đại nguyện, A Di Đà Như Lai, hiện tiền thọ ngã ký”* (Sanh về cõi ấy rồi, thành mãn các đại nguyện, A Di Đà Như Lai, bèn hiện tiền thọ ký), Như Lai thọ ký Bồ Tát thành Phật viên mãn. *“Như thị lưỡng đại sĩ, phát thù thắng đại nguyện, cầu sanh Cực Lạc, khả khuyến nhất thiết Bồ Tát, giai ngưỡng tín Văn Thù chi đại trí, nhập Phổ Hiền chi đại hạnh, phổ đạo chúng sanh, đồng quy Cực Lạc”*(Hai vị đại sĩ phát đại nguyện thù thắng, cầu sanh Cực Lạc như vậy, có thể khuyên hết thảy các vị Bồ Tát đều ngưỡng mộ, tin tưởng đại trí của Văn Thù, nhập đại hạnh của Phổ Hiền, dẫn dắt trọn khắp các chúng sanh đều về Cực Lạc). Xưa kia, khoảng chừng ba mươi năm trước, tôi giảng kinh Hoa Nghiêm, cũng dùng một thời gian rất dài [mà chỉ] giảng được một nửa. Khi ấy, mỗi tuần tôi giảng ba ngày, hai ngày giảng Bát Thập Hoa Nghiêm, một ngày giảng Tứ Thập Hoa Nghiêm, mỗi tuần giảng sáu giờ, mỗi lần hai giờ. Giảng được một nửa, bỗng có ngày tâm tình sôi nổi, đột nhiên nghĩ Văn Thù và Phổ Hiền tu pháp môn gì? Trong hội Hoa Nghiêm, Thiện Tài là đệ tử đắc ý của Văn Thù Bồ Tát, cũng có thể nói Ngài là truyền nhân của Văn Thù Bồ Tát, Ngài tu pháp môn gì? Điều này thuộc phần sau, vẫn chưa giảng đến, tôi vừa mới thưa cùng quý vị, đối với đoạn văn này, vừa mới đọc đến đoạn văn này trong quyển bốn mươi của bộ Tứ Thập Hoa Nghiêm. Tôi lật kinh ra, xem đến phần sau, thấy đoạn này, hoảng nhiên đại ngộ, lúc đó mới thật sự tin tưởng Tịnh Độ, nhất tâm quy mạng pháp môn Tịnh Độ, cũng nguyện sanh về cõi Cực Lạc giống như Bồ Tát, đích thân phụng sự A Di Đà Phật. Trước đó, thầy Lý đã khuyên tôi rất nhiều lần, nhưng tôi cũng chẳng có cách nào tiếp nhận. Tôi học Phật là do theo tiên sinh Phương Đông Mỹ học Triết Học Nhập Môn, thầy Phương đặc biệt giới thiệu kinh HoaNghiêm cho tôi, bảo tôi “bộ sách ấy” vốn là khái luận của Đại Thừa Phật học, cụ dùng danh xưng ấy để giới thiệu. Cụ nói “bộ sách” ấy viết hay lắm, trên cả thế giới không có sách Triết Học nào hay hơn được! Trong sách ấy có lý luận viên mãn, có phương pháp tinh tế, phía sau lại còn kèm theo năm ba mươi lần biểu diễn, biểu diễn gì vậy? Thực hiện lý luận và phương pháp ấy như thế nào trong cuộc sống, trong công việc, trong xử sự, đãi người, tiếp vật; vì thế, thầy Phương mới nói: *“Đây là sự hưởng thụ cao nhất trong đời người”*. Thầy Phương không khuyên tôi tu Tịnh Độ, thầy dạy tôi hãy nhập môn từ Pháp Tướng Tông, đối với những thành phần tri thức thông thường thì phải giới thiệu như vậy. Phần tử tri thức ham học, nghe nhiều, Pháp Tướng Duy Thức hết sức phù hợp khẩu vị của họ. Do vậy, họ bài xích Tịnh Độ, cho là gì? “Giáo pháp của mấy bà già! Thích Ca Mâu Ni Phật đại từ đại bi, thấy những kẻ ngu si ấy chẳng có cách nào học tập, bèn khuyên họ niệm A Di Đà Phật”. Tâm thái nhìn nhận Tịnh Độ như vậy là nhìn sai bét rồi!

      Chương Gia đại sư là Thượng Sư bên Mật Tông, Ngài khuyên tôi *“Mật Giáo nhất định phải tu học từ Hiển Giáo”*, dạy tôi hãy nương theo kinh luận Đại Thừa, Ngài cũng chẳng khuyên tôi tu Tịnh Độ. Sau này, gặp thầy Lý, thầy Lý học với Ấn Quang đại sư là bậc đại đức trong Tịnh Tông, biết sự thù thắng của Tịnh Độ, nhưng cụ khuyên tôi rất nhiều lần, tôi chẳng bài xích, chẳng khinh dễ Tịnh Độ. Cụ đưa Ấn Quang Văn Sao cho tôi xem, tôi đọc xong một lượt, đối với Tịnh Độ có chút ấn tượng, chẳng hề hủy báng, cũng tán thán, nhưng chính mình chẳng chịu học, mà học kinh điển Đại Thừa. Thầy giảng kinh Hoa Nghiêm tại Đài Trung, tôi giảng kinh Hoa Nghiêm tại Đài Bắc, giảng đến một nửa đột nhiên nghĩ đến chuyện này, xem đoạn văn này mới quay đầu là bờ, thật sự phát tâm. Vì thế, tôi từ học Phật mà trở về Tịnh Độ, nói chung, hai mươi năm trước chẳng thật sự dụng tâm đọc kinh Tịnh Độ, hai mươi năm sau mới bắt đầu nghiêm túc đọc tụng kinh luận Tịnh Độ. Tôi tin tưởng, Phật, Bồ Tát đã bảo là pháp khó tin, đối với tôi quả thật khó tin. Nếu không có Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, tôi chẳng thể trở về Tịnh Độ, những bộ đại kinh ấy đã dẫn dắt tôi về Tịnh Độ. Vì thế, tôi có ấn tượng rất sâu đối với mấy câu này. Hết thảy Bồ Tát đều ngưỡng mộ, tin tưởng Văn Thù đại trí, Phổ Hiền đại hạnh. *“Ngưỡng”* (仰) là kính ngưỡng, chẳng còn bàn cãi chi nữa, hai vị Bồ Tát này là đại trí, đại hạnh. *“Phổ đạo chúng sanh đồng quy Cực Lạc. Thị cố thử kinh, liệt vi thượng thủ. Thứ lệ Di Lặc giả, Đại Bảo Tích Kinh, Phát Thắng Chí Nhạo hội, Di Lặc vấn Phật, nhược hữu chúng sanh phát thập chủng tâm, tùy nhất nhất tâm, chuyên niệm hướng ư A Di Đà Phật, thị nhân mạng chung đương đắc vãng sanh bỉ Phật thế giới”*(hướng dẫn trọn khắp chúng sanh cùng về Cực Lạc. Vì thế, kinh này xếp các Ngài vào hàng thượng thủ. Kế đó, nêu tên ngài Di Lặc. Trong pháp hội Phát Khởi Bồ Tát Thù Thắng Chí Nhạo của kinh Đại Bảo Tích, ngài Di Lặc hỏi Phật: “Nếu có chúng sanh phát mười loại tâm, do mỗi tâm chuyên niệm, hướng về A Di Đà Phật, người ấy mạng chung sẽ sanh về thế giới của đức Phật ấy”). Đây là trong kinh Bảo Tích, trong hội ấy, Di Lặc Bồ Tát có nói mấy câu như vậy. Ngài nói nếu có chúng sanh phát mười loại tâm, chúng tôi trích lục mười loại tâm ấy từ Tam Tạng Pháp Số, đều sao lục từ kinh Bảo Tích, rất quan trọng.

      Kinh dạy như thế này: *“Di Lặc Bồ Tát bạch Phật ngôn: Như Phật sở thuyết, A Di Đà Phật Cực Lạc thế giới công đức lợi ích”* (Di Lặc Bồ Tát bạch Phật: “Như đức Phật đã nói về công đức và lợi ích trong thế giới Cực Lạc của A Di Đà Phật”), những điều ấy do đức Thế Tôn giảng cho Di Lặc Bồ Tát, *“nhược hữu chúng sanh phát thập chủng tâm, tùy nhất nhất tâm chuyên niệm bỉ Phật, thị nhân mạng chung đương đắc vãng sanh dã”* (nếu có chúng sanh phát mười loại tâm, dùng mỗi tâm để chuyên niệm đức Phật ấy, người đó mạng chung sẽ được vãng sanh). Chúng ta phải nghiêm túc học tập mười loại tâm ấy, hai loại đầu tiên biểu thị lòng đại từ đại bi của Di Lặc Bồ Tát.

      Thứ nhất là *“vô tổn hại tâm”*, người niệm Phật đều phải tu mười loại tâm ấy. *“Niệm Phật chi nhân, ư chư chúng sanh, thường khởi đại từ chi tâm, bất gia tổn hại, linh đắc khoái lạc, thị danh vô tổn hại tâm”* (người niệm Phật thường khởi tâm đại từ đối với các chúng sanh, chẳng gây tổn hại, khiến cho họ được vui sướng, nên gọi là tâm chẳng tổn hại). Từ bi làm đầu, phát tâm ấy như thế nào? Người bình thường chẳng phát được, chỉ có Đại Thừa Bồ Tát, vì sao? Đại Thừa Bồ Tát mới thật sự biết chúng sanh trong pháp giới vốn cùng một Thể. Sách Hoàn Nguyên Quán của Hiền Thủ quốc sư đã giảng nguyên khởi của vũ trụ, đây là một đại vấn đề, là một vấn đề lớn trong triết học và khoa học, mãi cho đến hiện thời cũng chẳng có cách nào giải quyết. Biết có chuyện ấy, nhưng chuyện ấy rốt ráo là như thế nào, chẳng ai có thể nói được. Vũ trụ do đâu mà có? Vì sao có vũ trụ? Con người do đâu mà có? Ta do đâu mà có? Trọng yếu nhất là ta, ta do đâu mà có? Chỉ trong Đại Thừa Phật pháp là những vấn đề ấy được giảng rõ ràng, ngay cả các nhà khoa học Lượng Tử hiện thời cũng chẳng có cách nào giảng rõ ràng như đức Phật. Thật sự hiểu rõ ràng, minh bạch thì khắp pháp giới hư không giới và chính mình vốn là một, một Thể, một thân, thân ấy được gọi là Pháp Thân, chẳng phải là thân nghiệp báo, mà là Pháp Thân. Thân nghiệp báo là một phân tử, một tế bào, một sợi lông trong Pháp Thân.

      Pháp Thân không có sanh diệt, đạo lý “chẳng sanh diệt” này nói rất sâu. Trong kinh giáo Đại Thừa, đức Phật bảo chúng ta “vốn chẳng sanh”. Nếu chẳng sanh, lấy đâu ra diệt? Có hiện tượng hay không? Có, nhưng khó hiểu. Có hiện tượng thì có sanh diệt, cớ sao có thể nói là “vốn chẳng sanh?” Trong khi giảng kinh, đức Phật rất khéo dùng tỷ dụ, khiến cho chúng ta từ tỷ dụ sẽ thấu hiểu. Tỷ dụ được dùng nhiều nhất là nằm mộng, vì mỗi cá nhân đều có kinh nghiệm nằm mộng, nên dùng mộng làm tỷ dụ mọi người sẽ chẳng cảm thấy xa lạ, xưa, nay, trong, ngoài nước mọi người đều nằm mộng. Vì thế, trong kinh Kim Cang, đức Phật nói bốn câu kệ: *“Hết thảy các pháp hữu vi”*, hết thảy các pháp hữu vi là Pháp Thân, *“như mộng, huyễn, bọt, bóng, như sương cũng như chớp, hãy nên quán như thế”.* Như mộng, huyễn, bọt, bóng là không có sanh diệt; vốn không sanh, há có diệt! Vì sao? Giả, chẳng thật, khi nằm mộng thì có, sau khi tỉnh mộng bèn chẳng còn nữa, rỗng tuếch! Khi mộng thì chẳng sanh, khi tỉnh cũng không diệt, căn bản là không có chuyện này. Phật dùng điều này để tỷ dụ điều gì? Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới là mộng cảnh. Có thời gian dài hay ngắn hay không? Thưa quý vị, không có, trong mộng có thời gian, sau khi tỉnh lại bèn chẳng còn thời gian nữa. Không chỉ chẳng có thời gian, mà không gian cũng chẳng có, không gian là gì? Ngay trong giây phút này. Đối với những lời kinh ấy và những ý nghĩa ấy, chúng ta phải rất chú tâm quán chiếu, thấu hiểu thì mới có thể nhận thấy đức Phật nói chẳng sai! Khắp pháp giới hư không giới và chính mình là một; ngoài chính mình ra, thứ gì cũng chẳng có! Giống như trong mộng, toàn bộ cảnh giới trong mộng đều do tâm của chính mình biến hiện. Trong mộng có nhiều người, nhiều sự, nhiều vật, toàn bộ đều do tự tâm biến hiện. Thật sự đúng như đức Phật đã nói: *“Ngoài tâm chẳng có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm. Ngoài tâm chẳng có mộng, ngoài mộng chẳng có tâm”*. Quý vị dần dần thấu hiểu, thật sự thấu hiểu, tâm từ bi sẽ phát xuất. Vì sao? Chẳng có ai không yêu thương chính mình! Đã biết toàn thể vạn sự, vạn vật trong vũ trụ là chính mình, tâm đại bi mới có thể sanh khởi được. Đó là chân tâm, chẳng phải là hư vọng, tâm yêu thương chân thành.

      Thật ra, trước khi Phật pháp truyền đến Trung Quốc, tổ tiên Trung Quốc cũng đã từng nói đến đạo lý này, nhưng chẳng nói tỉ mỉ như trong kinh Phật. Lão Tử nói: *“Thiên địa dữ ngã đồng căn, vạn vật dữ ngã nhất thể”* (trời đất và ta cùng cội rễ, vạn vật và ta cùng một thể), chẳng phải là ý nghĩa này ư? Lão Tử và Thích Ca Mâu Ni Phật chưa hề gặp mặt, cũng chẳng trao đổi tin tức, đó gọi là “anh hùng có cách nhìn đại lược giống nhau!” Thích Ca Mâu Ni Phật trông thấy, Lão Tử cũng nói đến. Nếu chẳng thấy, làm sao Ngài có thể nói được? Ắt phải có nhận biết giống như vậy, nhận biết vũ trụ là một Thể, tâm từ bi chân thành mới sanh ra được. Sau đấy thì sao? Đối với hết thảy chúng sanh chắc chắn không có tâm tổn hại, quý vị yêu thương họ. Quý vị không chỉ giết họ, mà ngay cả gây tổn hại cho họ cũng chẳng thể làm được, đó là tánh đức trong tự tánh thấu lộ viên mãn. Không chỉ chẳng gây tổn hại, mà quý vị nhất định có tâm thành tựu người khác, khiến họ được vui sướng, thật sự có lòng giúp đỡ kẻ khác, khiến cho kẻ khác thành tựu. Nếu ta chẳng quen biết kẻ đó, kẻ đó lại chẳng có liên quan gì với ta, ta cần gì phải làm chuyện tốt ấy, cần gì phải giúp đỡ kẻ chẳng thân thiết, chẳng có quan hệ gì với ta? [Đó là tâm thái của kẻ] chưa giác ngộ, là tâm phàm phu! Người thật sự giác ngộ chẳng có tâm ý thức ấy! Người ấy chỉ biết căn tánh [chúng sanh] là lợi hay độn, đã chín muồi hay chưa. Nếu căn tánh chín muồi, nhạy bén, bèn giúp đỡ, thành tựu kẻ đó trước. Nếu kẻ đó thành Phật, sẽ phổ độ chúng sanh. Đối với người chí thân và bạn bè thân thiết của ta, nếu căn cơ của họ chưa chín muồi, ta có thể tạm thời bớt giúp họ một chút, họ chưa chín muồi mà! Một nguyên tắc là thành tựu điều tốt đẹp cho người khác, chẳng thành tựu điều ác, nhất định phải hiểu nguyên tắc này. Do vậy, không có tâm tổn hại, đối với hết thảy chúng sanh, đối với núi, sông, đại địa, cây cối, hoa, cỏ, chẳng có tâm tổn hại.

      Điều thứ hai, *“vô bức não tâm*. *Niệm Phật chi nhân, thân tâm an tĩnh, ư chư chúng sanh, thường khởi đại bi chi tâm, thâm gia mẫn thương, linh đắc thoát khổ, thị danh vô bức não tâm”* (Tâm vô bức não: Người niệm Phật, thân tâm an tĩnh, thường khởi tâm đại bi đối với các chúng sanh, sanh lòng thương xót sâu xa, khiến cho họ được thoát khổ, điều đó gọi là “vô bức não tâm”). Bức (逼) là bức bách, nay chúng ta gọi là “áp lực”. Não (惱) là khiến cho kẻ khác sanh phiền não. [Vô tổn hại tâm và vô bức não tâm] đều thuộc về từ bi. Ở đây, kinh nói rất hay, điều trước là từ tâm, điều này là bi tâm. Bi là tâm thương xót. Tâm thương xót dấy lên, ở đây, nói rất hay, *“thân tâm an tĩnh”*. Nếu thân tâm chẳng thể an tĩnh, bi tâm chẳng thể sanh khởi, [bi tâm là] tâm thương xót, tâm đồng tình, vì sao? Thân tâm an tĩnh sanh trí huệ. Từ bi và trí huệ có mối liên quan, thân tâm chẳng an sẽ sanh phiền não, trong phiền não lấy đâu ra từ bi? Có lúc trong phiền não cũng có từ bi, đó là hai thứ trước trong bốn loại từ bi như kinh Phật đã dạy, phàm phu có hai thứ ấy. Loại thứ nhất là Ái Duyên Từ Bi, nói chung là đối với thân bằng hảo hữu của chính mình, ta yêu mến họ, họ có quan hệ với ta, ta bèn giúp đỡ, yêu thương, chăm sóc họ. Nhưng nếu chẳng phải là thân bằng hảo hữu, tâm ấy chẳng thể sanh khởi. Đó là Ái Duyên Từ Bi. Người đọc sách có đức hạnh, có học vấn, tâm lượng mở rộng, đấy cũng là như Đệ Tử Quy nói, người ấy đã đạt tới mức *“hễ là người, đều phải yêu thương”*, đạt đến cảnh giới ấy, trong Phật pháp gọi [cảnh giới ấy] là Chúng Sanh Duyên Từ Bi, mở rộng lòng yêu thương của chính mình, có thể từ bi đối với hết thảy chúng sanh, điều này rất khó có. Tại Trung Quốc, chúng ta gọi người như vậy là thánh hiền, đại thánh, đại hiền, tâm từ bi của họ thấu đến hết thảy chúng sanh là những người chẳng có mảy may quan hệ với họ. Điều thứ ba thuộc về Bồ Tát trong Phật môn, tức là Pháp Duyên Từ Bi. Ngài chưa phải là Phật, đang học Phật. Phật dạy vạn sự vạn vật trong khắp pháp giới hư không giới và ta là một Thể, Ngài học tập, Ngài cũng giống như Phật mở rộng tâm từ bi của chính mình đến rộng khắp hết thảy chúng sanh trong pháp giới. Ngài chưa đoạn khởi tâm động niệm, chẳng còn phân biệt, chấp trước, nhưng vẫn còn khởi tâm động niệm. Đến cuối cùng là Vô Duyên Từ Bi, lòng từ bi này là của Phật. Ở đây nói tới Vô Duyên Từ Bi thì Vô Duyên là không có điều kiện. Hiện thời, có thể dùng hai chữ “điều kiện” để giải thích chữ Duyên, [vô duyên] là vô điều kiện. Vì sao vô điều kiện? [Ta và chúng sanh có cùng] một Thể, [đã là] một Thể, há có điều kiện? Do vậy, Phật là vô duyên đại từ đại bi, Bồ Tát là pháp duyên, thánh hiền là chúng sanh duyên, các phàm phu chỉ có ái duyên. Vì thế, người đạt đến địa vị thánh hiền có tâm từ bi, lòng yêu thương mở rộng, đúng là *“phàm là người, đều nên yêu thương”.*Thấy người tuổi tác chẳng khác cha mẹ ta cho lắm, bèn lễ kính người ấy chẳng khác cha mẹ của chính mình. Thấy kẻ tuổi nhỏ bằng cỡ con cái mình, bèn chăm nom kẻ ấy hệt như con cái của chính mình. Đó là thánh hiền thế gian. Sự tu học trong Phật pháp chẳng có gì khác, cứ từng bước tiến cao hơn, quyết định chẳng có tâm thái bức não!

      Thứ ba là hộ pháp, *“nhạo thủ hộ tâm. Niệm Phật chi nhân, ư Phật sở thuyết chánh pháp, đương tu bất tích thân mạng, thủ hộ, ái tích, thị danh nhạo bảo hộ tâm”* (tâm yêu thích gìn giữ, bảo vệ. Người niệm Phật đối với chánh pháp do đức Phật đã nói, hãy nên chẳng tiếc thân mạng để bảo vệ, yêu mến, đó là tâm yêu thích bảo vệ). Đây chính là như chúng ta thường nói, chánh pháp tồn tại lâu dài. Phải làm như thế nào mới hòng chánh pháp tồn tại lâu dài? Quý vị nhất định phải tuân thủ pháp thì mới có thể hộ pháp. Không tuân thủ pháp, quý vị dùng điều gì để hộ pháp? Do vậy, trong bốn chữ này, đức Phật chẳng nói *“nhạo hộ pháp tâm”* (tâm thích hộ pháp), mà nói *“thủ hộ tâm”*, chữ Thủ (守) là mấu chốt, có thể làm được hay không? *“Thủ”* là thọ trì. Ngày nay Phật pháp suy vi, chúng ta muốn tuân thủ Phật pháp, chiếu theo Phật pháp để tu hành, tự nhiên có hộ trì trong ấy; nhưng quý vị có tin tưởng chánh pháp do đức Phật đã nói hay không? Có thể lý giải hay không? Đấy là mấu chốt. Thật sự lý giải thì quý vị mới có tín tâm, chẳng hiểu rõ thì lòng tin ấy chính là mê tín, mê tín sẽ bị dao động rất dễ dàng. Do vậy, Phật pháp nói tới chánh tín, chánh tín là gì? Quý vị hiểu rõ ràng, minh bạch lời đức Phật dạy, đấy là chánh tín. Hiểu rõ ràng, minh bạch rồi quý vị mới thật sự y giáo phụng hành. Ta thật sự quy y, quy y là bái sư, bái ai làm thầy? Bái A Di Đà Phật làm thầy, bái Thích Ca Mâu Ni Phật làm thầy. Quy y chính là bái sư, quy y Tam Bảo, chẳng nói quy y vị pháp sư nào! Trong giáo pháp Đại Thừa đã nói rõ ràng, minh bạch. Nhất là trong Lục Tổ Đàn Kinh, tổ sư đời thứ sáu của Thiền Tông là Huệ Năng đại sư đã nói đơn giản, minh bạch. Ngài truyền trao quy y cho người khác, dạy người ta “quy y Giác, quy y Chánh, quy y Tịnh”, Ngài chẳng nói “quy y Phật, Pháp, Tăng”. Vì sao? Chúng ta có thể suy ra rằng: Trong thời Ngài, Phật pháp đã truyền đến Trung Quốc khoảng chừng hơn bảy trăm năm, thời gian lâu ngần ấy, cho nên càng truyền càng bị sai ngoa. Người bình phàm nẩy sanh hiểu lầm đối với Phật pháp, hễ nhắc tới quy y Phật, bèn nghĩ đến tượng Phật bằng đất nặn, gỗ khắc, quy y Pháp, ngay lập tức nghĩ đến kinh điển; quy y Tăng liền nghĩ đến người xuất gia. Quý vị quy y như vậy là sai bét rồi, quy y chẳng phải là ý nghĩa ấy!

      Do vậy, Tổ chẳng dùng Phật, Pháp, Tăng, mà dùng Giác, Chánh, Tịnh rồi lại giải thích cho quý vị. Phật là Giác, Phật có nghĩa là Giác, giác mà không mê là quy y Phật. Quý vị thấy trong ấy há có mê tín? Chánh chứ không tà, chánh tri, chánh kiến, chẳng phải là tà tri, tà kiến, đó là quy y Pháp. Sáu căn thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần, đó là quy y Tăng, mang ý nghĩa ấy. Vì thế, Phật là tự tánh giác, Pháp là tự tánh chánh, Tăng là tự tánh tịnh, nói tới tự tánh Tam Bảo, chẳng phải là bên ngoài, quý vị mới thật sự quy y. Chư Phật Như Lai xuất hiện trên thế gian để biểu diễn, thân hành, ngôn giáo, đích thân biểu diễn giác, chánh, tịnh, miệng giảng cho quý vị cũng là giác, chánh, tịnh, hoàn toàn giúp chúng ta trở về tự tánh. Quy (皈) là quay đầu, Y (依) là nương cậy, quay đầu nương theo gì? Nương theo trí huệ và đức tướng trong tự tánh, chẳng phải là cậy vào bên ngoài, ngàn muôn phần các đồng học phải ghi nhớ điều này! Nếu quy y một vị pháp sư hay hòa thượng nào đó, hỏng bét rồi, vị ấy có đại triệt đại ngộ hay không? Vị ấy có minh tâm kiến tánh hay không? Nếu vị ấy chưa đại triệt đại ngộ, chưa minh tâm kiến tánh, vị ấy là phàm phu trong lục đạo, ta quy y vị ấy chẳng phải là vẫn tạo nghiệp lục đạo ư? Thầy tạo nghiệp lục đạo, dẫn dắt quý vị vẫn tạo nghiệp lục đạo, chẳng ra khỏi được! Vì thế, đối với chánh pháp do đức Phật đã nói, chẳng thể không học tập, chớ nên không hiểu rõ ràng; sau khi hiểu rõ bèn phải thực hiện, ta chẳng tiếc thân mạng cũng phải thực hiện. Thân mạng là tỷ dụ, [chẳng tiếc thân mạng] tức là chẳng sợ khổ. Đức Phật dạy chúng ta buông xuống, chúng ta buông xuống, thân mạng cũng chẳng cần thì còn có gì chẳng buông xuống được? Phật dạy chúng ta trì giới, chúng ta thật sự làm.

      Tịnh Tông Học Hội thành lập, khi ấy, tôi ở Mỹ, tôi khuyên các đồng tu học tập năm khoa mục. Kinh Phật có nội dung quá phong phú, học trọn hết thì quá phức tạp, cũng chẳng thể nhớ nổi! Đơn giản là nhớ kỹ năm khoa mục, chẳng cần dùng đến sách vở mà quý vị có thể ghi nhớ kỹ càng. Đầu tiên là chúng ta phải học Tam Phước. Con người chẳng thể không có phước báo, trước tiên là tu tam phước. Tam phước là “tánh, tu bất nhị”, chúng có sẵn trong tự tánh, chúng ta chịu tu theo tam phước trong tự tánh là đúng. Câu đầu tiên là “*hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm không giết, tu thập thiện* *nghiệp”*. Đó là gì? Tu phước. Tu phước theo kiểu ấy sẽ hoàn toàn tương ứng với tánh đức trong tự tánh. Đức Phật coi trọng, quý vị thấy nhà Phật thường nói *“phước huệ song tu”*, đặt phước đằng trước, đặt huệ đằng sau. Người thế gian chúng ta cũng hy vọng có phước trước, rồi mới cầu trí huệ, nên Phật làm cho chúng sanh mãn nguyện. Như vậy thì phước báo của quý vị do tu từ đâu mà thành? Từ hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy, từ tâm chẳng giết, tu mười thiện nghiệp, phước báo do đấy mà có. Chúng ta chiếu theo đó để tu, phát tâm cách nào cũng tu chẳng thành, tu mấy năm vẫn chẳng có hiệu quả, thôi đi, chẳng cần nữa! Vẫn là ta làm theo kiểu của ta, thoái chuyển rồi, người như vậy quá nhiều! Do đó, chúng ta hãy nên phản tỉnh sâu xa, vì sao cổ nhân làm được? Chẳng cần nói đến thời rất xa, một trăm năm hay tám mươi năm trước, nói chung, người thuộc tám mươi năm trước quá nửa là có thể làm được. Một trăm năm trước, tối thiểu có từ tám mươi đến chín mươi phần trăm có thể làm được! Người hiện thời làm không được, vì nguyên nhân gì? Tuổi nhi đồng của chúng ta đã coi nhẹ, bỏ sót, không vun bồi căn cơ giáo dục. Căn cơ ấy là gì? Chính là ba căn bản của Nho, Thích, Đạo, tức là những điều chúng tôi đề xướng trong mấy năm gần đây. Căn bản của Nho là Đệ Tử Quy, dùng nó làm đại biểu, căn bản của Đạo là Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, căn bản của Phật là Thập Thiện Nghiệp Đạo. Tám mươi năm trước, trẻ nhỏ ắt phải học ba thứ ấy nên chúng có căn bản. Ai dạy chúng nó? Cha mẹ dạy, cha mẹ thảy đều làm được. Từ lúc sanh ra, trẻ nhỏ đã thấy, nghe từ cha mẹ, tai nghe quen, mắt nhìn quen, tự nhiên học được. Cổ nhân Trung Quốc có câu: *“Thượng lương bất chánh, hạ lương oai”* (kèo trên chẳng ngay, kèo dưới lệch), “kèo trên” là gì? Kẻ làm cha mẹ! Cha mẹ đã chánh, lẽ nào con cái bất chánh? Cha mẹ bất chánh, làm sao con cái chánh cho được? Vấn đề xuất hiện ở chỗ này.

      Vì vậy, chúng tôi đưa ra ba căn bản giáo dục ấy, “hiếu thân, tôn sư” (hiếu thảo với cha mẹ, tôn trọng thầy) được thực hiện bằng Đệ Tử Quy, “từ tâm chẳng giết” được thực hiện bằng Cảm Ứng Thiên, câu cuối cùng là tu Thập Thiện Nghiệp. Do có rất nhiều người hỏi tôi: “Thưa pháp sư Tịnh Không! Vì sao thầy đề xướng Đệ Tử Quy và Cảm Ứng Thiên? Những thứ ấy đều chẳng phải là Phật giáo”. Họ không biết, từ giữa đời Đường trở đi, Phật giáo Trung Quốc không học Tiểu Thừa. Trong kinh điển, đức Phật đã dạy:*“Phật tử không học Tiểu Thừa trước, sau đó học Đại Thừa, chẳng phải là đệ tử Phật”*, Phật không thừa nhận. Cớ sao quý vị chẳng làm theo quy củ của đức Phật? Các kinh luận Tiểu Thừa được dịch sang tiếng Hán vô cùng đầy đủ, tôi chẳng chú tâm nghiên cứu, nhưng Chương Gia đại sư bảo tôi, đối chiếu Tam Tạng của Nam Truyền Tiểu Thừa với Tứ A Hàm [trong Hán Tạng, tạng Nam Truyền] chỉ nhiều hơn [các kinh điển Tiểu Thừa trong Hán Tạng] năm mươi mấy bộ. Gần ba ngàn bộ kinh điển mà chỉ nhiều hơn năm mươi mấy bộ, có thể thấy Tứ A Hàm đã được phiên dịch khá hoàn bị. Phật giáo sau khi được truyền đến Trung Quốc, đúng là trước học Tiểu Thừa, sau học Đại Thừa, đặt vững cơ sở nơi Tiểu Thừa; vì sao từ giữa đời Đường trở đi chẳng cần nữa? Hai tông Tiểu Thừa, tức Thành Thật Tông và Câu Xá Tông, chẳng còn nữa, hiện thời ngay cả tên gọi cũng chẳng nghe nói tới. Tổ sư đại đức Trung Quốc dùng Nho và Đạo để thay thế Tiểu Thừa vẫn được! Quý vị thấy một ngàn bảy trăm năm qua, trải các đời, bao nhiêu cao tăng đại đức, bao nhiêu vị tổ sư xuất hiện, cũng có nghĩa là dùng Nho và Đạo để thay thế bèn tốt đẹp, càng thân thiết hơn nữa. Hơn nữa, tâm lượng của Nho và Đạo rộng rãi hơn Tiểu Thừa, chẳng thua kém Tiểu Thừa. Chúng ta phải hiểu chuyện lịch sử này, hiểu sự dụng tâm của tổ sư đại đức, dùng Nho và Đạo để thực hiện phước thứ nhất trong ba phước, phước thứ nhất là căn cơ. Có ba căn bản ấy, đức hạnh của quý vị sẽ thành tựu, có đức hạnh bèn có phước báo thật sự. Không có đức hạnh, phước báo ấy là giả, chẳng thật, thường là giống như hoa Đàm thoáng hiện! Do vậy, ngạn ngữ có câu: *“Phú bất quá tam đại”* (chẳng ai giàu ba đời), đạo lý là ở chỗ này, vì sao? Kẻ đó thiếu căn cơ. Phải có căn cơ thì mới có thể kéo dài đời đời kiếp kiếp. Kẻ ấy biết tích công lũy đức, dẫu phú quý vẫn tu đức, tiếp tục tu không ngừng, đời đời kiếp kiếp hưởng thụ chẳng cùng, những điều này đều là thật.

      Có phước thứ nhất thì mới có thể nhập Phật môn, quý vị thấy điều thứ hai là *“thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi”*, tức là đã nhập môn. Trước khi nhập môn phải có điều kiện, điều kiện là phước thứ nhất. Phước thứ nhất là như trong kinh điển ta thường thấy nói *“thiện nam tử, thiện nữ nhân”* vì họ trọn đủ Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp, họ là thiện nam tử, thiện nữ nhân, nên mới có thể thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới, đó là nhập môn. Tam Quy, giới luật, oai nghi đều có thể tu khá lắm, đức hạnh thành tựu giống như A La Hán, như Bồ Tát. Điều ấy mới khiến cho quý vị thật sự tu Giới, tu Định, tu Huệ trong Đại Thừa. Điều thứ ba là *“phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả”*, đó là tam phước. Mười loại tâm như chúng ta đang đọc ở đây đều là Bồ Đề tâm, mỗi điều đều là Bồ Đề tâm, mỗi điều đều đầy đủ viên mãn chín điều kia. Bồ Tát phát tâm là đệ nhất. Đã phát tâm, quý vị bèn có phương hướng, có mục tiêu. Sau đấy là tin sâu nhân quả, câu này rất quan trọng, câu quan trọng nhất là *“niệm Phật là nhân, thành Phật là quả”*, quý vị có thể tin tưởng nhân quả ấy, trở về Tịnh Độ, chắc chắn thành tựu trong một đời này, chẳng còn bị lạc đường nữa! Đọc tụng Đại Thừa, chính mình đã thành tựu. Câu cuối cùng là dạy người khác, đã tự hành, phải hóa tha. Bồ Tát phải độ chúng sanh; nếu không giúp đỡ người khác, chẳng phải là Bồ Tát! Vì thế, sau đó bèn khuyến tấn hành giả, quý vị phải khuyên lơn, phải giúp người khác tinh tấn, phải giúp người khác thành tựu. Quý vị thấy ba phước thành tựu sẽ tự nhiên giống như Bồ Tát, Bồ Tát là như thế nào? Bồ Tát là Lục Hòa. Lục Hòa Kính là Bồ Tát, Lục Hòa Kính chẳng có tâm tổn hại, chẳng có tâm bức não, thật sự thích thủ hộ. Có đầy đủ đức hạnh như vậy rồi mới thâm nhập kinh tạng, tu Giới, Định, Huệ, tu Bồ Tát hạnh. Bồ Tát hạnh là Lục Độ, tu mười nguyện Phổ Hiền, tiếp nhận mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc. Đấy là khi Tịnh Tông Học Hội thành lập tại Mỹ, chúng tôi đã viết một bài giới thiệu duyên khởi. Trong duyên khởi, nhắc đến năm khoa mục ấy, lấy [năm khoa mục ấy] làm tiêu chuẩn, phương hướng và mục tiêu tu học của chúng ta. Con người hiện thời có nói: *“Học làm thầy người, hạnh làm khuôn mẫu cho đời”.*Chúng ta khởi tâm, động niệm, ngôn ngữ, tạo tác đều nêu gương tốt đẹp cho xã hội, chớ nên nêu gương xấu!

      Thứ tư, *“vô chấp trước tâm. Niệm Phật chi nhân, thường dĩ trí huệ quán sát ư nhất thiết pháp, bất sanh chấp trước, thị danh vô chấp trước tâm”* (Tâm chẳng chấp trước: Người niệm Phật thường dùng trí huệ quán sát hết thảy các pháp, chẳng sanh chấp trước, đó là tâm không chấp trước). Vô chấp trước cần có gì? Phải có trí huệ, không có trí huệ là không được, phải có trí huệ chân thật. Trí huệ do đâu mà có? Từ tâm thanh tịnh phát ra, tâm thanh tịnh sanh trí huệ. Chớ nên chấp trước hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, vì sao? Trong kinh giáo Đại Tiểu Thừa, đức Phật đã giảng vô cùng rõ ràng luân hồi trong lục đạo do đâu mà có? Do chấp trước mà ra. Chẳng còn chấp trước nữa, quý vị cũng rất dễ vượt thoát luân hồi. Chỉ cần quý vị có chấp trước, sẽ chẳng vượt thoát luân hồi; luân hồi do chấp trước biến hiện. Đức Phật bảo ngoài lục đạo còn có bốn thánh pháp giới, tức là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật, [bốn pháp giới ấy] cao hơn chúng ta. Họ do nguyên nhân gì mà có? Họ có tâm phân biệt, chẳng có tâm chấp trước, họ có tâm phân biệt cho nên có bốn thánh pháp giới. Chấp trước là Phiền Não Chướng, vô lượng vô biên phiền não đều từ đây sanh ra, quý vị buông xuống bèn chẳng còn có chuyện gì nữa! Phân biệt là Sở Tri Chướng, hai thứ chướng ngại này đều chướng ngại con người minh tâm kiến tánh. Nếu chúng ta trở về tự tánh, hai thứ chướng ngại ấy đều chẳng còn nữa. Vì vậy, trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật thường nói: Chúng ta buông chấp trước xuống (Kiến Tư phiền não đã đoạn), bèn chứng quả A La Hán, thành Chánh Giác, chứng quả A La Hán vượt thoát lục đạo. Bởi lẽ, lục đạo là mộng cảnh, chỉ cần Chánh Giác hiện tiền, lục đạo chẳng còn nữa, đã tỉnh giấc rồi, đã tỉnh khỏi giấc mộng rồi. Sau khi tỉnh lại, vẫn còn trong mộng, [bởi lẽ] lục đạo là mộng trong mộng, đó là gì? Bốn thánh pháp giới. Bốn thánh pháp giới vẫn là mộng cảnh. Ắt phải buông phân biệt xuống, đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian chẳng phân biệt. Tâm phân biệt đoạn mất, tâm ấy càng thù thắng hơn tâm thanh tịnh. Trong tâm thanh tịnh không có chấp trước, nhưng có phân biệt. Trong tâm bình đẳng không chỉ chẳng có chấp trước, mà phân biệt cũng không có. Nay chúng ta nói là “hòa hài” (hỗ tương hợp tác, ý kiến hòa hợp), nói đến hòa bình khó lắm. Vì sao hòa bình khó khăn dường ấy? Người nào đạt được hòa hài chân thật? Bồ Tát! A La Hán cũng chưa làm được, vì sao? Bồ Tát chứng đắc tâm bình đẳng, hễ bình đẳng bèn hòa!

      Bởi lẽ đó, người Trung Quốc nói đến hòa bình thì *“hòa”* do đâu mà có? Do bình mà có, tức là do bình đẳng mà có. Người Trung Quốc nói đến quả trước, sau đấy mới nói đến nhân. Người Nhật nói thành *“bình hòa”* (heiwa) tức là nói nhân trước, quả sau; quý vị hãy xem văn tự của Nhật Bản. Bất bình lẽ nào có hòa hợp? Cao hơn thanh tịnh! Vì vậy, trong bốn thánh pháp giới, chủ yếu là tu tâm bình đẳng. Trong tựa đề kinh này có “thanh tịnh bình đẳng”, Bồ Tát tu bình đẳng. Buông phân biệt xuống, bình đẳng hiện tiền, trong Phật pháp nói quý vị đã chứng đắc Chánh Đẳng Chánh Giác. A La Hán chứng Chánh Giác, Bồ Tát chứng đắc Chánh Đẳng Chánh Giác, Đẳng là bằng với Phật. Lại lên cao hơn nữa là phá vô minh phiền não, vô minh phiền não là gì? Khởi tâm động niệm. Quý vị thấy: Không chỉ chẳng có phân biệt, chấp trước, mà kể cả khởi tâm động niệm cũng không có, đó gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đã thành Phật. Hành nhân tu hành chứng quả, “hành nhân” là học trò. Nói theo cách bây giờ, cũng có thể nói [hành nhân] là người tu hành, có thể giải thích hành nhân là người tu hành, phải thường dùng Giới, Định, Trí Huệ. Ngài nói “thường dùng trí huệ”, tôi thêm vào trước đó Giới và Định, vì trí huệ do Giới và Định mà có. Giới có thể đắc Định; không trì giới, tâm quý vị sẽ chẳng định được! Trì giới chẳng nhằm mục đích nào khác, nhằm đắc Định! Thiền Định vẫn là phương tiện, chưa phải là mục đích, vì sao phải tu Định? Nhằm khai trí huệ; tâm định, trí huệ sẽ khai. Trí huệ quán hết thảy các pháp, quý vị mới thật sự có thể triệt để buông xuống chấp trước, phân biệt, khởi tâm động niệm! Vì sao? Đó là giả, là chướng ngại, chướng ngại trí huệ và đức tướng sẵn có trong tự tánh của quý vị. Quý vị nói nay ta muốn phát tài, ta mong sẽ có hết thảy của cải, quý vị có thể có toàn bộ địa cầu được hay không? Có thể. Quý vị có thể biến toàn thể địa cầu thành hoàng kim, châu bảo được không? Có thể. Vì sao nay quý vị không làm được? Vì quý vị có chấp trước, khiến cho toàn bộ đức năng trong tự tánh bị chướng ngại, quý vị sống khổ sở ngần ấy! Nếu khôi phục, quý vị sẽ giống như A Di Đà Phật. Quý vị thấy Ngài trụ trong thế giới Cực Lạc, Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu với chúng ta một phần vạn, làm sao có thể giới thiệu trọn hết cho được?

      Trong thế giới Cực Lạc, thân thể như thế nào? Thân Kim Cang bất hoại, thật sự là vô lượng thọ, chẳng giả, vĩnh viễn chẳng già yếu. Quý vị có muốn hay không? Hoàn cảnh cư trụ của quý vị là cung điện bảy báu; hiện thời chúng ta dùng những thứ trân châu, mã não làm đồ trang sức, quý báu khôn ngằn. Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, những thứ ấy là vật liệu để xây dựng, chỗ nào cũng có! Hoàng kim quý báu vô cùng, nhưng trong thế giới Cực Lạc, hoàng kim để lót đường, giống như nhựa đường trong thế gian này được dùng để lót đường! Từ chỗ này, quý vị nghĩ xem sự phú quý nơi ấy là gì? Chính là những thứ quý vị vốn tự mình sẵn có! Thật sự hiểu rõ, thật sự minh bạch, trong thế gian này chẳng có chút gì hiếm hoi, lạ lùng! Giống như quý vị thuộc gia đình đại phú đại quý, nay đến nơi đây du lịch vãn cảnh, thấy thổ dân ở nơi này đeo những món trang sức bằng đồng hay bằng thiếc. Quý vị thấy họ cảm thấy những thứ đó đẹp đẽ khôn xiết, quý vị cười mà thôi, hiểu rõ rồi! Quả thật người trong thế giới Cực Lạc, đừng nói thế giới Cực Lạc, chư thiên [trong thế giới Sa Bà] thấy loài người chúng ta đáng thương lắm! Nếu chúng ta nhất niệm hồi quang, tiến lên, đặc biệt là vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị thấy hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư là cảnh giới gì? [Cảnh giới ấy do] A Di Đà Phật tự nói, tuyệt đối chẳng phải là lời giả, hạ hạ phẩm vãng sanh cũng là A Duy Việt Trí Bồ Tát. Điều này có nghĩa là: Chỉ sợ quý vị không đến được thế giới Cực Lạc, chỉ sợ chẳng vãng sanh; hễ thật sự đến thế giới Cực Lạc, đến nơi ấy với phẩm vị thấp nhất thì trí huệ, thần thông, đạo lực và sự hưởng thụ của quý vị chẳng khác Thất Địa Bồ Tát. Pháp môn này được gọi là pháp khó tin, đúng là khó tin! Nhưng chúng ta tin tưởng Phật chẳng nói dối, chẳng nói lời giả, lời Phật nói chắc chắn chân thật, chẳng giả, chúng ta thật sự làm thì sẽ thật sự đạt được.

      Cơ hội này chẳng phải là ngàn năm khó gặp, thời gian một ngàn năm quá ngắn ngủi! Cư sĩ Bành Tế Thanh đã nói: *“Vô lượng kiếp lai hy hữu nan phùng đích nhất thiên”*(một ngày khó gặp hiếm có từ vô lượng kiếp đến nay), chúng ta đã gặp gỡ! Võ Tắc Thiên đã viết lời kệ Khai Kinh cho kinh Hoa Nghiêm: *“Bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ”*(trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ); nay chúng ta đã gặp gỡ, nếu ở trước mặt mà bỏ lỡ, đúng là quý vị đã sai lầm quá đỗi! Đặc biệt là chúng ta thấy trong hiện thời tai nạn nhiều ngần ấy, các đồng học học Phật hiểu rõ, trong tâm đã có căn cứ, biết tai nạn phát sanh như thế nào, cũng biết dùng phương pháp gì để hóa giải, hãy giành lấy duyên phận thù thắng này, nắm chắc niệm Phật vãng sanh thế giới Cực Lạc, điều đó càng thù thắng hơn. Hoàn cảnh hiện thời có lợi rất lớn, vì sao? Chẳng có hoàn cảnh như vậy thì quý vị vẫn chẳng phát tâm, hãy còn lưu luyến thế gian này. Nay đã biết trong hoàn cảnh hiện tiền, chẳng thể lưu lại được, chẳng có vật nào ở ngoài thân mà hòng giữ được, ngay cả thân thể của chính mình sợ còn chẳng giữ được! Hãy thừa cơ hội này mà ra đi thì tốt lắm! Thời gian hai ba năm là đủ rồi, nhiều vị đại đức xưa nay đã chứng minh cho chúng ta thấy. Vì thế, phải dùng Giới, Định, Huệ để quan sát hết thảy các pháp, điều quan trọng là chớ sanh chấp trước. Hãy thực hiện trong cuộc sống hằng ngày, học theo Thích Ca Mâu Ni Phật hết thảy tùy duyên: Đối với chuyện ăn uống, sinh sống, người khác cúng dường gì ăn nấy, chớ nên chấp trước, đừng nên phân biệt, hãy thực hiện từ chỗ này, hãy tùy duyên trong ăn uống, sinh sống. Chớ nên cầu cạnh bất cứ ai, hãy tùy phận sống qua ngày, thật thà niệm Phật, điều này trọng yếu hơn bất cứ điều gì khác, đó gọi là tu hành chân thật. Thật sự chẳng có tâm chấp trước, đối đãi bình đẳng với hết thảy mọi người, đối xử hòa thuận, và cũng thật sự thực hiện Lục Hòa Kính. Phần sau hãy còn sáu điều nữa, nhưng hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới đây!

# Tập 94

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giảo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

      Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm lẻ bảy, hàng thứ ba từ dưới đếm lên, xem từ chữ thứ ba trong dòng thứ ba từ dưới đếm lên.

*“Thứ liệt Di Lặc giả, Đại Bảo Tích Kinh Phát Thắng Chí Nhạo Hội, Di Lặc vấn Phật: Nhược hữu chúng sanh phát thập chủng tâm, tùy nhất nhất tâm chuyên niệm hướng ư A Di Đà Phật, thị nhân mạng chung đương đắc vãng sanh bỉ Phật thế giới. Thế Tôn! Hà đẳng danh vi phát thập chủng tâm?”* (Kinh Ðại Bảo Tích, pháp hội Phát Khởi Bồ Tát Thù Thắng Chí Nhạo, có chép ngài Di Lặc hỏi Phật: *“*Nếu có chúng sanh phát mười tâm, đối với mỗi tâm chuyên niệm hướng về A Di Ðà Phật, người ấy mạng chung sẽ được vãng sanh thế giới của đức Phật ấy. Bạch Thế Tôn! Những gì gọi là phát mười thứ tâm?”). Trong phần trước, chúng ta học đến chỗ này, [chúng tôi] trích lục đoạn kinh nói về “phát mười thứ tâm” trong kinh Đại Bảo Tích. Trong phần trước, chúng ta đã học bốn tâm trong mười thứ tâm, thứ nhất là vô tổn hại tâm, thứ hai là vô bức não tâm, thứ ba là nhạo thủ hộ tâm, thứ tư là vô chấp trước tâm, trong mỗi tâm bao hàm ý nghĩa sâu rộng vô tận. Hôm nay, chúng ta lại xem tâm thứ năm: *“Khởi tịnh ý tâm. Niệm Phật chi nhân, năng ly thế gian tạp nhiễm chi pháp, phục ư lợi dưỡng đẳng sự, thường sanh tri túc chi tâm, thị danh khởi tịnh ý tâm”* (Khởi tịnh ý tâm: Người niệm Phật có thể lìa pháp tạp nhiễm thế gian, tâm lại thường biết đủ đối với những sự như lợi dưỡng v.v... thì gọi là khởi tịnh ý tâm). Điều này nói tới “chẳng tham”, hai điều trước đó là “chẳng giết”, điều thứ ba là hộ pháp, điều thứ tư vô cùng quan trọng, buông chấp trước xuống. Vì trong các kinh Đại Tiểu Thừa, đức Phật thường dạy chúng ta, nếu chúng ta có thể chẳng chấp trước hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, đức Phật nói quý vị sẽ vượt thoát lục đạo luân hồi. Do điều này có thể biết lục đạo luân hồi do đâu mà có? Do chấp trước mà có, chỉ cần quý vị có ý niệm chấp trước, hiện tượng luân hồi bèn xuất hiện.

      Người thật sự giác ngộ sẽ như Vĩnh Gia đại sư đã nói trong Chứng Đạo Ca. Ngài Vĩnh Gia là người đời Đường, cùng thời đại với Lục Tổ của Thiền Tông, và cũng là học trò của Lục Tổ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật trong hội của Lục Tổ. Suốt đời Lục Tổ, trong số các học trò có bốn mươi ba người thành tựu, “thành tựu” là minh tâm kiến tánh. Minh tâm kiến tánh không chỉ vượt thoát lục đạo, mà còn vượt thoát mười pháp giới, thật sự thành tựu! A La Hán chỉ là tiểu thành tựu, chẳng thể coi là thành tựu thật sự. Ngàichỉ thoát ly lục đạo luân hồi, chưa thoát ly mười pháp giới. Chúng ta biết luân hồi do ý niệm chấp trước mà xuất hiện; do vậy, Vĩnh Gia đại sư bảo:*“Mộng lý minh minh hữu lục thú”* (trong mộng rành rành phô sáu nẻo), *“lục thú”* là lục đạo luân hồi; *“giác hậu không không vô đại thiên”* (giác rồi ba cõi rỗng toang hoang), đã giác ngộ sẽ không chấp trước. Chấp trước là mê, mê mà bất giác nên mới chấp trước, nhưng chấp trước nghiêm trọng nhất là tình chấp, thứ này cũng chẳng thật. Chấp trước chẳng còn thì lục đạo chẳng còn! A La Hán chẳng còn chấp trước, nhưng còn có phân biệt. Có phân biệt thì có bốn thánh pháp giới, tức là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật, có những pháp giới ấy xuất hiện. Những pháp giới ấy vẫn là mộng, cũng chẳng thật. Lục đạo là mộng trong mộng, quý vị thấy đó, mê rất sâu!

      Từ lục đạo tỉnh giấc, cảnh giới hiện tiền là bốn thánh cảnh giới, bốn thánh cảnh giới vẫn là mộng, vẫn chẳng thật. Lại phải buông phân biệt xuống! Không chỉ chẳng chấp trước, mà còn vĩnh viễn lìa khỏi phân biệt đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian. Sau đấy, lại nâng cao công phu tới mức “chẳng khởi tâm, không động niệm”, sẽ chẳng thấy mười pháp giới. Đúng như đức Thế Tôn đã dạy trong kinh Bát Nhã: *“Phàm những gì có tướng đều là hư vọng”*, mười pháp giới có tướng, nên chúng chẳng thật, đạt đến một trình độ nhất định sẽ chẳng thấy cảnh giới nữa, nó tiêu mất. Vì thế, các nhà khoa học hiện đại bảo chúng ta: Vũ trụ to lớn vô cùng tận, khoa học hiện thời có thể thăm dò vũ trụ vĩ mô, nhưng chỉ có thể thăm dò mười phần trăm của toàn thể vũ trụ. Nói cách khác, hãy còn chín mươi phần trăm vũ trụ chưa thấy! Chúng ta nghe câu ấy bèn hiểu, người tu học Đại Thừa bèn hiểu rõ, lời các nhà khoa học nói là thật, chín mươi phần trăm chẳng thấy, vì sao không thấy? Đã tỉnh mộng, sau khi tỉnh giấc, chẳng thấy cảnh giới trong mộng nữa, do đạo lý này. Vì thế, họ đã dò xét chân tướng vũ trụ khá lắm, chúng ta rất bội phục, [nhưng họ] vẫn chưa đạt đến rốt ráo, vẫn chưa triệt để. Nếu đạt đến triệt để, tôi tin là sẽ hoàn toàn giống như kinh Đại Thừa đã nói.

      Mười pháp giới chẳng còn, xuất hiện cảnh giới gì? Chính là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai như trong Phật pháp thường giảng, hoặc thế giới Cực Lạc như trong Tịnh Độ Tông đã nói, hoặc thế giới Hoa Tạng như trong kinh Hoa Nghiêm đã nói. Những thế giới ấy đều là cõi Thật Báo Trang Nghiêm, chúng ta còn gọi nó là Nhất Chân pháp giới. Nó có thật hay không? Nếu nó là thật, thì trong kinh Bát Nhã, đức Thế Tôn phải nói: *“Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng, trừ cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật ra!”*, phải nói theo cách ấy. Đức Phật chẳng nói ngoại trừ cõi Thật Báo của chư Phật; do vậy, có thể biết cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai cũng được gộp vào trong ấy, chúng ta chẳng nghe sai lời Phật dạy, có đúng hay không? Đúng! Cõi Thật Báo Trang Nghiêm vì sao mà có? Nó cũng là hư vọng, là hư vọng cuối cùng; nhưng hư vọng ấy rất khó đột phá, vì sao? Nó do tập khí vô thỉ vô minh hiện ra. Tập khí vô thỉ vô minh: Vô thỉ vô minh là khởi tâm động niệm, chẳng khởi tâm, không động niệm, vô minh bèn bị phá. Tuy đã phá vô minh, tập khí vẫn còn, nhưng tập khí ấy chẳng nẩy sanh chướng ngại đối với chính mình và đối với sự giáo hóa chúng sanh. Do vậy, sau khi phá vô minh, nói theo thực tế, trí huệ, thần thông, đạo lực vô cùng giống với quả vị rốt ráo, chỉ là kèm theo tập khí. Trừ điều này ra, chẳng có gì khác với quả vị rốt ráo.

      Địa vị Diệu Giác là Phật quả rốt ráo, trong mười pháp giới, thuận theo nghiệp cảm của chúng sanh, Ngài có thể hiện thân thuyết pháp, có thể hiện vô lượng vô biên thân. Do vậy nói: *“Nên dùng thân gì để độ được, bèn hiện thân ấy”*. Sự ứng hiện ấy không do ý nghĩ của chính mình, chư vị phải hiểu, trong Viên Giáo, từ hàng Sơ Trụ Bồ Tát trở lên không có ý nghĩ của riêng mình. Nếu chính mình vẫn còn có ý nghĩ, chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi. Nếu chúng ta hỏi: A La Hán có ý nghĩ của riêng mình hay chăng? Không có! A La Hán có phân biệt, nhưng chẳng có ý nghĩ. Nếu chính mình có ý nghĩ, sẽ chẳng thoát khỏi lục đạo. Bởi lẽ, một điều kiện để thoát lục đạo là phá Kiến Tư phiền não, do ý nghĩ thuộc về Tư Hoặc nên chẳng thể có [ý nghĩ mới hòng thoát khỏi lục đạo]. Sơ Quả Tu Đà Hoàn đoạn tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc, điều nghiêm trọng trong Kiến Hoặc là có Thành Kiến. Thành Kiến là ý nghĩ, chủ trương, cách nghĩ, cách nhìn của ta, chấp trước những thứ này, trật rồi. Hễ có chấp trước ấy thì ngay cả Sơ Quả cũng chẳng chứng được, thật sự là lục đạo phàm phu. Vì thế, điều này được gọi là công phu. Công phu tu hành chẳng có chi khác, chẳng phải là niệm kinh cho nhiều, hay công phu định lực sâu bao nhiêu, không phải vậy! Công phu thật sự là hoàn toàn buông xuống, đừng nên chấp trước, chớ nên phân biệt, chớ nên khởi tâm động niệm, thảy đều buông xuống, đó là công phu, như vậy thì mới có thể thật sự nâng cao linh tánh của chính mình. Vì vậy, trong mỗi điều đều bao hàm ý nghĩa sâu rộng vô tận, chúng ta phải ghi nhớ trong tâm, phải nghiêm túc học tập.

      Hôm nay, chúng ta xét tới *“khởi tịnh ý tâm”.* Khởi (起) là sanh khởi. Ý chớ nên nhiễm ô, ý là tâm, đó là vọng tâm, chẳng phải là chân tâm. Chân tâm là thanh tịnh, quyết định chẳng có nhiễm ô. Ý là vọng tâm, hiện thời chúng ta luôn dùng vọng tâm. Ai dùng chân tâm? Chư Phật Như Lai dùng chân tâm, Pháp Thân Bồ Tát dùng chân tâm, những ai chưa minh tâm kiến tánh đều sử dụng vọng tâm, tức là ý niệm, luôn dùng thứ này. Bồ Tát và Phật trong mười pháp giới đều dùng vọng tâm, bất quá người ta sử dụng rất chánh đáng, chánh đáng là gì? Ý họ thanh tịnh, còn ý của chúng ta là nhiễm ô, họ vẫn dùng ý. Từ Pháp Thân Bồ Tát trở lên không dùng ý nữa, ý chẳng còn, ý biến thành gì? Ý biến thành Bình Đẳng Tánh Trí, chư vị phải biết: Ý là Mạt Na Thức. Kinh luận Tướng Tông dạy chúng ta, chuyển Mạt Na thành Bình Đẳng Tánh Trí, chuyển A Lại Da thành Đại Viên Kính Trí, chuyển thức thứ sáu (Ý Thức) thành Diệu Quán Sát Trí, chuyển thức thành trí, thoát khỏi mười pháp giới. Trong mười pháp giới thì chưa chuyển, nhưng họ đúng là thật thà, biết nghe lời, thật sự làm, thực hiện một trăm phần trăm những điều đức Phật đã chỉ dạy. Vấn đề là chưa chuyển được. Hễ chuyển được, bèn vượt thoát mười pháp giới, đạt đến Nhất Chân pháp giới. Vì thế, ở đây Bồ Tát dạy chúng ta, quý vị thấy người niệm Phật nếu làm được mười thứ tâm này, không chỉ vượt thoát lục đạo luân hồi, mà cũng sẽ nhanh chóng vượt thoát mười pháp giới.

      Đầu tiên là tách rời pháp thế gian tạp nhiễm, *“tạp”* (雜) là chẳng thuần, quá phức tạp rồi, *“nhiễm”* (染) là chẳng thanh tịnh, là nhiễm ô, phải tách rời những thứ ấy, tách rời là buông xuống. Tạp nhiễm vô lượng vô biên, những điều mắt chúng ta thấy, tai chúng ta nghe, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần đều là pháp tạp nhiễm. Hiện tại xã hội tạp nhiễm tới mức bão hòa, tạp nhiễm tới cùng cực, nẩy sanh một hiện tượng vô cùng rõ rệt trong xã hội, [hiện tượng ấy chính là] xã hội động loạn, môi trường sống thay đổi, môi trường sống là hoàn cảnh tự nhiên của chúng ta. Nay chúng ta nói địa cầu có tai nạn nhiều dường ấy, khắp nơi đều có, do nguyên nhân nào? Là vì pháp tạp nhiễm đã quá mức, nên biến thành nông nỗi ấy! Cổ nhân Trung Quốc có nói một câu được ghi trong Tả Truyện, tức là bộ Tả Truyện do Tả Khâu Minh viết, đó là tác phẩm chú giải kinh Xuân Thu của Khổng Tử. Ông này rất lỗi lạc! Trong sách ấy, có một câu như sau:*“Nhân khí thường tắc yêu hưng”*, [nghĩa là] nếu người ta vứt bỏ đạo lý thường hằng, “thường” là gì vậy? Chính là Ngũ Thường, cũng có thể nói là năm thứ pháp đúng mực. Nếu con người chẳng cần đến những thường pháp ấy, toàn bộ yêu ma quỷ quái sẽ xuất hiện, xã hội hiện thời thuộc về tình cảnh này.

      Trong Ngũ Thường:

      1) Điều thứ nhất là Nhân. Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín là Ngũ Thường. Nhân là gì? Nhân là suy từ mình mà nghĩ đến người. Quý vị thấy chữ Nhân (仁) trong tiếng Hán là hai người, Nhân trong “nhân từ” là hai người, nghĩ đến chính mình liền lập tức nghĩ đến người khác. Do vậy, *“nhân giả ái nhân”* (người nhân từ yêu thương con người), *“phàm thị nhân, giai tu ái”* (hễ là người, đều phải yêu thương), đó là Nhân. Con người hiện thời chẳng yêu thương người khác. Không chỉ chẳng yêu thương người khác, mà con người hiện thời cũng chẳng yêu thương chính mình, vì sao? Con người phải giữ vững Ngũ Thường. Làm được Ngũ Thường, đó là yêu thương chính mình, là “tự ái” (tự yêu thương mình). Do vậy, kẻ chẳng yêu thương chính mình thì còn làm sao được nữa? Thiếu căn cơ! Trong xã hội hiện thời, tìm chẳng ra!

      2) Thứ hai là Nghĩa, Nghĩa được giải thích ra sao? Nghĩa là tuân theo Lý, tức là hết thảy đều tuân theo một đạo lý, tuân thủ đạo lý gì vậy? Quy luật, pháp tắc của thiên nhiên, giống như thực vật mùa Xuân sanh, mùa Hạ tăng trưởng, mùa Thu thâu hoạch, mùa Đông ẩn tàng. Đó là quy luật thiên nhiên. Đời sống của con người phải phù hợp Ngũ Thường và Ngũ Hành, thân tâm mới khỏe mạnh. Trong thời đại hiện tại, sùng bái, đề cao khoa học, khoa học làm gì? Phá hoại toàn bộ môi trường thiên nhiên! Thực vật sanh sôi vào mùa Xuân, mùa Hè ta cũng bắt nó sanh, tiết Thu cũng bắt nó sanh, trời Đông cũng bắt nó sanh, rối loạn nó, sanh, trụ, dị, diệt đều bị rối tung, đấy là bất nghĩa. Vì thế, nói về Nghĩa theo phương diện con người thì nói đơn giản là tư tưởng và hành vi của chúng ta hợp tình, hợp lý, hợp pháp bèn gọi là Nghĩa. Trái nghịch tình, lý, pháp sẽ là bất nghĩa. Lễ là lễ tiết, lễ tiết trọng yếu. Vì thế, cổ nhân rất coi trọng lễ tiết, chẳng dám khinh mạn, lễ tiết nhỏ nhặt cũng chẳng bỏ sót. Vì sao? Đấy là tôn trọng thiên nhiên, tôn trọng đạo. Nếu chẳng có lễ, toàn bộ đều chẳng có. Giống như cất nhà, hay xây cao ốc, nó là nền tảng; không có nền tảng, lầu cao cách mấy cũng chẳng xây thành công. Phật pháp coi trọng lễ, xếp nó thành điều thứ nhất. Quý vị thấy mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát, thứ nhất là lễ kính chư Phật, rất trọng yếu, làm sao có thể coi thường được? Vì thế, Trung Quốc từ xưa tới nay được gọi là *“lễ nghĩa chi bang”* vì người Trung Quốc hiểu lễ, tôn trọng lễ. Vừa mở Lễ Ký trong Ngũ Kinh của Nho gia ra, câu đầu tiên là: *“Khúc Lễ viết, vô bất kính”*(sách Khúc Lễ nói: “Không gì chẳng kính”). Chẳng có chuyện gì không cung kính. Đối với người, đối với sự, đối với vật đều phải cung kính. Vì sao phải cung kính? Đức Phật đã giảng thấu triệt nhất, vì toàn thể vũ trụ và bản thân chúng ta là một Thể, một tự tánh, tâm hiện, thức biến.

      Hiện tại các nhà khoa học rất khó có, giúp chúng ta giải quyết rất nhiều vấn đề, nâng cao tín tâm của chúng ta. Các khoa học gia bảo: Trong vũ trụ chẳng có vật chất, hiện tượng vật chất là gì? Là một loại huyễn tướng do ý niệm của chúng ta liên tục tích lũy sanh ra. Vì sao vật chất có chất rắn, chất lỏng, và chất khí, vì sao có những hiện tượng ấy? Đối với chất rắn như phù sa, đá tảng, đá cục, các nhà khoa học phát hiện: Do tốc độ dao động của ý niệm chúng ta khá chậm, biến thành trạng thái vật chất như đá tảng, phù sa, tức trạng thái rắn. Nếu tần suất nhanh hơn một chút, nó biến thành chất lỏng, giống như nhục thể của loài động vật chúng ta, tuy cũng là vật chất, nhưng chẳng cứng chắc như chất rắn. [Tần suất] mau hơn nữa, biến thành chất hơi. Nhanh nhất bèn biến thành sóng điện từ (electromagnetic wave), sóng ánh sáng cũng là một loại sóng điện từ. Vì thế, hết thảy hiện tượng vật chất đều trở về quang tử (photon), là năng lượng. Năng lượng và vật chất chuyển biến trở thành lẫn nhau, khoa học gia đã phát hiện điều này từ lâu, nhưng hiện thời vẫn chưa thể biến vật chất thành năng lượng dễ dàng như ý muốn. Bom nguyên tử đã được phát minh dựa trên đạo lý này. Làm thế nào để biến năng lượng thành vật chất? Họ biết chuyện này là có thể, nhưng vẫn chưa biết phương pháp! Phật pháp đã biết, Phật pháp quả thật có thể biến năng lượng thành vật chất, hiện tượng ấy rất phổ biến trong báo độ của chư Phật Như Lai. Do vậy, quan sát từ góc độ này, thế giới của Phật, Bồ Tát thật sự là cảnh giới khoa học cao nhất, thù thắng hơn chúng ta quá nhiều!

      Nhưng khoa học kỹ thuật nhất định phải được kiến lập trên cơ sở luân lý, đạo đức, nó mới thật sự có thể giúp cho con người đạt tới cảnh giới hạnh phúc mỹ mãn. Nếu thiếu khuyết luân lý, đạo đức, khoa học kỹ thuật có thể đi ngược quy luật thiên nhiên, đi theo chiều hướng tương phản, đem lại tai hại cho nhân loại và thiên nhiên. Bậc thánh triết phương Đông, tổ tiên, chư Phật, Bồ Tát đều hiểu điều ấy, nên đã đặt nền tảng của giáo dục trên luân lý, đạo đức, nhân quả. Chẳng vun bồi vững bền những căn cội ấy thì khoa học kỹ thuật phải tiến bộ thong thả một chút, chẳng thể tiến quá nhanh, nhất định phải đi sau luân lý, đạo đức mới không xuất hiện vấn đề. Nếu vứt bỏ luân lý, đạo đức, cứ mê mệt lo tiến triển khoa học, hậu hoạn sẽ vô cùng, xã hội và địa cầu chúng ta hiện thời xuất hiện tai nạn nhiều ngần ấy là do nguyên nhân ở chỗ này, chúng ta thấy rất rõ ràng; nhưng những lời ấy chẳng phải do chúng tôi nói trước tiên, mà là những điều thường được nhắc tới trong ngôn luận của tiến sĩ Thang Ân Tỷ nước Anh trong thập niên bảy mươi. Thời đại ấy hoàn toàn chưa nghiêm trọng lắm, hiện thời vấn đề nghiêm trọng đã xuất hiện, chúng ta suy nghĩ giáo huấn của cổ thánh tiên hiền, suy nghĩ lời bàn luận của tiến sĩ Thang Ân Tỷ, đúng là chẳng giả!

      Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín chẳng do bậc thánh hiền phát minh hay sáng tạo; nếu chúng ta giữ quan niệm [thánh hiền đã sáng chế những điều ấy], quý vị đã hoàn toàn sai lầm. Nếu quý vị hỏi một vị đại thánh đại hiền chân chánh, Ngài sẽ nói lời thật cùng quý vị, cả đời Ngài có sáng tạo hay không? Không có! Có phát minh hay không? Không có. Khổng Tử nói thật thà, Khổng Tử bảo cả đời Ngài *“thuật nhi bất tác”* (kể lại chứ không trước tác), có nghĩa là Ngài chẳng sáng tạo, chẳng phát minh. Những điều Ngài học, tu, dạy, truyền lại toàn là những thứ của cổ nhân trong quá khứ, chẳng có gì là của chính mình. Ngài nói lời chân thật, thật thà. Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín được tổ tông các đời truyền thừa, chẳng phải do Ngài nói. Thích Ca Mâu Ni Phật vì chúng ta giảng kinh, thuyết pháp bốn mươi chín năm, Ngài có sáng tạo, phát minh hay không? Ngài nói “không có”, và còn nói rõ ràng hơn Khổng phu tử, lời ấy đã được Thanh Lương đại sư nêu ra trong bộ Tứ Thập Hoa Nghiêm Huyền Nghĩa. Thích Ca Mâu Ni Phật nói hết thảy các kinh do Ngài đã giảng trong bốn mươi chín năm chẳng phải là của Ngài, mà do các vị cổ Phật đã nói. Ngài còn nói: *“Ta chẳng nói nhiều hơn một chữ so với kinh của chư cổ Phật đã giảng”*, nói còn nghiêm ngặt hơn Khổng lão phu tử. Khổng lão phu tử chỉ nói *“thuật nhi bất tác”*, một câu nói hàm hồ, chung chung! Thích Ca Mâu Ni Phật nói cụ thể dường ấy, chẳng thêm vào kinh giáo của cổ Phật một chữ nào. Quý vị thấy *“tín nhi hiếu cổ”* (tin tưởng, chuộng cổ), tin tưởng, yêu thích những thứ của cổ nhân; còn người hiện thời ra sao? Người hiện thời chẳng tin những thứ của cổ nhân, [cho rằng] mọi thứ của cổ nhân đã lỗi thời, đều có thể vứt bỏ, chẳng cần đến nữa, hiện thời phải sáng tạo cái mới. Tôi còn nghe nói: “Trong vườn trẻ, thầy cho bài tập đòi hỏi trẻ nhỏ phải sáng tạo cái mới”, tôi nghe mà kinh sợ, từ bé tí như vậy mà đã bắt chúng nó sáng tạo cái mới, đáng sợ chưa? Những thứ của cổ thánh tiên hiền đều bị đào thải sạch sành sanh, vậy thì thế giới này phải hủy diệt. Tôi vừa mới nói, [những ngôn luận, tư tưởng, trước tác của] cổ thánh tiên hiền chẳng phải là sáng tạo, mà là tánh đức, những gì được đời đời truyền lại đều là tánh đức trong tự tánh, đều là những thứ chúng sanh vốn sẵn có trong tánh đức. Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã nói: *“Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai”*, Như Lai là tự tánh, trong tự tánh của hết thảy chúng sanh vốn có vô lượng trí huệ, vô tận trí huệ, chẳng phải do bên ngoài mà có. Không chỉ có trí huệ, mà còn có đức năng, nay ta gọi [đức năng là] năng lực, không gì chẳng thể, trong tự tánh của quý vị vốn sẵn có [những đức năng ấy]. Thứ ba là nói tới tướng hảo, nay ta gọi tướng hảo là phước báo. Trí huệ, năng lực, và phước báo mọi người đều bình đẳng, chẳng có mảy may sai biệt nào! Nay vì sao không có? Vì sao bất bình đẳng? Do phiền não khởi tác dụng, phiền não là gì? Khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, những thứ ấy dầy hay mỏng khác nhau, cho nên trí huệ và đức tướng tỏ lộ không giống nhau.

      Ở đây, đức Phật dạy chúng ta là dạy hàng sơ học, hãy lìa khỏi các pháp tạp nhiễm trong thế gian. Cội rễ của tạp nhiễm chính Ngã Chấp như chúng tôi đã nói trong phần trước, trong chấp trước nói đến Ngã Chấp, chấp trước cái thân là ta, đó là cội nguồn của hết thảy họa hoạn. Vì thế, nhà Phật nói Vô Ngã. Vô Ngã chẳng phải là thật sự không có Ngã, mà là nói lục đạo chúng sanh chấp trước thân là ta, [sự chấp trước ấy] sai lầm. Có Chân Ngã hay không? Có Chân Ngã. Nay chúng ta không nhận biết Chân Ngã, ngỡ Giả Ngã là Chân Ngã, Giả Ngã là gì? Giả Ngã là cái ta có, giống như quần áo, quần áo là cái ta có. Hiện thời một người nghiễm nhiên có những thứ hồ đồ như vậy, quên khuấy [Chân] Ngã, coi y phục là ta. Tình hình của lục đạo chúng sanh là như thế, coi quần áo là ta, quên bẵng cái Ngã thật sự, hết thảy toàn là lo toan cho quần áo, quý vị nói xem có oan uổng hay không? Do vậy, đức Phật bảo chúng ta đã mê, đó là căn cội, nguồn gốc, khởi đầu của mê. Vì thế, đức Phật dạy chúng ta trước hết phải phá Ngã Chấp. Phá trừ Ngã Chấp, chẳng còn chấp trước thân này là ta, chúc mừng quý vị, quý vị thật sự nhập Phật môn, là đệ tử Phật, đã chứng quả Tu Đà Hoàn trong Tiểu Thừa, chứng Sơ Tín trong địa vị Thập Tín Bồ Tát của Đại Thừa. Thập Tín là Tiểu Học trong Phật giáo, Sơ Tín là lớp Một, giống như kinh Kim Cang đã nói: *“Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng”*, người như vậy mới học lớp Một. Cửa nẻo Phật pháp cao lắm, dẫu quý vị nghiên cứu kinh điển giỏi giang đến mấy, nói đến nỗi hoa trời rơi loạn xạ, mà vẫn ngỡ thân này là ta, quý vị chưa vào được cửa! Quý vị học suốt đời vẫn là Phật học, Phật học là gì? Tri thức, tức kiến thức về Phật học và Phật giáo, vô dụng! Đức Phật đòi hỏi chúng ta phải học gì? Học trí huệ, chẳng phải là học tri thức. Trí huệ và tri thức là hai chuyện [khác nhau], trí huệ là quý vị học được thì phải làm được, thật sự thọ dụng. Một người đạt đến vô ngã sẽ tự tại lắm!

      Chư vị biết vô ngã sẽ tự tại ở chỗ nào? Nếu quý vị chứng vô ngã, sẽ vĩnh viễn trẻ trung, vĩnh viễn chẳng ngã bệnh, thân tâm khỏe mạnh, đấy là điều đầu tiên quý vị đạt được. Vì sao quý vị bị bệnh? Ngã mới có bệnh, không có Ngã, ai sanh bệnh? Bệnh ở chỗ nào? Chẳng còn nữa. Vì thế, mỗi tế bào trên toàn thân quý vị đều bình thường, khỏe mạnh. Vì sao có Ngã thì bị bệnh? Có Ngã thì có tự tư tự lợi, có tham, sân, si, mạn. Quý vị thấy nhà Phật gọi tham, sân, si là Tam Độc, đó là vi trùng gây bệnh nguyên thủy nhất, trong tế bào của quý vị có những thứ ấy. Trong tế bào có những vi trùng độc tham, sân, si như thế, bên ngoài rất dễ bị cảm nhiễm. Bên trong không có vi trùng, bên ngoài sẽ chẳng bị lây bệnh, đạo lý là như vậy. Đây là chỗ khác biệt giữa Trung Y và Tây Y, Tây Y không biết đạo lý này, còn Trung Y thì hiểu. Một người mắc bệnh nghiêm trọng nhất, nếu tâm thái tốt đẹp, thầy thuốc cho người ấy dùng một chút thuốc, rất dễ dàng khôi phục sức khỏe. Vì thế, quý vị thấy hễ có Ngã Chấp sẽ kèm theo lắm nỗi phiền não ngần ấy. Từ phiền não sẽ sanh khởi ngũ dục, lục trần, tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ bên ngoài là ngoại duyên, sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp là lục trần, là tạp nhiễm. Đức Phật quy nạp vô lượng vô biên tạp nhiễm thành mấy loại lớn để thuận tiện dạy học. Nếu chẳng tách lìa những thứ ấy, tâm quý vị làm sao có thể thanh tịnh cho được? Còn có tiếng tăm, lợi dưỡng, chúng đều là giả, đem theo không được! Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức dạy chúng ta, hễ thứ gì mang theo không được thì chớ nên để trong lòng. Có thì tốt lắm, không có cũng tốt lắm! Căn bản là chẳng bận lòng, tâm quý vị mới thanh tịnh.

*“Phục ư lợi dưỡng đẳng sự”* (lại đối với các sự như lợi dưỡng v.v...), lợi dưỡng là nói tới ngũ dục, lục trần, người hiện thời rất coi trọng chúng, chúng là đối tượng tham muốn của quý vị. Có những sự ấy, có thân thể thì cần phải nuôi dưỡng nó, nhưng câu tiếp đó quan trọng lắm: *“Thường sanh tri túc chi tâm”*(thường sanh tâm biết đủ). Thích Ca Mâu Ni Phật đã làm cho chúng ta thấy, cả đời lão nhân gia hiện diện trên thế gian, Ngài chẳng xuất thân từ chốn bần cùng, mà đến từ gia đình phú quý, cha là quốc vương, xuất thân từ vương tộc. Cả đời Ngài sống theo nếp sống của một vị Tăng khổ hạnh, thể hiện “tri túc thường lạc” (biết đủ, thường vui). Đã thế, lại còn bắt đầu [cuộc sống khổ hạnh ấy] khi còn rất trẻ, mười chín tuổi rời khỏi gia đình, đi ra ngoài cầu học, tầm sư phỏng đạo mười hai năm. Thường nghĩ thế gian này có quá nhiều chúng sanh khổ nạn, họ sống cuộc đời như thế nào? Chúng ta hơi dư dả đôi chút, [cuộc sống] đã tốt đẹp hơn họ nhiều lắm, vẫn còn chưa biết đủ hay sao? Không biết đủ là tội nghiệt (mầm mống tội lỗi)! Kẻ không biết đủ do muốn chiếm hữu, muốn khống chế, bèn tạo tội nghiệp. Nếu đối với chỗ này mà có tâm cảnh giác, có thể giác ngộ, trong cuộc sống vật chất chúng ta có thể làm được “tri túc thường lạc”, tâm quý vị sẽ thanh tịnh. Đấy là *“khởi tịnh ý tâm”*, tâm quý vị ngày càng thanh tịnh. Tâm thanh tịnh, thân sẽ thanh tịnh. Trong ý, buông tự tư tự lợi xuống, buông tham, sân, si, mạn xuống, những nhân tố gây bệnh trong tế bào trên thân thể vật chất này chẳng còn nữa, bị hóa giải, bèn khôi phục bình thường. Thân tâm khỏe mạnh, vĩnh viễn chẳng ngã bệnh, cuộc sống vui sướng lắm, cớ sao chúng ta chẳng làm? Điều quan trọng là chẳng tham, mở rộng ý nghĩa thành chẳng sân và chẳng si.

      Chúng ta lại xem điều thứ sáu tiếp đó: *“Lục, vô vong thất tâm. Niệm Phật chi nhân, cầu sanh Tịnh Độ, thành Phật Chủng Trí, ư nhất thiết thời, niệm niệm bất xả, thị danh vô vong thất tâm”* (Sáu, tâm chẳng quên mất. Người niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, thành Phật Chủng Trí, trong hết thảy các thời, niệm niệm chẳng bỏ, đó là tâm chẳng quên mất). Điều này có ý nghĩa chẳng phức tạp, hoàn toàn quy nạp vào pháp môn Tịnh Độ. Chẳng mất ý niệm, vô lượng pháp môn của Như Lai chẳng mất, Ngài dạy chúng ta chẳng quên niệm Phật, đúng như Đại Thế Chí Bồ Tát đã nói: *“Ức Phật, niệm Phật, hiện tiền, đương lai, tất định kiến Phật”* (nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật). Do đặc biệt trong thời đại hiện tại, tai nạn rất nhiều, khi nào tai nạn xảy ra, không ai biết. Tôi cũng nghe một người nói, anh ta nghe một người thông linh nói sẽ có rất nhiều tai nạn, rốt cuộc hỏi người ấy khi nào tai nạn sẽ phát sanh? Hỏi rất nhiều lượt, câu trả lời vẫn là một câu: “Thiên cơ chẳng thể tiết lộ”. Có hay không? Thật sự có, nhưng khi nào thì không ai biết. Lại còn gần như chẳng hề cảnh cáo trước, hễ nói là xảy ra bèn xảy ra.

      Hai tháng trước, vào đầu tháng Sáu, tôi theo đoàn phỏng vấn tôn giáo Mã Lai đến thăm La Mã, thăm Vatican, tiện dịp viếng thăm khu Nam La Mã, lái xe đại khái gần ba tiếng, thăm cổ thành Bàng Bối (Pompeii). Hai ngàn năm trước, thành này bị tro núi lửa chôn vùi. Nghe nói khi ấy, cư dân trong thành thị đó trốn được một phần, còn lại chừng hơn bốn ngàn người không chạy trốn được, đều gặp nạn. Thời gian bao lâu? Chỉ có mấy giây! Tôi đặc biệt đến thăm thành ấy, mong hiểu rõ tình trạng thuở ấy. Vì sao? Trong thế giới hiện tiền, rất có thể là trạng huống như vậy xảy ra tại bất cứ nơi nào, chúng ta phải chuẩn bị tâm lý, nó xảy ra quá đột ngột, quá nhanh chóng, giống như chúng ta coi phim 2012, trở tay không kịp! Bất cứ ý niệm gì cũng chớ nên dấy lên, trong khoảnh khắc ấy chỉ nên dấy lên ý niệm niệm Phật, dẫu đều chết sạch thì mỗi cá nhân sẽ đi đến những chỗ khác nhau!

      Vì thế, nói tới lục đạo luân hồi, mỗi cá nhân đến mỗi chỗ khác nhau. Ai quyết định quý vị sẽ đến chỗ nào? Thưa quý vị, chẳng có ai quyết định! Lúc ấy, chẳng phải do thiên thần quyết định, cũng chẳng do Diêm La Vương quyết định, mà do ý niệm của chính quý vị! Trong Phật pháp đã nói rất hay, ý niệm cuối cùng của quý vị là gì? Nếu niệm cuối cùng tâm tham, bất luận quý vị nghĩ đến tài sản hay là người nhà, quyến thuộc, ý niệm cuối cùng quý vị nghĩ đến là tham. Tâm tham sẽ đọa trong ngạ quỷ đạo. Nếu niệm cuối cùng là sân hận, có oán giận, oán khí, trong tâm bất bình, sẽ là địa ngục đạo. Ý niệm cuối cùng là hồ đồ, ngu si, dẫu chẳng có vọng niệm gì, nhưng mơ mơ màng màng, quá nửa sẽ vào súc sanh đạo. Niệm cuối cùng là A Di Đà Phật, quý vị sanh sang thế giới Cực Lạc. Niệm cuối cùng nghĩ về Chân Chúa, quý vị sẽ sanh lên trời, niệm cuối cùng là như thế đó. Khi thọ mạng đời này chấm dứt, đời sau đến nơi nào là do một niệm cuối cùng, đó là mấu chốt. Quý vị hiểu rõ đạo lý này, trời già rất công bằng, chẳng có hậu đãi kẻ này, xử bạc kẻ kia, hoàn toàn đúng như cổ nhân Trung Quốc đã nói: *“Tự làm, tự chịu”.* Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, hiểu rõ chân tướng sự thật, như vậy thì phải huấn luyện ngay trong hiện tại, huấn luyện gì vậy? Huấn luyện ý niệm này: Thời thời khắc khắc đều có ý niệm A Di Đà Phật. Tai nạn xảy đến chẳng sao cả, xảy đến thì ta sang thế giới Cực Lạc; khi nó chưa xảy ra, ta tiếp tục niệm Phật, đấy là đúng, hoàn toàn đúng. Chủ tể tương lai của chính mình là ý niệm của chính mình. Chúng tôi có lý do để tin tưởng, trong kinh điển của mỗi tôn giáo đều nói như thế, những vị đại thánh đại hiền chẳng lừa gạt người khác.

      Trong đoạn văn tự này, câu *“cầu sanh Tịnh Độ”* dễ hiểu, sanh về Tịnh Độ để làm gì, vì sao? Để thành Phật Chủng Trí; nói cách khác, trong thế giới Cực Lạc chỉ có một mục tiêu, chỉ có một phương hướng, đó là chỉ cầu thành tựu Nhất Thiết Chủng Trí của Phật. Câu này cũng có nghĩa là đến thế giới Cực Lạc, ở trong hội của A Di Đà Phật, cầu Phật chỉ dạy chúng ta, giúp chúng ta chứng đắc minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ, *“thành Phật Chủng Trí”* chính là ý nghĩa này, trở về tự tánh. Trở về tự tánh, trí huệ viên mãn trong tự tánh là Nhất Thiết Chủng Trí. Trong Phật pháp, danh từ này bao gồm hai ý nghĩa, hai thuật ngữ, thứ nhất là Nhất Thiết Trí, thứ hai là Đạo Chủng Trí. Nhất Thiết Trí cũng là Căn Bản Trí, liễu giải chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, nhà Phật thường nói: “*Vạn pháp đều không”*, kinh Bát Nhã dạy: *“Hết thảy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, trọn chẳng thể được”.* Câu này thoạt nhìn dường như chẳng sâu, trên thực tế rất ư là sâu. Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời giáo học, giảng kinh Bát Nhã suốt hai mươi hai năm, gần như chiếm một nửa thời gian giáo học của Ngài để giảng đạo lý này. Hai mươi hai năm Bát Nhã được tổng kết bằng một câu này, một câu nói này gồm trọn hai mươi hai năm, quý vị biết nó rất sâu, rất rộng. Hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian không có pháp nào ngoại lệ, *“vô sở hữu, rốt ráo không, trọn chẳng thể được”.*

      Hết sức khó có, hiện thời, các nhà khoa học Lượng Tử Lực Học đã dần dần chứng thực câu nói này. Lời Thích Ca Mâu Ni Phật giảng là lời thật, chẳng giả, thật sự thấu triệt rõ ràng thì quý vị mới buông xuống hết thảy. Hiểu rõ chân tướng sự thật, chân tướng sự thật ấy là gì? Toàn thể vũ trụ và chính mình là một Thể, không phải là “một nhà”, một nhà vẫn chưa phải là một Thể. Đức Phật bảo chúng ta, quan hệ giữa khắp pháp giới hư không giới và chính mình là một Thể, điều này được gọi là luân lý trong nhà Phật. Do vậy, lòng từ bi của Phật không có điều kiện, đối với hết thảy mọi người, hết thảy sự vật, vạn vật trong trời đất, tâm từ bi bình đẳng, tâm từ bi thanh tịnh. Người hiện thời gọi từ bi là tâm yêu thương. [Từ bi] là tâm yêu thương bình đẳng, chẳng có sai khác. Vì sao? Một Thể, người ấy biết là [vạn pháp và chính mình là] một Thể, đó là Nhất Thiết Trí. Đạo Chủng Trí là chuyện như thế nào? Là mỗi chuyện, mỗi vật, phát sanh như thế nào, vì sao nó phát sanh, đối với các đạo lý sai khác đó, người ấy đều hiểu rõ, chẳng có gì không hiểu rõ, biết sự biến hóa phức tạp trong vũ trụ đều là bản năng trong tự tánh. Hai thứ trí huệ ấy đều chứng đắc, đều khôi phục, thì mới thật sự đáng gọi là *“không gì chẳng biết, không gì chẳng thể”.* *“Không gì chẳng biết”* là trí huệ Bát Nhã vốn sẵn có trong tự tánh, *“không gì chẳng thể”* là vô lượng đức năng vốn sẵn có trong tự tánh, hiển thị ra ngoài thành tướng hảo, đó gọi là y báo và chánh báo trang nghiêm.

      Đối với người mới học Phật mà nói, vì sao phải học Phật? Nhằm chứng đắc, khôi phục trí huệ, đức năng, và tướng hảo trong tự tánh, vì những điều này. Có thể làm được hay không? Có thể. Trong Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát dạy: *“Bổn Giác vốn có, bất giác vốn không”*, hai câu ấy dạy chúng ta phải tin tưởng chắc chắn, đức Phật nói trí huệ và đức tướng sẵn có trong tự tánh của chúng ta. Nếu là vốn có, đương nhiên có thể khôi phục. Những thứ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước vốn không có, trong tự tánh chẳng có, hiện tại dường như có, nhưng tự tánh không có, đương nhiên có thể buông chúng xuống. Nói theo phía người bình phàm chúng ta, đương nhiên là có thể đoạn trừ chúng. Học Phật là học gì? Học điều này: Trở về tự tánh mà thôi. Trở về tự tánh khó khăn, quý vị đọc kinh thông suốt, hiểu rõ, đó là giải ngộ. Quý vị đã hiểu rõ, nhưng chưa thực hiện, chưa làm được. Làm được là chứng ngộ, làm được mới hữu dụng, thật sự hữu dụng. Ta hiểu rõ, liễu giải rồi, vẫn chưa làm được. Muốn làm, nhưng chẳng đơn giản như vậy, làm thế nào để buông tập khí vô thỉ phiền não xuống? Tám vạn bốn ngàn pháp môn như trong Đại Thừa đã nói chính là tám vạn bốn ngàn phương pháp khác nhau giúp quý vị buông xuống, có vô lượng pháp môn, giáo pháp Đại Thừa dạy chúng ta như thế. Trong các phương pháp nhiều ngần ấy, quý vị chỉ cần dùng một phương pháp là được, không cần phải tìm thật nhiều thứ, nhưng phương pháp [được chọn] ấy phải là phương pháp mà chúng ta suy gẫm thấy chính mình có thể làm được. Phương pháp có khó và dễ, căn tánh của mỗi cá nhân khác nhau; vì thế, đức Phật cho phép chúng ta chọn lựa tự do. *“Pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp”*, lời ấy rất hay! Trong các pháp môn, chẳng có pháp môn nào ưu việt, không hề có, đều là bình đẳng! Ưu việt tùy thuộc bản thân quý vị, căn tánh của quý vị sai khác, phương pháp nào dễ sử dụng đối với chính mình thì chúng ta dùng phương pháp đó. Đức Phật đặc biệt giới thiệu với chúng ta một pháp môn, tức là pháp Niệm Phật, pháp môn này thuận tiện, dễ dàng, ổn thỏa, thích đáng, rất nhanh chóng, thật sự nương theo phương pháp này để tu học, gần như Thích Ca Mâu Ni Phật có thể đảm bảo chúng ta sẽ thành công trong một đời này; đó là người niệm Phật. Vì vậy, trong hết thảy các thời niệm niệm chẳng bỏ ý niệm cầu sanh Tịnh Độ và một câu Phật hiệu A Di Đà Phật, câu ấy rất quan trọng, giúp chúng ta trở về tự tánh. Đây là dạy chúng ta nhớ Phật, niệm Phật, trong tâm thường nghĩ đến Phật, đặc biệt phải nghĩ tới Phật giáo hóa, độ thoát chúng sanh, công đức vô lượng vô biên. Phật chẳng có tâm riêng tư, vì sao? Ngài biết hết thảy chúng sanh trong khắp pháp giới hư không giới và Ngài là một Thể, làm sao Ngài có tâm riêng tư cho được? Niệm niệm vì chúng sanh chính là niệm niệm vì chính mình, niệm niệm giúp chúng sanh chính là niệm niệm giúp chính mình, lý này rất ư là sâu. Do chư Phật, Bồ Tát không vị nào chẳng bỏ mình vì người, nên các Ngài mới có thể thật sự quay đầu, thật sự buông xuống, thật sự đạt đến thành tựu viên mãn.

      Tiếp theo đó là điều thứ bảy: *“Vô hạ liệt tâm. Niệm Phật chi nhân, thường hành bình đẳng chi tâm, ư chư chúng sanh, tôn trọng cung kính, bất sanh khinh mạn, thị danh vô hạ liệt tâm”* (Tâm chẳng kém hèn: Người niệm Phật tâm thường hành bình đẳng, đối với các chúng sanh tôn trọng, cung kính, chẳng sanh lòng khinh mạn, đó là tâm chẳng kém hèn). Trong bình đẳng mới có sự đối đãi hòa thuận. Phật pháp và cổ thánh tiên hiền Trung Quốc có chung quan niệm, giáo hóa chúng sanh thì nói quả trước, nói nhân sau. Vì sao? Chúng sanh bình phàm rất thực dụng, họ phải thấy kết quả trước, hiểu rõ rồi, đã thấy tốt xấu rồi mới giảng cái nhân cho họ, họ sẽ tin tưởng, tiếp nhận dễ dàng. Bình đẳng là nhân, hòa hài là quả, người Hoa gọi là hòa bình, hòa là quả, bình là nhân. Người Nhật Bản học theo văn hóa Trung Quốc, nhưng người Hoa nói “hòa bình”, còn người Nhật nói là “bình hòa”, đúng hay không? Cũng đúng, “bình hòa” là nói nhân trước, nói quả sau. Có bình đẳng rồi mới có hòa hài! Vì thế, ngày nay chúng ta muốn nói đến thế giới hòa bình, thế giới hòa hài, nếu thế giới này chẳng bình đẳng thì hòa hài chỉ là khẩu hiệu, không thực hiện được! Xã hội này là xã hội rất bất bình đẳng, cho nên nơi nào cũng nẩy sanh xung đột, hóa giải xung đột bằng cách nào? Đối đãi bình đẳng, hòa hài sẽ xuất hiện, có thể hóa giải xung đột. Lời này nói dễ dàng, nhưng thực hiện chẳng đơn giản. Chúng ta phải suy nghĩ, nghiêm túc tư duy, cổ thánh tiên hiền làm như thế nào? Dùng phương pháp gì để làm? Các Ngài dùng giáo dục. Mục đích của giáo dục là ở chỗ nào? Mục đích của giáo dục là giúp đại chúng giác ngộ. Đại chúng thật sự giác ngộ, thật sự hiểu rõ, khắp pháp giới hư không giới và ta là một Thể, tâm bình đẳng sẽ hiện tiền. Quý vị thấy các nhà Pháp Tướng Duy Thức chuyển Mạt Na Thức thành Bình Đẳng Tánh Trí, hòa hài bèn xuất hiện. Mạt Na là Ý Thức, đã mê thì gọi là Ý Thức, là Mạt Na Thức. Đã giác ngộ, nó chính là Bình Đẳng Tánh, tức Bình Đẳng Tánh Trí trong tự tánh. Muốn giúp cho con người chuyển thức thành trí, trừ giáo dục ra, không có phương cách nào khác. Trong cách nhìn theo Phật pháp của chúng tôi, tổ tông của mỗi dân tộc trên thế giới đều là Phật, Bồ Tát thị hiện, nói theo tôn giáo thì họ đều là chân thần thị hiện. Nói như vậy hợp lý, mỗi vị đều là bậc minh tâm kiến tánh. Vì vậy, họ lưu lại giáo huấn tương ứng với tánh đức viên mãn, ngôn ngữ, trí huệ, lời bàn xứng tánh đều từ tự tánh lưu lộ, chẳng phải do sáng tạo, chẳng phải là phát minh. Bởi lẽ, *“con người có cùng cái tâm này, tâm cùng một lý này”.*

      Tôi bàn với giáo sư Mạch Đại Duy (David McMullen) của khoa Hán học trường đại học Kiếm Kiều (Cambridge) về phương pháp và quan điểm giáo học, những thứ tốt đẹp của cổ nhân Trung Quốc đã truyền lại mấy ngàn năm, chẳng ai thay đổi được. Ông ta hỏi tôi: “Mấy câu nào vậy?” Tôi bảo: “Đó là tám câu đầu trong Tam Tự Kinh”. Ông ta có thể đọc thuộc lòng Tam Tự Kinh. Là một nhà Hán Học, không biết ông ta đã đọc thuộc lòng bao nhiêu lượt, nhưng chẳng thấu hiểu. Quan điểm giáo học đầu tiên là phải thừa nhận*“con người tánh vốn lành”*, giống như trong sự giáo dục của Phật Đà. Quý vị thấy quan điểm trung tâm trong nền giáo dục của đức Phật là *“hết thảy chúng sanh vốn là Phật”*, ý nghĩa hoàn toàn giống với *“nhân chi sơ, tánh bổn thiện”* (người thoạt đầu, tánh vốn lành) [trong Tam Tự Kinh]. Vì thế, quý vị làm công tác giáo dục, giáo học, đầu tiên quý vị phải khẳng định con người tánh vốn lành. Mục đích giáo dục là đâu? Mục đích chính là phải giúp hết thảy chúng sanh trở về bổn thiện, trong Đại Thừa Phật pháp, bổn thiện là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, đó mới là bổn thiện, bổn thiện chính là thành Phật. Vì sao phải dạy? Câu tiếp đó đã nói rõ ràng: *“Tánh tương cận, tập tương viễn”* (Tánh thì giống nhau, do được huân tập mà trở thành khác nhau). Tánh vốn lành, giống nhau, hoàn toàn giống nhau, nhưng do huân tập nên ngày càng cách xa bổn tánh. Tập tánh là gì? Thói quen, bổn tánh vốn lành, tập tánh bất thiện. Cổ nhân Trung Quốc nói: *“Cận châu tắc xích, cận mặc tắc hắc”* (Gần son thì đỏ, gần mực thì đen); một đứa bé hết sức dễ bị cảnh giới bên ngoài cảm nhiễm, nó ở cùng người tốt sẽ biến thành người tốt, ở cùng kẻ ác sẽ biến thành xấu xa, đó gọi là tập tánh. Mục đích của giáo dục là làm sao giúp cho con người từ tập tánh bất thiện quay về bổn thiện, đó là mục đích của giáo dục. Vì vậy, quan điểm giáo dục được phát triển từ chỗ này. *“Cẩu bất giáo, tánh nãi thiên”* (nếu chẳng dạy, tánh sẽ biến đổi). Chỉ cần dạy cho con người tốt đẹp, chuyện bất hảo nào trong xã hội cũng chẳng phát sanh, bất cứ tai nạn nào trên địa cầu cũng chẳng nẩy sanh. Do vậy, người Trung Quốc hiểu giáo dục, có trí huệ về phương diện giáo dục, có phương pháp và kinh nghiệm giáo dục, nên giáo dục có hiệu quả. Vô cùng đáng tiếc là sau khi nhà Mãn Thanh vong quốc một thế kỷ, trong một trăm năm ấy, chúng ta đã coi nhẹ, khinh rẻ những giáo huấn của tổ tông, xã hội mới xuất hiện các phiền phức nhiều ngần ấy, núi, sông, đại địa phát sanh các tai biến nhiều dường ấy. Truy tới căn bản [thì ra] giáo dục có vấn đề!

*“Giáo chi đạo, quý dĩ chuyên”*(đường lối giáo dục quý ở chỗ chuyên nhất), chúng ta muốn học tốt đẹp, muốn học theo bậc thánh, muốn học theo người hiền, có thể làm được hay không? Chỉ cần quý vị kiên trì, ngăn ngừa hết thảy nhiễm ô, như đã nói trong phần *“khởi tịnh ý tâm”* ở trên thì sẽ thực hiện được. Vâng giữ tám câu giáo huấn của tổ tông, ai nấy đều có thể trở thành thánh nhân, hiền nhân. Chẳng gặp thiện tri thức chân chánh hoặc thầy tốt, có thể lấy cổ nhân làm thầy, trước tác của cổ nhân hãy còn, hãy khéo đọc, học tập, y giáo phụng hành, có thể thực hiện. Tại Trung Quốc, người nêu gương đầu tiên là Mạnh Tử, Mạnh Tử học theo Khổng Tử. Khổng Tử đã chẳng còn, qua đời rồi, nhưng Thi, Thư, Lễ, Nhạc do Khổng Tử san định hãy còn, những văn tự do Khổng Tử biên tập giáo huấn của cổ thánh tiên hiền hãy còn. Mạnh Tử có được những tác phẩm ấy bèn nghiêm túc học tập, chỗ nào không hiểu rõ bèn thỉnh giáo các đệ tử của Khổng Tử, Ngài học thành công, học giống như Khổng Tử, vượt trỗi các đại đệ tử của Khổng Tử thuở ấy. Vì thế, hiện thời nhắc tới Khổng Mạnh, chẳng nói Khổng Tăng, tuy Tăng Tử cũng khá lắm, Hữu Tử cũng khá lắm, nhưng chẳng nhắc tới, chỉ nhắc tới Khổng Mạnh. Quý vị thấy vị tư thục đệ tử này chưa hề gặp Khổng Tử, chiếu theo những trước tác còn lưu lại của Khổng Tử để học tập, nghiễm nhiên vượt trỗi những học trò do chính Khổng Tử chỉ dạy thời ấy, nêu gương tốt nhất cho chúng ta. Sách của Khổng Tử còn đó, Tứ Thư, Ngũ Kinh, nếu chúng ta chiếu theo đó, nghiêm túc học tập, bỏ ra mười năm công phu cũng có thể làm được như Mạnh Tử, chẳng phải là làm không được, vì sao không làm? Thời gian mười năm không dài, chỉ cần thật sự bỏ mười năm công phu, cổ nhân nói rất hay: *“Thập tải hàn song, nhất cử thành danh”* (mười năm quạnh quẽ miệt mài, một mai thi đậu công danh rỡ ràng). Trong Phật pháp, Ngẫu Ích đại sư đã nêu gương cho chúng ta. Ngẫu Ích đại sư ngưỡng mộ ngài Liên Trì, học theo Liên Trì đại sư. Liên Trì đại sư đã vãng sanh, chẳng còn tại thế, nhưng trước tác của Liên Trì đại sư còn đó, học trò của Ngài là Thành Thời tu chỉnh, khắc ván lưu thông. Ngẫu Ích đại sư có được những bộ sách của Liên Trì đại sư bèn nghiêm túc học tập. Liên Trì là tổ sư đời thứ tám của Tịnh Tông, Ngẫu Ích trở thành tổ sư đời thứ chín. Vì thế, có thầy và có hoàn cảnh học tập là đại phước báo! Điều ấy có thể gặp, chứ chẳng thể cầu, không có hoàn cảnh ấy vẫn có thể học thành công, đó là Mạnh Tử và Ngẫu Ích đại sư.

      Trong hiện tại, chúng ta vừa phát hiện một người, tại miền Đông Bắc Trung Quốc có cư sĩ Lưu Tố Vân, dùng thời gian mười năm để học một bộ kinh Vô Lượng Thọ, học thành công. Hiện thời, bà ta giảng kinh Vô Lượng Thọ không cần dùng kinh bổn, giảng chỗ nào cũng thấm đẫm đạo lý, pháp duyên thù thắng, đến nơi nào cũng được người ta hoan nghênh. Mười năm, một quyển sách, bà ta học như thế nào? Bà ta có một bộ đĩa CD, thuở ấy, bà ta đã năm mươi lăm tuổi! Năm mươi lăm tuổi mới bắt đầu, khi đó, bà có được một bộ đĩa CD kinh Vô Lượng Thọ, sáu mươi giờ. Chúng tôi không biết bà ta, tới năm nay tôi mới gặp mặt bà, bà ta đã thành công, mười năm bèn thành công. Bà ta kể mỗi ngày nghe một đĩa CD, tức là một giờ, đối với một giờ giảng bà ta nghe mười lần. Vì bà ta nghe tôi giảng kinh có nói một câu như sau: *“Thâm nhập một môn, huân tu lâu dài”*, bà ta ghi nhớ câu ấy, thật sự làm theo. Thâm nhập một môn, tức là nghe một bộ kinh đến cùng, chẳng có ý niệm thứ hai, mỗi ngày nghe mười lần [đĩa CD ghi âm] một giờ giảng. Ngày hôm sau đổi sang đĩa kế tiếp, cũng nghe mười lần. Nghe sáu mươi ngày xong, ngày thứ sáu mươi mốt quay lại nghe từ đầu. Nghe như vậy mười năm, không chỉ toàn bộ kinh đều thuộc, mà mỗi chữ tôi nói bà ta đều nhớ nằm lòng. Một kinh thông, hết thảy các kinh thông, hiện thời bất cứ kinh giáo Đại Thừa nào đưa đến trước mặt, bà ta chẳng bị mảy may chướng ngại gì! Đây là một tấm gương rất tốt đẹp. Năm nay bà đã sáu mươi lăm tuổi, mười năm, thành công rồi. Tôi giảng kinh thường nhắc tới bà ta, bà ta đã nổi tiếng tại Đại Lục, khắp nơi mời bà ta giảng kinh, đó là một nhân vật giống như Mạnh Tử và Ngẫu Ích đại sư. Có người hỏi bà ta học như thế nào mà thành công? Bà ta bảo bí quyết gồm sáu chữ: Thứ nhất là “lão thật” (thật thà), thứ hai là “thính thoại” (nghe lời), thứ ba là “chân cán” (thật sự làm). Thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, bà ta thật sự làm! Mười năm bèn thành công. Chúng ta thử nghĩ xem, chẳng phải là chúng ta không thể thành tựu, mà vì đã lãng phí thời gian, người ta mười năm dốc sức một bộ kinh, còn chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ loạn xạ trong mười năm, uổng phí mười năm!

      Sau đấy, chúng ta suy nghĩ thấy tổ sư đại đức xưa kia có phước báo, quý vị thấy bao nhiêu người thành tựu y chỉ một vị thầy, ở trên núi vài chục năm chẳng hạ sơn. Hôm nay, pháp sư Trung Tây Tùy Công (Nakanishi Zuikou) của Nhật Bản đến thăm chúng ta. Trong quá khứ, tôi đã đi thăm Nhật Bản sáu lần, có một lần tôi đến thăm núi Tỷ Duệ (Hiei-zan) của Nhật Bản. Có người bảo tôi, các tổ sư khai sơn của mười ba tông phái Phật giáo tại Nhật Bản [[13]](#footnote-14)[[3]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-47.htm#_ftn3) đều tu hành trên núi này. Tôi lên núi đặc biệt hỏi dò xem thời gian tu hành của các vị tổ sư đại đức trên núi ấy bao lâu. Lão hòa thượng trên núi bảo tôi, vị lâu nhất hơn ba mươi năm không hạ sơn, vị ít nhất là mười bốn năm, nên các Ngài mới có thành tựu như vậy, trở thành nhất đại tổ sư. Pháp duyên thù thắng chưa phải là chuyện tốt, khiến cho quý vị suốt ngày từ sáng đến tối đi khắp nơi, tâm bị rối nháo nhào, thời gian cũng rối beng, chẳng thể thành tựu! Người thành tựu an định một chỗ, như như bất động. Tôi là một kẻ chẳng có phước báo, chẳng có cách nào, chẳng có đạo tràng, nên nơi nào hữu duyên bèn đến nơi đó, nhưng tôi giữ vững một nguyên tắc, tôi đến bất cứ nơi nào cũng đều là để giảng kinh, nơi không thể giảng kinh tôi sẽ không đến. Do vậy, tôi có thể duy trì vững vàng cho đến hiện tại, suốt năm mươi hai năm giảng kinh không gián đoạn nên mới có một chút thành tựu. Nếu tôi có phước báo như các vị tổ sư đại đức xưa kia, có một ngọn núi, năm mươi hai năm chẳng hạ sơn, đến nay tôi sẽ tuyệt lắm, khá vô cùng! Vì thế, các đồng học trẻ tuổi phải hiểu rõ đạo lý này, ai thành tựu quý vị? Chính mình thành tựu chính mình. Xưa nay, trong ngoài nước, hễ là người có thành tựu, tuyệt đối chẳng phải do được thầy ở bên cạnh thường chỉ điểm, không có, đều do chính mình thành tựu. Nắm vững những nguyên tắc và nguyên lý do thầy chỉ dạy, thật sự phát tâm dũng mãnh, tâm tinh tấn, giữ chí thường hằng, không ai chẳng thành tựu! Cư sĩ Lưu Tố Vân là một tấm gương vô cùng tốt, người ta năm mươi lăm tuổi mới tiếp xúc, các vị còn chưa tới năm mươi lăm tuổi, phải học theo bà ta, mười năm trở thành đại pháp sư. Nếu bà ta xuống tóc, xuất gia, lên tòa, giảng kinh bèn là đại sư. Do vậy, chuyển Mạt Na Thức thành Bình Đẳng Tánh, điều này vô cùng trọng yếu. Thật sự chuyển được, nhất định sẽ có biểu hiện như thế này: Tôn trọng cung kính các chúng sanh, chẳng sanh lòng khinh mạn, đối với người cũng thế, mà đối với chính mình cũng thế, ta và người bình đẳng, chúng sanh và Phật bình đẳng. Quý vị đối với người, đối với cây cối, hoa, cỏ, đối với núi, sông, đại địa, đối với hết thảy chúng sanh, quyết định chẳng có tâm khi dễ, chẳng có thái độ ngạo mạn, thể hiện sự tôn trọng, cung kính, chắc chắn là như vậy. Đấy là lễ kính, chẳng sân.

      Tiếp đó, điều thứ tám là *“sanh quyết định tâm. Niệm Phật chi nhân, bất trước thế gian ngôn luận, ư Vô Thượng Bồ Đề chi đạo, thâm sanh chánh tín, tất cánh bất hoặc, thị danh sanh quyết định tâm”* (Sanh tâm quyết định: Người niệm Phật chẳng đắm chấp ngôn luận thế gian, đối với đạo Vô Thượng Bồ Đề, sanh lòng chánh tín sâu xa, rốt ráo chẳng mê hoặc, đó là sanh tâm quyết định). Điều này là “chẳng si”. Quý vị thấy đó, không tham, không sân, không si. Những ngôn luận thế gian, đặc biệt trong hiện thời, chánh luận ngày càng ít ỏi, lệch lạc, tà vạy ngày càng nhiều! Các đồng học theo tôi lâu dài cũng biết tôi có một thói quen, tôi học Phật năm mươi chín năm, mười năm đầu, có khi xem nhật báo, tạp chí, TV, tôi buông bỏ những thứ ấy gần năm mươi năm rồi, chẳng xem TV, chẳng đọc nhật báo, tôi nhất loạt cự tuyệt những tạp chí tin tức, vì sao? Nhiễm ô. Cũng có đồng học thường gởi sách cho tôi xem, tôi cầm lấy, trước hết xem trang bản quyền, phía sau in: *“Sở hữu bản quyền, in lại nhất định truy cứu trách nhiệm”*, tôi sẽ không đọc sách ấy, bảo người ta đem đi. Người ta hỏi vì sao ư? [Tôi trả lời: Tác giả] tâm lượng quá nhỏ. Tâm lượng quá nhỏ thì có thể viết được thứ tốt đẹp gì? Quý vị thấy khi cổ nhân Trung Quốc ra sách, chẳng phải vậy! *“Hoan nghênh tái bản, công đức vô lượng”*, chẳng có sở hữu bản quyền. Một người tâm lượng to lớn, tâm lượng lớn, phước sẽ lớn, trí huệ cũng lớn; tâm lượng nhỏ bé, phước cũng bé tí, trí huệ cũng nhỏ nhoi, vậy thì cần gì phải lãng phí thời gian của chúng ta? Thời gian của chúng ta rất hữu hạn, chẳng muốn lãng phí vào đó; nhưng nếu là ngôn luận của thánh hiền thế gian thì có thể xem, có thể nghiên cứu. Tuy vậy, hoàn cảnh hiện tại đã khác, tai nạn nhiều lắm, khiến cho chúng ta sanh khởi tâm cảnh giác cao độ, chúng ta ứng phó ra sao, đấy là chuyện cấp thiết trước mắt, chỉ có đem toàn bộ thời gian, tinh lực dùng vào Phật pháp.

      Kinh luận Phật pháp cũng nhiều vô cùng, thưa quý vị, kinh có thể cứu nạn gấp, thật sự có thể giúp chúng ta giải quyết nguy cơ trước mắt chính là một bộ kinh Vô Lượng Thọ, thật sự dùng được! Nhất là bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư. Hiện thời, trong chín phiên bản tiếng Hán khác nhau của kinh Vô Lượng Thọ, bản của Hạ Liên Cư là bản tốt nhất trong chín bản khác nhau. Chúng ta có duyên gặp gỡ, đó là phước báo nhiều lắm! Do vậy, năm nay, tôi quyết định tạm ngừng [giảng] kinh Hoa Nghiêm một năm để giảng bộ kinh này, mọi người chúng ta cùng nhau học tập kỹ càng. Tôi cũng giảng [kinh này] giống như giảng kinh Hoa Nghiêm, giảng cặn kẽ bản chú giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, cũng là cảm ơn một phen tri giao giữa chúng tôi lúc tuổi già. Cụ viết bản chú giải này, dụng tâm rất khổ sở. Đã thế, thân đang mang bệnh nặng, vẫn hoàn thành tác phẩm này. Tôi biết rõ, vô cùng kính phục, lần này, chúng tôi chia sẻ tâm đắc và cảm tưởng do đọc bộ kinh này cùng mọi người, tạo thành Diễn Nghĩa. Vì vậy, lần giảng kinh này có tựa đề là Tịnh Độ Đại Kinh Giải, Đại Kinh do cụ Hạ hội tập, Giải do lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ viết, cuối cùng, chúng tôi đem phần tâm đắc khi học tập tạo thành Diễn Nghĩa, giúp cho các Tịnh Tông đồng học hiện tiền và mai sau có một bản hoàn thiện hòng có thể tu học, mang ý nghĩa rất lớn. Đại biểu cho đạo Vô Thượng Bồ Đề, [cứu độ chúng sanh nghiệp khổ] trong chín ngàn năm thời Mạt Pháp là cuốn kinh này và bản chú giải này. Sanh lòng chánh tín sâu xa, rốt ráo chẳng mê hoặc. Đó là *“sanh quyết định tâm”.*

      Thứ chín, *“vô tạp nhiễm tâm. Niệm Phật chi nhân, tu tập công hạnh, chủng chư thiện căn, tâm thường viễn ly nhất thiết tạp nhiễm phiền não, thị danh vô tạp nhiễm tâm”* (Tâm chẳng tạp nhiễm: Người niệm Phật tu tập công hạnh, gieo các thiện căn, tâm thường xa lìa hết thảy phiền não tạp nhiễm, đó là tâm không tạp nhiễm). Học điều gì cũng phải chuyên, chớ nên tạp, kỵ nhất là xen tạp. Nhưng trường học hiện thời là tạp nhiễm, chương trình học trong nhà trường hiện thời, nói chung từ nhà trẻ đến lớp tiến sĩ đều là học tập nhiều môn, lại còn sắp xếp các môn học xen kẽ. Chẳng hạn như Tiểu Học, giờ thứ nhất học Ngữ Văn, giờ thứ hai học Toán. Khái niệm ngữ văn còn chưa hấp thụ đã thay đổi đề mục. Đó là tạp, là nhiễm. Trung Quốc vào thời cổ kỵ nhất cách dạy học ấy. Cổ nhân Trung Quốc tuân thủ nguyên tắc của tổ tông: *“Giáo chi đạo, quý dĩ chuyên”*, tức là*“thâm nhập một môn, huân tu lâu dài”*, một môn chưa học nhuần nhuyễn, quyết định chẳng thể học môn thứ hai. Xưa kia, tôi theo lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam học kinh giáo, thầy Lý áp dụng cách dạy học trong trường tư thục, tức là học từng môn một, quý vị không thể đồng thời học hai môn. Thầy nói rõ ràng với quý vị, học đồng thời hai môn thì một môn quý vị cũng chẳng học được! Vì sao? Phân tâm. Thời gian cũng bị chia vụn, tinh thần cũng bị phân tán, làm sao học tốt cho được? Chỉ cho phép học một môn, học xong một môn mới có thể học môn thứ hai. Học từng môn một, phương pháp này có thể sử dụng trong nhà trường. Tôi tin tưởng dùng trong nhà trường, thành tích của học trò nhất định sẽ vô cùng tốt đẹp, vì sao? Tập trung tinh thần. Chẳng hạn như Tiểu Học có bốn môn chủ yếu, Ngữ Văn, Toán, hoặc là Sử, Địa, ngoài ra còn có Ngoại Ngữ. Các môn học chánh yếu không sắp xếp xen kẽ. Ngữ Văn là cơ sở của tất cả khoa học, trọng yếu nhất, dành thời gian nhiều một chút, sáu năm Tiểu Học dùng thời gian ba năm để học Ngữ Văn, không có các môn khác, chuyên học Ngữ Văn. Toán thì dành ra một năm để chuyên môn học Toán. Quý vị thấy học theo kiểu này, trong cặp chỉ có một quyển sách, rất nhẹ nhàng, thong dong, đầu óc chỉ nghĩ tới một chuyện, chẳng nghĩ tới chuyện thứ hai, chắc chắn tinh thần tốt đẹp, thân thể tốt đẹp, thành tích học tập cũng tốt đẹp. Đấy chính là như cách nói của tổ tông Trung Quốc: *“Giáo chi đạo, quý dĩ chuyên”*, chớ nên xen tạp. Khi đã xen tạp, sẽ rối loạn.

      Tổ tiên có trí huệ, người hiện thời xem thường tổ tông, nên họ bất hiếu với cha mẹ, ngỡ con người hiện thời rất thông minh, luôn vượt trội tổ tông. Hiện thời con cái đều nghĩ mình vượt trội cha mẹ rất nhiều, cha mẹ quá cổ lỗ, trở thành đồ cổ rồi, vô dụng, chẳng theo kịp thời đại, ngay cả computer cũng chẳng biết dùng, xem thường cha mẹ. Không biết trí huệ của cha mẹ và tổ tông có thể giải quyết vấn đề, những quan niệm hiện thời đã đem lại tai nạn. Tôi cũng thảo luận vấn đề này với nhiều người làm công tác giáo dục, kể cả một số giáo sư đại học và các hiệu trưởng, họ nghe xong cũng cảm thấy tôi rất có lý, có thể làm thí nghiệm. Nếu có trường học nào chọn phương pháp này để làm thí nghiệm, thí nghiệm thành công sẽ là công đức vô lượng, có thể giúp khá nhiều trường học thay đổi phương pháp dạy học, thật sự có thể cứu vớt thế hệ kế tiếp. Chúng ta phải tôn trọng, cung kính tổ tông, những thứ của tổ tông là chân thật, thật tốt đẹp! Chẳng xảy ra chuyện gì! Vứt bỏ tổ tông, phiền phức gì cũng đưa đến. Điều này cũng thuộc loại “chẳng si”. Hai điều tám và chín đều là “chẳng si”.

      Điều cuối cùng là niệm Phật, *“khởi tùy niệm tâm. Niệm Phật chi nhân, tuy quán Như Lai tướng hảo, nhi bất sanh ái trước chi tâm; ư vô niệm trung, thường niệm bỉ Phật, thị danh khởi tùy niệm tâm”* (Khởi tùy niệm tâm: Người niệm Phật tuy quán tướng hảo của Như Lai, nhưng chẳng sanh tâm yêu đắm, trong vô niệm thường niệm đức Phật ấy, đó là khởi tùy niệm tâm). Quán tướng hảo của Phật Như Lai, [quán] tướng hảo của Như Lai là [quán những tướng hảo nơi] Báo Thân Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện trên thế gian, đấy là Ứng Thân, chúng sanh có cảm, Ngài bèn ứng. Ứng Thân Phật thị hiện ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo, cũng chính là vì người thế gian đã gọi những tướng đó là tướng tốt theo thuật xem tướng, Thích Ca Mâu Ni Phật thảy đều có đầy đủ. Kinh dạy: Trong thế giới Cực Lạc, quý vị thấy thân A Di Đà Phật có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo. Trên thế gian, đức Phật dùng tướng hảo để tiếp dẫn chúng sanh, chúng sanh ưa chuộng tướng hảo, Phật tướng hảo đệ nhất, họ thấy tướng hảo của Phật sẽ theo Phật, học theo Ngài, mục đích của Ngài là ở chỗ này. Báo Thân Như Lai là bình đẳng, nếu chúng ta minh tâm kiến tánh, sanh về cõi Thật Báo Trang Nghiêm của Phật thì thân chúng ta và thân Phật chẳng khác, vì sao? Từ tự tánh hiển thị, quả thật là vô thượng phước huệ trang nghiêm, nhưng chẳng sanh tâm yêu đắm. Yêu đắm là phiền não, “yêu” là phân biệt, “đắm” là chấp trước, lẽ nào sanh lòng yêu đắm? Không thể nào! Hiện tiền, trong vô niệm chúng ta phải thường niệm A Di Đà Phật, chữ *“bỉ Phật”* [trong đoạn kinh văn của pháp hội Phát Khởi Bồ Tát Thù Thắng Chí Nhạo trong kinh Bảo Tích vừa được trích lục trên đây] chỉ A Di Đà Phật. Niệm Phật thì tâm là tâm Phật, tức là như kinh đã nói *“niệm Phật làm Phật”.* Vốn là Phật, nay lại làm Phật, há lẽ nào chẳng thành Phật?

      Ở đây, chúng ta đã học tập xong câu *“hà đẳng danh vi phát thập chủng tâm?”* (những gì gọi là phát mười thứ tâm) trong kinh Đại Bảo Tích. Đối với mười thứ này, chỉ cần làm được một thứ sẽ hội đủ điều kiện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Mười thứ tâm thảy đều làm được, quyết định vãng sanh, quyết định thấy Phật. *“Do thị tâm cố, đương đắc vãng sanh bỉ Phật thế giới”* (do tâm ấy sẽ được vãng sanh thế giới Cực Lạc). *“Khả kiến Di Lặc đại sĩ chánh thị tương tán Thích Tôn đồng hoằng Tịnh Tông diệu pháp dã”* (có thể thấy Di Lặc đại sĩ thật sự phụ trợ đức Thích Ca cùng hoằng dương diệu pháp Tịnh Tông). Đấy là lời kết luận của cụ Hoàng Niệm Tổ sau đoạn kinh văn này: Di Lặc Bồ Tát quả thật đang hiệp trợ Thích Ca Mâu Ni Phật, hiệp trợ A Di Đà Phật hoằng dương pháp môn Tịnh Độ. Đương nhiên Di Lặc Bồ Tát đã ở Tây Phương Cực Lạc thế giới; do vậy, đến thế giới Cực Lạc sẽ thấy chân thân của Di Lặc Bồ Tát. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới đây.

**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**

**Phần 47 hết**

# Tập 95

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giảo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

      Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm lẻ bảy, xem từ ba chữ cuối cùng:

*“Hựu bổn kinh trung đệ tam thập nhị phẩm hạ, Di Lặc đương cơ”* (lại nữa, trong kinh này từ phẩm ba mươi hai trở đi, ngài Di Lặc là đương cơ). Đức Phật thuyết bộ kinh này gồm tổng cộng bốn mươi tám phẩm, trong ba mươi mốt phẩm đầu, tôn giả A Nan là đương cơ, trong các phẩm cuối từ phẩm ba mươi hai đến phẩm bốn mươi tám, Di Lặc Bồ Tát là đương cơ, điều này cũng hy hữu và là duyên phận thù thắng. Người đương cơ biểu thị loại căn cơ nào thích hợp để tu học pháp môn này. Di Lặc làm đương cơ có ý nghĩa rất sâu, vì trong thời kỳ Mạt Pháp của đức Thế Tôn, trong xã hội hiện thời có rất nhiều tin đồn Di Lặc Bồ Tát đã thành Phật, sắp đến thế gian này hóa độ chúng sanh. Đấy là lời lẽ yêu mị dối người, về căn bản chẳng có chuyện này! Trong kinh, đức Phật đã nói rất rõ ràng, khi nào Di Lặc Bồ Tát sẽ đến thành Phật trong thế gian của chúng ta? Trong phần trước, chúng ta đã đọc thấy *“tứ thiên niên chi hậu”* (sau bốn ngàn năm), bốn ngàn năm ấy là bốn ngàn năm trên cõi trời Đâu Suất, không phải là bốn ngàn năm trong nhân gian chúng ta. Nay Di Lặc Bồ Tát đang ở Đâu Suất Thiên, thọ mạng của Đâu Suất Thiên là bốn ngàn tuổi. Sự khác biệt thời gian giữa Đâu Suất Thiên và thế gian chúng ta rất lớn, hiện nay [sự sai biệt ấy] được gọi là “thời sai”, một ngày trên ấy bằng bốn trăm năm trong nhân gian. Nếu nói theo nhân gian, thọ mạng con người rất dài thì sống được một trăm năm, trên trời Đâu Suất cũng là một ngày gồm hai mươi bốn giờ, dùng thời gian trên trời Đâu Suất để tính toán, [người trong nhân gian thọ trăm tuổi] sống được bao nhiêu giờ? Sáu giờ. Sáu giờ của họ bằng một trăm năm của chúng ta, sai khác rất lớn. Đổi theo cách tính thời gian trên địa cầu, sẽ là năm mươi bảy ức sáu ngàn vạn năm, năm mươi bảy ức! Thời gian còn dài quá, rất ư là lâu! Trên thế gian nếu không có Phật xuất thế sẽ hết sức đáng thương, năm mươi bảy ức sáu ngàn vạn năm, tôi tính sai rồi! Nhưng Phật, Bồ Tát vô cùng từ bi, trong lúc không có Phật xuất thế, tuy hiện thời Thích Ca Mâu Ni Phật đã diệt độ, nhưng sức ảnh hưởng của Ngài, tức là pháp vận của lão nhân gia là một vạn hai ngàn năm. Dựa theo cách ghi chép của tổ sư đại đức Trung Quốc từ xưa, Thích Ca Mâu Ni Phật sanh vào năm thứ hai mươi bốn đời Châu Chiêu Vương, lão nhân gia nhập diệt vào năm thứ năm mươi ba đời Châu Mục Vương. Nếu tính theo cách này, phải biết từ khi Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ đến nay là ba ngàn lẻ ba mươi bảy năm, khác với cách tính của người ngoại quốc. Theo cách tính của người ngoại quốc thì là hơn hai ngàn năm trăm năm, sai biệt sáu trăm năm. Chúng ta chẳng cần phải khảo cứu chuyện này, *“phàm những gì có tướng đều là hư vọng”*, chuyện này không quan trọng, điều quan trọng nhất là hiểu lý, chúng ta niệm Phật, cầu nhất tâm bất loạn, đó là trọng yếu.

      Do vậy, tuy Phật chẳng tại thế, kinh điển vẫn còn. Kinh Đại Thừa nói chỗ nào có kinh điển, chỗ đó có Pháp Thân của Như Lai hiện diện. Đức Phật dùng kinh giáo để độ chúng sanh, những thứ khác đều thuộc loại kỷ niệm, chẳng hạn như xá-lợi của Phật hoặc xương ngón tay đức Phật đều thuộc loại kỷ niệm. Dẫu quý vị đến xem cho nhiều, lễ bái nhiều đến đâu đi nữa, vẫn chẳng thể khai ngộ, cũng chẳng thành Phật. Chúng ta muốn khai ngộ, muốn thành Phật, vẫn phải nương theo giáo huấn trong kinh điển để nghiêm túc tu hành. Đó là chánh pháp, chẳng phải là mê tín, phải hiểu đạo lý này. “Di Lặc làm đương cơ” có nghĩa là trong thời kỳ Mạt Pháp, Di Lặc Bồ Tát dạy chúng ta pháp môn gì? Dạy chúng ta niệm Phật, dạy chúng ta cầu sanh Di Đà Tịnh Độ, chẳng phải là Di Lặc Tịnh Độ. Phải hiểu ý nghĩa này. Nếu chẳng hiểu ý nghĩa này, phần sau kinh, từ phẩm ba mươi hai trở đi, ngài Di Lặc làm đương cơ sẽ chẳng có ý nghĩa gì hết! Do vậy, chúng ta phải hiểu, phải thấu hiểu ý nghĩa biểu thị pháp của đức Phật. Không chỉ là hiện thời Di Lặc Bồ Tát dạy chúng ta phải niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ, mà trong tương lai, tức là vào năm mươi bảy ức sáu ngàn vạn năm sau, khi Di Lặc Bồ Tát đến thành Phật trong thế gian này, vẫn giảng bộ kinh này, vẫn tuyên dương Tịnh Độ, khuyên dạy mọi người niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, [phải là như vậy] thì sự biểu thị pháp mới là viên mãn. Nếu không, Ngài biểu thị pháp có ý nghĩa gì đâu? Đối với những chỗ như thế này, xem kinh phải chú tâm, chớ nên hời hợt qua loa đọc lướt qua. Vì thế, ở chỗ này, [kinh điển] đã đặc biệt nhắc nhở chúng ta.

      Lại xem tiếp, *“đệ tứ thập lục phẩm, Phật phó chúc Di Lặc đại sĩ viết: - Ngã kim như lý tuyên thuyết như thị quảng đại vi diệu pháp môn”* (trong phẩm bốn mươi sáu, đức Phật phó chúc Di Lặc đại sĩ: “Ta nay đúng lý tuyên thuyết pháp môn vi diệu rộng lớn như thế”), đó là nói về bộ kinh này, *“nhất thiết chư Phật chi sở xưng tán”* (được hết thảy chư Phật khen ngợi). Ở đây chúng ta thấy, mười phương hết thảy chư Phật Như Lai tán thán Thích Ca Mâu Ni Phật tuyên dương pháp môn này, khuyên dạy đại chúng niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. *“Phó chúc nhữ đẳng tác đại thủ hộ, đương linh thị pháp cửu trụ bất diệt”* (dặn dò, giao cho các ông hãy bảo vệ lớn lao, khiến cho pháp này tồn tại lâu dài chẳng diệt). Đó là lời phó chúc của Thích Ca Mâu Ni Phật, mà cũng là lời căn dặn Di Lặc Bồ Tát, ông phải hộ trì pháp môn này, khiến cho pháp môn này tồn tại lâu dài trong thế gian, chẳng bị diệt mất. *“Di Lặc thừa Phật phó chúc, hoằng trì thị kinh”* (Di Lặc tuân lời Phật phó chúc, hoằng dương, hộ trì kinh này). Hoằng (宏) là hoằng dương, Trì (持) là y giáo phụng hành, Di Lặc Bồ Tát cũng niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ. *“Thị cố đại sĩ, bất đản đương lai Long Hoa hội thượng tất thuyết thử kinh”* (vì vậy, đại sĩ không chỉ trong tương lai ắt nói kinh này trong hội Long Hoa), Ngài tiếp nhận lời phó chúc của Thích Ca Mâu Ni Phật, lẽ nào trong ba hội Long Hoa chẳng giảng kinh này? Thích Ca Mâu Ni Phật nhiều lần tuyên thuyết bộ kinh này, chúng ta có thể suy luận trong tương lai Di Lặc Bồ Tát xuất hiện trong cõi đời, Ngài [thuyết pháp] chỉ có ba hội, không giống như đức Thế Tôn [Thích Ca Mâu Ni Phật]. Đức Thế Tôn là hơn ba trăm hội, ngài Di Lặc chỉ có ba hội. Chúng ta có lý do để tin tưởng, trong mỗi hội, Ngài đều giảng bộ kinh này, đều tuyên dương pháp môn này thì mới chẳng phụ bạc sự phó thác của Thích Ca Mâu Ni Phật. Pháp môn này trọng yếu ngần ấy! *“Trực thị tận vị lai tế diệc tất thường thuyết bất tuyệt”* (mãi cho đến đời vị lai ắt cũng thường nói chẳng dứt), chúng tôi đồng ý với cách nhìn của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ trong câu này. Vì sao? Vì chỉ có pháp môn này có thể khiến cho người thuộc hết thảy căn tánh thượng trung hạ thành tựu viên mãn trong một đời. Chỉ có pháp môn này là thành tựu viên mãn trong một đời, tám vạn bốn ngàn pháp môn đều chẳng thể khiến cho quý vị thành tựu trong một đời. Do vậy, chúng ta rất may mắn gặp được pháp môn này, khó có lắm! Bài kệ Khai Kinh có câu: *“Trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ”*, cư sĩ Bành Tế Thanh nói: *“Một ngày hiếm có khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay”* mà chúng ta đã gặp. Những người nói các câu ấy đều khó có, nếu chẳng phải thật sự là bậc tái lai sẽ không thể nói ra lời ấy được! Nay chúng ta có duyên nghe được, hãy nên nắm chắc nhân duyên hy hữu khó gặp này, quyết định thành tựu trong một đời này. Phải thật sự y giáo phụng hành, phải quyết định nắm chặt cơ hội này, chớ nên bỏ lỡ, đó là đúng. Di Lặc Bồ Tát được giới thiệu tới đây.

      Tiếp theo đó là giới thiệu Hiền Kiếp, vì trong kinh văn có nói: *“Cập Hiền Kiếp nhất thiết Bồ Tát”* (và hết thảy các vị Bồ Tát trong Hiền Kiếp). Kiếp (Kalpa) là một danh xưng thời gian trong Phật pháp, là một khoảng thời gian rất dài. Kiếp được nói đến ở đây là “đại kiếp”. Kiếp có ba thứ: Tiểu kiếp, trung kiếp, và đại kiếp. Có rất nhiều cách giải thích tiểu kiếp, trong kinh có đến mấy cách nói, nhưng đức Phật thường dùng tuổi thọ của con người để nói. Tuổi thọ con người ngắn nhất là mười năm, đây là nói theo tuổi thọ bình quân (tuổi thọ trung bình) của cư dân trong thế gian này. Nói chung, tuổi thọ trung bình trong thế giới hiện thời là bảy mươi tuổi, cổ nhân thường nói: *“Nhân sanh thất thập cổ lai hy”*(người sống bảy mươi xưa nay hiếm). Trong thời đại Thích Ca Mâu Ni Phật xuất thế, tuổi thọ bình quân là một trăm tuổi. Khi con người thọ mười tuổi, cứ mỗi một trăm năm, tăng thêm một tuổi, tăng đến tám vạn bốn ngàn tuổi là đạt tới cực hạn; từ tám vạn bốn ngàn tuổi, cứ mỗi trăm năm bèn giảm một tuổi, lại giảm đến mười tuổi, [một chu kỳ] một tăng một giảm được gọi là một tiểu kiếp. Hai mươi tiểu kiếp là một trung kiếp, bốn trung kiếp là một đại kiếp. Hiền Kiếp (Bhadra-kalpa) là danh xưng của đại kiếp hiện thời. Chúng ta đang sống trong đại kiếp ấy, một đại kiếp có bốn trung kiếp, trung kiếp là Thành, Trụ, Hoại, Không, đó là bốn trung kiếp, mỗi trung kiếp gồm hai mươi tiểu kiếp, thời gian được tính theo cách như vậy. Hiện thời là Trụ kiếp trong Thành, Trụ, Hoại, Không, nay chúng ta đang thuộc Trụ Kiếp, *“danh vi Hiền Kiếp”* (có tên là Hiền Kiếp).

*“Tại thử đại kiếp trung, hữu thiên Phật xuất thế”* (trong đại kiếp này có một ngàn vị Phật ra đời). Vì sao gọi là Hiền? Trong đại kiếp này có một ngàn vị Phật xuất hiện trong thế gian này. Thích Ca Mâu Ni Phật là vị thứ tư, vị thứ năm kế tục là Di Lặc Bồ Tát, đến thế gian này làm Phật, đây là vị Phật thứ năm. Phải biết sau khi pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật kết thúc, vẫn phải là sau năm mươi bảy ức sáu ngàn vạn năm, Di Lặc Bồ Tát mới đến thế gian này thị hiện thành Phật. Thời gian không có Phật, không có giáo huấn của thánh nhân, tập tánh của chúng sanh rất khó dứt trừ, khổ chẳng thể nói được! Phật, Bồ Tát từ bi, trong thời gian không có Phật ấy, Địa Tạng Bồ Tát phát nguyện trụ trong thế giới, tiếp nhận sự phó thác của chư Phật Như Lai, thay thế Phật hóa độ chúng sanh. Chúng ta hãy suy nghĩ, trong khoảng thời gian dài ngần ấy, Phật xuất hiện đúng là *“hoa Đàm thoáng hiện”*, thời gian xuất hiện quá ngắn ngủi. Địa Tạng Bồ Tát từ bi đến cùng cực, pháp hội của Địa Tạng Bồ Tát thù thắng hơn các pháp hội Vô Lượng Thọ, Pháp Hoa, Hoa Nghiêm. Vì sao? Thích Ca Mâu Ni Phật tại Đao Lợi Thiên Cung giảng kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện, ai đến tham gia pháp hội? Mười phương hết thảy chư Phật Như Lai. Quý vị nói xem có tuyệt diệu hay không? Trong các kinh điển khác, chúng ta thấy lúc đức Thế Tôn mở pháp hội, người nào tham gia? Mười phương Bồ Tát đến tham gia, Thanh Văn đến tham gia, chư thiên đến tham gia, chẳng thấy chư Phật Như Lai đều đến tham gia. Vì sao? Địa Tạng Bồ Tát phát tâm là thật, *“địa ngục bất không, thệ bất thành Phật”*(địa ngục chẳng trống, thề không thành Phật). Từ vô lượng kiếp đến nay, chẳng biết có bao nhiêu chư Phật Như Lai trong quá khứ đều là học trò hay tín đồ của Địa Tạng Bồ Tát, quý vị thấy họ đều thành Phật cả rồi, mà Địa Tạng vẫn thuộc địa vị Bồ Tát, vẫn ở trong thế giới khổ nạn hòng giúp đỡ hết thảy chúng sanh.

      Địa Tạng tượng trưng cho “hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy”, hai câu trong Tịnh Nghiệp Tam Phước là *“hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng”* là cội rễ của hết thảy điều lành thế gian và xuất thế gian, Bồ Tát đại diện cho pháp môn này. Vì vậy, chúng ta trông thấy tượng Bồ Tát, nghe danh hiệu Bồ Tát, phải nghĩ tới *“hiếu thân, tôn sư”* (hiếu thảo với cha mẹ, tôn trọng thầy). Nếu kẻ nào bất hiếu với cha mẹ, bất kính sư trưởng, khỏi cần phải nói nữa, dẫu là kẻ tu hành tốt đẹp đến mấy vẫn là giả, chẳng thật, vì sao? Kẻ ấy trái nghịch Tánh Đức. Do vậy, tại Trung Quốc vào thời cổ, quốc gia tuyển lựa nhân tài, quá nửa là những người ấy sẽ được trao quyền cai trị, điều kiện tiên quyết là phải hiếu thảo. Người ấy có thể hiếu thảo với cha mẹ, nhất định sẽ có thể yêu dân, trung với nước nhà, yêu mến, bảo vệ nhân dân. Điều kiện thứ hai là liêm khiết. [Gọi gộp chung hai điều ấy là] hiếu liêm, liêm sẽ không tham ô. Từ thời Hán Vũ Đế định ra quy chế ấy, *“cử hiếu liêm”*, *“cử”* (舉) là tuyển cử, nơi nào có trẻ nhỏ là đứa con hiếu thảo, liêm khiết, quan viên nơi ấy phải chăm sóc nó cẩn thận. Thật vậy, quả nhiên là khá lắm, sẽ tuyển lựa nó, quốc gia vun bồi nó. Chế độ ấy vẫn được thực hành mãi cho đến khi chánh quyền Mãn Thanh vong quốc. Chỉ sau khi nhà Mãn Thanh sụp đổ, Dân Quốc thành lập, chế độ ấy mới chẳng còn nữa! Chế độ ấy hay lắm. Quý vị thấy bao nhiêu triều đại thay đổi, nhưng chế độ như vậy vĩnh viễn được gìn giữ, chẳng có triều đại nào không coi trọng vấn đề này, không triều đại nào dám phế bỏ chế độ ấy. Vì vậy, đây là một chế độ rất tốt đẹp!

      Hiền Kiếp, một ngàn vị Phật xuất hiện trong thế gian này. *“Bi Hoa Kinh ngũ viết”* (kinh Bi Hoa, quyển thứ năm nói), *“ngũ”* là quyển thứ năm, trong quyển ấy có một đoạn như thế này: *“Thử Phật thế giới”* (thế giới của vị Phật này), chữ *“Phật”* ở đây chỉ Thích Ca Mâu Ni Phật, nay đang trụ trong thế giới này, *“đương danh Sa Bà, thời hữu đại kiếp, danh viết Hiền Thiện. Thị đại kiếp trung, hữu thiên Thế Tôn, thành tựu đại bi, xuất hiện ư thế”* (sẽ có tên là Sa Bà, khi ấy có đại kiếp tên là Hiền Thiện. Trong đại kiếp ấy, có một ngàn vị Thế Tôn thành tựu đại bi, xuất hiện trong cõi đời), có một đoạn như thế. Nói rõ Thích Ca Mâu Ni Phật, Di Lặc Bồ Tát trong tương lai xuất hiện trong thế gian này, thế giới này cũng gọi là Sa Bà, đại kiếp ấy gọi là Hiền Kiếp hoặc Hiền Thiện. Sa Bà là tên gọi của thế giới, Thích Ca Mâu Ni Phật giáo hóa chúng sanh trong thế gian này, chúng tôi giới thiệu đơn giản danh từ này đôi chút [[14]](#footnote-15)[[1]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-48.htm#_ftn1). *“Giới danh, hựu tác Sa Ha, Sa Ha Lâu Đà”* (tên của thế giới, còn gọi là Sa Ha, hoặc Sa Ha Lâu Đà), đều là tiếng Phạn, dịch âm khác nhau đôi chút, nhưng âm đọc đại khái vẫn là tương tự. *“Tân dịch vi Sách Ha”* (Tân dịch là Sách Ha), ở đây, Tân và Cựu lấy Huyền Trang đại sư để phân chia giới tuyến. Phiên dịch trước thời Huyền Trang đại sư là Cựu Dịch, những danh xưng nói trong phần trước đều là Cựu Dịch. Huyền Trang đại sư dịch thành Sách Ha, tương đối gần âm tiếng Phạn hơn, đó là Tân Dịch. Chúng ta học kinh giáo, do trước kia Huyền Trang đại sư phiên dịch kinh không ít, cho nên chúng ta phải nên hiểu đôi chút về ý nghĩa của Cựu Dịch và Tân Dịch để chẳng đến nỗi nẩy sanh hiểu lầm. Sa Bà nghĩa là gì? *“Kham nhẫn chi nghĩa, nhân nhi dịch viết Nhẫn Độ”* (nghĩa là có thể chịu đựng, do vậy, [Sa Bà] còn được dịch là Nhẫn Độ, tức cõi chịu đựng). Kham Nhẫn là quý vị thật sự có thể chịu đựng. Thế giới này rất khổ, cư dân ở nơi đây có thể chịu đựng; vì thế, gọi là Sách Ha. Do đó, còn dịch là Nhẫn Độ, Độ là cõi đất này. [Nhẫn Độ nghĩa là] chúng sanh trong cõi này thật sự có thể chịu đựng nhiều nỗi khổ nạn; khổ nạn do đâu mà có? Chúng ta biết, trong kinh Hoa Nghiêm đã giảng rất rõ ràng, khổ nạn là do chúng ta mê hoặc tự tánh, tùy thuận tập tánh, tập tánh bất thiện, tạo tác đủ thứ nghiệp bất thiện, nên cảm quả báo. Nhân quả báo ứng rất hiện thực, khắp nơi đều là nó, bất cứ lúc nào cũng đều phát sanh, chỉ cần chúng ta lắng lòng chú tâm quan sát, sẽ biết chuyện này chẳng tơ hào sai chạy, thiện có thiện quả, ác có ác báo.

      Vì sao nơi A Di Đà Phật trụ được gọi là thế giới Cực Lạc, còn thế giới của chúng ta gọi là thế giới Sa Bà? Cực Lạc và Sa Bà có gì khác biệt? Nói thật thà, hai thế giới bình đẳng, chẳng có mảy may sai biệt nào. Nhưng trong kinh Vãng Sanh, Thích Ca Mâu Ni Phật đã giới thiệu thế giới Cực Lạc, thế giới ấy thật tốt đẹp, chẳng nghe nói thế giới Cực Lạc có kẻ bất thiện, chẳng nghe nói thế giới Cực Lạc có ngôn hạnh bất thiện, cũng chẳng nghe nói thế giới Cực Lạc có tai nạn gì! Thủy tai, phong tai, động đất, chưa hề nghe nói! Do nguyên nhân gì? Đức Phật cũng từ bi nói rõ với chúng ta: Thế giới ấy toàn là các vị thượng thiện nhân sống cùng một chỗ. Chúng ta bèn hiểu rõ: Thế giới Cực Lạc là một thế giới mới, giống như một khu vực mới trong thế gian này, vừa mới thành lập; thế giới Sa Bà là một khu rất cổ lỗ, đời đời kiếp kiếp chất chứa những nghiệp chướng tập khí chưa đoạn. Một khu vực mới được thành lập, trong ấy có cư dân hay không? Không có, khu vực mới không có cư dân cũ, [cư dân trong Tây Phương Cực Lạc] đều do A Di Đà Phật dùng bổn nguyện và oai thần tiếp dẫn người trong mười phương thế giới sanh về thế giới Cực Lạc; bởi lẽ, nó là một khu vực mới.

      Đến chỗ Ngài phải thỏa một điều kiện, điều kiện gì vậy? Điều kiện là Thập Thiện. A Di Đà Phật bảo chúng ta [cư dân trong cõi Cực Lạc] đều là thượng thiện nhân ở cùng một chỗ, chúng ta muốn đến đó, ắt phải tu thượng phẩm Thập Thiện mới có thể vãng sanh. Mỗi ngày niệm Phật, niệm rất khá, mỗi ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu, lâm chung có thể vãng sanh hay không? Tùy thuộc cái tâm của quý vị là thiện hay bất thiện. Muốn xem lòng của quý vị mà thiện bất thiện. Mười vạn câu chẳng sai, có công phu, nếu quý vị tu Thập Thiện, thượng phẩm Thập Thiện, ngay lập tức phê chuẩn, có thể di dân sang thế giới Cực Lạc. Mỗi ngày mười vạn câu Phật hiệu, tâm địa bất thiện, vẫn còn tham, sân, si, mạn, còn có tự tư tự lợi, kẻ ấy chẳng thể vãng sanh. Vì sao? Công phu niệm Phật trọn đủ, đạt tiêu chuẩn, cho năm mươi điểm, nhưng các mặt khác không đủ điểm số, chẳng thể vãng sanh! Do vậy, phải ghi nhớ, thượng phẩm Thập Thiện! Phải thật sự làm, chẳng thật sự làm sẽ không được! Hiện thời, tu thượng phẩm Thập Thiện như thế nào? Mấy năm qua, chúng tôi đặc biệt đề xướng ba căn bản của Nho, Thích, Đạo, đó là thượng phẩm Thập Thiện. Do vậy, chớ nên sơ sót! Đệ Tử Quy hoàn toàn chẳng thực hiện sẽ không thể về thế giới Cực Lạc, Cảm Ứng Thiên không thực hiện chẳng đến thế giới Cực Lạc. Hai thứ Cảm Ứng Thiên và Đệ Tử Quy đều thực hiện sẽ chẳng khác thượng phẩm Thập Thiện cho mấy, tôi tin [người ấy] chắc chắn có thể làm được [thượng phẩm Thập Thiện]. Chớ nên chẳng chú ý những lời đức Phật đã dạy trong kinh, chớ nên coi thường, nhất định phải hiểu rất rõ ràng, rất minh bạch, trong một đời này chúng ta hội đủ điều kiện của Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ ổn thỏa, thích đáng đến được thế giới Cực Lạc. Điều này có cùng một đạo lý với việc di dân trong hiện thời, chúng ta hội đủ điều kiện sẽ có thể di dân sang thế giới Cực Lạc.

      Tu hành trong thế gian này vô cùng khó khăn, khó khăn lớn nhất là thọ mạng quá ngắn, tức là nói thời gian chúng ta tu học không đủ, còn chưa thành công, thọ mạng đã hết rồi. Đời sau sanh làm người, được tiếp tục mang thân người, tối thiểu bị gián đoạn hai mươi năm. Trong hai mươi năm chết sống ấy, gần như quên sạch sành sanh những thứ đã tu trong đời trước. Đời này tiếp tục tu bèn nhanh hơn một chút, vẫn chẳng bằng thọ mạng lâu dài hòng có thể viên mãn thành tựu trong một đời. Đến thế giới Cực Lạc, chuyện ấy sẽ được giải quyết. Người sanh về thế giới Cực Lạc sẽ giống như A Di Đà Phật, A Di Đà Phật vô lượng thọ, nên ai nấy trong thế giới Cực Lạc đều là vô lượng thọ. Vì vậy, gọi là*“thành tựu viên mãn trong một đời”* vì họ có thời gian. Dựa vào điều này, chúng ta thật sự hiểu minh bạch, rõ ràng: Chẳng thể không vãng sanh! Đức Phật dạy chúng ta, những gì trong thế gian này chẳng thể đem sang thế giới Cực Lạc, hãy buông xuống toàn bộ; những gì có thể đem sang thế giới Cực Lạc, hãy khéo học tập, tu hành. Chớ nên không biết những gì có thể mang theo. Những gì sẽ mang theo được? Giới, Định, Huệ mang theo được, Thiền Định, Bát Nhã mang theo được, đoạn ác tu thiện, tích công lũy đức mang theo được. Tự tư tự lợi, tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần trong thế gian chẳng mang theo được. Chẳng mang theo được thì phải thật sự buông xuống, chẳng có tơ hào lưu luyến; đối với những gì mang theo được bèn nghiêm túc học tập.

      Học Phật, mục tiêu chung cực là mong cầu minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, đúng là trở về tự tánh. Chỉ cần chúng ta đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, chắc chắn sẽ thành tựu viên mãn trong một đời. Vì sao gọi là một đời? Vãng sanh thế giới Cực Lạc là một đời. Phải biết: Vãng sanh là vãng sanh ngay trong lúc còn sống, chẳng phải là chết rồi mới vãng sanh. Chư vị đồng học nhất định phải hiểu rõ điều này! Vì thế, vãng sanh là bất tử, A Di Đà Phật đến tiếp dẫn quý vị, quý vị còn chưa tắt hơi, vẫn là người sống. Quý vị thấy Phật đến tiếp dẫn, theo Phật ra đi, giã biệt người nhà, chào từ biệt họ rồi ra đi. Thân thể chẳng cần đến nữa, bỏ đi, chẳng mang theo thân thể, đấy là thứ rất bẩn thỉu, thế giới Cực Lạc là thế giới thanh tịnh, chẳng có thứ gì bẩn thỉu. Thân là cội nguồn của hết thảy ô nhiễm, cần phải vứt bỏ nó. Do vậy, đến thế giới Cực Lạc là ra đi trong khi còn sống, chẳng chết, ra đi trong lúc sống. Đến thế giới Cực Lạc, nơi đó là hóa sanh, chẳng phải là thai sanh. Thế giới Cực Lạc là hóa sanh, nên chẳng có nỗi khổ sanh, lão, bệnh, tử. Đã thế, đức Phật giới thiệu thể chất [của người trong cõi Cực Lạc] là *“tử ma chân kim sắc thân”* (thân có như vàng ròng màu tía được trau giồi sáng bóng), thân Kim Cang bất hoại, đều là từ tự tánh lưu lộ, giống như Phật, thân Phật có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo. Nếu quý vị thật sự thấy, thật sự hiểu rõ, đã hiểu rõ thì quý vị còn chẳng vãng sanh ư? Quý vị còn có gì để lưu luyến trong thế gian này? Mảy may lưu luyến đều chẳng có, nhất tâm hướng về. Trong Di Đà Kinh Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư nói ý niệm “nhất tâm hướng về” chính là phát Vô Thượng Bồ Đề tâm, giảng rất tuyệt! Nói cách khác, quý vị đã hoàn toàn hội đủ điều kiện vãng sanh. Do vậy, so sánh giữa hai thế giới, chúng ta rất coi trọng điều này.

*“Pháp Hoa Văn Cú nhị viết”* (Sách Pháp Hoa Văn Cú, quyển hai, chép) Pháp Hoa Văn Cú là tác phẩm chú giải [kinh Pháp Hoa] do Trí Giả đại sư soạn. Trong ấy có giải thích chữ Sa Bà: *“Sa Bà thử phiên Nhẫn, kỳ độ chúng sanh an ư thập ác, bất khẳng xuất ly”* (Sa Bà, cõi này dịch là Nhẫn. Chúng sanh trong cõi ấy an trụ trong Thập Ác, chẳng chịu xuất ly). Đây là hoàn cảnh hiện tại của chúng ta. *“Tùng nhân danh độ, cố xưng vi Nhẫn”* (do con người mà đặt tên cõi nước; vì thế gọi là Nhẫn). Thật vậy, người trên thế giới này, đúng là an trụ trong Thập Ác, tức mười ác nghiệp: Sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói đôi chiều, nói thêu dệt, ác khẩu, tham lam, nóng giận, ngu si, quý vị thấy đó, mười điều ấy đều là tội nghiệp. Tạo tác mười loại nghiệp ấy, quả báo là trong tam đồ, tức ngạ quỷ, địa ngục, và súc sanh, quả báo ở nơi ấy, chẳng chịu xuất ly, lắm nỗi khổ sở! Vì họ (chúng sanh trong thế giới của chúng ta) có thể chịu đựng [những nỗi khổ sở ấy], nên trong tiếng Phạn bèn gọi [thế giới này] là Sa Bà. *“Bi Hoa kinh vân: Vân hà danh Sa Bà? Thị chư chúng sanh nhẫn thọ Tam Độc cập chư phiền não, cố danh Nhẫn Độ, diệc danh Tạp Hội, cửu đạo cộng cư cố”* (Kinh Bi Hoa nói: “Cớ sao tên là Sa Bà? Các chúng sanh ấy chịu đựng Tam Độc và các phiền não, nên gọi là Nhẫn Độ, còn gọi là Tạp Hội, [là chỗ để chúng sanh] thuộc chín đường cùng ở”). Trong thế gian này, Tạp Hội là tạp cư (ở lẫn lộn), tố chất của nhân dân rất phức tạp. [Kinh Bi Hoa] cũng nói các chúng sanh trong cõi ấy có thể chịu đựng tham, sân, si, mạn; tham, sân, si là Tam Độc, *“cập chư phiền não”* (và các phiền não), phiền não nặng nhất là ngạo mạn và hoài nghi. Sự hoài nghi ấy chẳng tầm thường, mà là hoài nghi giáo huấn của thánh hiền. Hiện thời, chúng ta còn phải thêm một câu, “hoài nghi truyền thống của tổ tiên”, những thứ đó đều là phiền não. Vì thế được gọi là Nhẫn Độ. Ý nghĩa Tạp Hội được câu tiếp theo nói rất rõ ràng: *“Cửu đạo cộng cư”* (chín đường cùng ở). Cớ sao có chín đường? Thông thường chúng ta chỉ nói sáu đường, nếu tách ra thành chín đường thì cũng có thể nói thông suốt. Trong thiên đạo có Dục Giới Thiên, Sắc Giới Thiên, và Vô Sắc Giới Thiên, đó là ba đường, một biến thành ba. Trong địa ngục có Vô Gián địa ngục, có tám địa ngục lạnh, tám địa ngục nóng; do vậy, một cũng biến thành ba. Vì lẽ đó, đúng là vô cùng phức tạp, vì sống trong thế gian này, trong thế giới này, ai nấy tâm đều bất thiện, tạo nghiệp khác nhau, quả báo cũng chẳng giống nhau. Đoạn này nhằm giải thích vì sao thế giới này gọi là Sa Bà

      Tiếp đó, trong *“Pháp Hoa Huyền Tán” [[15]](#footnote-16)*[***[2]***](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-48.htm#_ftn2) nói *“Phạn vân Sách Ha, thử vân Kham Nhẫn, chư Bồ Tát đẳng hành lợi lạc thời, đa chư oán tật chúng khổ bức não, kham nại lao quyện nhi nhẫn thọ cố, nhân dĩ vi danh. Sa Bà giả, ngoa dã”* (tiếng Phạn là Sách Ha, cõi này dịch là Kham Nhẫn. Khi các vị như Bồ Tát v.v... hành lợi lạc, bị nhiều sự oán ghét, các thứ khổ sở bức bách, não hại, nhưng các Ngài có thể chịu đựng nhọc nhằn, mệt mỏi, kiên nhẫn hứng chịu. Vì thế, lấy đó làm tên [của thế giới. Phiên âm thành] Sa Bà là sai). Ý nghĩa này khác với phần trước, trong phần trước nói về chúng sanh cư trụ, tức cư dân trong thế giới này, họ có thể chịu đựng những khổ nạn trong thế gian, đó gọi là “tự làm, tự chịu”. Trong Pháp Hoa Huyền Nghĩa [[16]](#footnote-17)[[3]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-48.htm#_ftn3) nói đến chư Phật, Bồ Tát, chúng sanh trong thế gian này tuy khổ, nhưng họ có cảm, có người mong cầu Phật, Bồ Tát, trong khi chịu khổ, chịu nạn, họ cầu Phật, Bồ Tát gia hộ, cầu Phật, Bồ Tát đến cứu chúng con. Chúng sanh dấy lên ý niệm ấy, Phật, Bồ Tát lập tức nhận được tin tức ấy, các Ngài có đến hay không? Đến chứ! Các Ngài đến giúp đỡ chúng ta, nên dùng thân gì để độ bèn hiện thân ấy. Các Ngài đến nơi đây để độ bọn chúng sanh chúng ta, trạng huống như thế nào? [Các Ngài] chịu khổ giống như chúng ta, có thể còn chịu khổ nhiều hơn chúng ta, có nghĩa là Phật, Bồ Tát ứng hóa trong thế gian để độ chúng sanh rất khổ, chẳng dễ độ! Nói tới ý nghĩa này. Quý vị thấy [sách Pháp Hoa Huyền Tán viết] *“chư Bồ Tát đẳng”*, chữ *“đẳng”* ấy nghĩa là gì? Có A La Hán, Bích Chi Phật, còn có chư thiên, chư thiên từ bi cũng đến thế gian giúp đỡ chúng sanh khổ nạn, họ đến *“hành lợi lạc thời”* (khi hành lợi lạc), lợi lạc chúng sanh, đến giúp chúng sanh, đến cứu khổ cứu nạn, nhưng như thế nào? *“Đa chư oán tật chúng khổ bức não”*, [nghĩa là] Bồ Tát đến đây hảo tâm cứu giúp chúng sanh, nhưng vẫn có rất nhiều kẻ oán giận, ganh ghét các Ngài, còn có rất nhiều kẻ gây cho các Ngài đủ mọi nỗi phiền não. Hiện thời, hiện tượng này được thấy rất rõ rệt: Người tin tưởng cầu Phật, Bồ Tát, kẻ không tin bèn nhục mạ người ấy là mê tín, nghĩ hết mọi cách để bài xích, chướng ngại người ấy. Độ chúng sanh rất khổ, nhưng những vị Bồ Tát ấy có thể nhẫn nại. *“Kham nại lao quyện”* (chịu đựng mệt mỏi, nhọc nhằn), đó là vất vả, khổ sở, *“nhi nhẫn thọ cố”* (kiên nhẫn hứng chịu). Ở đây, Bồ Tát tu Nhẫn Nhục Ba La Mật, thứ gì cũng đều nhẫn nại, *“nhân dĩ vi danh”* (do vậy, bèn lấy đó làm tên). Quý vị thấy đó, cư dân khổ sở, Phật, Bồ Tát đến nơi đây độ chúng sanh cũng khổ, nên gọi là thế giới Kham Nhẫn; do vậy, lấy đó làm tên. *“Sa Bà giả, ngoa dã”* ([phiên âm thành] Sa Bà là sai): Sa Bà là phiên âm thời cổ, phải nên phiên là Sách Ha, âm này (tức Sa Bà) so với nguyên âm khác biệt nhiều hơn [[17]](#footnote-18)[[4]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-48.htm#_ftn4). *“Tây Vực Ký nhất viết”* (Tây Vực Ký quyển một viết), Tây Vực Ký do Huyền Trang đại sư viết, Ngài sang Ấn Độ thỉnh kinh mười mấy năm, có viết một quyển sách ghi lại những chuyện thấy nghe trên đường đi, mang tựa đề là Tây Vực Ký. *“Sách Ha thế giới tam thiên đại thiên quốc độ, vi nhất Phật hóa nhiếp dã”* (thế giới Sách Ha là cõi nước tam thiên đại thiên, là nơi hóa độ, nhiếp thọ của một vị Phật), đây là nói về Thích Ca Mâu Ni Phật, [nói về] khu vực giáo hóa của một vị Phật. *“Cựu viết Sa Bà”* (lối xưa, phiên âm là Sa Bà), *“hựu viết Sa Ha, giai ngoa”* (lại còn dịch là Sa Ha, đều sai). Những âm này đều không chính xác, nên Ngài phiên là Sách Ha. Đây là thuyết minh đơn giản câu *“đương danh Sa Bà”* (nên đặt tên là Sa Bà).

*“Thời hữu đại kiếp”* (khi ấy, có đại kiếp), *“thời”* là lúc hiện tại, trong khoảng thời gian ấy, đại kiếp có tên là Hiền Kiếp, *“danh viết Hiền Thiện”* (tên là Hiền Thiện); trong đại kiếp ấy, *“hữu thiên Thế Tôn, thành tựu đại bi xuất hiện ư thế”* (có một ngàn vị Thế Tôn, thành tựu đại bi, xuất hiện trong cõi đời), *“thành tựu đại bi”* là đặc biệt nói rõ các vị Bồ Tát thị hiện thành Phật trong thế giới này nhằm giáo hóa chúng sanh, mang ý nghĩa này. *“Cứ Phật Tổ Thống Ký”* (Theo Phật Tổ Thống Ký), Phật Tổ Thống Ký [[18]](#footnote-19)[[5]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-48.htm#_ftn5) là một quyển sách trong Phật môn, có thể nói là sách lịch sử nhà Phật, có chép danh hiệu của mấy vị Phật, *“đệ nhất Phật danh Câu Lưu Tôn Phật, thứ vi Câu Na Hàm Mâu Ni Phật, tam vi Ca Diếp Phật”* (vị Phật thứ nhất tên là Câu Lưu Tôn Phật, vị kế đó là Câu Na Hàm Mâu Ni Phật, vị Phật thứ ba là Ca Diếp Phật), vị thứ tư là hiện tại, *“tức vi kim chi Thích Ca Mâu Ni Phật, thử hậu hữu Di Lặc”* (tức là Thích Ca Mâu Ni Phật trong hiện thời, sau đấy có ngài Di Lặc), đây là vị Phật thứ năm. Sau đó là chữ *“đẳng”* (vân vân), sau đấy còn có *“cửu bách cửu thập lục Phật tương kế xuất thế”* (chín trăm chín mươi sáu vị Phật kế tiếp nhau xuất thế). Đây là giới thiệu giản lược một ngàn vị Phật trong Hiền Kiếp lần lượt xuất hiện trên thế gian trong đại kiếp này. *“Kim thử hội trung, Di Lặc dữ kỳ tha Hiền Kiếp trung thành Phật chi cửu bách cửu thập ngũ đại sĩ giai lai tập hội”* (nay trong hội này, Di Lặc và chín trăm chín mươi lăm vị đại sĩ sẽ thành Phật trong Hiền Kiếp đều đến nhóm hội). Thích Ca Mâu Ni Phật ngự tại Linh Sơn, kinh này được nói tại Linh Sơn, cùng địa điểm với kinh Pháp Hoa, giảng kinh ở nơi ấy. Di Lặc Bồ Tát và chín trăm chín mươi lăm vị đại Bồ Tát sẽ thành Phật trong thế gian này vào thời tương lai của Hiền Kiếp đều đến tham gia pháp hội này. *“Thính Phật thuyết pháp, cố tri Hiền Kiếp trung vị lai nhất thiết chư Phật giai tất đồng tuyên thử kinh”* (nghe đức Phật thuyết pháp, nên biết hết thảy chư Phật vị lai trong Hiền Kiếp ắt sẽ đều cùng tuyên nói kinh này). Cụ Niệm Tổ có cách nhìn như thế, lý giải như thế, chúng ta thấy một ngàn vị Phật trong Hiền Kiếp đều đến tham dự pháp hội này, trong tương lai các Ngài thành Phật, lẽ nào chẳng giảng kinh này? Lẽ nào chẳng tuyên dương pháp môn này?

      Tiếp theo đó, cụ Niệm Tổ thuyết minh đơn giản: *“Biệt thuyết, Hiền Kiếp cộng nhất thiên linh ngũ Phật”* (Thuyết khác cho rằng trong Hiền Kiếp có một ngàn lẻ năm vị Phật), tức là không kể Di Lặc Bồ Tát, đấy là một cách nói khác. Sau Di Lặc Bồ Tát còn có một ngàn vị Phật xuất thế, đó là [ý nghĩa của câu] *“Di Lặc dĩ hạ nhất thiên linh nhất nhân”* (từ Di Lặc trở đi là một ngàn lẻ một người), hiện thời chưa thành Phật, còn đang mang thân phận Bồ Tát. *“Phi sở thường kiến, cố bất tường lục”* (do chẳng thường thấy nên chẳng sao lục chi tiết), chẳng rườm lời, tỉnh lược [phần nêu danh hiệu cụ thể của các vị Phật trong Hiền Kiếp]. *“Dĩ thượng đệ nhất phẩm, dĩ Tín, Văn, Thời, Chủ, Xứ, Chúng, lục chủng thành tựu, vi bổn kinh chứng tín. Kinh trung đại tỳ-kheo chúng vạn nhị thiên nhân, siêu việt dư kinh, đồng ư Pháp Hoa”* (Trong phẩm thứ nhất, dùng Tín, Văn, Thời, Chủ, Xứ, Chúng, sáu thứ thành tựu để chứng tín kinh này. Giống như kinh Pháp Hoa, chúng đại tỳ-kheo trong kinh này là một vạn hai ngàn vị, trỗi vượt các kinh khác). Chúng ta đặc biệt lưu ý sự biểu thị pháp này, nói rõ tầm quan trọng của kinh này. Quý vị thấy đức Phật nói hết thảy các kinh, thông thường số lượng các vị tỳ-kheo đều là một ngàn hai trăm năm mươi người, chỉ riêng kinh Pháp Hoa là một vạn hai ngàn người, kinh này cũng là một vạn hai ngàn người, cho thấy pháp hội này và Pháp Hoa bình đẳng. Trong quá khứ, tổ sư đại đức bảo: Hết thảy các pháp do đức Thế Tôn đã nói trong bốn mươi chín năm có thể chia thành ba loại là Tiểu Thừa, Đại Thừa, và Nhất Thừa, chia thành ba loại ấy. Tiểu Thừa giảng về Thanh Văn và Duyên Giác, nói theo cách bây giờ là học hành đã đạt được học vị, Đại Thừa là Bồ Tát, Nhất Thừa là thành Phật. Đối với “kinh thành Phật” (kinh dạy pháp môn tu thành Phật), các vị tổ sư đại đức từ xưa đã khẳng định kinh thành Phật chỉ có ba bộ, tức là Hoa Nghiêm, Pháp Hoa và Phạm Võng. Kinh Phạm Võng chưa được truyền toàn bộ đến Trung Quốc, chỉ có một phẩm được truyền đến Trung Quốc, đó là Bồ Tát Giới Phẩm, tức là phẩm Bồ Tát Tâm Địa Giới trong bộ kinh ấy. Bộ kinh đó phân lượng cũng rất lớn, nhưng chưa được truyền tới. Tại Trung Quốc chỉ có Hoa Nghiêm và Pháp Hoa, nhưng tổ sư đại đức phán định kinh này cao hơn Hoa Nghiêm và Pháp Hoa, vì sao? Hoa Nghiêm và Pháp Hoa đến cuối cùng đều là “mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc”. Nói cách này hợp lý, mà nói theo Lý cũng thông suốt. Nói cách khác, Hoa Nghiêm và Pháp Hoa là kinh Nhất Thừa, thành Phật trong một đời, [cho nên] kinh này cũng là thành Phật trong một đời.

      Sau đó lại nói: *“Hựu Phổ Hiền tối vi thượng thủ, đồng ư Hoa Nghiêm kinh, diệc biểu bổn kinh chi đồng ư thượng chi Viên Giáo nhị kinh dã”*(Hơn nữa, giống như kinh Hoa Nghiêm, Phổ Hiền Bồ Tát là vị Thượng Thủ đầu tiên của kinh này, điều này cũng biểu thị kinh này giống như hai kinh Viên Giáo vừa được nhắc đến trên đây). Đây là hai bộ kinh Nhất Thừa trong Viên Giáo, kinh này (kinh Vô Lượng Thọ) ngang hàng với hai kinh đó, chẳng sai biệt! Vì vậy, vào đời Thanh trước kia, cư sĩ Bành Tế Thanh đã gọi kinh này là Trung Bổn Hoa Nghiêm, kinh A Di Đà là Tiểu Bổn Hoa Nghiêm, quý vị thấy có ý nghĩa như vậy. Chúng ta phải đặc biệt lưu ý những đề xướng, chỉ dạy của các vị tổ sư đại đức. Trong toàn bộ Phật giáo, trong bốn mươi chín năm hoằng truyền của Thích Ca Mâu Ni Phật, bộ kinh này chiếm địa vị ra sao? Có thể nói bộ kinh này là chí cao vô thượng! Không chỉ ngang hàng với Hoa Nghiêm và Pháp Hoa, trên thực tế, nó còn cao hơn Hoa Nghiêm và Pháp Hoa. Kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng viên mãn là mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc, thật sự đạt tới viên mãn rốt ráo, chúng ta chớ nên chẳng biết điều này. Nếu chúng ta nương theo Pháp Hoa và Hoa Nghiêm để tu hành, hy vọng thành công trong một đời này hết sức xa vời, mờ mịt. Các pháp môn ấy phải tu Định, Pháp Hoa tam-muội chẳng dễ thành tựu, Pháp Giới Quán như trong kinh Hoa Nghiêm người tầm thường chẳng thể quán thành. Quý vị thấy phương pháp trong bộ kinh điển này, trong bốn mươi tám nguyện có nói “khi lâm chung, mười niệm nhất định vãng sanh”. Do vậy, Thiện Đạo đại sư tán thán pháp môn này là *“vạn người tu, vạn người đến”*, chẳng bỏ sót một ai! Chúng ta đã gặp gỡ, may mắn lắm! Dẫu trong đời này, chúng ta học Phật cũng thế, mà không học Phật cũng thế, trong quá khứ và đời này đã tạo chẳng ít tội nghiệp, có thể vãng sanh hay không? Có thể! Chỉ cần quý vị sau khi nghe pháp môn này, hạ quyết tâm “quay đầu là bờ”, ta chẳng còn làm ác nữa, ta thật sự nhất tâm tu học Thập Thiện, thật thà niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ, là được rồi. Quá khứ tạo tác tội Thập Ác, Ngũ Nghịch cũng được, vẫn có thể vãng sanh, tuyệt diệu chưa? Đúng là quay đầu là bờ! Chúng ta chớ nên không biết điều này, nhất định phải quý trọng duyên phận thù thắng khôn sánh này.

      Chúng ta học phẩm thứ nhất tới đây, dưới đây, chúng ta xem phẩm thứ hai là ***Đức Tuân Phổ Hiền***. Chúng ta thấy trước đó cụ Hoàng Niệm Tổ mào đầu: *“Đệ nhị phẩm thị thượng phẩm thánh chúng chi bổ sung”* (phẩm thứ hai là phần nói chi tiết thêm về thánh chúng trong phẩm trước). Chúng Thành Tựu trong sáu thứ thành tựu chỉ nói đến xuất gia Bồ Tát, tại gia Bồ Tát chưa nhắc tới, phải nói bổ sung trong phần kế tiếp. *“Bổn phẩm chi thủ, ư Bồ Tát chúng trung, niêm xuất thượng thủ chi Hiền Hộ đẳng thập lục Chánh Sĩ”* (đầu phẩm này, trong hàng Bồ Tát, lại nêu lên mười sáu vị Chánh Sĩ thượng thủ như Hiền Hộ v.v...), mười sáu vị đại Bồ Tát ấy đều là Đẳng Giác Bồ Tát, toàn là tại gia Bồ Tát.*“Phẩm mạt”* (phẩm cuối cùng), tức cuối phẩm bốn mươi tám, *“phục tiêu dư chi tam chúng cập chư thiên đại chúng, dĩ bổ túc thượng phẩm”* (lại nêu ba chúng kia và chư thiên đại chúng nhằm bổ túc phẩm đầu), tức phẩm trước của phẩm này, *“lục thành tựu trung chi Chúng Thành Tựu”* (Chúng Thành Tựu trong sáu thứ thành tựu), nói rõ ở đây.*“Vưu ưng trước nhãn”* (càng đáng chú ý nhất), tức là phải lưu ý, *“bổn phẩm danh Đức Tuân Phổ Hiền”* (phẩm này có tên là Đức Tuân Phổ Hiền), ý nghĩa của tiểu đề này vô cùng trọng yếu, *“cái biểu dự hội chi vô lượng vô biên chư đại Bồ Tát, hàm cộng tuân tu Phổ Hiền chi đức”* (biểu thị vô lượng vô biên chư đại Bồ Tát dự hội đều cùng tuân tu đức của Phổ Hiền). Quý vị nói xem kinh này có tuyệt vời hay chăng? “Đều cùng tuân tu đức của Phổ Hiền” là ở nơi đâu? Trong kinh Hoa Nghiêm, tức là trong Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, chư Phật, Bồ Tát vị nào cũng đều tu *“Phổ Hiền chi đức”*, *“Phổ Hiền chi đức”* là mười đại nguyện vương, thành tựu viên mãn trong một đời. Kinh này chẳng ra ngoài lệ ấy. *“Phổ Hiền chi đức, thật diệc vô lượng”* (đức của Phổ Hiền thật sự cũng là vô lượng), nói thật với quý vị thì là vô lượng vô biên*, “nhi kỳ tâm trung chi tâm, yếu trung chi yếu, tắc vi thập đại nguyện vương đạo quy Cực Lạc dã, thị vi bổn phẩm chi cương”* (nhưng điểm cốt lõi, trọng yếu nhất lại chính là “mười đại nguyện vương dẫn dắt về Cực Lạc”. Ðó là cương lãnh của phẩm này). Tổng cương lãnh của phẩm kinh này là mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát, Phổ Hiền nguyện, Phổ Hiền đức thật sự là vô lượng, vô biên, vô tận, vô số. Cụ Hoàng nói rất hay, *“tâm yếu”*:*“Tâm trung chi tâm, yếu trung chi yếu”* (điều cốt lõi nhất trong các điều cốt lõi, điều trọng yếu trong các điều trọng yếu) chính là mười đại nguyện vương. Do vậy, chúng ta phải học mười đại nguyện vương, có thể học bao nhiêu bèn học bấy nhiêu, đối với chính mình chắc chắn có lợi ích.

      Đầu tiên là phải học *“lễ kính chư Phật”*, đối với bất cứ ai đều phải lễ kính. Vì sao? Hết thảy chúng sanh là vị lai Phật, há có thể chẳng lễ kính ư? Chúng ta lạy Phật, phải lạy ba đời mười phương chư Phật, ba đời là đời quá khứ, đời hiện tại, trong kinh, Thích Ca Mâu Ni Phật đã giới thiệu, đời vị lai, đức Phật đã nói *“hết thảy chúng sanh đều là vị lai Phật”.* Chúng ta chẳng cung kính một người hay chẳng cung kính một động vật nhỏ chính là chẳng cung kính vị lai Phật. Từ chỗ này, có thể thấy được đại đức và đại nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát. Không chỉ là đối với hết thảy hữu tình chúng sanh, chúng ta phải có ý niệm kính trọng chân thành, phải lễ kính viên mãn, trong kinh Hoa Nghiêm đức Phật còn dạy: *“Tình và vô tình, cùng viên thành Chủng Trí”.* Chúng ta chỉ nói động vật là hữu tình, còn vô tình thì sao? Thực vật, khoáng vật, núi, sông, đại địa là vô tình. Vô tình chúng sanh cùng viên thành Chủng Trí, câu này chẳng thể nghĩ bàn, cũng có nghĩa là vô tình chúng sanh cũng sẽ thành Phật. Nay chúng tôi đã hiểu rõ, trước kia chẳng hiểu nổi câu này! Bao nhiêu năm qua, chúng tôi đã bị khốn đốn bởi câu kinh văn này, giảng theo cách nào? Tôi thân cận rất nhiều vị đại đức, thưa hỏi họ câu này thì họ cũng chẳng giảng câu này rõ ràng cho lắm. Giảng kha khá một chút là hữu tình chúng sanh thành Phật thì núi, sông, đại địa cũng đều thành tựu. Cách giảng ấy không sai, nhưng chưa thể khiến cho chúng tôi tâm phục, khẩu phục. Mãi cho đến lúc chúng tôi học tập Hoa Nghiêm, học bộ Tu Hoa Nghiêm Áo Chỉ Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của Hiền Thủ quốc sư mới hoảng nhiên đại ngộ. Tác phẩm ấy giảng về nguyên khởi của vũ trụ rõ ràng, minh bạch. Trước khi đọc kinh luận ấy, tuy kinh giảng rất rõ ràng, minh bạch, nhưng đối với căn tánh của chúng tôi thì vẫn chưa được, thô tâm đại ý, chưa thấu hiểu được! Kinh thường nói: *“Nhất niệm bất giác bèn có vô minh”*, lại nói: *“Vô minh bất giác sanh tam tế, cảnh giới làm duyên tăng trưởng lục thô”*, đối với những điều kinh luận Duy Thức đã nói, chúng ta cũng biết nói, nhưng thường là nói chẳng rõ ràng, đối với những phần kinh văn ấy, từ đầu đến cuối là lơ mơ, chẳng hiểu rõ. Từ Hoa Nghiêm, từ Hoàn Nguyên Quán mới hiểu rõ ràng, mới hiểu điều gì? Nguyên lai là trong tất cả hiện tượng vật chất đều có hiện tượng tinh thần, tâm và vật chẳng thể tách rời, vĩnh viễn chẳng tách rời. Trong một vi trần có tin tức viên mãn, đương nhiên hữu tình và vô tình cùng viên mãn Chủng Trí. Hiểu rõ chân tướng của chuyện này, không chỉ có tâm cung kính đối với con người, mà đối với một tảng đá, một hạt cát hay bụi đều trọn đủ tâm cung kính, quý vị mới thực hiện được sự lễ kính chư Phật của Phổ Hiền Bồ Tát. Ta cung kính hết thảy mọi người, cung kính thiên địa, quỷ thần, nhưng thiếu tâm cung kính đối với bùn, cát và những hiện tượng tự nhiên thì sự lễ kính chư Phật của quý vị vẫn còn thiếu sót to lớn, mà chính mình chẳng biết! Phạm vi của lễ kính to như thế, phạm vi của mỗi điều trong chín điều kia đều là khắp pháp giới hư không giới. Chúng ta là người tu học Đại Thừa, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chớ nên không biết điều này. Đã biết, hãy thật sự làm, trong tương lai phẩm vị vãng sanh sẽ cao, phẩm vị của chính mình được nâng cao với một mức độ lớn.

      Bây giờ chúng ta xem kinh văn, đoạn kinh này nói về mười sáu vị Chánh Sĩ nhằm bổ sung phần Bồ Tát Chúng phía trước.

***(Kinh) Hựu Hiền Hộ đẳng thập lục Chánh Sĩ, sở vị: Thiện Tư Duy Bồ Tát, Huệ Biện Tài Bồ Tát, Quán Vô Trụ Bồ Tát, Thần Thông Hoa Bồ Tát, Quang Anh Bồ Tát, Bảo Tràng Bồ Tát, Trí Thượng Bồ Tát, Tịch Căn Bồ Tát, Tín Huệ Bồ Tát, Nguyện Huệ Bồ Tát, Hương Tượng Bồ Tát, Bảo Anh Bồ Tát, Trung Trụ Bồ Tát, Chế Hạnh Bồ Tát, Giải Thoát Bồ Tát, nhi vi Thượng Thủ.***

**(經)又賢護等十六正士。所謂善思惟菩薩。慧辯才菩薩。觀無住菩薩。神通華菩薩。光英菩薩。寶幢菩薩。智上菩薩。寂根菩薩。信慧菩薩。願慧菩薩。香象菩薩。寶英菩薩。中住菩薩。制行菩薩。解脫菩薩。而為上首。**

*(****Kinh:****Lại có nhóm Hiền Hộ mười sáu vị Chánh Sĩ, tức là: Thiện Tư Duy Bồ Tát, Huệ Biện Tài Bồ Tát, Quán Vô Trụ Bồ Tát, Thần Thông Hoa Bồ Tát, Quang Anh Bồ Tát, Bảo Tràng Bồ Tát, Trí Thượng Bồ Tát, Tịch Căn Bồ Tát, Tín Huệ Bồ Tát, Nguyện Huệ Bồ Tát, Hương Tượng Bồ Tát, Bảo Anh Bồ Tát, Trung Trụ Bồ Tát, Chế Hạnh Bồ Tát, Giải Thoát Bồ Tát làm Thượng Thủ).*

      Đây là giới thiệu đức hiệu của mười sáu vị Thượng Thủ Bồ Tát. Ý nghĩa biểu thị pháp rất sâu, bao hàm ý nghĩa đặc biệt. Trong hàng xuất gia Bồ Tát thuộc phần trước, chỉ nêu tên ba vị, tại gia Bồ Tát nêu ra mười sáu vị, điều này có ý nghĩa gì? Chúng ta phải hiểu rõ, pháp môn này đặc biệt dành cho các đồng học tại gia tu tập, thích hợp nhất đối với sự tu hành tại gia. Mười sáu vị Bồ Tát có địa vị bình đẳng với Văn Thù, Phổ Hiền, Di Lặc. Tại gia có thể thành tựu Đẳng Giác Bồ Tát, chúng ta chớ nên không hiểu đạo lý này. Chúng ta đọc lời chú giải của lão cư sĩ: *“Chánh Sĩ giả”*, trước tiên giải thích Chánh Sĩ là gì, *“Độ Thế Kinh viết: Khai Sĩ, Đại Sĩ, Thánh Sĩ, Lực Sĩ, Chánh Sĩ đẳng, giai Bồ Tát chi dị xưng”* (Kinh Độ Thế [[19]](#footnote-20)[[6]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-48.htm#_ftn6) nói: “Khai Sĩ, Đại Sĩ, Thánh Sĩ, Lực Sĩ, Chánh Sĩ v.v... đều là tên gọi khác của Bồ Tát”). Trong kinh Phật có nhiều cách xưng hô như thế, quý vị thấy những danh xưng ấy toàn là biệt hiệu của Bồ Tát. Trong kinh Độ Thế nói tới Khai Sĩ, thì Khai (開) là khai ngộ, chẳng phải là khai ngộ tầm thường, mà là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, người như vậy được gọi là Khai Sĩ, Bồ Tát, hoặc Pháp Thân Bồ Tát. Đối với danh xưng Đại Sĩ, quý vị thấy chúng ta nói Quán Âm Đại Sĩ, Phổ Hiền Đại Sĩ, đấy cũng chính là Ma Ha Tát trong tiếng Phạn, [nghĩa là] Đại Bồ Tát, đều là danh xưng của Pháp Thân Bồ Tát. Thánh Sĩ: Thánh nhân, chẳng phải là con người, thánh ở đây là đại thánh, chẳng phải là tiểu thánh. A La Hán, Bích Chi Phật, Quyền Giáo Bồ Tát được coi là tiểu thánh, còn những vị này là đại thánh. Lực Sĩ là danh xưng thường dùng trong Mật Tông, như Kim Cang Lực Sĩ [[20]](#footnote-21)[[7]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-48.htm#_ftn7) thường được nói tới trong [các kinh sách của] Mật Tông. Chánh Sĩ: Chánh là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, Bồ Tát là Chánh Đẳng Chánh Giác, gọi là Chánh Sĩ. Pháp Thân Bồ Tát đều là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, chỉ kém một chút là tập khí vô minh vẫn còn, do [tập khí] có dầy hay mỏng khác nhau, cho nên có bốn mươi mốt đẳng cấp. Đối với hết thảy cảnh duyên, các Ngài thật sự chẳng khởi tâm, không động niệm, chúng ta phải biết điều này.

      Chúng ta lại xem tiếp: *“Chân Giải vân”* (sách Chân Giải nói), trong phần trước tôi đã giới thiệu cùng quý vị, đây là tác phẩm chú giải của tổ sư đại đức Nhật Bản, *“Chánh vị chánh đạo, Sĩ vị sĩ phu”* (Chánh là chánh đạo, Sĩ là sĩ phu), đấy là bậc sĩ đại phu, *“tại gia chi xưng. Thử đẳng đại sĩ, ngoại hiện phàm hình, nội thâm đạt chánh đạo cố, cư gia danh vi Chánh Sĩ”* (là danh xưng của người tại gia. Các vị Ðại Sĩ này ngoài hiện hình tướng phàm phu, bên trong thấu hiểu sâu xa chánh đạo, sống tại gia, gọi là Chánh Sĩ). Đây là tại gia Bồ Tát, tại Trung Quốc, người tu hành tại gia được gọi là Cư Sĩ. Cư sĩ là người tại gia tu đạo nên gọi là Cư Sĩ. Nói chung, đối với các vị Đại Sĩ, tức hàng Pháp Thân Bồ Tát, có nhiều danh xưng, đối với tại gia Bồ Tát [thì các danh xưng] Khai Sĩ và Chánh Sĩ cũng được dùng rất nhiều, thường thấy [sử dụng trong giới Phật giáo]. *“Ngoại hiện phàm hình”*, *“phàm hình”* là thân phận tại gia, trên thực tế là *“thâm đạt chánh đạo”*, *“đạt”* (達) là thông đạt, chẳng phải là nông cạn, tầm thường, mà là *“thâm đạt”*,*“thâm”*nghĩa là minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Đời Đường, thuở Lục Tổ tại thế, trong hội của Ngài có bốn mươi ba người minh tâm kiến tánh, trong đó có tại gia cư sĩ chứng đắc quả vị Pháp Thân Bồ Tát.

*“Hựu Hội Sớ viết: Thập lục Chánh Sĩ giả, Văn Thù Sư Lợi Nghiêm Tịnh Kinh ngôn”* (sách Hội Sớ lại nói: “Mười sáu vị Chánh Sĩ, kinh Văn Thù Sư Lợi Nghiêm Tịnh nói”), đây là danh xưng của một bộ kinh, tức là Văn Thù Sư Lợi Nghiêm Tịnh Kinh [[21]](#footnote-22)[[8]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-48.htm#_ftn8), kinh ấy nói: *“Bồ Tát bát vạn tứ thiên cập thập lục Chánh Sĩ”* (Bồ Tát tám vạn bốn ngàn và mười sáu vị Chánh Sĩ). Có thể thấy là mười sáu người này thường được đức Thế Tôn nêu lên làm thí dụ, gương mẫu, khuôn phép trong khi giảng kinh, giáo học. *“Tắc minh tri Chánh Sĩ chi danh, vân cư gia Bồ Tát”* (cho thấy danh xưng Chánh Sĩ chỉ hàng tại gia Bồ Tát), nói rõ mười sáu vị này đều là tại gia đại Bồ Tát, chẳng phải là kẻ tầm thường.*“Chánh vị chánh đạo, Sĩ vị cư sĩ”* (Chánh là chánh đạo, Sĩ là cư sĩ), Hoàng lão cư sĩ nói như vậy, chúng ta càng dễ hiểu. *“Thử đẳng đại sĩ, tuy bảo quang hòa trần”* (các vị đại sĩ ấy, tuy sống lẫn với phàm nhân), Trung Quốc cũng có một thành ngữ có tánh chất hoàn toàn tương đồng là *“hòa quang đồng trần”*, hòa quang đồng trần và câu này (bảo quang hòa trần) có ý nghĩa hoàn toàn giống nhau. *“Cửu xuất ư tà đạo, thâm đạt ư chánh pháp, cố vân Chánh Sĩ dã”* (đã thoát khỏi tà đạo từ lâu, thông đạt sâu xa chánh pháp, nên gọi là Chánh Sĩ), đây là cổ đại đức giải thích danh từ này. *“Chuẩn thượng khả tri, Chánh Sĩ giả, tức tại gia Bồ Tát”* (chuẩn theo những điều trên đây có thể biết Chánh Sĩ chính là tại gia Bồ Tát), đây là lời tổng kết, nhằm kết luận mười sáu vị trên đây toàn là tại gia Bồ Tát. *“Hựu thập lục giả, Mật Tông dĩ thập lục số, biểu viên mãn vô tận”* (Lại nữa, Mật Tông dùng con số mười sáu để biểu thị sự viên mãn vô tận); do vậy, đối với mười sáu vị này, con số mười sáu cũng nhằm biểu thị pháp, dùng các Ngài để đại diện viên mãn chúng tại gia. *“Xuất Sanh Nghĩa vân”* (sách Xuất Sanh Nghĩa nói), Xuất Sanh Nghĩa [[22]](#footnote-23)[[9]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-48.htm#_ftn9) là tên một quyển sách, là một bộ luận, chúng ta cũng có thể nói trong bài luận văn ấy lại giảng: *“Quyết hữu hà sa trần hải số lượng, cử thập lục vị yên, diệc trần sa chi số bất xuất ư thử hỹ”*(Số lượng dẫu nhiều như hằng sa biển các vi trần, cũng chỉ nêu ra mười sáu vị mà thôi, số nhiều như trần sa cũng chẳng ra ngoài số này), nói rõ “mười sáu” là biểu thị pháp. Chúng ta đừng nên nghĩ nó là một con số, mà phải thấy nó là biểu thị pháp, ý nghĩa sẽ càng viên mãn. Vì sao? Trong đại hội này, hàng tại gia học Phật chứng đắc minh tâm kiến tánh chắc chắn không chỉ là mười sáu vị, cho nên “mười sáu” biểu thị sự viên mãn. Ý nghĩa này hay lắm, gồm trọn hết thảy những người tại gia đã đạt tới trình độ này.

      Tiếp đó là giới thiệu từng vị một, đầu tiên là giới thiệu Hiền Hộ. *“Hiền Hộ đẳng thập lục Chánh Sĩ, thường kiến kinh luận”* (Nhóm Hiền Hộ mười sáu vị Chánh Sĩ thường thấy [nhắc tới] trong kinh luận). Trong khi giảng kinh, giáo học, đức Phật thường lấy các vị này làm thí dụ. *“Thắng Tư Duy Phạm Thiên Kinh cập Tư Ích Kinh, liệt thập lục danh. Trí Độ Luận tiêu thập lục, đản cẩn liệt lục danh”* (Kinh Thắng Tư Duy Phạm Thiên và kinh Tư Ích có nêu tên mười sáu vị này. Trí Ðộ Luận nhắc đến mười sáu vị, nhưng chỉ nêu tên sáu vị đầu), nêu ra mười sáu vị, nhưng [Trí Độ Luận] chỉ kể tên sáu vị. *“Luận viết”* (Luận chép), Luận ở đây là Đại Trí Độ Luận, *“Thiện Thủ”*, Thiện Thủ chính là Hiền Hộ, tức là sự thủ hộ hiền thiện, có ý nghĩa này. *“Đẳng* *thập lục Bồ Tát thị cư gia Bồ Tát. Hạ liệt ngũ danh, tư bất cụ dẫn”* (mười sáu vị Bồ Tát là tại gia Bồ Tát, kế đó nêu tên năm vị, ở đây không nêu tên đầy đủ), tỉnh lược, chứng tỏ những vị này đều là đại Bồ Tát tại gia học Phật, minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ được đức Thế Tôn nhắc đến.*“Tư Ích Kinh vân: Nhược hữu chúng sanh văn danh giả, tất cánh đắc Tam Bồ Đề, cố vân Thiện Thủ”* (Kinh Tư Ích nói: “Nếu có chúng sanh nghe tới tên Ngài sẽ rốt ráo đắc Tam Bồ Ðề. Vì vậy, gọi Ngài là Thiện Thủ”). Tam Bồ Đề (Sambodhi) là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Có thể thấy những vị Bồ Tát này, trí huệ, thần thông, đạo lực có thể làm cho hết thảy chúng sanh nghe danh hiệu các Ngài cũng đạt được Tam Bồ Đề. Vì thế, danh hiệu, pháp danh đức hiệu của Ngài là Hiền Hộ, Thiện Thủ có nghĩa là Hiền Hộ.*“Hựu Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh”* (lại nữa, kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ), đức Thế Tôn đặc biệt giới thiệu Hiền Hộ Chánh Sĩ với mọi người, giảng về Ngài trong buổi giảng ấy, trong kinh ấy có nói: *“Vương Xá đại thành hữu ưu-bà-tắc, danh viết Hiền Hộ, vi chúng thượng thủ”* (Đại thành Vương Xá có ưu-bà-tắc tên là Hiền Hộ, là thượng thủ của đại chúng), Ngài là thượng thủ của hàng cư sĩ. *“Hựu Đại Bảo Tích Kinh Hiền Hộ Trưởng Giả hội”* (lại nữa trong hội Hiền Hộ Trưởng Giả của kinh Đại Bảo Tích), Bảo Tích là một trong hơn ba trăm hội của đức Thế Tôn; hội này có quy mô rất lớn, trong hội này, đức Phật nói rất nhiều kinh điển, nói mấy chục bộ. Đây là một đại pháp hội, thời gian cũng rất dài, trong hội này, tức là trong hội Đại Bảo Tích cũng có nói kinh Vô Lượng Thọ. *“Phật thuyết Hiền Hộ trưởng giả chúng lạc sự”* (đức Phật nói về các điều vui sướng của trưởng giả Hiền Hộ), *“lạc”* là yêu chuộng, chuyện vui sướng. *“Kỳ thọ ư khoái lạc quả báo, tuy phục Đao Lợi Đế Thích Thiên Vương do bất năng cập, huống phục nhân gian”* (hưởng quả báo vui sướng, dẫu là Đao Lợi Đế Thích Thiên Vương còn chưa thể sánh bằng, huống hồ nhân gian). Có nhân ắt có quả, Phật pháp đã thật sự đem lại sự thọ dụng chân thật cho con người.

      Thuở tôi học Phật, vì lúc tuổi trẻ học hành trong trường, chịu ảnh hưởng của giáo viên, thầy đôi khi cũng bàn tới tôn giáo, luôn bảo tôn giáo là mê tín. Vì thế, đối với tôn giáo, chúng tôi cũng hiểu lầm rất sâu, chẳng muốn tiếp xúc tôn giáo, luôn nghĩ tôn giáo là mê tín. Nhân duyên khiến tôi học Phật là do học Triết Học với tiên sinh Phương Đông Mỹ, thầy Phương giảng một bộ Triết Học Khái Luận, phần cuối cùng là Triết Học Trong Kinh Phật. Tôi rất hiếu kỳ, hỏi thầy: “Tôn giáo là mê tín, Phật giáo là phiếm thần giáo, đa thần giáo, là mê tín nhất trong các thứ mê tín, làm sao có triết học cho được?” Thầy bảo tôi: “Anh còn trẻ, không biết, Thích Ca Mâu Ni Phật là triết gia vĩ đại nhất trên thế giới”. Tôi học Triết Học, chưa hề nghe nói Thích Ca Mâu Ni Phật là triết gia. Thầy lại bảo tôi: “Triết học trong kinh Phật là đỉnh cao nhất của triết học trong toàn thế giới, học Phật là hưởng thụ cao nhất trong đời người”. Kinh nói tới điều này, Hiền Hộ Bồ Tát học Phật tới mức pháp hỷ sung mãn; nói cách khác, đạt tới sự hưởng thụ cao nhất trong thế gian. Câu này có cùng một ý nghĩa với câu nói của thầy Phương bảo tôi thuở ấy. Tôi đọc câu này có cảm xúc cũng rất sâu, có đạt được sự hưởng thụ tối cao ấy hay không? Tôi đã học Phật năm mươi chín năm, sang năm là đúng một giáp, đã sáu mươi năm rồi, thật sự đạt được, hằng ngày đều đạt được, hoan hỷ khôn sánh, chứng thực lời cổ đức đã bảo: *“Ý vị thế gian há nồng đậm bằng pháp vị?”* Nếu đem ý vị của nhân gian thiên thượng sánh với pháp vị, chẳng có cách nào sánh bằng!

      Nhân gian thiên thượng là gì? Nói tới sự phú quý trong nhân gian; người Trung Quốc nói tới Ngũ Phước, Phú là có của cải, Quý là địa vị cao cả, vào thời cổ là tước vị, đế, vương, công, hầu, những tước vị ấy sang quý. Còn có ba điều nữa là *“đa nam nữ”*, tức là đông con lắm cháu, *“đa tử đa tôn”. “Hiếu đức hiếu thiện”* (ham đức, chuộng lành), chẳng thể thiếu một điều nào. Hễ thiếu một điều, dẫu trong quá khứ tu đại phú đại quý, sẽ hưởng hết rất nhanh, khi hưởng hết sẽ lụn bại, phú quý đã hưởng hết rồi! Nếu người ấy ham thiện, chuộng đức, quý vị thấy vừa hưởng phú quý vừa tu phú quý thì phước báo mới chẳng hưởng hết, đời đời kiếp kiếp dằng dặc không dứt. Điều cuối cùng, lúc mất tốt lành, tức *“thiện chung”.*Người Hoa nói là *“thiện chung”*, [tức là] lúc mất, đầu óc tỉnh táo, sáng suốt, chẳng đau khổ. Người như vậy rời khỏi thế gian, đời sau chẳng vào nhân gian hưởng thụ phú quý, mà sẽ cao hơn đời này, sẽ sanh lên trời để hưởng phước trời. Đó là Ngũ Phước. Trong Ngũ Phước, quan trọng nhất là điều cuối cùng, vì lẽ nào? Nó quyết định quả báo của quý vị trong đời sau. Nếu chết chẳng tốt lành, hiện thời chúng ta thường thấy người già lú lẫn, chuyện này rất phiền phức, chẳng phải là chuyện tốt đẹp. Người già bị lú lẫn, dẫu chúng ta niệm Phật trợ niệm cho họ, họ cũng chẳng được hưởng gì, chẳng đạt được lợi ích ấy, chắc chắn sẽ phải lưu chuyển theo nghiệp. Nếu người ấy suốt đời tích đức, hành thiện, chúng ta tin tưởng người ấy tuổi già chẳng thể nào mắc phải chứng bệnh ấy, vì sao? Người ấy có phước báo, có các thiện hạnh và thiện đức bảo vệ. Chúng ta học Phật càng phải chú ý điều này, học Phật mà lúc mất bị lú lẫn thì cũng là theo nghiệp chịu báo. Đừng nói là quý vị tu học, tu Thiền hay tu Mật, cho tới lúc ấy hoàn toàn chẳng dùng được, mà niệm Phật cũng chẳng có cách gì!

      Chúng ta liễu giải sự thật này, biết chân tướng này, chỉ biết nay chúng ta đang lúc khỏe mạnh, phải nên tu gì, cách tu như thế nào. Đây là những điều chúng tôi thường nói trong những năm qua, chớ nên sơ sót ba căn bản của Nho, Thích, Đạo, chớ nên không nghiêm túc học tập. Quý vị thật sự muốn tích lũy công đức, công đức và phước đức khác nhau, chớ nên coi phước đức là công đức. Quý vị làm chuyện tốt, giúp đỡ người khác, đó là phước đức. Quý vị thấy thuở ấy, Đạt Ma tổ sư đến Trung Quốc, Lương Vũ Đế tiếp kiến Ngài. Có thể nói Lương Vũ Đế là một vị hộ pháp lớn nhất trong Phật giáo sử Trung Quốc, thật sự tận tâm tận lực hộ trì Phật pháp. Ông ta dùng thân phận đế vương, lập cho Phật giáo bốn trăm tám mươi tòa đạo tràng, tự viện, am, đường, hộ trì mấy chục vạn người xuất gia, chiếu cố họ, chính mình rất đắc ý. Đạt Ma tổ sư đến Trung Quốc, hai người gặp mặt, Lương Vũ Đế khoe khoang chính mình đã thay Phật môn làm những chuyện tốt đẹp như thế, hướng về Tổ thỉnh giáo, trên thực tế là khoe khoang: “Trong Phật môn, trẫm đã làm chuyện tốt đẹp nhiều ngần ấy, công đức có lớn hay không?” Đạt Ma tổ sư trả lời bằng một câu: “Trọn chẳng có công đức”. Lương Vũ Đế nghe câu ấy chẳng chịu nổi, rất bực mình, đuổi Tổ đi, chẳng biếu tặng gì. Đạt Ma tổ sư nói chẳng sai, Ngài là người thật thà. Nếu tán thán nhà vua vài câu: “Rất lớn, rất lớn”, vua sẽ khoái chí, hộ trì Tổ, [do Tổ không làm như vậy] nên nhà vua hậm hực. Đây là [Tổ Đạt Ma] nói rõ Lương Vũ Đế làm chuyện gì? Phước đức, chẳng phải là công đức. Công đức là gì? Công đức là tu hành. Trì giới có công, có công phu sẽ đạt được gì? Đắc Định, đắc Định là đức; có công phu tu Định sẽ khai trí huệ, do Định khai huệ, khai trí huệ là đức. Vì thế, những thứ ấy là thật, chẳng giả, chẳng dính dáng gì đến chuyện quý vị tu bố thí, cúng dường. Bố thí, cúng dường là tu phước, nhất định phải biết điều này. Nếu khi ấy Lương Vũ Đế hỏi: “Trẫm có phước đức hay không”? Nhất định tổ Đạt Ma sẽ giơ ngón cái lên: “Rất ư là lớn, phước đức của bệ hạ rất lớn!”

      Phước đức và công đức khác nhau, quả báo của phước đức là trong ba thiện đạo, công đức chẳng phải vậy, công đức là vượt thoát lục đạo luân hồi, thành Phật, làm Tổ, đó là công đức. Công đức và phước đức nhất định phải phân biệt rõ ràng, phải hiểu rõ ràng. Chúng ta thường thấy trong chùa miếu ghi cái rương đựng tiền để người ta bỏ tiền vào là Công Đức Sương (rương công đức), lầm rồi, há phải là công đức? Người hiểu biết sẽ ghi là Phước Điền Sương (rương ruộng phước). Đó là đúng, quý vị đến gieo phước, [đó là] phước điền, chẳng có công đức. Dẫu quý vị bố thí chùa miếu nhiều đến mấy vẫn chẳng có công đức, mà là phước đức. Nhất định phải hiểu rõ điều này, đừng nên lầm lẫn. Chúng ta học Phật, phải phước huệ song tu, công đức và phước đức đều phải nên tu; quý vị chỉ tu công đức, không tu phước đức, sẽ thiếu phước! Trong kinh Phật có câu chuyện*: “Tu huệ, bất tu phước, La Hán thác không bát”*(Tu huệ, chẳng tu phước, La Hán đi khất thực, bát rỗng tuếch), A La Hán chứng đắc A La Hán quả, đó là công đức, nhưng thiếu phước báo, đi ra ngoài khất thực, chẳng được ai cúng dường, thiếu phước mà! Ngược lại, *“tu phước, bất tu huệ, đại tượng quải anh lạc”* (tu phước, chẳng tu huệ, voi to đeo chuỗi báu). Thời cổ, công cụ giao thông chưa có xe cộ. Tại Ấn Độ và Nam Dương đều dùng voi để thay thế, quốc vương ra ngoài ngồi trên lưng voi. Voi ấy là người tu hành trong quá khứ, tu phước, chẳng tu huệ, đời này đầu thai đọa trong súc sanh đạo, là vật cưỡi của quốc vương, khắp mình đeo các chuỗi báu, đó gọi là *“đại tượng quải anh lạc”.*Trong kinh, đức Phật thường nêu lên tỷ dụ này, dụng ý rất sâu. Nếu chúng ta thấu hiểu, hãy phước huệ song tu.

      Đức Phật trọn chẳng cấm chúng ta tu phước, nhưng tu Huệ trọng yếu hơn tu phước, phải lấy tu Huệ làm chánh yếu, phải tu công đức. Trợ tu là phụ trợ thì tu phước kèm theo, phước huệ song tu. Bất luận tại gia hay xuất gia đều phải hiểu đạo lý này, vì sao? Đã gặp gỡ Phật pháp, Phật pháp thù thắng ở chỗ nó tạo cơ hội cho quý vị, ngay trong một đời này có thể viên thành Phật đạo, vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, chuyện này rất hiếm có. Chẳng dễ thoát khỏi luân hồi! Đã sa vào hầm sâu này, chỉ có gặp gỡ Phật pháp thì quý vị mới có cơ hội vượt thoát luân hồi. Nhất là gặp gỡ Tịnh Độ, gặp gỡ Tịnh Độ mà nếu thật sự chịu tu tập, không ai chẳng thành công, thật sự giải thoát! Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì có thể nói thân thể này của chúng ta là thân cuối cùng trong lục đạo luân hồi, đời sau chẳng còn luân hồi nữa, điều này trọng yếu lắm! Quý vị nghĩ xem còn có chuyện gì quan trọng hơn chuyện này? Đời này chẳng thể vãng sanh, chắc chắn đời sau lại phải tiếp tục luân hồi. Chúng ta chẳng biết nỗi khổ luân hồi, nếu biết sẽ kinh sợ. Chắc chắn là luân hồi trong lục đạo thì thời gian trong tam ác đạo lâu dài, thời gian trong ba thiện đạo ngắn ngủi, tạm bợ; quý vị chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi, chắc chắn thời gian trong ác đạo sẽ dài lâu. Điều này chẳng khó hiểu, quý vị nhìn vào hoàn cảnh sống, trong cuộc sống hằng ngày, từ sáng đến tối, quý vị khởi lên mấy ý niệm là Giới, Định, Huệ? Khởi mấy ý niệm là tham, sân, si? Quý vị so sánh một chút sẽ hiểu ngay. Nếu thời gian khởi tham, sân, si dài hơn thời gian Giới, Định, Huệ, sẽ đi vào tam ác đạo, tâm tham là ngạ quỷ đạo, sân khuể là địa ngục đạo, ngu si là súc sanh đạo. Do vậy, nếu lắng lòng phản tỉnh một phen, [sẽ thấy] rất đáng sợ! Trong một ngày, từ sáng đến tối, xử sự, đãi người, tiếp vật, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, dấy lên niệm nào, nói câu nào, làm chuyện gì, quý vị hoàn toàn hiểu rõ, chẳng cần hỏi ai khác, còn chẳng biết đời sau bản thân mình sẽ sanh vào đâu ư? Vì vậy, muốn vãng sanh thì phải nắm vững câu Phật hiệu, đọc kinh mỗi ngày, tối thiểu là niệm một bộ kinh Vô Lượng Thọ, niệm một bộ kinh, niệm Phật hiệu càng nhiều càng tốt. Chắc chắn thời gian niệm Phật hiệu phải dài hơn thời gian suy nghĩ lung tung, quý vị mới có thể nắm chắc. Nếu không chống lại được, vãng sanh còn phải đánh dấu hỏi, chưa xác định. Tụng kinh, niệm Phật là công đức chân thật, tu thiện tích đức là chuyện tốt đẹp, phước huệ song tu, như vậy là đúng. Hôm nay thời gian đã hết rồi, chúng ta học tới đây.

# Tập 96

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giảo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

      Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm mười, dòng thứ hai từ dưới đếm lên, xem từ câu thứ hai:

*“Hựu Danh Nghĩa Tập viết: “Bạt Đà Bà La”* (Lại nữa, sách Danh Nghĩa Tập [[23]](#footnote-24)[[10]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-48.htm#_ftn10) nói: “Bạt Đà Bà La”), đây là tiếng Phạn, *“phiên vi Hiền Hộ, tự hộ hiền đức, phục hộ chúng sanh cố. Hoặc vân Hiền Thủ, dĩ vị cư Đẳng Giác, vi chúng hiền chi thủ cố”* (dịch là Hiền Hộ, tự gìn giữ hiền đức, lại hộ trì chúng sanh. Hoặc dịch là Hiền Thủ, do Ngài ở địa vị Ðẳng Giác, là Thượng Thủ của các bậc hiền nhân). Đoạn này giải thích ý nghĩa biểu pháp trong danh hiệu. Tiếng Phạn Bạt Đà Bà La (Bhadrapāla), dịch sang nghĩa tiếng Hán là Hiền Hộ. Hiền là gì? Hộ là gì? *“Tự hộ hiền đức”* (tự gìn giữ hiền đức) là ý nghĩa của chữ Hiền, *“phục hộ chúng sanh”* (lại hộ trì chúng sanh) là ý nghĩa của chữ Hộ. Do vậy, Hiền là đối với chính mình mà nói, Hộ là đối với đại chúng mà nói. Hiền đức vô lượng vô biên, cũng giống như người Hoa dạy trẻ nhỏ, quý vị thấy họ dạy trẻ con, lúc mới nhập học, nói chung là sáu bảy tuổi, học Tam Tự Kinh. Tam Tự Kinh là khái luận của văn hóa truyền thống Trung Quốc, quý vị thấy vừa nhập môn sẽ dạy tác phẩm này, vun đắp khái niệm này trước hết. Phương pháp dạy học như thế thật sự là trí huệ lỗi lạc, chẳng giống như người ngoại quốc. Người ngoại quốc dạy trẻ nhỏ, họ nói rất thực tế, cho là trẻ nhỏ chẳng hiểu lý luận lớn lao như *“nhân chi sơ, tánh bổn thiện”* (con người thoạt đầu, tánh vốn lành), làm sao chúng nó có thể hiểu được? Chúng nó có thể hiểu điều gì? Con cún sủa, con mèo bé nhảy nhót, chúng hiểu những điều này, bèn dạy cho chúng những điều ấy. Tuy [nhìn bề ngoài] trẻ chẳng hiểu, quý vị chẳng thể nói chúng nó không hiểu, chớ nên coi thường chúng. Trẻ nhỏ có trí huệ vô cùng cao. Các bác sĩ tâm lý học của Tây phương trong thời cận đại đã dùng thuật thôi miên để chứng thực điều này. Không chỉ là trẻ thơ sau khi được sanh ra, mà ngay cả trước khi sanh, ở trong thai mẹ, chúng cũng rất thông minh, hoàn toàn hiểu rõ tâm tình của mẹ, mẹ ăn uống gì, chúng nó đều có thể cảm nhận được. Làm sao quý vị có thể nói là chúng không biết? Những người ấy sau khi phát hiện [sự thật trên đây], mới thật sự nghĩ cổ nhân Trung Quốc nói “thai giáo” rất hữu lý!

      Hiền đức là như trong kinh Hoa Nghiêm đức Phật đã dạy: *“Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai”*. Trí huệ là đức, trí huệ chính là đức được nói tới trong *“hiền đức”* ở đây. Ở chỗ này, đức năng và tướng hảo được gọi là Hiền, chúng vốn sẵn có trong tự tánh. Trong câu nói này, đức Phật hoàn toàn nói tới cương lãnh của nó (tánh đức). Trong khi dạy học, đức Phật bảo chúng ta, Thập Thiện là hiền đức, chính mình vốn sẵn có. Tam Quy, Ngũ Giới, Lục Hòa, Lục Độ, mười nguyện Phổ Hiền đều là nói tới cương mục, cũng chẳng nhiều. Chúng tôi khẳng định tổ tông đều là Phật, Bồ Tát tái lai, lời họ nói hoàn toàn tương tự với kinh Phật. Nếu quan sát kỹ lưỡng, có đến bảy tám phần trong mười phần giống như những điều do các vị sáng lập các đại tôn giáo trên toàn thể thế giới đã nói trong kinh điển, chỉ sai khác một hai phần trong mười phần. Chỗ không giống nhau là gì? Tập quán sinh hoạt. Trên thế giới này, chúng sanh đông dường ấy, hoàn cảnh cư trụ khác nhau, bối cảnh văn hóa khác nhau, cho nên có những thói quen khác nhau, Phật, Bồ Tát hằng thuận chúng sanh, hoàn cảnh ấy, phong tục tập quán ấy sẽ có lợi cho họ. Tập quán của người thuộc hàn đới là sống trong cảnh trời băng đất tuyết, họ đến vùng nhiệt đới chẳng thể chịu được, không thể chịu đựng khí hậu nơi đó. Cũng giống như vậy, người vùng nhiệt đới đến vùng băng giá cũng sống chẳng quen. Hiện thời, giao thông thuận tiện, trước kia giao thông bất tiện, đúng là có những trường hợp cho đến khi chết già vẫn chẳng qua lại với nhau, hoạt động cả đời chỉ là mấy thôn trang thân cận, có bao giờ tới huyện thành hay không? Cả đời cũng chẳng đi đến. Vì thế, thánh nhân giáo hóa tùy thuận tánh đức.

      Thánh nhân Trung Quốc dạy chúng ta điều gì? Cũng rất đơn giản, mấy ngàn năm chẳng thay đổi, tổng cương lãnh gồm mấy hạng mục là Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức. Trung Quốc ngàn vạn năm truyền thừa những thứ ấy. Tứ Thư, Ngũ Kinh, mười ba kinh của Nho gia, thậm chí mở rộng đến Tứ Khố Toàn Thư, trong ấy nói những gì? Há chẳng phải là những điều ấy? Tuyệt đối chẳng rời khỏi bốn khoa mục ấy. Bốn khoa mục là Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức. Chúng ta quy nạp chúng lại, nói thật sự là mười hai chữ, *“hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ, nhân ái, hòa bình”*, mười hai chữ ấy và bốn khoa mục, khi quý vị đọc kỹ, bốn khoa mục ấy sẽ quy nạp thành mười hai chữ. Mấy ngàn năm giáo học của Trung Quốc, tổ tông các đời truyền thừa đều là những thứ ấy, chưa hề biến đổi. Chỉ sau khi nhà Mãn Thanh vong quốc, Dân Quốc thành lập, những điều ấy mới bị coi nhẹ, bỏ sót. Thời Dân Quốc vẫn chẳng thay đổi những điều ấy, nhưng không coi trọng và nghiêm túc như trong thời đại đế vương xưa kia. Vua chúa xưa kia nghiêm túc coi trọng điều này, khiến cho xã hội an tường, hòa hợp, hóa giải khá nhiều tai nạn. Hiện thời chúng ta đã hiểu rõ những nguyên lý ấy; đúng là kinh Phật đã dạy chẳng sai chút nào: *“Tướng do tâm sanh, cảnh chuyển theo tâm”.* Tâm thái của chúng ta tốt đẹp, niệm niệm chẳng rời khỏi mười hai chữ này. Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác đều chẳng vi phạm *“hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ, nhân ái, hòa bình”*, quý vị chẳng vi phạm chúng. Mười hai chữ này được nói trong kinh điển nhà Phật, so với các điển tịch của nhiều nhà tôn giáo trên thế giới, quý vị thấy hoàn toàn giống nhau.

      Cốt lõi của mười hai chữ là Ái, tức là Ái trong “nhân ái, hòa bình”. Nhà Phật chẳng nói Ái, mà nói từ bi, từ bi chính là Ái. Vì sao đức Phật không nói Ái, mà phải nói từ bi? Vì người thế gian thấy chữ Ái này, trong Ái có tình, nên gọi là ái tình. Ái rất tốt, nhưng tình là bất hảo! Do vậy, đức Phật không nói Ái, mà nói từ bi. Từ bi là Ái, trong đó có lý trí, điều này tốt lắm! Trong Ái phải có lý tánh, phải có trí huệ, chớ nên dùng cảm tình. Ái bằng cảm tình chẳng phải là thật, mà là giả ái, là hư tình giả ý, nhất định phải biết điều này. Vì sao? Nó bị biến đổi. Từ bi là Chân Ái, vĩnh hằng chẳng thay đổi, chân thật! Vì lẽ đó, Phật giáo dùng từ bi, không dùng Ái; nhưng trong các sách vở của nhiều tôn giáo trên thế giới chúng ta thấy nói “thần yêu thương con người”, hoặc “Thượng Đế yêu thương con người”. Chúng ta biết lòng yêu thương ấy chính là từ bi như trong nhà Phật đã nói, chẳng phải là xử sự bằng cảm tình, chúng ta nhất định phải hiểu điều này. Chúng ta thấy trong kinh Cổ Lan (Koran), mấy câu trọng yếu trong phần trước đều được nhắc đến, *“Chân Chúa quả thật nhân từ”.* Nhân từ tốt lắm, nhân từ và từ bi như trong nhà Phật đã nói hoàn toàn giống nhau. Phía sau nhân từ là trí huệ, là lý tánh, chẳng phải là cảm tình, đấy là cốt lõi của tánh đức, là trung tâm điểm của tánh đức. Tất cả hết thảy hiền đức đều phát xuất và được phát huy rạng rỡ từ nơi đây. Người có thể hộ trì hiền đức của chính mình sẽ gọi là “biết yêu thương chính mình”.

      Vì vậy, người nào thật sự yêu thương chính mình? Nói theo Phật pháp, nói nghiêm ngặt thì là Pháp Thân Bồ Tát thực hiện trăm phần trăm sự “yêu thương chính mình”. Ở đây, nhóm Hiền Hộ gồm mười sáu vị tôn giả thật sự là Pháp Thân Bồ Tát. Không chỉ là Pháp Thân Bồ Tát, mà còn là Đẳng Giác Bồ Tát trong các vị Pháp Thân Bồ Tát, địa vị cao cả. Trong năm mươi mốt địa vị Bồ Tát của Phật giáo, các Ngài đã đạt tới địa vị cao nhất. Lên cao hơn nữa sẽ là Phật quả viên mãn rốt ráo, được gọi là địa vị Diệu Giác. Đẳng Giác đạt đến tối cao, Pháp Thân Bồ Tát có bốn mươi mốt địa vị, địa vị [Đẳng Giác] này cao nhất. Chúng ta có thể nói theo kinh Hoa Nghiêm, Sơ Trụ Bồ Tát, trong kinh Hoa Nghiêm, Sơ Trụ Bồ Tát thực hiện được sự “yêu thương chính mình”, thật sự yêu thương chính mình. Biết thân là giả, chẳng thật, chẳng còn vì thân thể này tạo nghiệp, ý niệm tự tư tự lợi chẳng còn, ý niệm tiếng tăm, lợi dưỡng chẳng có, chẳng còn đuổi theo tiếng tăm, lợi dưỡng, chúng là giả, chẳng còn tham cầu hưởng thụ ngũ dục, lục trần trong thế gian; tham, sân, si, mạn sẽ giảm bớt trên một mức độ lớn. Muốn đoạn chúng rất khó, thật sự đoạn được sẽ thành A La Hán; vì thế, đoạn những phiền não ấy rất khó khăn! Trong giai đoạn tu học của chúng ta, chúng đã được giảm nhẹ, chẳng nghiêm trọng như trong quá khứ, đó gọi là Hiền Hộ. Đấy là điều chúng ta hãy nên làm, có thể hộ trì tánh đức của chính mình; ở đây [sách Danh Nghĩa Tập] nói là *“tự hộ hiền đức”*. Người ấy đúng như tiên sinh Phương Đông Mỹ đã nói: Đã đạt được sự hưởng thụ cao nhất trong đời người.

      Quý vị phải biết sự hưởng thụ cao nhất trong đời người chẳng liên quan gì đến của cải và địa vị. Điển hình và khuôn phép tốt nhất là Thích Ca Mâu Ni Phật. Chẳng phải là Ngài không có [của cải, địa vị], Ngài sanh ra trong gia đình phú quý, phú quý từ lúc mới lọt lòng. Nếu Ngài chẳng xuất gia, sẽ nối ngôi vua, người Hoa nói: *“Quý vi thiên tử, phú hữu tứ hải”* (thiên tử  sang quý, giàu có khắp bốn biển), Ngài có thân phận như thế. Đức Phật thông minh, giác ngộ từ nhỏ, hiểu rõ, mười chín tuổi bèn lìa bỏ cuộc sống trong cung vua, rời khỏi gia đình đi học đạo; nay chúng ta gọi là “du học”, thuở ấy gọi là “tham học”, tức là đi học hỏi những bậc cao nhân trong giới tôn giáo và giới học thuật. Cổ nhân Trung Quốc thường nói: *“Nhân đồng thử tâm, tâm đồng thử lý”* (người có cùng cái tâm này, tâm có cùng lý này). Chúng ta có thể hiểu, Ngài có thân phận là vương tử, lại vừa thông minh, hiếu học, tuổi trẻ như thế, mười mấy hai mươi tuổi. Ai không ưa thích hạng học trò như thế? Trong thời đại ấy, Ấn Độ đích xác là nước tôn giáo [phát triển nhất] trên toàn cầu, bất luận tôn giáo hay học thuật đều đạt tới cảnh giới rất cao. Họ sử dụng phương pháp, tuy chẳng giống như khoa học kỹ thuật hiện đại, họ sử dụng Thiền Định. Thiền Định có thể đột phá các chiều không gian, người bình phàm chúng ta gọi điều đó là “thần thông”. Những thứ chúng ta không thể thấy bằng mắt thịt, khi nhập Định, trong Định họ có thể trông thấy. Trong Định có thể thấy quá khứ, tương lai. Do vậy từ cổ đến nay đều có những dự ngôn (lời tiên đoán), thuở chúng tôi còn trẻ, đối với những thứ ấy cũng hiếu kỳ.

      Tôi thân cận lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam, thỉnh giáo lão nhân gia: Có thể tin tưởng những dự ngôn hay không? Có nên dựa theo đó hay không? Lão nhân gia bảo tôi: Dự ngôn chẳng rời khỏi Lý Số, đó là cơ sở của chúng. Tại Trung Quốc, dự ngôn chẳng rời khỏi kinh Dịch. Nếu tính toán rất chuẩn xác, quả thật có thể tin tưởng, nhưng loại tính toán này đúng là *“sai chỉ hào ly, lầm lạc ngàn dặm”.* Vì sao có dự ngôn rất chuẩn xác, có dự ngôn không chuẩn xác, những điều đã nói chẳng hề xảy ra? Đó là vì trong ấy có đôi chút sai lầm sẽ chẳng chuẩn xác. Vì thế, nhà Phật nói họ dùng Tỷ Lượng, suy lường, nhưng thầy nói: Nếu là những điều thấy trong Định sẽ hết sức chuẩn xác. Vì thế, thầy bảo tôi: Thiền sư Hoàng Bá có mấy bài thơ dự ngôn chuẩn xác, nhưng những bài thơ ấy rất khó hiểu, giống như câu đố, rất khó suy luận thấu triệt. Đó là cảnh giới trong Định, là cảnh giới Hiện Lượng. Phàm là những loại dự ngôn giống như vậy đều rất đáng tin.

      Trong xã hội hiện thời, sợ chẳng thể thấy người nào có thể nhập Định, chẳng còn có người như vậy nữa. Trong thế kỷ trước, còn có người tu hành đắc Định như lão hòa thượng Hư Vân, trong thế kỷ này tìm không ra! Phiền não tập khí trong tâm rất nặng, quý vị chẳng có cách nào nhập định. Ngoài xã hội thì như người ngoại quốc nói “từ trường hết sức bất hảo”. Chẳng nói chi khác, sóng vô tuyến điện quấy nhiễu quý vị đắc Định. Quý vị thấy hiện thời sóng vô tuyến điện là bao nhiêu? Đừng nói chi khác, cell phone của mỗi cá nhân phát ra sóng điện đã ghê gớm lắm rồi. Chúng ta mắt thịt nhìn không thấy. Nếu chúng ta thấy thì cả địa cầu bị những sóng điện từ bao phủ kín mít. Trong hoàn cảnh ấy, người ta chẳng có cách nào khiến tâm chẳng dao động, bộp chộp được? Tâm dao động, tính tình bộp chộp là gì? Do sóng điện từ quấy nhiễu, rất phức tạp. Trong quá khứ, khi chưa có những kỹ thuật ấy phát minh, không có hiện tượng này, hiện thời phiền phức ngày càng nghiêm trọng. Khoa học đổi mới khác lạ mỗi tháng, mỗi ngày, tạo ra những ảnh hưởng tiêu cực quá lớn. Đúng là “được không bù nổi mất”. Nhiễu loạn tâm tình, chướng ngại cuộc sống bình thường, tâm thái bình thường, tư duy bình thường của chúng ta. Ngày nay chúng ta tự bảo vệ chính mình ra sao? Tận hết sức giảm bớt những thứ này. Trước kia không có điện thoại, chẳng phải là cũng sống được hay sao? Hiện thời chẳng lẽ không có thứ ấy liền chẳng thể sống hay sao? Đâu có đạo lý ấy! Họ cứ phát minh, ta có quyền cự tuyệt, chẳng dùng đến nó. Trong cuộc sống hằng ngày, chỉ có người khác gọi điện thoại cho tôi, trước nay, tôi chẳng gọi điện thoại cho ai. Vì sao? Tôi chẳng muốn tạo tội nghiệp ấy: Dùng loại sóng điện này nhiễu loạn người khác, phải hiểu điều này. Người khác gọi tôi, tôi không có cách nào, chẳng thể không tiếp nhận. Nay thì khá hơn, có người khác nhận giùm tôi, tôi chẳng cần phải nghe nữa. Vì thế, nói chung phải nghĩ tới phương pháp bảo vệ chính mình. Tổ tiên đã ban cho người Trung Quốc ân huệ quá lớn. Ân huệ lớn nhất là phát minh ra văn tự. Văn tự là một phương tiện chuyển tải truyền thông. Văn tự Trung Quốc là phù hiệu trí huệ, quý vị không biết đọc cũng không sao. Trông thấy hình dạng của chữ, sẽ hiểu được ý nghĩa của nó. Đó là trí huệ. Trong văn tự ngoại quốc không có hiệu quả như thế. Phù hiệu trí huệ thì quý vị nhìn lâu sẽ khai ngộ. Chẳng thể sửa đổi văn tự ấy, chúng ta thiếu trí huệ như tổ tông thì làm sao có thể sửa đổi văn tự ấy?

      Do vậy, phải luôn nghĩ *“bổn tánh bổn thiện”* (bản tánh vốn lành), bổn thiện là hiếu, đễ, trung, tín, chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, trước hết có nghĩ sẽ xứng với tổ tông hay không? Có xứng với cha mẹ hay không? Tâm hạnh ta chẳng lành, cha mẹ chẳng hoan hỷ, tổ tông chẳng thể tiếp nhận, vậy thì không thể làm như thế được! Chúng ta hành hiếu, hành đễ, “đễ” là tôn kính bề trên, tôn kính những người cùng hàng. Phải tôn kính những người cùng vai vế hoặc bậc trưởng bối, đó là đễ đạo, thực hiện từ “anh em yêu thương, hòa thuận”, cho đến yêu thương, nhường nhịn hết thảy những người có cùng độ tuổi, vai vế với ta. Trung với nước nhà, trung với dân tộc, trung với xã hội, trung với lãnh đạo. Trung là gì? Chịu trách nhiệm. Con người nói năng phải giữ chữ tín, làm người nhất định phải giữ sự tín nhiệm, không nói dối, không nói đôi chiều, chẳng nói thêu dệt, chẳng ác khẩu, đều thuộc về chữ Tín này. Lễ, nghĩa, liêm, sỉ, xử sự, đãi người, tiếp vật, chớ nên coi thường, thiếu sót lễ. Nghĩa là hợp tình, hợp lý, hợp pháp; liêm là liêm khiết, biết tiết kiệm là mỹ đức, quyết định chẳng lãng phí. Phải thường nghĩ thế gian này còn có rất nhiều kẻ khổ nạn, kẻ chẳng có cái ăn, cái mặc, chẳng có nhà cửa để ở rất nhiều. Dẫu họ không ở trước mặt, nhưng thường nghĩ tới họ, hễ có duyên phận bèn tận tâm tận lực giúp đỡ họ, thường nghĩ đến người khác, phải mở rộng tâm lượng.

      Xưa kia, tôi ở Tân Gia Ba, tôi và chín tôn giáo tại Tân Gia Ba đối xử với nhau hết sức hòa thuận. Bất luận tôn giáo nào cần giúp đỡ, chúng tôi cũng tự động ra tay giúp đỡ. Có một lần, có một nữ tu cho tôi biết: Người bên Phi Châu rất đáng thương, Thiên Chúa Giáo cử sang đó một đoàn chữa bệnh, hình như có ba bác sĩ, mấy người y tá sang đó giúp đỡ họ, bà ta kể với tôi tin ấy. Khi đó, tôi tặng năm vạn Mỹ Kim để họ thay tôi dùng làm phí tổn y tế, bố thí thuốc men. Một tuần sau, bà ta lại gọi điện thoại cho tôi, cho biết bên đó giao thông vô cùng lạc hậu, rất khó khăn, có thể tặng một cái xe cứu thương hay không? Tôi nói được, tôi sẽ tặng cho bà một xe cứu thương. Các tín đồ Phật môn biết chuyện ấy đến chất vấn tôi, họ nói: “Thưa pháp sư! Tiền của tín đồ chúng tôi kiếm chẳng dễ, cớ sao thầy lại lấy đem cho ngoại đạo?” Tôi hỏi: “Cái gì mà ngoại đạo?” [Họ đáp]: “Thầy cho tiền Thiên Chúa Giáo, chẳng phải là ngoại đạo ư?” Tôi hỏi ngược lại họ: “Chúng ta có muốn lập viện dưỡng lão hay không?” Muốn! “Có muốn lập cô nhi viện hay không?” Muốn! “Chúng ta có nên mở bệnh viện hay không?” Muốn! Người ta có bệnh khổ có cần phải cứu kẻ ấy hay không?” Phải! “Người ta đã phái một đội y tế đi cứu giúp, chúng ta đầu tư một chút, tặng một ít tiền cho họ, chúng ta đã có quyền cổ đông (shareholder) trong ấy, có sai lầm gì chăng?” Họ mới thôi bắt bẻ, bỏ đi. Do vậy, bất luận kẻ nào làm một chuyện tốt, lợi ích xã hội, chính là chúng ta làm. Bản thân chúng ta không có sức, bèn sanh tâm hoan hỷ, khen ngợi kẻ ấy, hễ có sức thì tận tâm tận sức giúp đỡ họ, chuyện tốt mà! Cần gì cứ nhất định phải chính mình làm mới là chuyện tốt, người khác làm thì không phải, [có cách nghĩ như vậy tức là] tâm lượng quá nhỏ, đã trái phạm Tánh Đức. Bất luận kẻ nào làm chuyện tốt, đúng là chuyện tốt, ích lợi xã hội, có lợi cho chúng sanh khổ nạn, chúng ta phải nên giúp đỡ, chẳng bàn ra tán vào. Không có sức bèn hoan hỷ, tán thán, tuyên dương người ta. *“Tự hộ hiền đức”* [là như vậy đó].

      Bốn chữ cuối trong mười hai chữ ấy là *“nhân ái, hòa bình”*, đó là đạt tới chỗ cùng cực. Mười hai chữ ấy giống như một tòa cao ốc có mười hai tầng, quý vị phải biết cội rễ ở chỗ nào? Cội rễ là hiếu, hiếu là tầng thứ nhất, đễ là tầng thứ hai, hòa bình là cao nhất. Nó có cội rễ, có cơ sở. Quý vị đọc kinh Vô Lượng Thọ và kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật của Tịnh Tông, câu đầu tiên trong Tịnh Nghiệp Tam Phước là *“hiếu dưỡng phụ mẫu”*, câu thứ hai là *“phụng sự sư trưởng”*, hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy là căn cơ học Phật. Không có hai câu này, dẫu học Phật tốt đẹp cách mấy, [vẫn là] thiếu cội rễ, làm sao có thành tựu cho được? Người Trung Quốc lập quốc đã năm ngàn năm trên mặt đất, cội rễ sâu chắc, đó là gì? Hiếu đễ. Mười hai chữ ấy đã được cày cấy trên đất báu Trung Quốc năm ngàn năm, tuy hiện thời bị coi nhẹ, bỏ sót, căn bản có bị lay động hay không? Không có. Thí nghiệm của chúng tôi tại Thang Trì đã chứng thực. Chúng tôi vốn cho rằng phải mất từ hai đến ba năm thí nghiệm mới có thể thấy hiệu quả; không ngờ từ ba đến bốn tháng đã có hiệu quả rõ rệt, cho thấy căn bản vẫn còn. Đúng là thâm căn cố đế, con người hết sức dễ dạy. Một dải Mã Lai và Nam Dương tiếp xúc Trung Quốc, được văn hóa truyền thống của Trung Quốc hun đúc, tôi nghĩ ít nhất là một ngàn năm. Vì thế, nơi ấy cũng là phước địa, cũng là đất báu. Đề ra mười hai hạng mục đức hạnh ấy, mọi người hoan nghênh, đấy là Tánh Đức.

      Do vậy Hiền Hộ, phải hộ trì đức của chính mình là điều trọng yếu, những điều khác chẳng trọng yếu. Có thể hộ trì chính mình, sẽ có thể hộ trì người khác, đó là *“phục hộ chúng sanh”* (lại hộ trì chúng sanh)*.* Thế nào là “hộ chúng sanh”? Giáo hóa chúng sanh. Giáo hóa nhất định phải bằng thân hành, ngôn giáo, chính mình không làm được, mà bảo người khác làm, người ta sẽ không tin. Ắt phải chính mình làm được, quý vị mới có thể cảm hóa người khác, đó là “tự hành, hóa tha”, là ý nghĩa của hai chữ Hiền Hộ. Danh hiệu này bao quát hết thảy những đồng tu tại gia học Phật. Đây là tên của một người, đại diện cho hết thảy các vị tại gia học Phật, có ý nghĩa rất sâu. Ngài là đại diện chung, mười lăm vị kia đại diện [cho những đức] riêng biệt, còn vị này là tổng đại biểu. Tại gia còn phải khéo hộ trì tánh đức của chính mình, huống hồ xuất gia thì càng chẳng cần phải nói nữa. Chúng ta thấy chư Phật Như Lai, chư đại Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác, có ai chẳng học tập như vậy? Ai nấy đều có thể thành tựu chính mình, lợi ích chúng sanh.

      Tiếp đó, sách viết: *“Hoặc vân Hiền Thủ”* (Hoặc còn gọi là Hiền Thủ). Ý nghĩa này xuất phát từ tiếng Phạn, Bạt Đà Bà La còn có nghĩa là Hiền Thủ. Hiền Thủ là *“chúng hiền chi thủ”* (đứng đầu trong các bậc hiền nhân), là gương mẫu, khuôn phép trong các vị Bồ Tát, có địa vị cao nhất trong đại chúng, nên gọi là Hiền Thủ. *“Dĩ vị cư Đẳng Giác”*(do Ngài thuộc địa vị Đẳng Giác), ở đây nói rõ ràng, minh bạch, thân phận gì vậy? Đẳng Giác Bồ Tát. Có cùng địa vị với Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Văn Thù, Phổ Hiền, Di Lặc Bồ Tát, các Ngài đều là Đẳng Giác Bồ Tát. Trong bốn mươi mốt đẳng cấp, Ngài thuộc đẳng cấp thứ bốn mươi mốt cao nhất. Vì thế, so với bốn mươi địa vị Pháp Thân Bồ Tát trước đó, địa vị của các Ngài cao nhất, Đẳng Giác cao nhất, nên là thủ tọa của họ, mang ý nghĩa này. *“Khả kiến Hiền Hộ Chánh Sĩ, nãi thị sanh ư Vương Xá thành, vị đăng Đẳng Giác chi tại gia Bồ Tát”* (Có thể thấy Hiền Hộ Chánh Sĩ thị hiện sanh trong thành Vương Xá, là vị tại gia Bồ Tát thuộc địa vị Ðẳng Giác). Thật sự có vị này, thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, hàng tại gia học Phật cũng chứng đắc địa vị Đẳng Giác. Đầu thời Dân Quốc, người sáng lập Chi Na Nội Học Viện là Âu Dương Cánh Vô đại sư, người đời sau tông xưng ông ta là “đại sư”, chứ ông ta là tại gia cư sĩ. Tuy thời gian hoạt động của Chi Na Nội Học Viện không dài, chỉ có hai năm, nhưng hai năm ấy thật sự có công đức, kéo dài huệ mạng của Phật pháp. Đầu thời Dân Quốc, những đại cư sĩ tại gia, như cư sĩ Giang Vị Nông và hàng xuất gia, ngay cả pháp sư Thái Hư, pháp sư Thái Hư là học sinh dự thính trong Nội Học Viện, cư sĩ Vương Ân Tường [[24]](#footnote-25)[[11]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-48.htm#_ftn11), những vị đại đức trứ danh ấy đều xuất thân từ Phật Học Viện. Ông ta (Âu Dương Cánh Vô) nói rất rõ ràng, Phật pháp là sư đạo, sư đạo là giáo dục. Ông ta có lần giảng diễn, phát biểu vào năm Dân Quốc thứ mười hai (1923) tại Đệ Tứ Trung Sơn Đại Học, lần giảng diễn ấy đã chấn động toàn quốc vào thời đó. Đề tài giảng diễn là *“Phật pháp không phải là tôn giáo hay triết học, mà là nhu cầu tất yếu cho hiện thời”*, đề tài giảng diễn như vậy. Đệ Tứ Trung Sơn Đại Học nay là đại học sư phạm Nam Kinh, ở ngay thành phố Nam Kinh. Đã là sư đạo thì trong giáo học thầy lớn nhất, tôn sư, trọng đạo, hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng. Học trò chẳng có tâm tôn kính thầy, sẽ chẳng học được gì. Đúng như Ấn Quang đại sư đã nói: *“Một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích”*. Thầy dạy quý vị, quý vị có thể đạt được bao nhiêu chẳng do thầy, mà do tâm cung kính của chính mình. Quý vị có thể đạt được bao nhiêu sẽ tỷ lệ thuận với tâm cung kính của chính mình, đạo lý như thế đó!

      Đặc biệt nói rõ, quý vị học Phật, thầy là lớn nhất. Tôi là người xuất gia, thầy tôi là tại gia, hãy nhớ, thầy là người lớn nhất, thấy thầy phải đảnh lễ ba lạy giống như thấy Phật. Thầy là cư sĩ, xác thực như thế. Trong thời đại này, chừng hơn tám mươi năm trước, ông ta đã nói ra câu ấy. Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế đã biểu diễn cho chúng ta thấy. Chúng ta chỉ biết Thích Ca Mâu Ni Phật, còn có một vị Phật tại gia, nhưng mọi người quên khuấy. Thân phận [của vị thầy] tại gia ấy và địa vị của Thích Ca Mâu Ni Phật giống nhau, tại gia Phật là cư sĩ Duy Ma Cật, cùng thời đại với Thích Ca Mâu Ni Phật. Hai vị Phật đồng thời, một tại gia, một xuất gia. Quý vị thấy học trò của Thích Ca Mâu Ni Phật, chúng ta xem kinh thấy gần như mỗi bộ kinh đều có hai vị là Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên, Xá Lợi Phất tượng trưng trí huệ đệ nhất, Mục Kiền Liên tượng trưng thần thông đệ nhất. Cư sĩ Duy Ma giảng kinh, Thích Ca Mâu Ni Phật sai hai người học trò ấy đi nghe kinh. Họ trông thấy cư sĩ Duy Ma, vừa đảnh lễ ba lạy, vừa đi nhiễu ba vòng theo chiều phải, lễ tiết hoàn toàn giống như gặp A Di Đà Phật. Đức Phật từ bi, vào lúc ấy diễn xuất cho chúng ta thấy, dạy người đời sau chúng ta biết tôn sư trọng đạo, đặc biệt dạy người xuất gia: Tại gia có người tu hành khai ngộ, minh tâm kiến tánh, đắc đạo, chứng quả! Họ đạt tới địa vị ấy, chính là Phật, chính là thầy. Chúng ta đối với người ấy cung kính giống như đối với Phật, chớ nên hạ thấp, khinh dễ người ấy; nếu làm như vậy thì đã hoàn toàn sai mất rồi!

      Trong lần diễn giảng ấy, Âu Dương đại sư đã nói rất rõ ràng, minh bạch. Tuy vậy, chúng tôi là hàng hậu sanh, lần diễn giảng phát biểu ấy, tôi còn chưa ra đời. Tôi sanh năm Dân Quốc 16 (1927), ông ta giảng diễn vào năm Dân Quốc 12 (1923). Chúng tôi đọc bài diễn thuyết, hiểu dụng ý của ông ta: Người xuất gia phải học khiêm hư. Tại gia cư sĩ có đức năng, tu hành tốt đẹp hơn ta thì ta phải nên trống lòng học tập người ấy, coi người ấy là thầy thì mới có thể thành tựu chính mình. Do vậy, trong bộ kinh này, càng hiển thị thâm ý ấy. Quý vị thấy đối với hàng xuất gia Bồ Tát chỉ nêu ra ba vị, tại gia Bồ Tát nêu lên mười sáu vị. Mười sáu vị này hoàn toàn bình đẳng với ba vị trước, đều là Đẳng Giác Bồ Tát. Bởi lẽ, thuở Phật tại thế, quả thật có Hiền Hộ Chánh Sĩ sanh tại thành Vương Xá, là tại gia Bồ Tát đã chứng địa vị Đẳng Giác, trên thực tế đều là tại gia Phật. Ngài Duy Ma đại diện cho tại gia Phật, thuộc địa vị Diệu Giác. Vì thế, tại gia có thể tu hành thành Bồ Tát, thành Phật. Đó chính là như Quán Thế Âm Phổ Môn Phẩm đã nói: *“Nên dùng thân gì để độ được bèn hiện thân ấy”*. Đặc biệt là trong thời đại hiện tại, hiện thân làm người tại gia giáo hóa chúng sanh dễ dàng, so với người xuất gia dễ dàng hơn nhiều. Tại gia có thể kinh doanh các thứ sự nghiệp khác nhau, có thể khởi tác dụng xướng suất trong các nghề nghiệp khác nhau, đó chính là ý nghĩa của Hiền Thủ.

      Chúng ta lại xem lời khai thị của cụ Hoàng Niệm Tổ kế đó: *“Nhược án kim kinh biệt ý”* (Nếu xét theo ý riêng trong kinh này), kinh này là kinh Vô Lượng Thọ, chuyên giảng pháp môn Tịnh Tông, dạy chúng ta niệm Phật đới nghiệp vãng sanh. Dựa theo bộ kinh này để thấy ý nghĩa của giảng tòa lần này. *“Cứ Ban Châu Tam Muội Kinh”* (theo kinh Ban Châu Tam Muội), trong kinh Ban Châu Tam Muội có một đoạn như thế này: *“Thử Bạt Đà Hòa”* (ông Bạt Đà Hòa này), có cùng ý nghĩa với âm tiếng Phạn Bạt Đà Bà La trong phần trước, chỉ là phiên dịch khác nhau, âm đọc cũng không sai biệt cho lắm. Bạt Đà Bà La và Bạt Đà Hòa chẳng khác nhau lắm, đều có nghĩa là Hiền Hộ. Bạt Đà Hòa Bồ Tát, *“thị Niệm Phật tam-muội phát khởi nhân”* (là người phát khởi Niệm Phật tam-muội), quý vị thấy Ngài tu gì? Ngài chuyên tu Tịnh Độ, là người khởi đầu Niệm Phật tam-muội, thuở đức Phật tại thế, *“thân kiến Di Đà”* (đích thân thấy Phật Di Đà), Ngài đã thấy A Di Đà Phật. Kinh chẳng nói rõ sự đích thân trông thấy ấy là thấy trong Định, hay thấy trong mộng, có lúc quả thật đang trong lúc hoàn toàn tỉnh táo mà thấy, đích thân thấy Phật Di Đà. *“Kim cố lai thử thắng hội, trợ hiển Niệm Phật tam-muội vô thượng pháp môn”* (nay đến hội thù thắng này để giúp hiển thị pháp môn Niệm Phật tam-muội vô thượng). Ngài hiện diện trong hội này, lại còn được kể tên đầu tiên, chúng ta biết hội này giảng điều gì? Giảng niệm Phật bậc nhất. Ngài là người phát khởi Niệm Phật tam-muội, biểu thị niệm Phật bậc nhất. Ngài được kể tên đầu tiên trong đại hội, pháp hội lần này nhằm giảng niệm Phật là bậc nhất, biểu thị ý nghĩa này.

      Vị Bồ Tát thứ hai, tức vị tại gia Bồ Tát thứ hai, *“Thiện Tư Duy Bồ Tát, Đường dịch vi Thiện Tư Duy Nghĩa Bồ Tát”* (Thiện Tư Duy Bồ Tát, bản dịch đời Đường ghi là Thiện Tư Duy Nghĩa Bồ Tát), bản dịch đời Đường nằm trong kinh Đại Bảo Tích. Trong Vô Lượng Thọ Như Lai Hội của kinh Đại Bảo Tích, danh xưng của Ngài được phiên dịch là Thiện Tư Duy Nghĩa Bồ Tát. *“Ngụy dịch”*, bản dịch đời Ngụy là bản được lưu hành phổ biến nhất tại Nhật Bản. Các đại đức Nhật Bản vào thời cổ đọc kinh Vô Lượng Thọ quá nửa dùng bản này, tức bản dịch của ngài Khang Tăng Khải. *“Ngụy”* ở đây là nhà Tào Ngụy trong thời đại Tam Quốc. *“Án Tứ Đồng Tử Kinh Hiện Sanh Phẩm”* (xét theo phẩm Hiện Sanh trong Tứ Đồng Tử Kinh [[25]](#footnote-26)[[12]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-48.htm#_ftn12)), trong kinh ấy có giới thiệu, *“Thiện Tư Duy đẳng Chánh Sĩ, thị tha phương thế giới lai thử thị hiện chi tại gia Bồ Tát”* (các vị Chánh Sĩ như Thiện Tư Duy v.v... từ thế giới phương khác đến cõi này thị hiện làm hàng tại gia Bồ Tát), vị Bồ Tát này không thuộc thế giới Sa Bà, mà là khách, từ thế giới phương khác đến, cũng đến tham gia pháp hội lần này, hiển thị sự thù thắng của pháp hội lần này, cảm động các Bồ Tát ở những thế giới phương khác đến tham dự.

*“Kinh vân: Đông phương khứ thử Phật sát thập thiên câu-chi, hữu nhất thế giới danh Bảo Minh”* (kinh dạy: “Từ phương Đông của cõi Phật này đi qua mười ngàn câu chi cõi Phật, có một thế giới tên là Bảo Minh”). Thế giới này của chúng ta gọi là Sa Bà, mỗi thế giới có một vị Phật giáo hóa trong ấy. Mỗi thế giới là khu vực giáo hóa của một vị Phật. *“Phật danh Sư Tử Minh Thanh Như Lai. Hữu nhất Bồ Tát danh Thiện Tư Nghị”* (Phật hiệu là Sư Tử Minh Thanh Như Lai, có một Bồ Tát tên là Thiện Tư Nghị), đấy chính là ngài Thiện Tư Duy đang được nói đến ở đây. *“Ứng thác lai đáo thử độ, hóa sanh A Xà Thế vương cung nội”* (thác sanh đến cõi này, hóa sanh trong cung vua A Xà Thế), Ngài đến thế giới này để đầu thai, sanh trong cung vua A Xà Thế. Đây gọi là Ứng Thân, chẳng phải là Hóa Thân, ứng hóa trong thế gian này, là Bồ Tát từ phương khác đến. Danh hiệu Thiện Tư Nghị và Thiện Tư Duy có ý nghĩa giống nhau, nói rõ ý niệm và tâm thái của Bồ Tát thuần tịnh, thuần thiện. Thiện ở đây chẳng phải là thiện trong “thiện - ác”, mà có ý nghĩa giống như câu *“nhân tánh bổn thiện”* trong Tam Tự Kinh, thiện là như vậy đó. Thiện trong “thiện - ác” có trình độ rất thấp, trong lục đạo có thiện - ác; ra khỏi lục đạo, thiện - ác chẳng còn, thiện - ác không có thì mới gọi là Tịnh Độ. Vì vậy, họ (những người đã thoát khỏi lục đạo) có nhiễm và tịnh, chẳng có thiện và ác. So với lục đạo để nói, [cảnh giới] họ [an trụ] là Tịnh Độ, lục đạo là nhiễm ô. Thiện ở đây còn cao hơn [so với Thiện trong] Tịnh Độ, trong Phật pháp gọi cảnh giới ấy là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai, đấy mới là chân thiện. Do các Ngài (các vị Bồ Tát thuộc nhóm Hiền Hộ Bồ Tát) là Đẳng Giác Bồ Tát, nhất định thuộc vào tầng bậc cao nhất, nên chúng ta không thể dùng định nghĩa [về Thiện] trong lục đạo phàm phu để giải thích, [nếu hiểu theo ý nghĩa so sánh với lục đạo phàm phu] sẽ là sai lầm!

      Tiếp đó nói: *“Nam phương khứ thử ngũ bách ức thế giới, hữu nhất thế giới, Phật danh Bảo Tích Thiện Hiện Như Lai, hữu nhất Bồ Tát danh Tịch Tĩnh Chuyển”*(Nơi phương Nam cách đây năm trăm ức thế giới có một thế giới, Phật hiệu Bảo Tích Thiện Hiện Như Lai, có một vị Bồ Tát tên là Tịch Tĩnh Chuyển), đây chính là ngài Huệ Biện Tài được nhắc đến trong kinh này, Huệ Biện Tài được gọi là Tịch Tĩnh Chuyển [trong kinh Tứ Đồng Tử]. *“Ư thử Xá Vệ thành nội, sanh đại cư sĩ Tự Sư Tử gia. Tây Phương khứ thử quá bát ức bách thiên Phật sát, Lạc Âm Như Lai sở, hữu nhất Bồ Tát danh Vô Phan Duyên”* (trong thành Xá Vệ này, sanh trong nhà cư sĩ Tự Sư Tử. Ở phương Tây, cách khỏi đây tám ức trăm ngàn cõi Phật, ở chỗ đức Lạc Âm Như Lai có một vị Bồ Tát tên Vô Phan Duyên), [Vô Phan Duyên] chính là ngài Quán Vô Trụ đang được nói đến ở đây. *“Ư thử Ba La Nại quốc, hóa sanh đại cư sĩ Thiện Quỷ gia. Bắc phương khứ thử lục vạn tứ bách thiên ức Phật độ, trụ Bồ Đề Phần Chuyển Như Lai sở, hữu nhất Bồ Tát danh Khai Phu Thần Đức”* (hóa sanh vào nhà đại cư sĩ Thiện Quỷ trong nước Ba La Nại này. Về phương Bắc, cách đây sáu vạn bốn trăm ngàn ức cõi Phật, ở chỗ đức Trụ Bồ Ðề Phần Chuyển Như Lai có một vị Bồ Tát tên là Khai Phu Thần Ðức), [Khai Phu Thần Đức] chính là ngài Thần Thông Hoa đang được nói đến ở đây. *“Sanh thử Tỳ Da Ly thành đại tướng Sư Tử gia. Thử tứ đồng tử dữ vô lượng đại chúng, cộng lai Sa La Song Thụ sở, cung kính cúng dường”* (sanh trong nhà đại tướng Sư Tử của thành Tỳ Gia Ly này. Bốn đồng tử này cùng với vô lượng đại chúng đến rừng Sa La Song Thọ cung kính cúng dường). Đây là ghi chép về các vị Bồ Tát ở phương khác, các Ngài là Đẳng Giác Bồ Tát nơi phương khác, có duyên rất sâu với Thích Ca Mâu Ni Phật, hiển thị điều thường được nói trong kinh: *“Một vị Phật xuất thế, ngàn vị Phật ủng hộ”*. Mọi người thấy Thích Ca Mâu Ni Phật đến quả địa cầu này thị hiện thành Phật độ chúng sanh, chư Phật Như Lai, Đẳng Giác Bồ Tát có duyên phận sâu đậm với Thích Ca Mâu Ni Phật thảy đều theo đến. Thích Ca Mâu Ni Phật giáng sanh tại nước Ca Tỳ La Vệ, trong vương cung của đại vương Tịnh Phạn, những vị ấy mỗi vị tìm một chỗ, đều cùng giáng sanh, dùng đủ thứ thân phận bất đồng, có vị là thân phận Bồ Tát, có vị là thân phận Thanh Văn, có vị là thân phận Duyên Giác, có vị mang thân phận xuất gia, có vị mang thân phận tại gia, cũng có vị mang thân phận quốc vương, đại thần, đủ mọi thân phận khác biệt đến hộ trì Thích Ca Mâu Ni Phật. Mọi người đến diễn một vở tuồng, Thích Ca Mâu Ni Phật đóng vai chánh, các vị kia đều đóng vai phụ, khiến cho vở tuồng được diễn viên mãn, biểu diễn sống động, hoạt bát, vì sao? Để giáo hóa chúng sanh. Ở đây, chúng ta thấy điều gì? Hòa hài, chẳng ghen ghét, chẳng tranh danh đoạt lợi. Ai làm người cầm đầu, lãnh đạo cũng được, cũng hoan hỷ, chúng ta phải học điều này. Mục tiêu và phương hướng chung chỉ có một, mong mỏi giúp cho những chúng sanh mê hoặc, còn chưa giác ngộ phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui, nhắm tới mục tiêu này. Mục tiêu và phương hướng giống nhau, nên mọi người đều cùng đến. Mấy vị này thường được đức Phật nhắc tới trong kinh điển, lại còn là những vị cư sĩ tu hành chứng quả, cũng rất nổi tiếng tại Ấn Độ thuở ấy, hễ nhắc tới mọi người đều biết.

      Lại xem tiếp: *“Hựu thử hạ Quang Anh Bồ Tát đẳng tứ Chánh Sĩ, như Phật Danh Kinh đệ thất thuyết, Quang Anh, Huệ Thượng”* (Thêm nữa, bốn vị Chánh Sĩ như Quang Anh Bồ Tát v.v... tiếp theo đó như quyển bảy kinh Phật Danh [[26]](#footnote-27)[[13]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-48.htm#_ftn13) có nói: Quang Anh, Huệ Thượng), Huệ Thượng ở đây là Trí Thượng. *“Tịch Căn, Nguyện Huệ tứ Bồ Tát, tùng tứ phương Phật độ lai tập thử giới chi tướng”* (Tịch Căn, Nguyện Huệ, bốn vị Bồ Tát, từ cõi Phật ở bốn phương nhóm đến cõi này), hóa thân đến! Trong phần trước, ta thấy Ứng Thân, đến thế gian này đầu thai, gọi là Ứng Thân, hoặc là Hóa Thân. *“Hựu Văn Thù Sư Lợi Nghiêm Tịnh Kinh diệc thuyết, thử tứ Chánh Sĩ tùng tứ phương lai, đồng thượng sở thuyết”* (Hơn nữa, kinh Văn Thù Sư Lợi Nghiêm Tịnh cũng nói bốn vị Chánh Sĩ này từ bốn phương đến, giống như trong kinh Tứ Ðồng Tử đã nói). Cũng có thể nói là trong kinh, đức Phật cũng đã nhiều lần giới thiệu các vị này. *“Hựu Nguyệt Đăng Tam Muội Kinh đệ tam thuyết: - Hương Tượng Bồ Tát tùng Đông phương A Súc Phật, dữ na-do-đa Bồ Tát, cộng lai vấn tấn Thích Ca Mâu Ni Phật”* (Kinh Nguyệt Đăng Tam Muội, quyển thứ ba lại nói: “Hương Tượng Bồ Tát từ cõi của A Súc Phật ở phương Đông cùng với na-do-đa (na-do-tha) Bồ Tát cùng đến chào hỏi Thích Ca Mâu Ni Phật”). Trong mười sáu vị trên đây, ngài Hương Tượng xếp thứ mười hai. Ngài từ cõi của Đông phương A Súc Phật, là đệ tử của A Súc Phật, dẫn theo rất nhiều người. Chúng ta thường dịch Na-do-đa (Nayuta) là Vô Số, số lượng nhiều lắm. Ngài dẫn theo Bồ Tát nhiều dường ấy, cùng nhau thưa hỏi Thích Ca Mâu Ni Phật, sau khi chào Thích Ca Mâu Ni Phật, bèn thỉnh an Thích Ca Mâu Ni Phật. *“Dĩ thượng Hiền Hộ đẳng nhất trực đáo Hương Tượng”* (Trên đây, từ Hiền Hộ cho đến Hương Tượng Bồ Tát), tổng cộng là mười vị. *“Kỳ dư lục nhân như Chân Giải vân”* (còn sáu vị kia thì như sách Chân Giải nói), Chân Giải là chú giải kinh Vô Lượng Thọ của pháp sư Đạo Ẩn người Nhật, bản chú giải ấy có tên là Chân Giải. Trong Tịnh Tông Nhật Bản, Sư hết sức nổi tiếng, bản chú giải của Sư cũng được truyền đến Trung Quốc. Do vậy, tổ sư đại đức của Tịnh Tông Trung Quốc cũng tham khảo bản chú giải của Sư, đây là bản chú giải kinh Vô Lượng Thọ hay khéo, rất nổi tiếng. *“Kỳ dư Trí Tràng”* (ngoài ra, Trí Tràng), tức là Bảo Tràng. *“Bảo Anh, Trung Trụ, Chế Hạnh, Giải Thoát đẳng”* (Bảo Anh, Trung Trụ, Chế Hạnh, Giải Thoát v.v...), mấy vị này, *“tuy vị kiến kinh chứng”* (tuy chưa thấy kinh văn khác để làm chứng), khi đức Phật nói kinh, chẳng nhắc đến tên các Ngài, nhưng trong kinh Vô Lượng Thọ này, đức Phật đã nói đến. *“Chuẩn tiền tư chi”* (chuẩn theo những điều trên đây để suy luận), chúng ta dùng tiêu chuẩn phía trước cũng có thể biết, *“tất ưng thị tha phương lai đại sĩ dã”*(nhất định là các đại sĩ từ phương khác đến), nhất định phải là từ thế giới phương khác đến đây, tham gia một lần hoạt động của Thích Ca Mâu Ni, tức đại hội kinh Vô Lượng Thọ.*“Án Chân Giải sở chú thị Ngụy dịch”* (Xét ra, sách Chân Giải dùng bản dịch đời Ngụy để chú giải), tức bản của ngài Khang Tăng Khải, bản dịch của ngài Khang Tăng Khải rất nổi tiếng tại Nhật Bản. *“Ngụy dịch cẩn liệt thập ngũ Chánh Sĩ chi danh”*(bản Ngụy dịch chỉ kể tên mười lăm vị Chánh Sĩ), ở đây là mười sáu vị, bản Ngụy dịch chỉ có mười lăm, kể tên mười lăm vị. *“Kỳ trung khuyết Huệ Biện Tài Bồ Tát, thử Bồ Tát kiến ư Đường dịch. Chân Giải dĩ vi Tín Huệ tức Huệ Biện Tài”* (trong ấy, thiếu Huệ Biện Tài Bồ Tát, vị Bồ Tát này thấy ghi trong bản dịch đời Đường. Sách Chân Giải cho rằng Tín Huệ chính là Huệ Biện Tài). Hiện thời, Tín Huệ và Huệ Biện Tài tách thành hai người, chia ra làm hai người, nên mới *“hợp thập lục chi số”* (gộp thành con số mười sáu). Vì mười sáu nhằm biểu thị pháp trong Mật Tông, mười sáu tượng trưng cho sự viên mãn, chẳng phải là con số thật sự, mà nhằm biểu thị pháp. *“Cố tri Tín Huệ Bồ Tát diệc ưng như Bảo Tràng đẳng Chánh Sĩ, diệc thị tha phương lai giả”* (Nên biết Tín Huệ Bồ Tát cũng giống các vị Chánh Sĩ như Bảo Tràng v.v... cũng từ phương khác đến). Ngài chẳng phải là Bồ Tát trong thế giới Sa Bà, mà thuộc vào số những vị Bồ Tát ở phương khác đến tham dự pháp hội lần này.

*“Chân Giải ư thử, cánh hữu xiển minh”* (Đối với điều này, sách Chân Giải càng giảng rõ). Ở đây, có trích lục đoạn văn trong sách Chân Giải: *“Văn viết: Sơ liệt Hiền Hộ đẳng thập lục Chánh Sĩ giả, chương thử pháp bất dĩ xuất gia phát tâm vi bổn”* (Nguyên văn: “Đầu tiên nêu lên nhóm Hiền Hộ mười sáu vị Chánh Sĩ để chỉ rõ pháp này chẳng lấy phát tâm xuất gia làm gốc”). Chương (彰) là hiển thị (nêu rõ, chỉ rõ), chương minh (tỏ bày rõ ràng) pháp môn này chẳng lấy phát tâm xuất gia làm căn bản, mà cũng chẳng phải chủ yếu vì họ (người xuất gia) mà nói. *“Thứ liệt tha phương lai giả, chương thập phương Phật độ trung, tất dĩ thử pháp vi xuất thế đại sự cố, cộng lai tinh tấn cầu thử pháp. Thử nghị thậm đắc kinh chỉ”* (Kế đến, nêu ra các vị đến từ phương khác, ngụ ý: Trong các cõi Phật khắp mười phương đều dùng pháp này làm đại sự xuất thế, cùng tinh tấn đến cầu pháp này. Lời bàn định ấy rất phù hợp với tông chỉ của kinh). Không lấy xuất gia thì lấy gì làm gốc? Lấy tại gia làm gốc. Đặc biệt trong chín ngàn năm về sau trong thời Mạt Pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật, có thể là người xuất gia càng ngày càng ít, kẻ tại gia tu hành ngày càng đông. Người tại gia tu hành tu pháp môn nào đạt thành tựu? Pháp môn này! Chắc chắn thành tựu. Những vị tại gia Bồ Tát này thị hiện, chứng minh tại gia có thể thành Phật, có thể thành Đẳng Giác, các Ngài đến làm mẫu, khiến cho quý vị sanh khởi tín tâm. Sách Chân Giải nói kiểu này rất tương ứng với tông chỉ của kinh. Tiếp theo là *“cái tại gia tu hành, tối nghi trì danh niệm Phật dã”* (vì tu hành tại gia thì trì danh niệm Phật là thích hợp nhất). Đầu tiên là ngài Hiền Hộ nêu gương cho chúng ta. *“Thập phương đại sĩ tất lai thính pháp, biểu thử pháp thù thắng, thật vi đại sự nhân duyên cố”*(mười phương đại sĩ ắt đều đến nghe pháp, biểu thị pháp này thù thắng, thật sự là đại sự nhân duyên). Đại sự là liễu sanh tử, thoát tam giới, chứng Bồ Đề, đắc đại quả; đấy là đại sự nhân duyên.

      Kế đó, Hoàng lão cư sĩ nghị luận: *“Hựu Hiền Hộ biểu Như Lai thiện hộ niệm chư Bồ Tát”*(lại nữa, Hiền Hộ biểu thị Như Lai khéo hộ niệm các Bồ Tát). Quả thật danh hiệu có ý nghĩa này. Như Lai có hai ý nghĩa, nói theo Lý là tự tánh. Tư tưởng và ngôn hạnh của con người tương ứng với tánh đức, thì trí huệ và đức tướng trong tự tánh sẽ thường hiện tiền; vì sao? Tâm tâm tương ấn, hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng; kinh Hoa Nghiêm nói “tâm hiện, thức biến”. Tự tánh có thể nâng cao năng lượng, nó là căn cứ lý luận để nâng cao cảnh giới của chúng ta, đấy là ý nghĩa thứ nhất. Thứ hai, Như Lai là Thích Ca Mâu Ni Phật, là A Di Đà Phật, là những vị đã tu hành chứng đắc địa vị Diệu Giác. Ý thức của chúng ta chính là “niệm đầu” (ý niệm), ý niệm chẳng thể nghĩ bàn. Từ Hoàn Nguyên Quán, chúng ta thấy: Bất luận hữu tâm hay vô tâm, ý niệm là dao động. Dao động hết sức yếu ớt, nhưng tốc độ của nó quá nhanh, chẳng khởi dao động thì thôi, hễ dao động dấy lên, lập tức trọn khắp pháp giới. Chúng ta chẳng có cách nào tưởng tượng chuyện này, không ngờ các nhà khoa học Lượng Tử hiện thời đã phát hiện, họ nói hết sức gần gũi với cách giảng của Thích Ca Mâu Ni Phật, họ nói sự dao động ấy cũng trọn khắp pháp giới. Đã là trọn khắp pháp giới, chư Phật Như Lai trong mười phương pháp giới đều nhận được tin tức ấy. Đã nhận được, há lẽ nào chẳng gia trì? Như vậy thì tin tức phát ra là Cảm, chư Phật, Bồ Tát hồi đáp là Ứng; cảm ứng đạo giao chẳng thể nghĩ bàn. Tôi tin tưởng chắc chắn là trong vòng năm năm, Lượng Tử Lực Học sẽ rất phổ biến, đây là chuyện tốt, sẽ khiến cho người bình phàm chúng ta sanh khởi tín tâm khôn sánh. Trên địa cầu có lắm tai nạn như vậy, có thể hóa giải những tai nạn ấy hay không? Có thể! Lượng Tử Học đã trao cho chúng ta lý luận, lý luận ấy ở ngay trong kinh Đại Thừa, từ ba ngàn năm trước Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói tới rồi. Xưa nay đều nói như vậy, có thể thấy điều ấy là thật, chẳng giả. Vì thế, chỉ cần thay đổi ý niệm, vấn đề bèn được giải quyết.

      Bởi lẽ, vào nửa sau năm ngoái, tôi xem đĩa CD của bà Lưu Tố Vân. Đó là [một đĩa ghi lại] cuộc săn tin của một ký giả báo chí, chẳng nhằm điều tra bà ta. Người ấy đi săn một tin khác ở miền Đông Bắc, nghe có chuyện lạ lùng như thế này: Một người mắc chứng Hồng Ban Lang Sang nghiêm trọng ngần ấy, nghiễm nhiên không cần thuốc men, cũng chẳng tiêm thuốc, do niệm Phật mà lành bệnh. Cảm thấy lạ lùng, bèn đến phỏng vấn bà ta. Tôi xem cuộc phỏng vấn được ghi hình nửa giờ, đó là gì? Ý niệm, hoàn toàn tương ứng với cách nói của Phật và của các nhà Lượng Tử Lực Học. Bệnh tật nặng nề ngần ấy, bà ta chẳng bận tâm. Chư vị phải biết, nếu nhiễm bệnh, thường bận tâm về căn bệnh, sẽ rất khó lành, cuối cùng là một con đường chết mà thôi! Người chẳng có bệnh tật, cơ thể rất khỏe mạnh, thường nghĩ chỗ này đau, chỗ kia nhức, chắc chắn sẽ sanh bệnh! Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng, quý vị nghĩ đến bệnh tật mỗi ngày, làm sao chẳng thể không ngã bệnh? Trong quá khứ, tôi có một người bạn, là bạn xuất gia. Thầy ấy xuất gia từ nhỏ, bị quân đội bắt làm lính, không có cách nào khác! Do vậy, theo quân đội đến Đài Loan, thầy ấy mong thoát khỏi quân ngũ để tiếp tục cuộc sống xuất gia. Làm cách nào đây? Tuổi quá trẻ, mỗi ngày bèn nghĩ mình bị bệnh tim nặng. Thầy ấy nghĩ như thế chưa đầy một năm, quả thật, khám sức khỏe thấy bị bệnh tim. Do vậy, [quân đội] cho giải ngũ, thoát khỏi quân đội, nhưng bệnh tim cả đời chẳng lành, hại thầy ấy suốt đời, từ tâm tưởng sanh đấy mà! Khi ấy, chúng tôi tuổi trẻ, chẳng biết đạo lý này trong Phật pháp. Nếu biết đạo lý này, khuyên bảo thầy ấy, hãy khôi phục ý niệm bình thường, chẳng còn nghĩ bị bệnh tim nữa, hằng ngày nghĩ đến A Di Đà Phật, bệnh tim sẽ chẳng còn, bệnh sẽ chẳng đeo theo nữa! Tâm tưởng sự thành! Mỗi ngày nghĩ tới A Di Đà Phật, trong tương lai quý vị sẽ làm Phật! Mỗi ngày nghĩ tới bệnh tật, chắc chắn quý vị sẽ bị bệnh nặng. Phải hiểu đạo lý này!

      Thuở trước, tôi ở Mỹ, rất ít bị bệnh, có một lần bị cảm, đi bác sĩ, bác sĩ là người Hoa, nói chuyện với tôi cũng rất hợp ý. Có một ngày tôi bảo ông ta: “Bệnh lành không phải do thầy thuốc chữa lành”. Ông ta rất kinh ngạc, hỏi vì sao? Tôi nói: “Niềm tin chiếm tới bảy mươi phần trăm, bác sĩ [chữa trị] chiếm ba mươi phần trăm. Người bệnh tin tưởng bác sĩ, bác sĩ tin tưởng người bệnh, bệnh ấy rất dễ chữa lành, tín tâm mà! Nếu bác sĩ hoài nghi người bệnh, người bệnh cũng nghi ngờ bác sĩ, nghi ngờ thuốc thang, bệnh ấy chỉ có nặng thêm, chẳng thể bình phục tốt đẹp được!” Ông ta nghe xong, cảm thấy rất có lý. Đúng là như vậy, chẳng sai chút nào! Tín tâm làm chủ tể hết thảy, giống như hiện thời các nhà Lượng Tử Lực Học rất khẳng định bảo chúng ta: Ý niệm, năng lượng chẳng thể nghĩ bàn, ý niệm làm chủ tể hết thảy. Thậm chí ý niệm có thể thay đổi quỹ đạo của tinh cầu trong vũ trụ, có năng lượng to lớn như thế. Bản thân mỗi cá nhân đều có ý niệm, nhưng vấn đề là phải tập trung, sức mạnh mới lớn. Ý niệm của chúng ta phân tán, suốt ngày suy nghĩ loạn xạ, nên sức mạnh của nó cũng rất yếu ớt; do vậy, tu Định, Định là gì? Định là tập trung ý niệm. Quý vị thấy trong kinh Di Giáo, đức Phật đã nói: *“Chế tâm nhất xứ, vô sự bất biện”* (chế tâm một chỗ, không chuyện gì chẳng làm được). Câu này rất quan trọng. Quý vị có thể tập trung ý niệm, tập trung tại một chỗ, không chuyện gì chẳng làm được. Chúng ta muốn hóa giải hết thảy những tai nạn trên địa cầu, tập trung ý niệm sẽ làm được. Vì thế, kỳ đảo có hiệu quả, chẳng phải là không có hiệu quả. Lúc kỳ đảo, ý niệm phải tập trung thì mới có thể nẩy sanh tác dụng. Nếu ý niệm không tập trung, kỳ đảo sẽ chẳng thể sanh ra hiệu quả. Đều có đạo lý, chẳng phải là mê tín. Do vậy, Hiền Hộ biểu thị Như Lai khéo hộ niệm chư Bồ Tát, dùng gì để khéo hộ niệm? Thiện là tốt nhất, hộ niệm tốt nhất, đối với các vị Bồ Tát này, *“Nhất Thừa nguyện hải, lục tự hồng danh, tam căn phổ bị, vạn loại tề thâu”* (biển nguyện Nhất Thừa, sáu chữ hồng danh, thích hợp khắp ba căn, gồm thâu muôn loài), [dùng] bốn câu này [để “thiện hộ niệm”].

      Thuở tôi còn trẻ, tôi nhớ đã giảng kinh điển Tịnh Độ là bộ Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, tôi tham khảo bản chú giải của pháp sư Quán Đảnh thuộc thời đại Càn Long nhà Thanh trước kia. Trong chú giải, Ngài có nói một câu: Chúng ta gặp khó khăn, cầu Phật, Bồ Tát gia trì, dùng những phương pháp trong Phật giáo để hóa giải tai nạn. Ngài nói: Nghiệp chướng của quý vị rất nặng, hết thảy kinh giáo sám pháp cũng chẳng có cách nào tiêu trừ nghiệp chướng của quý vị được, phương pháp gì cũng đã dùng hết cả rồi, vẫn chẳng thể tiêu trừ, cuối cùng còn có một phương pháp, khẳng định có thể tiêu trừ, phương pháp gì vậy? Một câu A Di Đà Phật, nhất tâm chuyên niệm. Khi ấy, chúng tôi đọc chú giải thấy Ngài viết như vậy, không tin, tuy không phản đối, cũng giới thiệu lời Ngài nói, nhưng chẳng tin tưởng điều ấy, [vì] không liễu giải đạo lý. Sau này, chúng tôi học kinh Hoa Nghiêm, học tập Hoàn Nguyên Quán của Hiền Thủ quốc sư mới hoảng nhiên đại ngộ. Lại thấy Lượng Tử Lực Học hiện đại cũng nói như vậy, ý niệm tập trung, sức mạnh ấy rất lớn, tập trung ở chỗ nào? Tập trung trong một câu A Di Đà Phật, sáu chữ hồng danh, hoặc bốn chữ đều được. Vì sao? Càng đơn giản, hiệu quả càng lớn. Một câu Phật hiệu thật sự hữu dụng. Dùng một câu Phật hiệu để gia trì hết thảy chư Bồ Tát, từ Sơ Phát Tâm cho đến Đẳng Giác. Tâm quý vị một niềm thanh tịnh niệm câu Phật hiệu này, sức mạnh chẳng thể nghĩ bàn. Trong câu Phật hiệu ấy, A Di Đà Phật là gì? Là danh xưng của tự tánh. Đem dịch ra, đấy là tiếng Ấn Độ, tức tiếng Phạn, dịch là Vô Lượng, Phật là Giác Ngộ, [A Di Đà Phật] là Vô Lượng Giác Ngộ, Vô Lượng Giác, Vô Lượng Trí Huệ, Vô Lượng Giác Ngộ. Đó là bản năng trong tự tánh, tự tánh vốn là vô lượng giác. Dùng câu danh hiệu này để khai phát vô lượng trí huệ, vô lượng giác ngộ trong tự tánh của chính mình, tác dụng ấy quá lớn! Thuở đầu chúng tôi học tập kinh giáo, những danh từ thuật ngữ ấy đều rất quen thuộc, vì sao không thể sanh khởi tín tâm? Chúng tôi chẳng tham cứu thấu triệt kinh giáo, mà cũng chẳng có ai giảng rõ ràng, minh bạch cho chúng tôi. Chúng tôi dùi mài kinh giáo chẳng bỏ, tốn ngần ấy năm công phu, dần dần thông hiểu, từ từ giác ngộ, bèn khẳng định, chẳng còn hoài nghi, phương pháp này khởi tác dụng.

      Trong Phật môn, chúng ta niệm A Di Đà Phật, Cơ Đốc giáo niệm Thượng Đế có được hay không? Được! Y Tư Lan giáo (Islam) niệm Chân Chúa, có được hay không? Được! Cùng một đạo lý! Chỉ cần quý vị tập trung ý niệm vào một niệm, sẽ sanh ra năng lượng chẳng thể nghĩ bàn, năng lượng ấy có thể giải quyết hết thảy vấn đề. Do đó, phải hiểu rõ đạo lý, phương pháp chính xác, nhất định chẳng hoài nghi, chẳng mê tín. Hiện tại, rất nhiều người nói tôn giáo là mê tín, chúng ta nghe xong cảm khái ngàn muôn, ai mê tín? Kẻ ấy mê tín. Vì sao nói kẻ ấy mê tín? Quý vị nói tôn giáo là mê tín, tôn giáo là gì, quý vị có biết hay không? Kẻ ấy không biết. Không biết thì xét theo thái độ, quý vị không có tư cách để nói chuyện! Quý vị thiếu tư cách để so sánh, thiếu tư cách để phê bình! Quý vị hiểu rõ ràng, nói nó là đúng hoặc chẳng đúng, quý vị có thể nói được. Quý vị chẳng hiểu rõ ràng, sẽ đúng là mê tín. Tự lầm, lầm người, tội lỗi ấy rất ư là nặng. Định luật nhân quả thuộc vào mười pháp giới; chưa vượt khỏi mười pháp giới, quyết định có nhân quả, không có cách nào vi phạm định luật nhân quả. Sau khi vượt thoát mười pháp giới, quý vị giác ngộ toàn bộ, hiểu rõ hoàn toàn, chính mình mới thật sự làm chủ tể, bốn chữ Thường, Lạc, Ngã, Tịnh thật sự làm được, cho nên có Chân Ngã. Thân thể này là Giả Ngã, chẳng phải là Chân Ngã. Sau khi minh tâm kiến tánh, đã tìm được Chân Ngã. Định nghĩa của Ngã là tự tại, là chủ tể. Quý vị thật sự có thể làm chủ. Hiện tại, chúng ta chưa thể làm chủ. Nếu có thể làm chủ, mỗi năm ta đều là mười tám tuổi, đấy mới thật sự là làm chủ! Mỗi năm một già yếu hơn, tức là chưa làm chủ được. “Tôi mỗi ngày vui sướng lắm”, quý vị chẳng làm được! Ngã có nghĩa là chủ tể. Kiến tánh, chủ tể hiện tiền, quý vị thật sự có thể làm chủ. Vì thế, cuối cùng nói: *“Chánh thị Hiền Hộ chi nghĩa”* (Chính là ý nghĩa của Hiền Hộ). Biển nguyện Nhất Thừa, sáu chữ hồng danh, thích hợp khắp ba căn, gồm thâu vạn loại, mười sáu chữ ấy đã bao gồm toàn bộ nội dung kinh Vô Lượng Thọ. Thích Ca Mâu Ni Phật triệu tập pháp hội này, giảng khóa học này, giảng những điều gì? Chính là giảng mười sáu chữ ấy. Đặc biệt là Nhất Thừa rất lỗi lạc. Nhất Thừa là thành Phật, đạt đến viên mãn rốt ráo.

      Chúng ta lại xem tiếp: *“Hựu Thiện Tư Duy, biểu chánh trí minh liễu, thâm tín Phật huệ, tịnh biểu Pháp Tạng nhân địa ngũ kiếp tư duy, kết đắc đại nguyện chi thắng nhân”* (Thêm nữa, Thiện Tư Duy biểu thị chánh trí minh liễu (hiểu trọn vẹn rõ ràng), tin sâu Phật huệ, lại còn biểu thị: Ngài Pháp Tạng lúc còn tu nhân, tư duy trong năm kiếp, kết thành thắng nhân đại nguyện). Do vậy, danh hiệu đều nhằm biểu thị pháp, tượng trưng cho chánh trí sáng tỏ. Chánh trí không do bên ngoài mà có, mà chính mình vốn sẵn có, như đức Phật đã nói: *“Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ của Như Lai”*, đấy là chánh trí. Trí huệ của chúng ta không sáng tỏ, có chướng ngại, thứ gì chướng ngại? Vọng tưởng là tầng chướng ngại thứ nhất, phân biệt là tầng chướng ngại thứ hai, chấp trước là tầng chướng ngại thứ ba. Do ba tầng chướng ngại, trí huệ của chúng ta chẳng thể thấu lộ, trí huệ chẳng có. Thật ra, đó là thật, chẳng giả, vì sao trí huệ chẳng thể thấu lộ? Sau khi trí huệ xuyên qua ba thứ chướng ngại ấy, nó cũng tỏ lộ, nhưng tỏ lộ thành gì? Đã bị biến chất, biến thành gì? Biến thành phiền não. Vì thế, trong kinh, đức Phật đã nói rất hay: *“Phiền não tức Bồ Đề, sanh tử tức Niết Bàn”*, lời này rất vi diệu. Phiền não và trí huệ là một chuyện, khi không mê, nó được gọi là trí huệ; khi đã mê bèn gọi là phiền não. Do vậy, có thể đoạn phiền não hay không? Chẳng thể đoạn. Phiền não đã đoạn, trí huệ chẳng còn! Chúng là hai mặt của một Thể. Do vậy, lời chánh thuyết trong kinh Phật là: *“Chuyển phiền não thành Bồ Đề”*, phải chuyển biến nó, chẳng thể đoạn nó. Vì nó là Tánh Đức trong tự tánh, quý vị chẳng thể đoạn được, nó vĩnh viễn tồn tại, chẳng sanh, chẳng diệt, nhưng nó có mê và ngộ, mê là phiền não, ngộ là trí huệ.

      Chỉ có chánh trí sáng tỏ, quý vị mới tin sâu Phật huệ. Phật là người chứng đắc minh tâm kiến tánh, vì sao? Ngài chẳng có phiền não, hoàn toàn chuyển biến thành trí huệ, quý vị tin tưởng Ngài. Chúng ta chưa chuyển được, vẫn là phiền não, chẳng chuyển thành Bồ Đề. Sau khi chúng ta đã chuyển được, sẽ giống như các Ngài, Phật Phật đạo đồng, không tăng, không giảm. Vì vậy, Phật pháp vĩnh viễn là pháp bình đẳng. Trí huệ của Phật là trí huệ của chính chúng ta, đã hiểu rõ, chẳng còn chướng ngại nữa! Nói theo phía Phật, phiền não của chúng ta chính là trí huệ của Phật, do trong ấy có chướng ngại, nên trí huệ bị biến chất, chuyện là như thế đó! Biến chất là nhất thời, là tạm thời, chẳng phải là vĩnh hằng, rất dễ khôi phục bình thường. Khôi phục bình thường sẽ chẳng hai, chẳng khác với Phật; vì thế, Phật tôn trọng phàm phu, chẳng có mảy may tâm lý khinh mạn. Trong mắt Phật, hết thảy chúng sanh đều giống như Ngài, chẳng hai, chẳng khác. Chỉ cần quý vị giác ngộ, chỉ cần quý vị chịu buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, quý vị sẽ giống như Ngài. Vì thế, tin sâu Phật huệ rất khó khăn, chúng tôi huân tập kinh giáo một thời gian lâu như thế mới dần dần thông hiểu, chẳng còn có mảy may hoài nghi!

      Về phương diện biểu pháp thì sao? Ngài cũng hiển thị *“Pháp Tạng nhân địa”*, Pháp Tạng Bồ Tát là kiếp xưa của A Di Đà Phật. Trước khi Ngài thành Phật, trong quá trình tu hành, Ngài có pháp hiệu là Pháp Tạng, tức tỳ-kheo Pháp Tạng, hoặc Pháp Tạng Bồ Tát. Trong khi tu nhân, Ngài đã tu bao lâu? Năm kiếp, *“ngũ kiếp tư duy”*, hai chữ [tư duy] trọng yếu, Ngài nghĩ tới gì? Nghĩ tới thế giới Cực Lạc, tư duy năm kiếp, suy nghĩ thành công, thế giới Cực Lạc hiện tiền. Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng, chẳng phải là đạo lý như vậy ư? Nay chúng ta hiểu rõ, chúng ta có nhiều đồng học ngần ấy, nếu quý vị hiểu được thâm ý hàm tàng trong câu này, A Di Đà Phật lại còn chứng minh cho quý vị, thế giới Cực Lạc thật sự do Ngài tưởng ra, từ trong Không sanh ra Có. Nếu chúng ta có thể sử dụng thời gian năm mươi năm, dùng thời gian một trăm năm để suy tưởng, suy tưởng khiến cho địa cầu khôi phục bình thường giống như thế giới Cực Lạc; có thể thành công hay không? Chắc chắn có thể thành công. Chỉ có một niệm, chẳng thể có niệm thứ hai. Niệm thứ hai là xen tạp, phá hoại niệm này. Cùng một đạo lý giống như vậy, chúng ta chỉ có một niệm thanh tịnh, nghĩ thân tâm của chính mình mạnh khỏe, có thể đạt được thân tâm khỏe mạnh hay không? Có thể! Thế gian có pháp hay không? Không có pháp, pháp gì cũng không có. Hễ có thì là gì? Có thì là tâm thái, là ý niệm. Vì thế, các nhà khoa học ngày nay bảo: Tất cả các hiện tượng vật chất trong thế gian đều do ý niệm tích lũy liên tục phát sanh huyễn tướng, được gọi là vật chất. Trên thực tế, không có vật chất, bất cứ vật chất gì cũng có thể trở về năng lượng, các khoa học gia đã đưa ra [luận điểm] này rất sớm. Vật chất và năng lượng có thể chuyển biến thành lẫn nhau, họ đưa ra một học thuyết như vậy. Hiện thời, Lượng Tử giảng rõ ràng hơn, hết thảy vật chất đều là ý niệm tích lũy. Một ý niệm tốt, một ý niệm thuần tịnh, thuần thiện, khi hiển lộ sẽ là thế giới Cực Lạc.

      Hiện thời, xã hội rối ren ngần ấy, tai nạn trên địa cầu nhiều ngần ấy, do gì? Do ý niệm bất thiện, tự tư tự lợi, tham, sân, si, mạn, tổn người, lợi mình, đều do những ý niệm ấy. Người trên cả thế giới đều có những ý niệm như thế, đó là ý thức của tập thể, sức mạnh to lớn, sức mạnh ấy có thể hủy diệt địa cầu. Chúng ta đã hiểu rõ đạo lý này, muốn cứu vớt địa cầu này thì phải chuyển biến ý niệm. Một số ít người chuyển được thì cũng có thể sanh ra hiệu quả chẳng nghĩ bàn. Khoa học gia đã cung cấp một vài con số, đối với số lượng con người trên toàn thế giới, lấy căn bậc hai của một phần trăm con số ấy, sẽ chưa tới tám ngàn người, không phải là tám ngàn vạn, mà là tám ngàn người. Cũng có nghĩa là trên thế giới này, nếu có tám ngàn người tập trung ý niệm, chuyển biến tâm thái thành tốt đẹp nhất, thiện nhất, sẽ có thể hóa giải tai nạn trên thế giới này. Chúng ta có thể tin tưởng [điều ấy] hay không? Hiện thời, cư dân trên địa cầu là sáu mươi ức, [thế mà] tám ngàn người có thể cứu [toàn thể cư dân trên địa cầu], quý vị có tin hay không? Người đông như thế làm chuyện xấu, tám ngàn người tốt có thể cứu! Tôi tin tưởng, dựa vào đâu để tin tưởng? Tổ tông chúng ta có nói: *“Tà chẳng thắng chánh”*, con người đa số là tà tri tà kiến, tám ngàn người ấy chánh tri chánh kiến, tôi tin tưởng câu ấy, tà chẳng thắng chánh. Phải phát chân tâm, chẳng có chính mình, hễ thêm một chút tâm tự lợi mình vào đó là không được, sẽ là vọng tâm. Chúng ta dùng chân tâm, làm thế nào để biến vọng tâm thành chân tâm? Bốn câu ấy hay lắm: *“Nhất Thừa nguyện hải, lục tự hồng danh, tam căn phổ bị, vạn loại tề thâu”*, mười sáu chữ ấy quá hay! Trọng yếu nhất là học theo A Di Đà Phật, Nhất Thừa nguyện hải trong khi tu nhân, Nhất Thừa là thành Phật, đạt đến rốt ráo viên mãn. Thế giới Cực Lạc do mười sáu chữ ấy tu thành, thiện tư duy đấy! Dùng thời gian năm kiếp [để tư duy], rốt cuộc xuất hiện thế giới Cực Lạc. *“Kết đắc đại nguyện chi thắng nhân”*, cái nhân thù thắng khôn sánh! Do vậy, thế giới Cực Lạc là quả báo thù thắng khôn sánh!

*“Huệ Biện Tài”* Bồ Tát, *“biểu minh tín Phật huệ, biện tài vô ngại, tức kinh trung”* (Huệ Biện Tài biểu thị tin hiểu Phật huệ, biện tài vô ngại như trong kinh) đã nói: *“Diễn từ biện, thọ pháp nhãn, thường dĩ pháp âm giác chư thế gian chi nghĩa”* (các ý nghĩa “diễn nói từ vô ngại biện tài, trao truyền pháp nhãn, thường dùng pháp âm giác ngộ các thế gian”). Mấy câu kinh văn này, trong phần sau sẽ được nói đến. Sở dĩ, trong xã hội hiện thời, chúng ta trong hết thảy thời, hết thảy chốn, chẳng bị cảm nhiễm, còn có thể gìn giữ cái tâm thanh tịnh của chính mình, hiểu rõ trí huệ, là do cậy vào đâu? Cậy vào kinh giáo. Tôi tin tưởng các đồng học có cùng cảm nghĩ với tôi, sự vui sướng nhất trong một ngày của chúng ta là gì? Khi cùng nhau học tập kinh giáo, vui sướng khôn sánh! Thầy Phương bảo tôi: *“[Học Phật là] sự hưởng thụ cao nhất trong đời người”*, chúng tôi mới hiểu Thích Ca Mâu Ni Phật suốt ngày giáo học, vui sướng khôn sánh. Thật vậy, chẳng giả! Ngài giáo học chưa hề chẳng gián đoạn, một người Ngài cũng dạy, hai người Ngài cũng dạy, không câu nệ số người bao nhiêu, chẳng có thời gian nhất định, chẳng có nơi chốn nhất định, thấy người [tìm đến học] Ngài bèn dạy, chẳng bỏ sót một ai. Đó là bậc thầy khuôn mẫu, là giáo viên điển hình, một vị thầy tốt đẹp! Toàn tâm toàn ý dạy quý vị, chẳng có mảy may tự tư tự lợi, chẳng có! Giúp quý vị khai ngộ, minh tâm kiến tánh, trở về tánh đức. Quý vị thấy sung sướng lắm chứ! Trong giáo lý Đại Thừa, đức Phật thường nói: “Bồ Tát ở chỗ nào đều khiến cho hết thảy chúng sanh sanh tâm hoan hỷ”, pháp hỷ sung mãn. Thật đấy, chẳng giả tí nào!

      Tiếp đó: *“Quán Vô Trụ, kiến Đường dịch, Ngụy dịch tác Không Vô”* ([Danh xưng] Quán Vô Trụ thấy ghi trong bản dịch đời Đường, bản dịch đời Ngụy ghi là Không Vô). Bản Khang Tăng Khải và trong kinh Đại Bảo Tích đều dịch là Không Vô, có cùng ý nghĩa với Quán Vô Trụ. *“Biểu kinh trung: Thí thiện huyễn sư, hiện chúng dị tướng, ư bỉ tướng trung, thật vô khả đắc”* (Biểu thị ý nghĩa sau đây trong kinh: “Ví như người khéo làm huyễn thuật, hiện các tướng lạ, nhưng các tướng ấy thật sự chẳng thể có được”). Đây là kinh văn trong phần sau, chúng tôi cũng dành lại để giảng sau. Đoạn kinh văn ấy ý vị vô cùng. *“Diệc biểu Pháp Tạng vĩnh kiếp nhân hạnh, thuyết Không, Vô Tướng, Vô Nguyện chi pháp”* (cũng biểu thị ngài Pháp Tạng bao kiếp tu nhân hạnh, nói các pháp Không, Vô Tướng, Vô Nguyện). Trong danh hiệu này, cũng biểu thị A Di Đà Phật trong khi tu nhân, năm kiếp tu hành, đó là nhân hạnh (hạnh được tu tập trong khi tu nhân); nói Không, Vô Tướng, Vô Nguyện, đây cũng là ba pháp ấn trong Đại Thừa Phật pháp, chúng ta dành lại để học tập trong phần sau.

*“Thần Thông Hoa, biểu tùng thần thông lực, tập vạn hạnh chi đức hoa, dĩ tự trang nghiêm, cụ túc phương tiện, thành tựu chúng sanh. Như kinh vân: Du bộ thập phương, hành quyền phương tiện”* (Thần Thông Hoa biểu thị sức thần thông, muôn hạnh kết thành đức hoa để tự trang nghiêm, đầy đủ phương tiện thành tựu chúng sanh như kinh chép: “Dạo chơi mười phương, hành phương tiện quyền biến”), Ngài đại biểu ý nghĩa này. Tự mình thành tựu và giúp đỡ chúng sanh, chẳng thể không có sức thần thông. Sức thần thông có phạm vi rộng lớn vô hạn. Quý vị nhìn chữ Thần (神) này, chúng tôi thường nói văn tự Trung Quốc là phù hiệu trí huệ. Chúng ta thấy bên trái chữ Thần là chữ Thị (示), quý vị xem chữ này viết theo lối chữ Triện sẽ thấy rất rõ ràng. Phía trên là một vạch ngắn nằm ngang, phía dưới là một vạch dài nằm ngang, đó chữ là Thượng viết theo lối chữ Triện thời cổ. Chữ Hạ thì phía trên dài, phía dưới ngắn, đó là chữ Hạ. Phía dưới chữ Thượng có ba vạch sổ xuống, mang ý nghĩa biểu thị các hình tượng trên bầu trời. Nói theo cách bây giờ, tức là hiện tượng tự nhiên. Chữ *“Thị”* tượng trưng hiện tượng tự nhiên, quý vị thấy hiện tượng tự nhiên. Bên phải là chữ Thân (申), chữ Thân viết theo lối chữ Triện sẽ giống như ba cái ải. Ba cửa ải ấy quý vị đều có thể vượt qua, đấy chính là ý nghĩa của chữ Thân. Gộp các ý nghĩa ấy lại, quý vị có thể thông đạt hiện tượng tự nhiên bèn gọi là Thần. Do vậy, đối với hiện tượng tự nhiên trong vũ trụ, quý vị đều biết, đều hiểu rõ, bèn gọi là Thần, mang ý nghĩa ấy. *“Thần”* và *“Thông”*, sự thông đạt ấy mang ý nghĩa tương thông, nên thường cùng nhau khởi tác dụng, vì thế gọi là Thần Thông. Quý vị có thể thông đạt hết thảy các pháp, quý vị có năng lực ấy. Đấy là gì? Đó là trí huệ, chỉ có trí huệ mới có thể thông đạt, tri thức không được. Tác dụng của tri thức chẳng lớn, nó có hạn cuộc, mà còn để lại hậu quả; trí huệ không có [những rắc rối ấy], trí huệ xử lý vấn đề chẳng hạn cuộc, lại còn chẳng để lại hậu quả. Trong thế giới hiện thời, dùng tri thức, chẳng dùng trí huệ. Phàm là người dùng trí huệ, tâm thanh tịnh, tâm Định. Vì thế, trong Phật pháp dùng “long tượng” để biểu tượng [điều ấy]: *“Na Già [[27]](#footnote-28)*[***[14]***](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-48.htm#_ftn14)*thường tại Định, vô hữu bất định thời”* (đức Phật thường trong Định, không lúc nào chẳng định), dùng long tượng để biểu thị. Chúng ta chưa thấy rồng, nhưng đã thấy voi. Chúng ta thấy voi to giống như nhập Định. Nó đứng, bốn phương tám hướng bình ổn; bước đi, chậm rãi, từng bước một, luôn ở trong Định. Đi, đứng, nằm, ngồi, quý vị thấy nó tâm luôn Định, Bồ Tát phải lấy điều đó làm khuôn mẫu, phải thường học theo. Thời thời khắc khắc tâm thanh tịnh, tâm bèn Định. Định sanh Huệ, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, phản ứng là trí huệ, chẳng phải là tri thức.

      Vì thế, con người chớ nên tâm tư lao chao, bộp chộp. Kẻ tâm trí lao chao, bộp chộp, thầy chẳng muốn nhận, vị thầy thật sự truyền đạo chẳng muốn nhận quý vị. Vì sao? Quý vị chẳng học được! Thầy thấy quý vị trầm tĩnh, ổn trọng, ổn định, người này là nhân tài, là pháp khí, thầy sẽ thật sự giúp quý vị. Quý vị không muốn học, thầy cũng tìm cách khiến cho quý vị học. Vì sao? Thầy vì truyền đạo, chẳng phải vì một ai! Quan trọng là chánh pháp đại đạo phải có người tiếp nhận, truyền thừa, điều này là quan trọng! Gặp người như thế, thầy chắc chắn chẳng vứt bỏ, phải thành tựu kẻ ấy, tuy kẻ ấy chẳng có liên quan gì đến ta, vẫn phải truyền đạo. Đó là đại từ đại bi, chịu trách nhiệm đối với chánh pháp, chịu trách nhiệm đối với hết thảy chúng sanh. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tới đây. Ngày mai chúng ta học từ Quang Anh Bồ Tát.

**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**

**Phần 48 Hết**

# Tập 97

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giảo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

      Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm mười hai, dòng cuối cùng, xin xem từ chỗ đó.

*“Quang Anh, biểu quang minh anh phát. Hựu kinh trung Vô Lượng Quang, Vô Biên Quang, Vô Ngại Quang đẳng, quang trung cực tôn, thị Quang Anh nghĩa”*(Quang Anh biểu thị quang minh chiếu rực.Lại nữa, các câu “Vô Lượng Quang, Vô Biên Quang, Vô Ngại Quang v.v... tôn quý nhất trong các quang minh” trong kinh là ý nghĩa của chữ Quang Anh). Trong mười sáu vị tại gia Bồ Tát, Quang Anh là vị thứ sáu. Vị Bồ Tát thứ sáu là Quang Anh biểu thị quang minh chiếu rực. Trong kinh này, xưng tán A Di Đà Phật là *“Vô Lượng Quang, Vô Biên Quang, Vô Ngại Quang”*, cuối cùng nói *“quang trung cực tôn, Phật trung chi vương”* (quang minh tôn quý nhất, là vua trong các vị Phật), đây là lời chư Phật Như Lai tán thán A Di Đà Phật, tán thán đến tột bậc. Quang cũng tượng trưng cho trí huệ, biểu thị Tánh Đức trong tự tánh của chúng ta.

      Vị kế tiếp là *“Bảo Tràng (kiến Đường dịch, Ngụy dịch tác Trí Tràng), biểu trí huệ thù thắng do như bảo tràng”* (Bảo Tràng (danh xưng này thấy trong bản Đường dịch, bản Ngụy dịch ghi là Trí Tràng), biểu thị trí huệ thù thắng giống như tràng báu), quá nửa đều là tán thán trí huệ Bát Nhã vốn có trong tự tánh, mà cũng là tán thán đức năng và tướng hảo. Tánh Đức vô lượng, vô biên, khi đức Phật giới thiệu [các Tánh Đức] bèn quy nạp chúng thành ba loại lớn. Vô lượng đức năng nói chung chẳng ngoài trí huệ và đức tướng (đức năng và tướng hảo).

*“Trí Thượng, kiến Đường dịch, Ngụy dịch”* (Danh xưng Trí Thượng thấy ghi trong bản Đường dịch, [nhưng trong] bản Ngụy dịch), danh hiệu Bồ Tát được dịch là Huệ Thượng, biểu thị *“vô đẳng, vô luân, tối thượng thắng trí, oai đức quảng đại bất tư nghị trí”* (trí không gì sánh bằng, trí thù thắng tối thượng, trí oai đức rộng lớn chẳng thể nghĩ bàn), đây là lời tán thán năm thứ trí huệ của Vô Lượng Thọ Phật trong kinh. Nói tóm lại, *“như thị vô thượng diệu trí, siêu xuất nhất thiết, cố danh Trí Thượng”*(diệu trí vô thượng vượt trỗi hết thảy như thế, nên gọi là Trí Thượng). Trong năm thứ trí, trí cuối cùng là *“oai đức quảng đại bất tư nghị trí”*, tán thán đến tột bậc. Qua những lời tán thán A Di Đà Phật trong kinh, chúng ta bèn hiểu [những câu tán thán ấy chính là] tán thán Tánh Đức trong tự tánh. Mỗi chữ, mỗi câu trong bộ kinh Vô Lượng Thọ hoặc Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh đều nhằm tán thán Tánh Đức chẳng thể nghĩ bàn, có thể tán thán trọn hết hay không? Tán thán chẳng cùng tận, đây là lời thật! Dẫu cho mười phương hết thảy chư Phật Như Lai dùng thời gian vô lượng kiếp cùng nhau tán thán vẫn chẳng thể nói trọn hết; bởi lẽ, công đức trong tự tánh thật sự chẳng thể nghĩ bàn. Trong kinh, đức Phật thường dạy chúng ta, chuyện này chỉ có chứng mới biết, chúng ta thật sự chứng đắc sẽ hiểu. Chưa chứng đắc, không có cách nào tưởng tượng, nghĩ chẳng ra, mà cũng chẳng nói được! Nói thật ra, người chứng đắc cũng chẳng có cách nào nghĩ bàn. Giúp đỡ hết thảy chúng sanh là hoằng pháp lợi sanh, để giúp hết thảy chúng sanh thì cũng có thể nói chút phần, hy vọng là từ chút phần ấy, người đó sẽ tự có thể tu, có thể chứng, khi chứng đắc sẽ hiểu viên mãn.

      Vị tiếp theo là Tịch Căn, sách Hội Sớ giải thích: “*Tịch diệt cảnh trí, chư căn thanh tịnh, cố danh Tịch Căn”* (cảnh trí tịch diệt, các căn thanh tịnh, nên gọi là Tịch Căn). Tịch là nói tới Định, tự tánh vốn định. Lục Tổ Huệ Năng đại sư khi kiến tánh đã nói: *“Nào ngờ tự tánh, vốn chẳng lay động”*, câu này là nói tự tánh vốn định, có lay động hay không? Chẳng có! Lay động thì chẳng phải là tự tánh. *“Một niệm bất giác bèn có vô minh”*, đã bị lay động rồi! Vì sao có một niệm bất giác? Một niệm bất giác ấy phát sanh khi nào? Trong giáo pháp Đại Thừa, câu hỏi này được gọi là *“căn bản đại vấn”* (câu hỏi to lớn căn bản). Đức Phật dạy chúng ta: Chuyện này chẳng có nguyên nhân, mà cũng chẳng có thời gian, và cũng chẳng có không gian. Nếu quý vị hỏi khi nào thì có, đức Phật [trả lời bằng cách] dùng một danh từ hết sức xảo diệu, “hễ hơi động một chút bèn là vô minh”, đức Phật gọi hiện tượng ấy là *“vô thỉ vô minh”*, hai chữ Vô Thỉ hay khéo đến tột bậc! Khi chúng tôi mới học Phật, ngỡ đức Phật nói hai chữ ấy thì đại khái [có nghĩa là] thời gian đã quá lâu chẳng thể nói được, dù chúng ta nói ngàn vạn năm, ức vạn năm, ức triệu vạn năm, nói chung là vẫn chẳng thể diễn tả được, nên mới nói là “vô thỉ”. Chúng tôi đã hiểu sai ý nghĩa, “vô thỉ” chẳng mang ý nghĩa ấy. Dẫu thời gian dài đến mấy đi nữa, đức Phật vẫn có thể nói được; nếu nói không được, làm sao có thể gọi Phật là Nhất Thiết Trí? Vô thỉ có ý nghĩa rất đơn giản: Không có khởi đầu nên gọi là vô thỉ, khéo quá, tuyệt khéo! Cớ sao không có khởi đầu? Rõ ràng là có khởi đầu! Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, lục đạo luân hồi do đâu mà có? Chẳng phải là từ vô thỉ biến hiện ư? Tuy biến hiện, vì nó chẳng phải là thật, nên giống như chúng ta nằm mộng, mỗi cá nhân chúng ta đều có kinh nghiệm nằm mộng, trong mộng có vô lượng vô biên cảnh giới. Quý vị thường nằm mộng, có hai giấc mộng giống hệt nhau hay không? Không có, chưa từng có hai giấc mộng giống hệt nhau. Cũng có khi có hai giấc mộng khá giống, đó là giấc mộng thuộc loại cảm ứng, có thể mộng thấy cùng một chuyện, đó là do cảm ứng. Chứ đối với những giấc mộng thông thường, chẳng thể nào có hiện tượng giống nhau. Vậy thì tôi hỏi quý vị, giấc mộng của quý vị nẩy sanh lúc mấy giờ, mấy phút? Quý vị cũng chẳng nói được! Nếu quý vị hỏi Phật, Phật dạy đó là nằm mộng vô thỉ, vì sao? Nó là giả, chẳng thật, nên đức Phật gọi nó là vô thỉ vô minh. Vì sao có hiện tượng này? Đã mê! Hễ giác sẽ chẳng có hiện tượng này, khi mê bèn có hiện tượng ấy. Giống như một người làm việc đã lâu, rất mệt, khi rất mệt mỏi, mắt sẽ thấy những thứ chẳng bình thường; đó là “hoa mắt”, chẳng phải là quý vị thật sự thấy. Quý vị ngỡ là thấy, nhưng thật ra là do hoa mắt, mệt mỏi. Bất quá, trong khi có hiện tượng như vậy, phàm nhân rất dễ để cho đồng cốt [thỉnh quỷ thần] dựa vào thân mình. Người tinh thần sung mãn, chúng sẽ chẳng dám [léo hánh]. Người đang lúc mệt mỏi tột bậc, chúng rất dễ xâm nhập, mượn thân thể quý vị để dựa xác, sẽ xuất hiện những chuyện đó. Chúng ta hiểu hai chữ “vô thỉ” là không thật, về căn bản, chẳng có chuyện này.

      Vì thế, đức Phật thường dùng mộng cảnh để tỷ dụ lục đạo. Kinh Kim Cang đã nói *“hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng”*, hình dung các hiện tượng. “*Như sương, cũng như chớp”* hình dung thời gian tồn tại của những tướng được hiện ấy hết sức ngắn ngủi, tạm bợ. Ngắn ngủi, tạm bợ đến mức nào? Ngắn ngủi, tạm bợ đến mức sanh diệt đồng thời. Sách Hoàn Nguyên Quán đã giảng rõ ràng về sự thật của hiện tượng này. Chúng ta nói “sanh diệt trong từng sát-na”, nhưng thời gian một sát-na đã là quá dài! Kinh Nhân Vương nói một cái khảy ngón tay có sáu mươi sát-na, đó là đức Phật nói phương tiện, trong một sát-na có chín trăm lần sanh diệt, [nói sanh diệt trong từng] sát-na chẳng phải là quá dài ư? Trong một sát-na có tới chín trăm lần sanh diệt. Nếu chúng ta nghĩ tới cuộc đối thoại giữa Di Lặc Bồ Tát và đức Thế Tôn, Di Lặc Bồ Tát nói: *“Một cái khảy ngón tay có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm”*. Hiện thời chúng ta dùng giây làm đơn vị thời gian, nói chung, trong một giây chúng ta có thể khảy từ bốn đến năm lần. Nếu khảy năm lần, tính theo tốc độ ấy, trong một giây có bao nhiêu lần sanh diệt? Một ngàn sáu trăm triệu. Trong một giây có một ngàn sáu trăm triệu lần sanh diệt, quý vị lý giải hiện tượng sanh diệt này như thế nào? Quá nhanh! Vì vậy, trong giáo pháp Đại Thừa, nói đến rốt ráo, bảo là *“hoạt tại đương hạ”*(sống ngay trong khi ấy). Câu này là thật, chẳng giả tí nào; nó cho thấy thời gian chẳng thật, không gian cũng chẳng thật. Lúc mê, dường như có hiện tượng thời gian và không gian, khi giác ngộ bèn chẳng có! Không có thời gian, nên chẳng có trước, sau, quý vị thấy được toàn bộ quá khứ, hiện tại, vị lai. Chẳng có không gian, nên chẳng có khoảng cách, thế giới Cực Lạc cách chúng ta mười vạn ức cõi Phật, ở nơi đâu? Ở ngay nơi đây. Trong Tam Thời Hệ Niệm, thiền sư Trung Phong đã nói rất ý vị: *“Phương này chính là Tịnh Độ, Tịnh Độ chính là phương này”*, Tịnh Độ là thế giới Cực Lạc, thế giới Cực Lạc ở nơi đâu? Ở ngay nơi chúng ta đây! Nơi này chính thế giới Cực Lạc. Câu này có ý nghĩa nhằm nói với quý vị: Không có thời gian và không gian! Trong Nhất Chân pháp giới, không có thời gian và không gian. Do vậy, Tịch là tự tánh vốn định. Diệt là diệt điều gì? Trong Phật pháp nói tới ba loại phiền não lớn, tức là Vô Minh phiền não, Trần Sa phiền não, và Kiến Tư phiền não, chúng đều bị tiêu diệt, đều chẳng còn nữa. Đó là cảnh giới gì? Tối thiểu phải là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai. Đại chúng trong ấy, ai nấy đều đoạn sạch ba loại đại phiền não, cũng giống như kinh Hoa Nghiêm thường nói *“chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước”*, đều đạt tới cảnh giới ấy, đó là *“tịch diệt cảnh trí”*, tâm thanh tịnh tịch diệt, trí huệ hiện tiền. Tâm thanh tịnh giống như một tấm gương, có thể chiếu trọn khắp pháp giới hư không giới, dẫu vi tế đến mấy, chẳng hạn như “lượng tử” đang được nói đến trong hiện thời, người ấy đều thấy rõ ràng, rành rẽ. Bản năng và trí huệ trong tự tánh được diễn tả bằng câu *“pháp nhĩ như thị”* (pháp vốn là như vậy đó). Các căn thanh tịnh, nên gọi là Tịch Căn, biểu thị ý nghĩa này.

*“Chân Giải vân: Cảnh trí tịch diệt, căn bản nghiêm tịnh, vân Tịch Căn”* (sách Chân Giải giảng: “Cảnh trí tịch diệt, căn bản nghiêm tịnh, gọi là Tịch Căn”), cũng chẳng giải thích khác với ý nghĩa trong phần trước cho mấy. Về căn bản đều là nói tới tự tánh. Nghiêm là trang nghiêm, Tịnh là thanh tịnh, [nghiêm tịnh là] trang nghiêm thanh tịnh, nên có đức hiệu là Tịch Căn. Nhìn vào đức hiệu này, [mười sáu vị tại gia Bồ Tát] toàn là Pháp Thân Bồ Tát, Đẳng Giác Bồ Tát. *“Kim cứ bổn kinh trung Chân Thật Công Đức phẩm vân: Cứu cánh Bồ Tát chư Ba La Mật, nhi thường an trụ bất sanh bất diệt chư tam-ma-địa. Chánh biểu Tịch vi căn bản, chiếu dụng vô cùng, Chiếu nhi thường Tịch, cố biểu thọ mạng vô lượng”*(nay căn cứ theo phẩm Chân Thật Công Đức trong kinh này có nói: “Rốt ráo các Ba La Mật của Bồ Tát, thường an trụ trong các Chánh Định bất sanh bất diệt”. Điều ấy biểu thị Tịch là căn bản, chiếu có tác dụng vô cùng. Chiếu nhưng thường Tịch, nên thọ mạng vô lượng). Phần trước (tức cách giải thích của sách Hội Sớ) biểu thị trí huệ vô lượng, phần này (tức lời giải thích của sách Chân Giải) biểu thị thọ mạng vô lượng. Đây là nói theo đức, [tức là] nói theo phương diện Tánh Đức. Trong vô lượng vô biên đức năng, thọ mạng là đệ nhất. Nếu không có thọ mạng, hết thảy đều như không. Có thọ mạng, quý vị mới có thể hưởng thụ, Tánh Đức mới có thể khởi tác dụng. Không có thọ mạng, sẽ chẳng khởi tác dụng. Nói đến thọ dụng thì ai đang thọ dụng? Ngã! Chẳng phải là thân này, mà là Chân Ngã xuất hiện. Chân Ngã là gì? Linh tánh là tự tánh, tự tánh mới là Chân Ngã. Tự tánh có thể sanh ra vạn pháp, tự tánh trọn đủ vô lượng trí huệ và đức năng. Chúng ta học Phật thì mục tiêu cuối cùng của học Phật là gì? Là tìm lại Ngã, tìm lại Chân Ngã! Đừng chấp trước Giả Ngã nữa, chúng ta phải tìm lại Chân Ngã. Giả Ngã ở trong Chân Ngã, giống như Chân Ngã là toàn bộ thân thể, còn Giả Ngã là gì? Giả Ngã là một sợi lông trên thân, hoặc một tế bào nơi thân. Nay chúng ta quên khuấy, quên bẵng Chân Ngã, coi một sợi lông là Ngã, coi một tế bào là Ngã, chuyện là như thế đó! Trong hội Lăng Nghiêm, Thích Ca Mâu Ni Phật đã lấy biển cả làm tỷ dụ, sánh ví biển cả như tự tánh, lũ chúng sanh ta đông đảo chúng là gì? Là trong biển cả nổi lên một bọt nước, sóng vừa cuộn sẽ có rất nhiều bọt. Chấp trước một bọt nước là ta. Khi nào bọt nước vỡ tan, mới biết biển cả là Ngã, bọt nước là Giả Ngã, biển cả là Chân Ngã, mới biết tự tánh là Chân Ngã. Từ tự tánh dấy lên hiện tượng, giống như biển cả dấy lên bọt nước. Đã nhận ra biển cả, mới biết vạn sự vạn pháp trong khắp pháp giới hư không giới đều là ta, chẳng còn phân biệt nữa, đó mới là thật sự giác ngộ. Cây cối, hoa, cỏ, núi, sông, đại địa có quan hệ gì với chính mình? Ngã! Chân Ngã!

      Cũng giống như nằm mộng, trong giấc mộng, mộng thấy chính mình, cũng mộng thấy rất nhiều người, cũng mộng thấy cây cối, hoa, cỏ, cũng mộng thấy núi, sông, đại địa, do đâu mà có? Toàn là do ý thức biến hiện. Lìa khỏi ý thức, quý vị chẳng có mộng, lấy đâu ra mộng? Khi ngủ, ý thức khởi tác dụng. Khi ngủ, thân thể vật chất giống như được nghỉ ngơi, nhưng tinh thần chẳng nghỉ ngơi, nó vẫn khởi tác dụng. Khi nào tinh thần được nghỉ ngơi? Nhập Định. Vì thế, nhập Định là tinh thần được nghỉ ngơi. Tinh thần được nghỉ ngơi thì thân thể cũng nghỉ ngơi trong trạng thái nhập định, chẳng phải là nhập định thì không được nghỉ ngơi. Do vậy, nếu chúng ta muốn giữ gìn sức khỏe, muốn thân thể khỏe mạnh, điều quan trọng nhất là tinh thần được nghỉ ngơi. Từ xưa tới nay, người hiểu đạo dưỡng sinh đã biết tĩnh tọa vào lúc sáng tối, chẳng cần một thời gian dài, từ năm phút đến mười lăm phút là đủ rồi, ngồi ở nơi đó. Thức dậy bèn ngồi trên giường, điều gì cũng chẳng nghĩ tới, khiến cho thân lẫn tâm đều được nghỉ ngơi, điều này có ích rất lớn khiến cho thân thể khỏe mạnh. Ngồi xếp bằng hay không chẳng sao, cứ ngồi theo lối thông thường là được rồi, chỉ cần buông ý niệm xuống, chuyện khẩn yếu nào cũng đều chẳng nghĩ tới. Đấy là một phương pháp hết sức tốt theo đạo lý dưỡng sinh, tương thông với ý nghĩa Tịch Căn trong kinh Phật đã nói. Chớ thấy thời gian rất ngắn [mà coi thường], rất hữu dụng, vì từ trước đến nay quý vị chưa hề nghỉ ngơi. Có thể nghỉ ngơi trong mấy phút, sẽ cảm thấy rất thù thắng.

      Tiếp theo là *“Tín Huệ, Hội Sớ vân: Tín tâm trí huệ, vĩnh đoạn nghi võng”* (Tín Huệ, sách Hội Sớ viết: “Tín tâm trí huệ, vĩnh viễn dứt lưới nghi”). Nói theo thế gian hay xuất thế gian, hai câu này đều vô cùng trọng yếu, đạo của thánh hiền thế gian, hay đại đạo xuất thế gian của Phật, Bồ Tát. Trong kinh luận thường nói: *“Phật pháp đại hải, tín vi năng nhập”* (Biển cả Phật pháp, do lòng tin mà có thể vào). Chúng ta học Phật đã ngần ấy năm, có nhập hay không? Chẳng nhập! Vì sao chẳng nhập? Chúng ta tự nghĩ chính mình có tín tâm, ta đã tin Phật, ta là đệ tử chánh tín của Phật. Thật ra, chưa hiểu rõ ràng đạo lý chân thật trong Phật pháp! Chẳng thể nói là không tin, nhưng chẳng thể nói là đã hoàn toàn tin! Trong lòng tin ấy, vẫn còn cả đống dấu hỏi chưa thể giải quyết, chúng ta thường nói là “bán tín bán nghi”. Chúng ta ở trong tình trạng như vậy, cho nên học Phật nhiều năm, chẳng thể thọ dụng! Đối với chuyện này, có phương pháp nào để có thể giúp chúng ta hay không? Chẳng thể, chẳng có cách nào! Phật có đến cũng chẳng có cách nào! Trong không có biện pháp, Phật vẫn có biện pháp, Phật có pháp phương tiện. Pháp phương tiện là giảng kinh, quý vị phải nghe nhiều, nghe thường xuyên, nghe chẳng gián đoạn, nói chung sẽ có ngày quý vị hoảng nhiên đại ngộ, vĩnh viễn cắt đứt lưới nghi, tín tâm xuất hiện. Nếu không trải một thời gian rất dài, tín tâm chẳng dễ gì thành tựu. Có những người học Phật chưa bao lâu, tín tâm đã thành tựu, là do trong đời quá khứ, người ấy có thiện căn sâu dầy, chúng ta chẳng sánh bằng, thiện căn trong đời quá khứ mà! Học Phật trọn chẳng phải là một đời này, trong quá khứ tín tâm chưa sâu dường ấy, nửa tin, nửa ngờ, đời này gặp gỡ [Phật pháp] vẫn là bán tín bán nghi. Nhưng nếu có cơ hội như thế, nghe kinh mỗi ngày, học tập mỗi ngày, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, khi nào quý vị sẽ vĩnh viễn cắt đứt lưới nghi? Duyên phận mỗi người mỗi khác! Có người thiện căn dầy, hai ba năm, tín tâm đã thành tựu. Có kẻ mười năm, tám năm, hai mươi năm, ba mươi năm không chừng! Cũng có người suốt đời vĩnh viễn vẫn thuộc giai đoạn bán tín bán nghi, rất nhiều! Chúng ta tiếp xúc các đồng tu, quý vị hãy lắng lòng quan sát, sẽ có thể nhìn ra. Chúng ta cũng có thể nói *“một phần tín tâm bèn có một phần thành tựu, mười phần tín tâm bèn có mười phần thành tựu”.* Do vậy, *“tín vi đạo nguyên, công đức mẫu, trưởng dưỡng nhất thiết chư thiện căn”* (tín là nguồn đạo, mẹ công đức, nuôi lớn hết thảy các thiện căn), lời ấy có lý lắm! Tín Huệ Bồ Tát biểu thị pháp này, đối với pháp thế gian và xuất thế gian mà có thể thành tựu trong một đời thì điều thứ nhất là tín tâm!

      Tôi học Phật, nói thật ra, chẳng phải là kẻ có tín tâm rất mạnh mẽ, tôi cũng là kẻ bán tín bán nghi. Tôi tin thầy, thật sự đắc lực là nhờ vào đó. Từ thuở bé, cha mẹ đã dạy tôn sư trọng đạo. Thuở ấy, đâu biết trọng đạo là gì, chỉ là tôn sư, phải tôn trọng thầy, phải nghe lời, thầy dạy làm sao bèn làm như vậy, chẳng dám chống trái, từ nhỏ đã học điều này. Sau này học Phật, điều ấy khởi tác dụng rất lớn. Tôi gặp gỡ ba vị thiện tri thức, họ đồng ý dạy tôi là nhờ vào đâu? Nhờ tôi có chút lòng cung kính thầy nên thầy chịu dạy! Hiện thời, nói thật ra, người học Phật rất nhiều, đặc biệt là những kẻ trẻ tuổi chẳng có lòng cung kính thầy! Vì sao? Đối với cha mẹ, họ đều chẳng cung kính, làm sao có thể cung kính thầy? Thành tựu trong học tập đúng là đời sau kém đời trước! Quý vị phải truy cứu vì sao? Nguyên nhân ở chỗ nào? Nguyên nhân là đối với đạo, đối với thầy, đối với nghiệp (tức học nghiệp của quý vị), tâm cung kính chẳng bằng đời trước! Hiện thời, tâm cung kính mỗi đời một kém hơn! Nói cách khác, chắc chắn là sự thành tựu của mỗi đời một kém hơn; nhưng chúng ta chớ nên nản chí, nếu nghiệp chướng của chúng sanh tiêu tan kha khá, chư Phật, Bồ Tát sẽ đến, sẽ đến thị hiện. Giống như Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện trên thế gian, chư Phật, Bồ Tát nhiều ngần ấy cũng đều thị hiện. Các Ngài thông hiểu, biết hiếu thuận với cha mẹ, biết tôn sư trọng đạo, sẽ có thể nêu gương cho mọi người thấy. Đó là gì? Nghiệp chướng của chúng sanh đã tiêu tan kha khá, các Ngài sẽ đến. Nghiệp chướng rất nặng, các Ngài chẳng đến, vì sao? Đến chẳng có ích gì; có đến, những kẻ ấy cũng chẳng tin. Nhà Phật thường gọi điều này là *“thời tiết nhân duyên”*, nhân duyên đến thời, các Ngài đều thị hiện.

      Tiếp theo, *“Chân Giải vân: Minh tín Phật trí, vô thượng trí huệ. Hựu bổn kinh trung: Dĩ tằng cúng dường chư Như Lai, tắc năng hoan hỷ tín thử sự; nhân thân nan đắc, Phật nan trị, tín huệ văn pháp nan trung nan”* (Sách Chân Giải viết: “Tin rõ Phật trí là vô thượng trí huệ”. Kinh này lại nói: “Do từng cúng dường các Như Lai nên có thể hoan hỷ tin được sự này” và “thân người khó được, Phật khó gặp, tín huệ nghe Phật pháp là điều khó nhất trong các điều khó”). Trong kinh, đức Phật nói mấy câu này, nói rõ trong thời kỳ Mạt Pháp mà gặp gỡ pháp môn này, có thể tin tưởng, có thể hoan hỷ, sẽ là hạng người nào? Trong đời quá khứ, quý vị đã từng cúng dường Như Lai. *“Chư Như Lai”* ở đây bao gồm bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ. Trong đời quá khứ, quý vị đã từng gặp gỡ, từng tiếp nhận giáo huấn của các vị Phật, Bồ Tát ấy, nhưng tu hành chưa thành công, nên vẫn phải luân hồi trong lục đạo. Trong đời này, thiện căn trong đời quá khứ chín muồi, duyên ấy lại tiếp tục, lại tiếp nối duyên ấy. Vì thế, nhà Phật thường nói:*“Phật chẳng độ kẻ vô duyên”*, hữu duyên là gì? Trong đời quá khứ từng cúng dường chư Như Lai, đấy là kẻ hữu duyên. Quý vị tiếp nhận, hoan hỷ tiếp nhận, ắt có thể hoan hỷ tin tưởng chuyện này. Nếu tiếp xúc nhưng chẳng sanh tâm hoan hỷ, tiếp xúc bèn có lắm nỗi hoài nghi, tức là chẳng có duyên với Phật!

      Hai câu kế tiếp đã được lịch đại tổ sư trích dẫn rất nhiều: *“Nhân thân nan đắc, Phật nan trị”*, [có nghĩa là] khó được làm thân người, khó nghe Phật pháp, mang ý nghĩa này. Được làm thân người, chưa chắc trong đời này quý vị đã có thể nghe Phật pháp. Chỉ cần chúng ta lắng lòng quan sát cặn kẽ, sẽ thấy chuyện này ở ngay trước mắt. Trên thế giới hiện thời, dân cư cả thế giới thường được phỏng đoán là trên dưới sáu mươi lăm ức [[[28]](#footnote-29)[1]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-49.htm#_ftn1), trong sáu mươi lăm ức người như thế, được mấy phần có dịp nghe Phật pháp? Nói thông thường, trên thế gian hiện thời, trong những người có tín ngưỡng tôn giáo, do Cơ Đốc giáo và Thiên Chúa giáo tuyên truyền rộng rãi nhất, số lượng tín đồ thường được nói đại khái là từ hai mươi ức người trở lên, là tôn giáo lớn nhất trên thế giới này. Kế đó là đạo Y Tư Lan (đạo Hồi), tôi tiếp xúc với họ rất nhiều, có người bảo tôi, đại khái trên cả thế giới tín đồ đạo Hồi có chừng mười lăm ức. Theo cách nhìn của tôi, dẫu chưa đến mười lăm ức thì chắc chắn cũng không ít hơn mười ba ức, đây là một tôn giáo lớn trên thế giới. Thứ ba phải là Phật giáo, người theo tín ngưỡng Phật giáo chưa được một nửa của họ, tôi tin người có tín ngưỡng Phật giáo trên cả thế giới chẳng vượt quá sáu ức. Hiện thời, trên toàn cầu, người có tín ngưỡng tôn giáo mỗi năm một ít hơn. Thống kê [số lượng tín đồ] Phật giáo vô cùng khó khăn, vì mọi người trong Phật giáo không coi trọng chuyện này. Con số thống kê của Cơ Đốc giáo và Thiên Chúa giáo tương đối đáng tin, vì họ có người chuyên môn làm công việc này, [thống kê] mỗi năm có bao nhiêu người chịu phép rửa tội. Năm nay chịu rửa tội ít hơn năm ngoái rất nhiều, mỗi năm một ít hơn, họ nói rất chính xác. Do nguyên nhân nào? Khoa học phát triển, tinh thần khoa học chẳng có chi khác, chẳng đưa ra được chứng cứ, người ta sẽ không tin. Họ nói: “Các ngươi lý tưởng, chẳng phải là sự thật”, họ đòi hỏi chứng cứ!

      Khéo sao mấy năm nay, khoa học tiên phong, tiên phong tức là chưa chín muồi, vừa mới đề ra khái niệm khoa học mới, chẳng hạn như đối với nguyên khởi của vũ trụ, đối với nguyên khởi của sanh mạng có cách nhìn mới mẻ, lập luận khác với những nhà khoa học trước kia. Cách nhìn mới mẻ ấy ngày càng gần với cách nói trong tôn giáo, nhưng vẫn cần phải thông qua thí nghiệm để chứng minh thì mọi người mới tin tưởng, chẳng còn hoài nghi. Chúng tôi nghĩ tối thiểu vẫn phải mất năm năm hay mười năm nữa, hiện thời loại khoa học ấy mới manh nha, đến khi ấy sẽ chín muồi! Đây là một chuyện tốt đẹp, những chuyện đã nói trong kinh điển nhà Phật đều được chứng minh, dùng khoa học để chứng minh, khiến cho chúng tôi nghĩ tới người trong thời cổ, đối với những lời kinh điển dạy, họ vừa nghe liền tin tưởng, chẳng hoài nghi, chúng ta chỉ có thể tán thán họ có thiện căn sâu dầy nên có thể tin tưởng. Chúng ta hoài nghi, phải trải qua vài chục năm học tập mới thật sự tin tưởng, chẳng hoài nghi; người ta vừa tiếp xúc bèn tin tưởng, chẳng hoài nghi. So giữa chúng ta và họ, họ đỡ tốn thời gian mười mấy năm hay hai mươi năm. Nếu họ có thể thật sự thâm nhập một môn, huân tu dài lâu, thành tựu của họ nhất định cao hơn chúng ta, chúng ta chẳng thể đuổi kịp họ. Tiếp đó, [sách Chú Giải] viết: *“Thử Tịnh Độ Tông, thị nan tín pháp. Nhược năng tín nhập, giai nhân túc cụ huệ căn”* (Tịnh Độ Tông là pháp khó tín. Nếu có thể tin nhập đều là do đã có huệ căn từ đời trước). Trong đời đời kiếp kiếp quá khứ, người ấy đã trọn đủ huệ căn nên mới có thể tin tưởng và khế nhập. Những điều này đều nói về tín tâm, tín tâm rất quan trọng.

      Có tín còn phải có nguyện thì đời này mới có thể thành tựu viên mãn. Vì thế, kế tiếp là Nguyện Huệ Bồ Tát. *“Nguyện Huệ, biểu A Di Đà Phật đại nguyện chi vương, trí huệ quảng đại. Hựu khả dữ Tín Huệ Chánh Sĩ hợp tham, chánh biểu Tịnh Độ dĩ tín nguyện trì danh vi Tông”*(Nguyện Huệ biểu thị A Di Đà Phật là bậc đại nguyện vương, trí huệ rộng lớn; lại có thể phối hợp với Tín Huệ Chánh Sĩ, biểu thị Tịnh Ðộ dùng “tín, nguyện, trì danh” làm Tông). Thật sự tin tưởng Tịnh Tông, thật sự chẳng hoài nghi, nhất định phải phát nguyện, nguyện sanh về Tịnh Độ, muốn thân cận A Di Đà Phật, đến thế giới Cực Lạc làm học trò của A Di Đà Phật. Thế giới Cực Lạc tốt đẹp, do Thích Ca Mâu Ni Phật đã giới thiệu cho chúng ta. Ngài giảng kinh, thuyết pháp bốn mươi chín năm, tuyên giảng kinh Vô Lượng Thọ nhiều lượt, cũng có thể nói là đã nhiều lần giới thiệu thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc tốt đẹp, tốt đẹp ở chỗ nào? Trong thế giới này, hết thảy chúng sanh tạp cư, các nghề nghiệp, thế giới Cực Lạc đơn thuần, chẳng phức tạp tí nào! Trong thế giới này, nam, nữ, già, trẻ, các nghề nghiệp là bao nhiêu? Hiện thời có mấy trăm loại; thế giới Cực Lạc chỉ có hai loại người, quý vị thấy đơn thuần, đơn giản lắm, hai loại người là gì? Một là thầy, hai là trò. Chẳng nghe nói thế giới Cực Lạc có chánh phủ hay có quốc vương, thiên vương, chưa hề nghe nói tới, cũng chẳng nghe nói thế giới Cực Lạc có đại thần, quý vị biết [thế giới ấy] quá đặc thù. Chúng ta đến thế giới Cực Lạc là học trò, A Di Đà Phật là thầy. [Chúng sanh trong] mười phương thế giới cầu vãng sanh thế giới Cực Lạc, đều là học trò của A Di Đà Phật. Nói theo cách bây giờ, thế giới Cực Lạc là gì? Là trường học. Ở bên đó, A Di Đà Phật lập ra một trường học. Trường gì vậy? Trường học dạy phàm phu thành Phật. Phàm phu trong mười phương thế giới chỉ cần thật sự tin tưởng, chịu phát tâm đến nơi đó, ai nấy đều thành Phật, tốt nghiệp bèn thành Phật, [nơi đó] là trường học để thành Phật viên mãn trong một đời. Vì thế, chúng ta học Phật, mong thành Phật, đến thế giới Cực Lạc thành Phật nhanh nhất, thời gian ngắn nhất, thành tựu nhanh nhất, lại còn thành tựu [địa vị] Phật rốt ráo viên mãn. Chẳng giống như thế giới này, thành Phật còn phải trải qua Phật pháp giới trong mười pháp giới, ngôi vị Phật ấy vẫn chưa phải là chân Phật. Quý vị nói xem nơi ấy (cõi Cực Lạc) có thù thắng lắm hay không? Gặp cơ hội này chẳng dễ dàng, dẫu được làm thân người, nghe Phật pháp, trong những người được nghe Phật pháp, được mấy phần có cơ hội nghe pháp Tịnh Độ này? Quý vị phải xét như vậy, mới nhận thấy đúng là chẳng nhiều nhõi gì! Người thật sự hiểu Tịnh Độ, khăng khăng một mực tu học Tịnh Độ chẳng có mấy! Vì thế, hai vị Bồ Tát này (Tín Huệ và Nguyện Huệ) biểu thị “tín nguyện trì danh”, đó là tông chỉ tu học của Tịnh Tông.

      Vị tiếp theo, *“Hương Tượng Bồ Tát nãi Đông phương A Súc Phật quốc Bồ Tát”* (Hương Tượng Bồ Tát là Bồ Tát trong nước A Súc Phật ở phương Đông), đây là Bồ Tát từ thế giới phương khác đến tham gia pháp hội của Thích Ca Mâu Ni Phật, đến làm Ảnh Hưởng Chúng. *“Tằng ư Duy Ma hội thượng, tác đồng văn chúng. Hương tượng thân xuất hương phong, thử Bồ Tát thân hương diệc như chi. Hương tượng lực đại, biểu Di Đà nguyện lực vô biên”* (Từng ở trong hội Duy Ma làm đại chúng cùng nghe pháp. Thân hương tượng toát ra mùi thơm, mùi hương nơi thân của vị Bồ Tát này cũng giống như vậy. Hương tượng [[[29]](#footnote-30)[2]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-49.htm#_ftn2) có sức mạnh to lớn, biểu thị Di Đà nguyện lực vô biên). Chư Phật, Bồ Tát giảng kinh, giáo học, những người có công phu định lực sẽ trông thấy các vị Bồ Tát từ các thế giới phương khác đến tham dự pháp hội ấy, ngồi trên không trung để nghe giảng. Nhục nhãn của chúng ta không trông thấy, nhưng họ (người có công phu định lực sâu) có thể thấy thiên long bát bộ, chư thiên Sắc Giới, chư thiên Dục Giới, chư thiên thuộc mười tám tầng trời trong Sắc Giới và sáu tầng trời trong Dục Giới đều đến nghe kinh, thần hộ pháp đến trang nghiêm đạo tràng. Vị Bồ Tát này đến từ cõi A Súc Phật ở phương Đông, đức Phật từng giới thiệu Ngài trong hội Duy Ma. Cư sĩ Duy Ma giảng kinh, Duy Ma là tại gia Phật, thuộc địa vị Diệu Giác, Bồ Tát cũng đến làm Đồng Văn Chúng (đại chúng cùng nghe). Đồng Văn Chúng là Ảnh Hưởng Chúng, vì sao? Vị Bồ Tát này là Đẳng Giác Bồ Tát, chẳng phải là Bồ Tát thông thường, Ngài đến làm Ảnh Hưởng Chúng, khiến cho mọi người nhìn vào, quý vị thấy Đẳng Giác Bồ Tát từ thế giới phương khác đều đến tham gia pháp hội này, nghe cư sĩ Duy Ma giảng kinh, nhất định là cư sĩ Duy Ma rất lỗi lạc. Nếu không, lẽ nào Đẳng Giác Bồ Tát đến nghe giảng? Khiến cho tín tâm của thính chúng hiện tiền trong đại hội kiên định, khiến cho đại chúng sanh khởi tâm cung kính đối với vị đại đức giảng kinh, chắc chắn sẽ khiến cho đại chúng đang nghe kinh sanh tâm tôn trọng pháp bổn, kinh điển, tôn trọng pháp môn [đang được giảng], sẽ đạt được lợi ích. Vì thế, gọi là Ảnh Hưởng Chúng. Thân hương tượng tỏa ra hơi thơm, thân Bồ Tát cũng có mùi thơm, có mùi thơm lạ. Ngài có đại lực, biểu thị A Di Đà Phật nguyện lực to lớn. A Di Đà Phật muốn độ hết thảy chúng sanh trong khắp pháp giới hư không giới thành Phật viên mãn trong một đời. Đại nguyện lực như vậy cảm vời hết thảy chư Phật Như Lai, Pháp Thân đại sĩ trong mười phương ba đời tán thán.

*“Bảo Anh, biểu Di Đà nguyện hải, nãi vô lượng công đức diệu bảo chi sở trang nghiêm, năng linh phàm phu vô công đức giả kính đăng Bất Thoái, chứng nhập Niết Bàn. Thị nãi bảo trung chi anh, cố viết Bảo Anh”* (Bảo Anh biểu thị Di Đà nguyện hải, được trang nghiêm bằng chất báu mầu nhiệm vô lượng công đức, có thể khiến cho phàm phu chẳng có công đức mau chóng đạt lên địa vị Bất Thoái, chứng nhập Niết Bàn, là thứ quý báu nhất trong các chất báu, nên gọi là Bảo Anh). *“Bảo”* (寶) là tỷ dụ, nhằm sánh ví Di Đà nguyện hải, tức là bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật. Bốn mươi tám nguyện của Phật Di Đà là diệu bảo của hết thảy chúng sanh trong khắp pháp giới hư không giới, không ai gặp gỡ mà chẳng đắc độ. Vì vậy, Tịnh Tông Học Hội thành lập, nguồn gốc của Tịnh Tông Học Hội là do lão cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập kinh Vô Lượng Thọ, đã hội tập kinh xong xuôi, lão nhân gia đề xướng hưng khởi Tịnh Tông Học Hội. Vào thời cổ, gọi là Liên Xã; đạo tràng, Niệm Phật Đường của Tịnh Độ Tông là Liên Xã. Nhằm phù hợp nhu cầu của thời đại và quan niệm con người hiện đại, lão cư sĩ dùng chữ Học Hội hoặc Học Viện, như vậy thì sẽ khiến cho mọi người nhìn vào danh xưng, nghĩ tới ý nghĩa, trông thấy danh xưng ấy chẳng đến nỗi nẩy sanh hiểu lầm. Vì trước kia gọi là Liên Xã, khiến người ta nghĩ tới tôn giáo, cho là mê tín, nên cụ sửa lại danh xưng. Chúng ta tụ hội với nhau để cùng nhau tu tập (cộng tu) nên gọi là Học Hội, cùng nhau tụ tập để học tập kinh giáo nên gọi là Học Viện, cũng là đưa Phật giáo trở lại giáo dục, thực hiện như vậy đó. Khi ấy, cụ đề xướng nhưng hoàn toàn chưa thành lập, chỉ đề ra các danh hiệu ấy, chẳng thành lập. Tôi diện kiến lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, lão cư sĩ đem chuyện này ủy thác cho tôi, hy vọng tôi giảng kinh, giáo học ở ngoại quốc sẽ cổ vũ, khích lệ mọi người thành lập Tịnh Tông Học Hội. Vì vậy, Tịnh Tông Học Hội đầu tiên được thành lập tại Ôn Ca Hoa (Vancouver), Gia Nã Đại, nghe nói hiện thời hội ấy vẫn còn. Thuở ấy, hội trưởng đầu tiên là cư sĩ Trần Đại Xuyên, tôi giảng kinh tại Vancouver, thành lập Gia Nã Đại Tịnh Tông Học Hội. Học hội thứ hai tại Thánh Hà Tây (San Jose) nước Mỹ, thuộc vùng phụ cận thành phố Tam Phiên (San Francisco), thành phố Tam Phiên ở phía Tây San Jose, thành lập Mỹ Quốc Tịnh Tông Học Hội. Hội trưởng của học hội thứ hai là cư sĩ Dương Nhất Hoa, hiện thời vẫn là ông ta. Lần ấy, chúng tôi học tập Lục Hòa Kính tại Hương Cảng, ông ta đến tham gia, đó là học hội thứ hai. Tôi nhớ tôi ở Mỹ mười mấy năm, tại Mỹ và Gia Nã Đại nói chung có tất cả ba mươi mấy học hội, có những hội mấy năm gần đây đã mất liên lạc, thật sự có liên lạc với chúng tôi dường như chưa đến mười hội, nhưng Tịnh Tông Học Hội tại Mã Lai nhiều nhất, nghe nói chánh thức thành lập hơn năm mươi cơ sở, những cơ sở chưa đăng ký đại khái cũng tới hơn năm mươi hội, gộp chung, Mã Lai có hơn một trăm Tịnh Tông Học Hội, đứng đầu thế giới, pháp duyên ở đó thù thắng khôn sánh!

      Lão cư sĩ đặc biệt bảo chúng ta: *“Năng linh phàm phu vô công đức giả kính đăng Bất Thoái, chứng nhập Niết Bàn”*(Có thể làm cho phàm phu không có công đức mau chóng đạt tới địa vị Bất Thoái, chứng nhập Niết Bàn), mấy câu này tuyệt diệu! Chúng ta đúng là phàm phu sát đất, lấy đâu ra công đức? Nhưng gặp gỡ kinh Vô Lượng Thọ, mỗi ngày có thể niệm kinh Vô Lượng Thọ một lần, dùng làm công khóa sáng tối để niệm một lần, mỗi ngày quý vị tích lũy, tích lũy chẳng ít công đức, phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, chẳng còn luân hồi nữa, luân hồi rất khổ sở, chớ nên mê hoặc nữa! Nếu mong tái lai, rất đơn giản, quý vị tới thế giới Cực Lạc, gặp A Di Đà Phật, quý vị nói trên quả địa cầu này, tức địa cầu thuộc thế giới Sa Bà, thân bằng hảo hữu rất nhiều, con muốn giúp họ, tiếp dẫn họ về thế giới Cực Lạc, A Di Đà Phật gật đầu. Trí huệ, thần thông, và đạo lực của Ngài sẽ gia trì quý vị, quý vị là Bồ Tát tái lai, trở lại [thế giới Sa Bà]. Khi trở lại, quý vị chẳng mê hoặc, chẳng đọa lạc, quý vị có thể dẫn một nhóm người sang thế giới Cực Lạc, đó là một chủ ý hay, là một biện pháp tốt. Đến thế giới Cực Lạc mới thật sự biết chỗ hay đẹp của thế giới Cực Lạc, quay về khuyên dạy đại chúng cùng sanh Cực Lạc quốc. Bảo Anh biểu thị ý nghĩa này.

      Trung Trụ Bồ Tát, *“Trung Trụ, an trụ Trung Đạo, bất lạc nhị biên, đương tướng tức đạo, tức Sự nhi Chân, tịnh niệm tương kế, tức niệm ly niệm, thị Trung Trụ nghĩa”*(Trung Trụ: An trụ trong Trung Ðạo, chẳng rơi vào hai bên (chấp Có, chấp Không), từ ngay nơi tướng chính là đạo, ngay nơi Sự tức là Chân, tịnh niệm nối tiếp, từ ngay nơi niệm lìa được niệm là ý nghĩa của Trung Trụ). Mấy câu này giải thích hết sức hay, chữ *“an trụ”* nói về tâm, tâm trụ nơi đâu? Tâm đã được an trụ, thân sẽ chẳng có vấn đề. Thân như thế nào? Thân lìa khổ và vui, hai bên khổ và vui đều lìa cả rồi, Trung Đạo đấy! Tà - chánh là nhị biên (hai bên), thiện - ác là nhị biên, an - nguy là nhị biên, nhị biên đều tách rời, đó là Trung Trụ. Nói rốt ráo, Không - Có là nhị biên, chân - vọng là nhị biên. Giáo pháp Đại Thừa dạy chúng ta: *“Nhị biên bất trụ, Trung Đạo bất tồn”*(chẳng trụ vào nhị biên thì Trung Đạo cũng chẳng còn). Nếu quý vị trụ nơi Trung Đạo, Trung Đạo đối lập với nhị biên, vẫn là một bên, vẫn là trật. Vì thế, đối với Trung Trụ, Trung Đạo cũng chẳng có, chẳng rơi vào nhị biên. Câu này giảng hết sức hay, chẳng rơi vào nhị biên, ai chẳng rơi vào nhị biên? Pháp Thân Bồ Tát. Không chỉ người trong lục đạo chẳng làm được, mà bốn thánh pháp giới cũng chẳng làm được, ai làm được? Người minh tâm kiến tánh làm được, người đại triệt đại ngộ thật sự vĩnh viễn an trụ trong Trung Đạo. An trụ Trung Đạo, có ý niệm “ta đang an trụ trong Trung Đạo” hay không? Chẳng có ý niệm ấy. Hễ có ý niệm ấy, tức là lại “có trụ”. Trung Đạo là một bên, nhị biên là bên kia, người ấy vẫn chẳng có cách nào trụ trong Trung Đạo! Không rơi vào nhị biên sẽ là Trung Đạo thật sự. Bốn câu tiếp đó nhằm hiển lộ ý nghĩa của Trung Đạo: *“Đương tướng tức đạo”*, Đương (當) là ngay lập tức, Tướng là hiện tượng; nói cách khác, hiện tiền là Trung Đạo. Cách trụ như thế nào? Trong hoàn cảnh hiện tiền, chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước, đó là Trung Đạo. Khởi tâm động niệm là lệch lạc; phân biệt, chấp trước là tà, sai mất rồi!

      Chư Phật, Bồ Tát thị hiện trong thế gian này, thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, Pháp Thân Bồ Tát, Đẳng Giác Bồ Tát từ cõi này hay phương khác nhiều ngần ấy đều đến thế gian. Có không ít vị đến nơi đây đầu thai để thị hiện, các Ngài chẳng mê hoặc. Tuy chẳng mê hoặc, giả vờ mê hoặc, lên sân khấu biểu diễn một vai nhằm giúp Thích Ca Mâu Ni Phật giáo hóa chúng sanh. Trên thực tế, các Ngài quả thật là *“đương tướng tức đạo”* (từ ngay nơi tướng chính là đạo), từ ngay nơi Sự chính là Chân, chỉ những ai có công phu thật sự mới thấy được các Ngài đang biểu diễn, đang diễn tuồng, đang dạy người khác, mới thấy được trí huệ của Bồ Tát và phương tiện thiện xảo của Phật, Bồ Tát. Áp dụng vào Tịnh Tông, tịnh niệm nối tiếp, từ ngay nơi niệm mà lìa niệm, đó là Trung Đạo, đấy chính là thật sự hiểu *“đương tướng tức đạo, tức Sự nhi chân”* như đã nói trong phần trước. Bậc Tông môn đại đức trong Thiền Tông khảo nghiệm học trò: “Ngươi hiểu chưa?” Hiểu thì quý vị là Bồ Tát, chẳng phải là phàm phu; không hiểu thì là phàm phu, chẳng phải là Bồ Tát. “Hiểu không” là gì vậy? Thật sự hiểu, buông phân biệt, chấp trước xuống mới là thật sự hiểu. Quý vị còn có phân biệt, chấp trước, tức là chẳng hiểu, quý vị là phàm phu. A La Hán buông chấp trước xuống, Bồ Tát buông phân biệt xuống, Pháp Thân đại sĩ, Đẳng Giác Bồ Tát khởi tâm động niệm cũng không có, chẳng khác chư Phật Như Lai, an trụ trong Trung Đạo. Tiêu chuẩn an trụ trong Trung Đạo là Pháp Thân Bồ Tát, theo kinh Hoa Nghiêm, trong Viên Giáo, từ Sơ Trụ trở lên thuộc về cảnh giới này, thật sự an trụ trong Trung Đạo. Ngày nay, trên địa cầu tai nạn rất nhiều, các Ngài có bị tai nạn hay không? Các Ngài chẳng bị. Vì sao chẳng bị? Các Ngài chẳng khởi tâm động niệm. Tai biến biến hóa như thế nào, các Ngài hiểu rõ ràng, minh bạch, biết gì là nhân, biết gì là quả, chẳng có mảy may gì liên quan đến các Ngài, giống như các Ngài đang xem diễn tuồng, hoặc xem biểu diễn ảo thuật vậy. Trụ trong Trung Đạo mới được, tối thiểu cũng phải trụ trong bốn thánh pháp giới, đừng trụ trong lục đạo. Nếu trụ trong bốn thánh pháp giới, quyết định chẳng chấp trước, hễ có chấp trước nhất định là lục đạo phàm phu, chắc chắn phải chịu khổ. Muốn hưởng vui, quý vị làm lành sẽ hưởng vui; quý vị tạo ác phải chịu khổ, chẳng có cách nào, trong lục đạo có nhân quả báo ứng.

*“Chế Hạnh, biểu nghiêm trì tịnh giới, chế ác hành thiện”* (Chế Hạnh biểu thị trì giới thanh tịnh nghiêm ngặt, ngăn ác, làm lành), Chế (制) là ngăn dứt. [Chế Hạnh] là dứt ác làm lành, nghiêm trì giới luật. *“Hựu niệm Phật tức thị trì giới”* (lại nữa, niệm Phật chính là trì giới), chúng ta có phải học giới luật hay không? Người niệm Phật chẳng cần. Giới luật có ba loại lớn, thứ nhất là Luật Nghi Giới, nhất định phải tuân thủ từng điều một, đặc biệt là đối với kẻ sơ học, giới luật cũng rất trọng yếu. Người thật sự niệm Phật, suốt ngày từ sáng đến tối là mười vạn câu Phật hiệu, sự niệm Phật ấy chính là trì giới, đó là gì? Đạo cộng giới. Niệm Phật là tu đạo, tu đạo Tây Phương, tu đạo Di Đà, từng bước hướng gần đến thế giới Cực Lạc, điều này thuộc về Đạo Cộng Giới. Phật hiệu là giới luật, trong tâm là Phật, nơi miệng là Phật, thân chính là Phật, lấy đâu ra chuyện xấu để làm! Đó là trì giới. Loại thứ hai là gì? Định Cộng Giới, người ấy đã nhập định, nhập Định sẽ chẳng làm chuyện xấu xa, chẳng có ác niệm, cũng chẳng có ác hạnh; vì vậy, Định Cộng Giới, tức là trong Định có giới, trong Đạo có giới. Nếu chẳng tu Đạo, chẳng tu Định mà muốn trì giới, sẽ chẳng có giới, mà Phật pháp cũng chẳng có luôn! Chư vị đồng tu chớ nên không biết điều này: Không có giới luật, Phật pháp sẽ tiêu diệt! Bởi thế, ngày nay chúng ta niệm Phật vẫn phải nhấn mạnh trì giới, vì sao? Niệm Phật là chúng ta thành tựu chính mình, trên địa cầu còn có nhiều chúng sanh phải chịu khổ, trì giới sẽ có thể lìa khổ, được vui. Giới là thiện pháp, đoạn ác, tu thiện; thiện có thiện quả, tức quả báo [tốt lành], ác có ác báo. Đức Phật giảng cho chúng ta mười tiêu chuẩn, tức Thập Thiện Nghiệp Đạo. Quý vị tu Thập Thiện, quả báo là trong tam thiện đạo, thật sự thiện. Hiện thời, loài người bất thiện, quý vị thấy làm người khổ quá! Xã hội hỗn loạn dường ấy, trên địa cầu tai nạn nhiều ngần ấy, do nguyên nhân gì? Chuyện này ngay các nhà khoa học cũng biết, các thứ tai biến trên địa cầu cho thấy tâm thái của cư dân trên địa cầu có vấn đề. Phản ứng đối với tâm thái bất thiện xuất hiện thành hiện tượng. Cảnh chuyển theo tâm, nếu cư dân trên địa cầu ai nấy tuân thủ nhân, nghĩa, đạo đức, hiếu, đễ, trung, tín, xã hội hòa hài, tai nạn chẳng dấy lên, thật đấy, chẳng giả đâu! Chúng ta là người học Phật, có tin tưởng những gì đức Phật đã giảng trong kinh hay không? Nói đến Tín Huệ Bồ Tát, quý vị có tin hay không? Quý vị không tin thì vẫn phải hứng chịu quả báo. Hưởng hết mọi nỗi khổ, đến cuối cùng quý vị tin tưởng. Khi nào quý vị tin tưởng, khi ấy tai nạn sẽ đình chỉ, ác báo của quý vị chấm dứt. Quý vị chẳng tin thì ác báo vẫn kéo dài, vẫn tiếp tục không ngừng, đạo lý là như vậy đó!

      Chư Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức đã giảng những điều này suốt mấy ngàn năm, cổ nhân tin tưởng, người hiện thời chẳng tin. Vì sao? Thời cổ không có khoa học, lòng người thuần hậu, tử tế, nên đều có thể tiếp nhận, tin tưởng. Người thông minh, do người có trí huệ dìu dắt, người thật sự có trí huệ sẽ tin tưởng. Kẻ có kiến thức nhưng thiếu trí huệ sẽ chẳng tin. Gần ba trăm năm qua, khoa học phát triển mạnh mẽ, mọi người tin theo khoa học, chẳng còn tin tưởng giáo huấn của cổ thánh tiên hiền, chẳng còn tin tưởng luân lý đạo đức nên mới biến thành nông nỗi hiện thời, chúng ta chớ nên không biết. Nếu chúng ta muốn giúp đỡ xã hội này, giúp họ lìa khổ được vui, phải bắt đầu thực hiện từ bản thân, phải nêu gương tốt cho người khác nhìn vào. Họ nhìn quý vị dăm ba năm chẳng tin, nhìn vào quý vị mười năm hay tám năm chẳng tin, nhưng nhìn quý vị hai chục, ba chục năm sẽ tin. Giúp đỡ người khác chẳng dễ dàng, lúc đầu hứng chịu hết mọi nỗi cực nhọc, người ta không tin, hủy báng, khinh nhục, thậm chí hãm hại, quý vị đều phải chấp nhận, luôn nêu gương tốt. Gây cho ta khó khăn gì đi nữa, vẫn chẳng oán hận mảy may, mỗi ngày vẫn vui sướng. Vì sao? Quý vị tiếp xúc Phật, pháp hỷ sung mãn. Họ nhìn lâu ngày, khổ sở cũng chịu đựng chán chê rồi, vẫn phải tiếp tục chịu khổ, chúng ta tin tưởng rồi sẽ có ngày họ quay đầu, giác ngộ, biết lỗi, sám hối, cuối cùng hiểu rõ, người ấy được gọi là “đắc độ”. Do vậy, hiện thời độ hết thảy chúng sanh nhất định gặp khó khăn, tùy thuộc các Bồ Tát có thể chịu đựng hay không? Bồ Tát có thể chịu được; vì sao? Ngài vĩnh viễn trụ trong Trung Đạo, nên chẳng bị cảnh giới bên ngoài quấy nhiễu, nhất tâm niệm Phật hòng nâng cao cảnh giới của chính mình, nói theo người thế gian là tích tập vô lượng vô biên công đức. Bồ Tát không hưởng những công đức ấy, mà hồi hướng những công đức ấy cho hết thảy chúng sanh khổ nạn, giúp họ sớm có ngày giác ngộ, sớm có ngày quay đầu. Vì vậy, trì giới cũng có nghĩa là Chế Hạnh. Hạnh là hành vi, Chế là khống chế, [Chế Hạnh là] khống chế những tư tưởng và hành vi sai lầm của chúng ta. Đấy là ý nghĩa trì giới.

      Cuối cùng là vị thứ mười sáu: *“Giải Thoát, biểu diệt trừ kết phược, cố danh Giải Thoát”* (Giải Thoát biểu thị trừ diệt kết phược, nên gọi là Giải Thoát). Kết (結) và Phược (縛) đều là những danh xưng khác của phiền não. Quý vị tạo tác nghiệp, bất luận thiện nghiệp hay ác nghiệp, những nghiệp ấy chưa gặp duyên, sẽ chẳng thể dấy lên hiện hành, nhưng chúng tồn tại, giống như thắt nút, chưa tháo ra. Vì thế, chúng ta hiểu rõ chân tướng sự thật này, cả đời phải giữ sao cho chẳng kết oán với bất cứ ai, điều này rất quan trọng. Kẻ khác kết oán với ta, ta chẳng kết oán với họ, sẽ chẳng có chuyện gì. *“Kết”* là phải cả hai phía thì mới kết được, một phía đã buông bỏ, sẽ chẳng thể thắt chặt. Đối phương kết, ta không kết! *“Phược”* cũng là danh xưng khác của phiền não, giống như dùng thừng trói chặt quý vị ở một chỗ, chẳng cựa quậy được. Trong ấy có thiện, có ác, nhưng thật ra đều là ác, lấy đâu ra thiện? Nhưng chúng sanh ngỡ đó là thiện, đấy là gì? Tình chấp. Người thế gian nói tới ái tình, đó chính là một sợi thừng trói thít chặt quý vị nơi đó, chẳng cựa quậy được, đó là ái tình. Vì thế, phải thấy thấu suốt. Thấy thấu suốt sẽ giải thoát. Tháo nút buộc, cởi trói xong, quý vị được đại tự tại; do vậy, gọi là Giải Thoát Bồ Tát.

      Tiếp đó, sách viết: *“Như kinh vân: Thân độc độ thoát, hoạch kỳ phước đức, khả đắc trường thọ Nê Hoàn chi đạo. Hựu, trị tư kinh giả, tùy ý sở nguyện, giai khả đắc độ”*(Như kinh nói: “Riêng thân mình độ thoát, đạt được phước đức, có thể đắc đạo Nê Hoàn trường thọ”, và “kẻ gặp được kinh này, tùy ý mong muốn, đều được đắc độ”). Trong kinh này có hai câu như vậy, biểu thị ý nghĩa này. Kinh này có công đức chẳng thể nghĩ bàn. *“Trị”* (值) là gặp gỡ. Chúng ta gặp bộ kinh Vô Lượng Thọ này, mỗi ngày tụng niệm, lại còn phải lý giải. Biết niệm nhưng không lý giải, hiệu quả chẳng lớn. Vừa biết niệm, vừa có thể hiểu, sẽ khởi tác dụng. Biến sự lý giải thành tư tưởng và kiến giải, biến các giáo huấn trong kinh thành hành vi trong cuộc sống của chúng ta, quý vị thật sự nhập kinh Vô Lượng Thọ, thật sự nhập cảnh giới Di Đà. Trong kinh này nói đến cảnh giới của A Di Đà Phật, nhập cảnh giới Tây Phương Cực Lạc thế giới từ chỗ nào? Từ hiện tại mà nhập, ngay trong giây phút này chính là nó, tự và tha chẳng hai. “Tự” là hoàn cảnh cư trụ của chúng ta, Tha là Tây Phương Cực Lạc thế giới, là một, chẳng hai!

      Vì thế, gặp gỡ kinh này, quả thật là tùy theo ý nguyện đều có thể đắc độ, nương theo lý luận, phương pháp, và cảnh giới trong kinh điển để tu hành, giữ lấy Tây Phương Cực Lạc thế giới, muốn khi nào đi bèn đi. Có người nóng lòng muốn đi, có thể thành công trong vài ngày hay không? Kinh Di Đà dạy *“nhược nhất nhật”*, một ngày bèn có thể thành tựu; *“nhược nhị nhật, nhược tam nhật”*, cuối cùng nói bảy ngày, “bảy” chẳng phải là [chỉ vỏn vẹn] bảy ngày, mà “bảy” có ý nghĩa biểu thị pháp, tượng trưng cho viên mãn, có nghĩa là tùy ý, quý vị thích đi ngày nào bèn đi trong ngày ấy. “Bảy” mang ý nghĩa tùy ý, viên mãn, thích khi nào đi bèn đi khi ấy, muốn ở lại thế gian này thêm mấy năm nữa chẳng trở ngại gì! Vì sao? Ở lại thế gian này chẳng có chuyện gì khác, chỉ vì còn có những kẻ hữu duyên, ta trụ thêm vài ngày để dẫn bọn họ cùng đi, do chuyện này! Nếu không dẫn theo ai thì phải đi trong hiện tại, ở lại nơi đây để làm gì? Chẳng có mảy may ý nghĩa gì! Do vậy, hiểu đạo lý này, từ xưa tới nay, tai nạn là cộng nghiệp, mấy ngàn người hoặc mấy trăm người cùng chết sạch trong một trận tai nạn. Chúng ta không có Thiên Nhãn, chẳng có Túc Mạng Thông, không biết chuyện là như thế nào, dường như tai nạn từ trên trời giáng xuống, và cũng thấy có những kẻ nào đáng chết, người nào chẳng đáng chết, thật sự có người tốt [bị chết bất ngờ trong tai nạn ấy]! Người tốt lẫn người xấu đều có, vì sao đều cùng nhau gặp nạn? Người có Thiên Nhãn Thông và Túc Mạng Thông có thể thấy người tốt do [chết vì] tai nạn ấy bèn sanh lên trời. Trời già rất công bằng, kẻ ấy sanh lên thiên đường hưởng phước. Kẻ tạo tác ác nghiệp bèn đọa xuống, ngạ quỷ, địa ngục, súc sanh. Cùng chết như nhau, nhưng sanh vào các chỗ khác nhau. Do vậy, người niệm Phật thời thời khắc khắc ghi nhớ A Di Đà Phật trong tâm, dẫu là do cộng nghiệp phải tử vong lần này, người ấy sanh về thế giới Cực Lạc, quý vị mới thật sự nhìn thấy chân tướng sự thật.

*“Thân độc độ thoát, hoạch kỳ phước đức”* (thân riêng độ thoát, đạt được phước đức), phước đức ấy là phước đức trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng phải là phước đức trong nhân gian hay cõi trời. Vì thế, chúng ta tu phước, tốt nhất là chớ nên hưởng phước. Vì sao? Phước ấy có thể mang đi được. Chúng ta có tâm hưởng phước, sẽ chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi, vì sao? Phước báo trong nhân thiên. Hiện thời, phước báo trong nhân gian đã suy, tôi nghe nói phước báo cõi trời cũng chẳng bằng quá khứ. Chúng ta có thể tin tưởng điều này, vì sao? Cảnh chuyển theo tâm, cùng một đạo lý như vậy. Vì thế, có phước phải để cho người khác hưởng, chúng ta biết trong thế gian này còn có rất nhiều người có phước báo chẳng bằng chúng ta. Tuy chúng ta thiếu phước, vẫn đỡ hơn họ rất nhiều, phải nghĩ cách giúp họ, chiếu cố họ nhiều hơn một chút, đó là chuyện tốt đẹp. Nói chung, con người chịu khổ nạn một chút sẽ có lợi, tâm cảnh giác sẽ cao, chẳng còn lưu luyến thế gian này, quý vị nói có phải là trọng yếu lắm hay không? Nếu hưởng phước trong thế gian này, sẽ quên bẵng thế giới Cực Lạc, “ở đây khá lắm!” Lưu luyến thế gian này, sẽ là chuyện hỏng bét. Vì thế, thà chịu khổ một tí, có tâm cảnh giác cao độ, quyết định cầu sanh thế giới Cực Lạc.

      Câu cuối cùng: *“Nhi vi thượng thủ, biểu dĩ thượng thập lục Chánh Sĩ vi hội trung vô lượng vô biên, nhất thời lai tập chi tại gia Bồ Tát trung chi thượng thủ”* (Câu “nhi vi Thượng Thủ” (làm Thượng Thủ) biểu thị mười sáu vị Ðại Sĩ là Thượng Thủ của vô lượng vô biên Bồ Tát tại gia cùng một lúc đến dự hội). Lão cư sĩ nói câu này hay lắm, “trong hội, vô lượng vô biên tại gia Bồ Tát cùng một lúc đến nhóm họp” là thật, chẳng giả. Do vậy, đức Phật mở pháp hội này, nói bộ kinh này, chúng ta mắt thịt chỉ thấy loài người, ở đây nói là hơn một vạn hai ngàn người, đại hội mà! Chúng ta chẳng nhìn thấy các vị Bồ Tát từ mười phương thế giới vân tập, chư thiên đại chúng thuộc Dục Giới Thiên, Sắc Giới Thiên trong tam thiên đại thiên thế giới đều tới, đúng là vô lượng vô biên. Quý vị nói pháp hội này thù thắng lắm không? Trong nơi nhóm hội ấy, người tại gia đông đảo, hàng xuất gia cũng chẳng ít, nhưng tại gia đông hơn. Hơn nữa, ở đây tại gia học Phật và tại gia thành tựu là chủ yếu. *“Cứ Hội Sớ cập Chân Giải nghĩa”* (xét theo ý nghĩa được trình bày trong Hội Sớ và Chân Giải), ở đây nói đến vị thứ nhất, *“Phổ Hiền, Văn Thù chánh thị Thích Ca hội trung chi thượng thủ. Cố cử lưỡng đại sĩ tổng nhiếp hội trung nhất thiết Bồ Tát”* (Phổ Hiền và Văn Thù đúng là thượng thủ trong hội của Phật Thích Ca. Vì thế, lấy hai vị đại sĩ để gồm trọn hết thảy các vị Bồ Tát trong hội). Vì Văn Thù và Phổ Hiền là trợ thủ của Thích Ca Mâu Ni Phật, tượng trưng trí huệ, Văn Thù tượng trưng trí huệ đệ nhất, Phổ Hiền tượng trưng tận lực thực hiện bậc nhất, người hiện thời nói là *“chân cán”*(thật sự làm), dùng hai chữ này cho mọi người dễ hiểu. Phổ Hiền tượng trưng cho *“chân cán”.* Hai vị Bồ Tát này đại diện thế giới Sa Bà, là thượng thủ trong pháp hội của Thích Ca Mâu Ni Phật, đại diện hết thảy Phật, Bồ Tát. Thứ hai, *“Di Lặc thị đương lai Hiền Kiếp thành Phật chư Bồ Tát chi thượng thủ”* (Di Lặc Bồ Tát là thượng thủ của các vị Bồ Tát sẽ thành Phật trong tương lai của Hiền Kiếp). Thích Ca Mâu Ni Phật là vị Phật thứ tư trong một ngàn vị Phật thuộc Hiền Kiếp, Di Lặc là thứ năm, từ nay về sau còn có chín trăm chín mươi lăm vị Phật, Di Lặc Bồ Tát đại diện cho những vị ấy, các vị ấy thảy đều tham dự pháp hội này. Điều này có dụng ý rất sâu, nói rõ một ngàn vị Phật xuất thế trong Hiền Kiếp, mỗi vị Phật cũng sẽ giảng kinh Vô Lượng Thọ, mỗi vị Phật đều đề xướng pháp môn Tịnh Độ, khuyên mọi người cầu sanh thế giới Cực Lạc hòng chứng đắc quả vị viên mãn rốt ráo trong một đời.

*“Hiền Hộ đẳng thập lục Chánh Sĩ thị hội trung cư gia Bồ Tát chi thượng thủ. Thử thuyết ổn thỏa”* (Mười sáu vị Chánh Sĩ thuộc nhóm Hiền Hộ là thượng thủ của các vị tại gia Bồ Tát trong hội, thuyết này ổn thỏa). Đây là hai vị đại đức trong quá khứ của Nhật Bản đã tổng kết đoạn kinh văn này. Cụ Hoàng Niệm Tổ khẳng định thuyết ấy rất thỏa đáng, nói rất viên mãn. Quý vị thấy trong phần tổng kết, cụ chọn thuyết của hai vị pháp sư Nhật Bản trong Hội Sớ và Chân Giải. *“Cố bất thải Tịnh Ảnh chi thuyết”* (nên chẳng lấy thuyết của ngài Tịnh Ảnh), Tịnh Ảnh Sớ là chú giải [kinh Vô Lượng Thọ] của người Trung Quốc. Chú giải của Trung Quốc chỉ có hai loại. Trong ấy nói như thế nào? *“Bỉ tương Văn Thù, Phổ Hiền diệc tịnh ư Hiền Kiếp thành Phật chi Bồ Tát trung”* (Tịnh Ảnh Sớ xếp Văn Thù và Phổ Hiền vào số các vị Bồ Tát sẽ thành Phật trong Hiền Kiếp), sai mất rồi! Quý vị thấy đại đức Nhật Bản đã tách rời Văn Thù và Phổ Hiền ra [khỏi các vị Bồ Tát sẽ thành Phật trong Hiền Kiếp], họ là đại biểu của đức Thế Tôn trong hội này. Khi đem so [thuyết của Tịnh Ảnh Sớ] với [cách nói của] hai vị pháp sư Nhật Bản, thuyết của hai vị pháp sư Nhật Bản rất hay, hay hơn thuyết của Tịnh Ảnh Sớ. Chúng ta xem chú sớ của cổ đại đức phải rất thận trọng, phải lắng lòng, dùng trí huệ chân thật để lý giải, thấu hiểu. Sau khi hiểu ý nghĩa rõ ràng, sẽ biết chúng ta nên làm như thế nào, thực hiện trong cuộc sống hằng ngày, công việc, xử sự, đãi người, tiếp vật. Kinh Vô Lượng Thọ là sống động, người hiện thời gọi [cách vận dụng này] là vận dụng sống động, chẳng phải là mê tín. Đức hiệu của mỗi vị Bồ Tát biểu thị điều gì? Tu đức. Danh hiệu Phật biểu thị quả đức, chẳng lìa rời tự tánh. Trong giáo pháp Đại Thừa, tổ sư đại đức thường dạy chúng ta xứng tánh khởi tu, danh hiệu Bồ Tát là xứng tánh. Trong Phật giáo Trung Quốc, Phật giáo Trung Quốc là Đại Thừa, lấy tứ đại Bồ Tát làm tổng đại biểu, chớ nên không biết điều này!

      Vị thứ nhất, Cửu Hoa Sơn Địa Tạng Bồ Tát đại biểu sự hiếu thân tôn sư. Vị thứ hai là Phổ Đà Sơn Quán Thế Âm Bồ Tát, đại biểu đại từ đại bi, mắt đến tận tay [[[30]](#footnote-31)[3]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-49.htm#_ftn3), cứu độ hết thảy chúng sanh khổ nạn, từ bi cứu giúp thế giới. Vị thứ ba, Ngũ Đài Sơn Văn Thù Bồ Tát, đại biểu trí huệ. Hiếu thân tôn sư, đại từ đại bi, phổ độ chúng sanh đều phải cậy vào trí huệ. Không có trí huệ, sẽ bị biến chất. Nhà Phật thường nói: *“Từ bi lắm họa hại, phương tiện thành hạ lưu”*. Vốn sẵn từ bi, phương tiện là độ chúng sanh, *“từ bi là gốc, phương tiện làm cửa”*, vì sao từ bi trở thành họa hại, phương tiện trở thành hạ lưu? Thiếu trí huệ! Phải nhờ vào trí huệ [mới tránh khỏi những khuyết điểm ấy]. Phổ Hiền, Nga Mi Sơn Phổ Hiền đại biểu “thật sự làm”, nói kiểu này mọi người sẽ thấy dễ hiểu! Chẳng giả, thật sự, thật sự thực hiện “hiếu thân tôn sư, từ bi cứu vớt thế giới”, đó là Phổ Hiền, dùng bốn vị đại Bồ Tát này để biểu pháp. *“Triều sơn”* (lên núi chiêm bái) là triều (hướng về, chầu hầu về) điều gì? Hiểu bốn ý nghĩa này, thật sự làm được, tức là đã triều toàn bộ [bốn ngọn danh sơn]. Nếu chẳng hiểu, quý vị đến bốn quả núi lễ bái Bồ Tát nứt toác cả đầu vẫn uổng công, điều gì cũng chẳng đạt được! Phải hiểu rõ ràng, minh bạch lý này, tứ đại Bồ Tát tượng trưng cho Tu Đức, Thích Ca Mâu Ni Phật tượng trưng cho Tánh Đức. Thích Ca Mâu Ni, năng nhân, tịch mặc là Tánh Đức, năng nhân là nhân từ, tịch mặc là thanh tịnh, tâm địa thanh tịnh, tiếp độ chúng sanh nhân từ, còn Bồ Tát tượng trưng cho phương pháp cụ thể [để thực hiện những điều đó], mê tín ở chỗ nào? Nhà Phật bài trừ mê tín, lấy đâu ra mê tín? Các đồng học chúng ta cùng nhau học tập, đúng là phải lý giải, phải hiểu rõ, phải thật sự làm, đưa Phật giáo trở về giáo học. Chúng ta thật sự làm chuyện tốt đẹp, chẳng khiến cho Thích Ca Mâu Ni Phật thất vọng, xứng đáng sự truyền thừa của lịch đại tổ sư. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới chỗ này.

# Tập 98

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giảo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

      Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm mười bốn, đọc từ phần kinh văn, in chữ to, xem từ phần kinh văn.

***Hàm cộng tuân tu Phổ Hiền đại sĩ chi đức. Cụ túc vô lượng hạnh nguyện. An trụ nhất thiết công đức pháp trung. Du bộ thập phương, hành quyền phương tiện. Nhập Phật pháp tạng, cứu cánh bỉ ngạn.***

**咸 共 遵 修 普 賢 大 士 之 德。具 足 無 量 行 願。安 住 一 切 功 德 法 中。遊 步 十 方。行 權 方 便。入 佛 法 藏。究 竟 彼 岸。**

*(Ðều cùng tuân tu đức của Ðại Sĩ Phổ Hiền, đầy đủ vô lượng hạnh nguyện, an trụ trong hết thảy các pháp công đức, dạo chơi mười phương, hành phương tiện quyền biến, nhập pháp tạng của Phật, rốt ráo đạt đến bờ kia).*

      Đây là tổng cương lãnh của cả phẩm, tán thán công đức của Phổ Hiền Bồ Tát. Chúng ta đọc lời chú giải của cụ Niệm Tổ: *“Bổn phẩm tùng hàm cộng tuân tu”* (phẩm này từ câu “đều cùng tuân tu”) cho đến cuối phẩm này *“bất khả tư nghị”* (chẳng thể nghĩ bàn). Trong bản này là trang một trăm bốn mươi bảy, nếu chúng ta lật ra xem, [sẽ thấy] kinh văn phẩm này đến câu cuối cùng là lời tổng kết, hoàn toàn là tán thán đức của Phổ Hiền Bồ Tát. Lão cư sĩ nói: *“Giai thị tán thán Phổ Hiền đại sĩ kỵ hội trung nhất thiết Bồ Tát chi đức”* (đều là tán thán đức của Phổ Hiền đại sĩ và hết thảy các vị Bồ Tát trong hội). Trên thực tế, đức của hết thảy Bồ Tát trong hội đều là đức của Phổ Hiền đại sĩ. Kinh văn phẩm này khá dài, có thể nói là mỗi chữ, mỗi câu chúng ta đều nên học tập, vận dụng vào cuộc sống, công việc, đãi người, tiếp vật, đó là chúng ta tu đức của Phổ Hiền đại sĩ.

      Chúng ta xem lời chú giải kế tiếp: *“Đại sĩ giả tức Bồ Tát, tức Đại Đạo Tâm Hữu Tình”* (Đại sĩ là Bồ Tát, tức Đại Đạo Tâm Hữu Tình). Cổ nhân dịch là Đại Đạo Tâm Chúng Sanh, Huyền Trang đại sư dịch là Giác Hữu Tình. Đại Đạo Tâm Hữu Tình thì nói cách khác, vị ấy vẫn chưa đoạn sạch tình, nên là Bồ Tát. Nếu sau Đại Đạo Tâm không có hai chữ ấy (Hữu Tình) sẽ là Phật Đà, sai biệt ở chỗ này. *“Sĩ vị sĩ phu”* (sĩ là sĩ phu), người Hoa gọi người đọc sách dạy học là *“sĩ đại phu”.* Vào thời cổ, đó là người dạy học, hiện thời gọi là thầy giáo. Thời cổ không gọi là thầy mà gọi là “phu tử”, Khổng phu tử tức là thầy Khổng, nay gọi là “thầy”, cổ nhân gọi là Phu Tử. Vì thế, gọi là *“sĩ phu”* tức là người đọc sách, dạy học. *“Đại giả, tức tiền thích Đại Đạo Tâm chi Đại”* (Đại chính là chữ Đại trong phần giải thích về Đại Đạo Tâm ở phần trước), chẳng lập lại điều này, chẳng nhắc lại. *“Bổn kinh hội trung, dĩ Phổ Hiền Bồ Tát vi nhất thiết Bồ Tát chi Thượng Thủ”* (pháp hội kinh này lấy Phổ Hiền Bồ Tát làm Thượng Thủ của hết thảy các vị Bồ Tát), dùng Phổ Hiền Bồ Tát làm đại diện cho vô lượng vô biên Bồ Tát tham gia pháp hội, lấy Ngài làm đại biểu. *“Dư Văn Thù, Di Lặc, Hiền Hộ đẳng xuất gia, tại gia Bồ Tát”* (các vị khác như Văn Thù, Di Lặc, Hiền Hộ, các vị tại gia hay xuất gia Bồ Tát), đều bao gồm hết, *“kỵ thập phương lai hội vô lượng vô biên chi chư đại Bồ Tát, giai tất tuân hành Phổ Hiền đại sĩ chi đức”* (và vô lượng vô biên các vị đại Bồ Tát đến từ mười phương, ắt đều tuân hành đức của Phổ Hiền đại sĩ). Từ mấy câu kinh văn ngắn ngủi này, chúng ta có thể thấu hiểu rõ ràng, hội Vô Lượng Thọ này và hội Hoa Nghiêm chẳng hai, chẳng khác! Để biểu thị pháp, trong kinh Hoa Nghiêm cũng lấy Phổ Hiền Bồ Tát làm con trưởng, tức là ý nghĩa Thượng Thủ đang nói ở đây. Trong phần sau, cụ Hoàng cũng nói: *“Phổ Hiền đại sĩ nãi Hoa Nghiêm trưởng tử, kỳ chí đức tức thập đại nguyện vương, đạo quy Cực Lạc dã”* (Phổ Hiền đại sĩ chính là trưởng tử trong hội Hoa Nghiêm, đức tột cùng của Ngài là mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc). Nói đến cùng tột, đức của Phổ Hiền Bồ Tát chính là một câu *“mười đại nguyện dẫn về Cực Lạc”*. Do đây, ta có thể biết tầm quan trọng của mười đại nguyện vương. Kinh luận và cổ đại đức cũng thường nói, Bồ Tát chẳng tu mười nguyện Phổ Hiền (tức là Phổ Hiền hạnh), sẽ chẳng thể viên thành Phật đạo. Do điều này ta có thể biết Phổ Hiền hạnh nguyện là khoa mục ắt phải tu học của tất cả các vị Bồ Tát. Tuy cương lãnh chỉ có mười điều, tức mười câu, nhưng tế hạnh vô lượng vô biên. Từ kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, chúng ta có thể thấu hiểu, Thập Thiện chỉ có mười điều, Đại Thừa Bồ Tát đã triển khai mười điều ấy thành tám vạn bốn ngàn tế hạnh. Quý vị thấy mười điều có thể biến thành tám vạn bốn ngàn điều, Bồ Tát đấy! Mười nguyện Phổ Hiền chẳng phải chỉ có chừng đó chữ, mà là vô lượng vô biên, vô số vô tận hạnh nguyện, nhưng chẳng vượt ngoài mười cương lãnh ấy, ta mới biết mười cương lãnh đó trọng yếu ngần ấy! Tám vạn bốn ngàn nhớ không xuể, mười điều này dễ nhớ. Nhớ mười điều, thực hiện được thì tám vạn bốn ngàn tế hạnh bèn viên mãn.

      Ở chỗ này, [cụ Hoàng] nêu lên danh xưng của mười nguyện. *“Vị đại sĩ thập chủng quảng đại hạnh nguyện. Nhất giả, lễ kính chư Phật”* (tức là mười đại nguyện rộng lớn của Ðại Sĩ. Một là lễ kính chư Phật), chúng tôi giới thiệu đơn giản mỗi điều một chút. Chư vị phải biết đối với điều thứ nhất này, mười điều giống như một tòa cao ốc mười tầng, điều thứ nhất là tầng đầu tiên. Chư vị phải biết, chẳng có tầng thứ nhất sẽ không thể có tầng thứ hai, không có tầng thứ hai sẽ không thể có tầng thứ ba. Nói cách khác, tầng sau chắc chắn bao gồm tầng trước, tầng trước chẳng nhất định bao gồm tấng sau. Có lễ kính không nhất định có xưng tán, có xưng tán chắc chắn có lễ kính. Do vậy, chúng ta hiểu rõ: Tu hành phải có thứ tự, không thể nhảy cóc được, ta chẳng cần mấy điều trước, chỉ cần một điều sau, có được hay không? Chắc chắn là chẳng thể được! Lễ kính xếp đầu tiên. Lễ là lễ tiết, đó là nhìn từ biểu hiện bên ngoài; Kính là thành kính, là Tánh Đức trong nội tâm. Tánh Đức lưu lộ ra ngoài sẽ tự nhiên là lễ. Lễ có cần phải học hay không? Có tâm chân thành cung kính, không cần học mà tự nhiên đúng lễ, thật đấy, chẳng giả tí nào! Nếu bên trong chẳng có tâm thành kính, bên ngoài học lễ thì lễ ấy là hư ngụy, chẳng thật, người sáng mắt vừa nhìn đã thấy thấu suốt, giả trất! Cố ý tạo tác! Chúng ta hiểu thực chất của lễ là kính, hết thảy cung kính. Tâm cung kính là Tánh Đức, có sẵn trong tự tánh, không do học được. Nay chúng ta phải học lễ, vì sao? Đã mê mất tự tánh, thời gian mê quá dài, mê quá lâu, nên chẳng còn thấy tâm thành kính nữa, dùng tâm gì? Tâm hư ngụy, tương phản của thành kính là hư ngụy. Ai trong chúng ta chịu thừa nhận chính mình dụng tâm hư ngụy? Đều chẳng thừa nhận, toàn là nghĩ tâm của chính mình là chân tâm; nhưng Phật, Bồ Tát thấy chúng ta dụng tâm hư ngụy, chẳng phải là chân tâm. Hư ngụy là gì? A Lại Da, là vọng tâm, chẳng phải là chân tâm. Giới hạn giữa chân và vọng là gì? Nói theo cách định nghĩa của người hiện thời, dùng điều gì để vạch ranh giới? Chân tâm vĩnh hằng chẳng thay đổi, vọng tâm biến hóa trong từng sát-na. Dùng đạo lý này để hoạch định ranh giới, chúng ta cũng đành chịu phục, đích xác là tâm chúng ta chẳng chân thành, niệm trước diệt, niệm sau sanh, sanh diệt chẳng trụ, chẳng ngừng. Tốc độ nhanh chóng, chúng ta chẳng có cách nào tưởng tượng. Hiện thời, các nhà khoa học Lượng Tử đã phát hiện tốc độ của nó quá nhanh. Phật, Pháp Thân Bồ Tát trong cảnh giới Thiền Định rất sâu đã thấy, [những điều được các Ngài] thấy trong Thiền Định là cảnh giới Hiện Lượng. Thiền Định cực sâu, tốc độ vô cùng nhanh, dẫu dao động tột bậc yếu ớt, các Ngài vẫn có thể thấy rõ ràng. Khoa học hiện thời dùng các máy móc tinh vi để quan sát, còn Phật, Bồ Tát thấy trong Định. Chúng ta chẳng thể không bội phục những nhà khoa học ấy, từ các dụng cụ tinh vi, họ cũng thấy được ba thứ tế tướng của A Lại Da.

      Nói thật ra, những máy móc ấy vẫn chẳng sánh bằng công phu định lực. Máy móc thấy những điều đương nhiên, chẳng biết nguyên do. Trong Thiền Định, Phật, Bồ Tát trông thấy các hiện tượng, [hiểu rõ] căn nguyên vì sao có những hiện tượng ấy, đều thấy thấu suốt. Điều này cho thấy: Nếu so sánh giữa công phu Thiền Định và máy móc khoa học, công phu định lực vượt trội, chẳng có gì sánh bằng được! Nếu chúng ta chọn lựa giữa hai phương pháp, chắc chắn mọi người sẽ chọn Thiền Định. Nếu chúng ta hỏi, khoa học có thể phát hiện căn nguyên hay không? Dựa theo lời đức Thế Tôn đã dạy trong kinh điển, chuyện ấy chẳng thể được. Vì sao? Họ chẳng đoạn tập khí phiền não, sẽ chẳng thấy chân tướng. Tập khí phiền não chướng ngại tự tánh, [nên chỉ] có thể thấy ba tế tướng của A Lại Da. Trong kinh, đức Phật đã giảng, Ngài nói tám thức, công năng của tám thức khác nhau, công năng lớn nhất là thức thứ sáu, tức ý thức. Nay chúng ta gọi thức thứ sáu, tức ý thức, là tư tưởng. Triết gia Tây phương có nói: *“Tôi tư duy, nên tôi tồn tại”* (Ergo cogito, ergo sum). Đức Phật nói: Đối với bên ngoài, tư tưởng có thể duyên đến hư không pháp giới, các nhà Vật Lý Học hiện tại gọi [hư không pháp giới] là “vũ trụ vĩ mô”, thức thứ sáu có thể duyên tới, ắt cần dùng các dụng cụ khoa học tinh vi [để phụ trợ], nó sẽ duyên tới. Đối nội, nó có thể duyên tới A Lại Da. Đức Phật đã nói những lời này từ ba ngàn năm trước, hiện nay đã được chứng thực. Phàm phu chúng ta duyên chẳng tới, các nhà khoa học thông minh sử dụng máy móc, dùng Toán Học, có thể duyên tới, nhưng chẳng duyên được tự tánh, nên vẫn không thể giải quyết vấn đề. Các phát hiện này, nói theo cách bây giờ thì là tri thức (kiến thức), tri thức uyên bác, nhưng chẳng phải là trí huệ. Trong Thiền Định, đức Phật thấy bằng trí huệ. Trí huệ khác với tri thức ở chỗ: Một đằng là đoạn sạch phiền não, một đằng là phiền não vẫn còn. Khoa học gia chưa đoạn phiền não, giống hệt như chúng ta, có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước; nhưng chư Phật Như Lai, Pháp Thân đại sĩ đã đoạn sạch phiền não, chẳng còn. Không chỉ là phân biệt, chấp trước chẳng còn, mà ngay cả khởi tâm động niệm đều không có. Vĩnh viễn chẳng khởi tâm, không động niệm, đó là cảnh giới gì? Nói theo Tịnh Tông sẽ là cảnh giới Thường Tịch Quang. Không khởi tâm, không động niệm, nó có thể khởi tác dụng hay không? Có thể, chúng sanh có cảm, tự nhiên sẽ có ứng, cảm ứng đạo giao, pháp vốn là như vậy. Sống động, chẳng chết cứng, có thể nào chẳng khởi tác dụng? Vì khắp pháp giới hư không giới là một tự thể, Nhất Chân, chỉ có một tự thể này!

      Ngày hôm qua, tôi xem một bản tin do một đồng học hạ tải (download) từ Internet. Hạ tải xong, kể với tôi tin tức ấy, hiện thời các nhà khoa học lại phát hiện điều gì? Trong lỗ đen có vũ trụ, trong vũ trụ chẳng biết có bao nhiêu lỗ đen, trong mỗi lỗ đen đều có một vũ trụ. Chuyện vừa được phát hiện như thế, trong kinh Phật có [đề cập] hay không? Có! Ở đâu vậy? Trong các phẩm Hoa Tạng Thế Giới và Thế Giới Thành Tựu của Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, những điều ấy vẫn thuộc trong phạm vi của thức thứ sáu (ý thức). Quý vị thấy nó (ý thức) có thể duyên tới vũ trụ vĩ mô, và duyên tới A Lại Da là duyên theo vũ trụ vi mô. Vũ trụ vĩ mô và vũ trụ vi mô [ý thức đều duyên được]. Đối với chúng ta mà nói, những điều này đều là chuyện tốt, vì sao? Giúp chúng ta tăng thêm tín tâm đối với Đại Thừa Phật pháp, nhưng để thật sự giải quyết vấn đề, vẫn cần đến Đại Thừa Phật pháp. Khoa học đã giúp đỡ Đại Thừa Phật pháp chẳng ít, giúp gì vậy? Giúp chúng ta kiến lập tín tâm kiên định, chẳng còn hoài nghi, tin vào Giới, Định, Huệ của chính mình, tin tưởng lời đức Phật đã dạy trong kinh: *“Chế tâm nhất xứ, vô sự bất biện”* (Chế tâm một chỗ, không chuyện gì chẳng thực hiện được). Lợi ích thân thiết nhất là giúp cho thân tâm của chúng ta khỏe mạnh, rất có lợi! Bản thân chúng ta dùng ý niệm để điều chỉnh cho thân tâm khỏe mạnh, dụng ý niệm để biến đổi dung mạo đẹp đẽ hơn, chẳng có khuyết điểm gì! Quý vị nói tới thẩm mỹ viện bên ngoài, đó là hại người, phá hoại sinh thái tự nhiên. Dùng ý niệm để sáng tạo sinh thái tự nhiên, đó là chính đáng, thường hằng. Nếu mở rộng ra, gia đình hòa thuận, sự nghiệp thuận lợi, xã hội hòa hài, thiên hạ thái bình, mở rộng đến hoàn cảnh cư trụ của chúng ta, núi, sông, đại địa sẽ vĩnh viễn không có tai biến, do ý niệm đấy! Khoa học phát triển đến cảnh giới này, đối với nhân sinh mới có lợi ích chân thật.

      Chúng ta hiểu rõ chân tướng sự thật, Tánh Đức trong tự tánh tự nhiên lưu lộ ra ngoài. Cốt lõi của Tánh Đức là ái. Cổ nhân Trung Quốc đã nói: *“Phụ tử có thân”* (cha con có tình thân thiết), ở đây, sự thân ái được Phổ Hiền Bồ Tát gọi là “lễ kính”. Lễ kính là ái, là biểu hiện của ái. Chư Phật, [nói tới] chư Phật [tức là] bao gồm hết thảy chúng sanh. Trong kinh, đức Phật thường nói: *“Hết thảy chúng sanh vốn là Phật”*, há có thể chẳng cung kính? Hoàn Nguyên Quán nêu thí dụ, lấy một vi trần [làm thí dụ], quý vị nghĩ xem, đối với một hạt vi trần, chúng ta đều phải lễ kính, huống hồ những thứ khác? Vi trần là cơ bản của vật chất, tất cả hết thảy vật chất đều do vi trần tụ tập; vì thế, danh xưng khoa học của nó là “hạt cơ bản” (elementary particles), trong Phật pháp gọi là một vi trần. Khoa học nói nó là cơ sở của tất cả vật chất, hiện thời cơ sở của mọi vật chất được gọi là lượng tử (quantum), còn nhỏ hơn hạt cơ bản, nhục nhãn chẳng thể thấy lượng tử. Liễu giải chân tướng sự thật, tâm lễ kính tự nhiên sanh khởi, cung kính hết thảy. Người có tâm thành kính, chắc chắn chẳng hại kẻ khác, quyết định sẽ chẳng hại hết thảy vạn vật, kể cả cây cối, hoa, cỏ, núi, sông, đại địa, yêu thương, che chở chúng giống như yêu thương thân nhân chúng ta. Các động thực vật, núi, sông, đại địa như thế sẽ đáp tạ [lòng yêu thương ấy] bằng sự viên mãn, tận thiện, tận mỹ.

      Có thế giới ấy hay không? Có! Kinh Hoa Nghiêm nói đến thế giới Hoa Tạng, trong kinh luận Tịnh Độ nói tới thế giới Cực Lạc, [những thế giới ấy] đều có tình hình như thế. Cư dân bên ấy, ai nấy đều thực hiện mười đại nguyện vương, quý vị thấy đó *“hàm cộng tuân tu Phổ Hiền đại sĩ chi đức”* (đều cùng tuân tu đức của Phổ Hiền đại sĩ), nói rõ điều gì? Nói rõ Tây Phương Cực Lạc thế giới là thế giới của *“Phổ Hiền đại sĩ chi đức”.* Hễ người nào vãng sanh thế giới Tây Phương, người ấy đã tu viên mãn đức của Phổ Hiền đại sĩ. Chẳng tu viên mãn, làm sao đến được? Vì thế, nay chúng ta rất muốn đến, phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, quý vị đọc kinh Vô Lượng Thọ, [cho tới hiện thời] vẫn còn thuộc phẩm Tự, kinh văn của phần Chứng Tín dài lắm, phải chia làm hai đoạn lớn, dài ở phần nào? Dài ở chỗ [nói về] đức của Phổ Hiền đại sĩ. Bởi lẽ, một phẩm kinh này hoàn toàn giảng về đức của Phổ Hiền đại sĩ, người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới ai cũng tu viên mãn những điều đã được nói trong một phẩm này. Chúng ta thật sự muốn vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng thể không làm! Không làm, sẽ chẳng đến được, làm một ít phần cũng được! Coi toàn phần đức của Phổ Hiền đại sĩ là một trăm phần, chúng ta có được một phần sẽ có thể vãng sanh, phẩm vị bên kia cao hay thấp khác nhau, chúng ta chỉ có một phần, vãng sanh thế giới Cực Lạc phẩm vị sẽ thấp một chút. Nếu thật sự làm viên mãn, vãng sanh sẽ là thượng thượng phẩm vãng sanh trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Chúng ta chỉ có một phần, hoặc hai phần, hạ hạ phẩm vãng sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư, được rồi! Có thể vãng sanh là giỏi rồi! Do vậy, phải tu đức của Phổ Hiền đại sĩ, tận tâm tận lực tu, chẳng thể không tu. Đầu tiên là phải học lễ kính, đối với bất cứ ai đều phải có tâm cung kính, đều phải lễ phép. Người khác đối với ta chẳng có, nhưng ta đối với người khác bèn có, đấy là đúng! Nhất định phải thật sự làm thì mới được, niệm A Di Đà Phật suông, chẳng tu đức, sẽ không được! Giải và Hành tương ứng với A Di Đà Phật. Chỉ niệm không tu, chẳng có cách nào! Niệm và thật tu mới thành tựu vô lượng công đức, chớ nên không biết điều này. Trước hết là học lễ kính.

*“Nhị giả, xưng tán Như Lai”* (hai là khen ngợi Như Lai). Quý vị thấy ở đây Ngài chẳng nói khen ngợi chư Phật, mà ngay lập tức thay đổi, chúng ta phải hiểu rõ dụng ý thay đổi danh xưng. Trong kinh, hễ nói “chư Phật” là nói theo Tướng, nói Như Lai là nói theo Tánh. Nói “chư Phật” là nói theo Sự, nói Như Lai là nói theo Lý, quý vị càng thấy rõ ràng hơn! Xưng tán là gì? Xưng tán thì chẳng thể tùy tiện ca ngợi! Kẻ khác chẳng có đức hạnh thật sự, chớ nên khen ngợi; người ta có đức hạnh thì nhất định phải khen ngợi. Cũng có thể nói, người ấy làm lành thì phải khen ngợi; kẻ ấy làm ác, chớ nên khen ngợi. Kẻ làm chuyện tham, sân, si, mạn, há nên khen ngợi? Nếu người ấy tu Giới, Định, Huệ, đáng nên khen ngợi. Bỏ mình vì người, đáng nên khen ngợi. Tự tư tự lợi, chớ nên khen ngợi, phải hiểu những điều này. Qua năm mươi ba lần tham học, Thiện Tài đồng tử đã biểu diễn cho chúng ta thấy, quý vị thấy: Đối với lễ kính chư Phật, Ngài tham phỏng thiện tri thức, xuất gia hay tại gia, nam, nữ, già, trẻ, chẳng bất kính một ai. Trong xã hội, bậc thiện nhân làm lành, cung kính người ấy. Kẻ ác làm ác, gặp gỡ cũng cung kính, chẳng phân biệt. Nói theo Tướng là chẳng có phân biệt; nhưng khen ngợi thì có những trường hợp chẳng khen ngợi. Có lễ kính, có cúng dường, nhưng chẳng khen ngợi. Rõ rệt nhất là ba vị thiện tri thức, chẳng hạn như Thắng Nhiệt Bà La Môn. Thiện Tài đến tham phỏng, có lễ kính, có cúng dường, nhưng chẳng khen ngợi, vì sao? Vị Bà La Môn này [đại diện] cho ngu si, trong tham, sân, si, vị ấy đại diện cho si, nên chẳng khen ngợi vị ấy. Chẳng khen ngợi Cam Lộ Hỏa Vương vì nhà vua đại diện cho sân hận, hết sức nóng nảy. Thiện Tài đồng tử tham phỏng cô Phạt Tô Mật Đa chẳng khen ngợi, vì sao? Cô ta là kỹ nữ, tượng trưng cho tham ái. Quý vị thấy ba vị ấy đại diện tham, sân, si, Thiện Tài đồng tử lễ kính, cúng dường họ, nhưng không khen ngợi, chúng ta phải hiểu điều này. Người nào tâm hạnh phù hợp, nói theo kiểu Trung Quốc là *“hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ”*, chúng ta khen ngợi. Nếu kẻ ấy bất trung, bất hiếu, bất nhân, bất nghĩa, chúng ta lễ kính, cúng dường kẻ ấy, nhưng không khen ngợi. Thiện Tài dạy chúng ta [như vậy]. Danh từ được sử dụng ở đây, chư Phật và Như Lai khác nhau. Trong Phật pháp, người có tâm hạnh tương ứng với Thập Thiện Nghiệp Đạo phải khen ngợi. Kẻ tương ứng với Thập Ác, chẳng khen! Thập Ác là giết, trộm, dâm, dối, tham, sân, si, mạn, đối với kẻ ấy chẳng khen ngợi, nhưng nhất định phải lễ kính, nhất định phải cúng dường, chúng ta phải học điều này!

      Thứ ba, *“quảng tu cúng dường”*, điều này trọng yếu! Quý vị xem nó được đặt thành điều thứ ba, vô cùng trọng yếu! Người trong thế gian bất luận thuộc quốc gia nào, chủng tộc nào, tuy văn hóa khác nhau, tín ngưỡng khác nhau, nhưng tâm cầu của cải giống nhau, tâm cầu trí huệ giống nhau, cầu khỏe mạnh, sống lâu giống nhau, quý vị thấy tối thiểu là ba thứ này giống nhau. Bất luận đi tới đâu, quý vị hỏi người ta có muốn ba thứ ấy hay không? Muốn! Năm xưa tôi ở Mỹ, gần như các thành phố lớn đều đã đi qua, tôi gặp kẻ khác đều hỏi, tôn giáo bất đồng, những người hàng xóm của chúng tôi cũng rất thân thiết, tôi đều hỏi họ có muốn ba thứ ấy hay không? Muốn. Họ cũng chẳng phải là Phật giáo đồ, nhưng hỏi họ, họ muốn! Bất luận tin theo đạo nào, họ đều muốn. Ba thứ ấy do đâu mà có? Đều do rộng tu cúng dường mà có, nhưng họ không biết. Mười năm trước, năm 1999, tôi ở Tân Gia Ba, có duyên phận thường qua lại với chín đại tôn giáo ở Tân Gia Ba [[31]](#footnote-32)[[4]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-49.htm#_ftn4), về sau, chúng tôi rất thân thuộc, đều biến thành bạn thân thiết, rồi chuyện gì cũng đều bàn luận. Có rất nhiều người hỏi tôi: “Thầy rất có tiền, tiền do đâu mà có?” Thật đấy! Trong các tôn giáo, Phật giáo xác thực là có tiền nhất, tiền do đâu mà có? Do bố thí, càng thí càng đưa tới nhiều hơn. Đừng nên hỏi xin tiền người khác, cứ tận hết sức tu bố thí, nó sẽ đưa tới. Dân gian Trung Quốc thờ thần Tài, thần Tài là ai? Chính là đại phu [[32]](#footnote-33)[[5]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-49.htm#_ftn5) Phạm Lãi của nước Việt thời Xuân Thu, có lẽ người bình thường biết đến Phạm Lãi chẳng nhiều lắm, nhưng người biết Tây Thi rất nhiều. Tây Thi là vợ của Phạm Lãi. Thuở trẻ, [Tây Thi] bị quốc vương là Câu Tiễn phái sang nước Ngô, làm gián điệp trước mặt Ngô vương Phù Sai, sưu tập tình báo. Do vậy, nước Ngô lẽ đâu chẳng vong quốc? Nước Ngô đã mất rồi, cô ta trở về ôm lấy chồng, cùng nhau rời khỏi Câu Tiễn, đi buôn bán. Người này thông minh, có trí huệ, yêu nước, thực hiện hy sinh, hiến dâng. Buôn bán được mấy năm bèn phát tài, sau khi phát tài bèn đem của cải cứu giúp nhân dân đói nghèo, tức là tán tài, đi khắp nơi kết duyên, bố thí, cúng dường. Bố thí hết rồi, từ món vốn nhỏ nhoi lại buôn bán, sau hai ba năm lại phát tài, quý vị thấy lịch sử ghi là ông ta *“tam tụ, tam tán”* (ba lần đại phát tài, ba lần phân chia hết tài sản). Trong mạng ông ta có tiền của. Bố thí hết rồi, mấy năm sau lại phát đạt, lại còn phát tài nhiều hơn trước, phát tài rồi lại tán tài, tam tụ, tam tán. Đây là điển hình, khuôn mẫu cho giới thương nhân. Vì thế, người Trung Quốc coi ông ta là Tài Thần, trong quá khứ thờ Tài Thần là thờ Phạm Lãi. Tôi thấy ở Đài Loan cũng thờ thần tài, nhưng xem ra là ai? Quan Công! Quan Công chẳng dính dáng gì đến phát tài. Quan Công tượng trưng cho nghĩa khí, trong mười hai đức mục, Quan Công đại diện cho lễ nghĩa liêm sỉ, trọn chẳng tượng trưng cho của cải. Thờ Phạm Lãi làm Tài Thần thì có lý, phải học tập ông ta quý vị mới có thể phát tài. Do vậy, bố thí hết sức trọng yếu. Kẻ muốn phát tài, hãy tu tài bố thí. Của cải chẳng dành cho chính mình, của cải phải vì quảng đại quần chúng, quý vị mới thật sự phát tài.

      Chúng ta muốn thông minh, trí huệ, hãy nên tu pháp bố thí, quả báo của pháp bố thí là thông minh trí huệ. Quả báo của vô úy bố thí là được khỏe mạnh, sống lâu. Vô úy là gì? Khi người khác gặp khó khăn, hoặc lúc họ kinh hoảng, sợ hãi, quý vị có thể giúp người ấy hóa giải, khiến cho người ấy thân tâm bình an, đó là vô úy bố thí, quả báo là được khỏe mạnh, sống lâu. Tu vô úy bố thí thuận tiện nhất, đơn giản nhất là ăn chay, đừng ăn thịt chúng sanh. Quý vị thấy chúng sanh khi bị giết đáng thương lắm, chúng chẳng có năng lực chống cự, bị quý vị giết, ăn, nỗi oán hận của chúng vĩnh viễn chẳng hóa giải! Do vậy, trong kinh, đức Phật có dạy chúng ta hai câu danh ngôn: *“Dục tri thế gian đao binh kiếp”* (muốn biết kiếp nạn đao binh trên thế gian), đao binh kiếp là chiến tranh. Nếu quý vị thật sự muốn biết chiến tranh trên thế gian này do đâu mà có, vì sao có chiến tranh? Nếu mong cho thế gian này vĩnh viễn không có chiến tranh, đức Phật có dạy một câu: *“Trừ phi chúng sanh bất ngật nhục”* (trừ phi chúng sanh chẳng ăn thịt). Nếu chúng sanh chẳng ăn thịt nữa, chiến tranh trên thế gian này chẳng còn nữa. Nói cách khác, chiến tranh là do chúng ta ăn thịt, đó thật sự là nhân tố thứ nhất, oan oan tương báo, chẳng xong, chẳng kết thúc. Vì thế, không sát sanh, không ăn thịt là vô úy bố thí. Tích cực hơn nữa, khi chúng ta thấy chúng sanh bị bắt, bị giết, có thể cứu một mạng cho chúng, bèn dùng tiền chuộc để phóng sanh, đó là chuyện tốt. Cứu cho chúng một mạng, chúng sẽ cảm ân đội đức quý vị, đó là vô úy bố thí. Phạm vi của vô úy bố thí cũng vô cùng rộng lớn, chúng ta phải biết tu công đức ấy như thế nào, đó cũng là tu công đức khỏe mạnh, sống lâu. Phải yêu thương, che chở tiểu động vật, cây cối, hoa, cỏ, vì sao? Chúng nó đều có linh tánh. Trong Phật môn, giới luật của người xuất gia có câu: *“Thanh tịnh tỳ-kheo bất đạp sanh thảo”*(tỳ-kheo thanh tịnh chẳng giẫm lên cỏ tươi). Cỏ mọc rất tươi tốt, quý vị đạp lên nó để đi, nó có vui lòng hay chăng? Chẳng phải là nó không có tri giác, nó có thể thấy, nghe, hiểu ý nghĩ con người. Không chỉ cây cối, hoa, cỏ có Thọ, Tưởng, Hành, Thức, kể cả núi, sông, đại địa, bùn, cát, đá đều có thể thấy, nghe, hiểu ý nghĩ của con người. Vì thế, phải cung kính hết thảy, do đạo lý này, chúng nó chẳng phải là vô tri, chết cứng. Do vậy, chúng ta đối với hết thảy mọi vật đều phải cung kính, vì vật chất và tinh thần vĩnh viễn nối liền, vĩnh viễn không thể tách rời! Trong kinh, đức Phật dạy, trong một hạt trần sa, hiện thời các nhà Lượng Tử Lực Học cũng phát hiện, trong một hạt vi trần có thông tin viên mãn của toàn thể vũ trụ. Do đó, Hiền Thủ đại sư bảo một vi trần trọn khắp pháp giới, xuất sanh vô tận. Vi trần còn như thế, hà huống cây cối, hoa, cỏ, hết thảy các động vật? Vì thế, chúng ta hiểu đạo lý này, quảng tu cúng dường mới là thật sự cúng dường chính mình, khiến cho chính mình có của cải vô tận, trí huệ, tướng hảo đều từ chỗ này mà có. Chư Phật, Bồ Tát thật sự làm.

      Thứ tư, *“sám hối nghiệp chướng”*. Ba thứ trước đều là Tu Đức, tích công lũy đức. Nếu chẳng sám trừ nghiệp chướng, công đức do quý vị tu tập, tích lũy sẽ bị rò rỉ, giống như chúng ta cầm một cái chén đựng nước, phía trên rót nước vào, nhưng dưới đáy bị nứt, bị rò, sẽ rỉ mất, quý vị chẳng chứa đựng công đức được. Ắt phải vá lỗ rò ấy, nghiệp chướng là lỗ rò, nó tổn hao công đức, phải vá kỹ nó. Dùng phương pháp gì để vá? Sám hối. Dùng phương pháp gì để sám hối? Phàm phu chúng ta luân hồi trong lục đạo, mê mất tự tánh, chẳng biết chỗ tốt đẹp do tu điều lành, cứ tạo tác cả đống ác nghiệp, giết, trộm, dâm, dối, tham, sân, si, mạn, có ai chẳng tạo? Chính mình cũng không phải là ngoại lệ. Sau khi học Phật mới hiểu rõ, làm sai rồi! Trật rồi, đã sai lầm mất rồi! Không sao! Hy vọng từ nay trở đi chẳng làm sai nữa, đó là đúng. Chương Gia đại sư dạy tôi phương pháp sám hối, “sau này chẳng tạo nữa”, đó là chân sám hối. Sám trừ nghiệp chướng, theo như Khổng môn, Khổng phu tử có một học trò tu sám trừ nghiệp chướng tốt đẹp nhất, người ấy cũng là học trò đắc ý nhất của Ngài, tức Nhan Hồi. Quý vị thấy phu tử tán thán Nhan Hồi *“bất nhị quá”*, tức là chỉ phạm khuyết điểm một lần, sau khi đã biết rồi, tuyệt đối chẳng phạm sai lầm đã phạm trước đây. Đó là chân sám hối. Trong Phật pháp dạy chúng ta *“phát lộ sám hối”*, [tức là] chính mình đã làm chuyện sai quấy, chớ nên bưng bít, phải có dũng khí bày tỏ khuyết điểm của chính mình khiến cho mọi người đều biết. Dụng ý ấy rất sâu! Quý vị hướng về mọi người công bố rồi, vẫn chẳng biết xấu hổ mà tái phạm ư? Nếu tái phạm, người ta sẽ nói: “Vài hôm trước, ngươi đã phạm, cớ sao ngươi lại phạm?” Do vậy, đối với chính mình sanh ra sức ước thúc có tác dụng rất lớn, lợi ích thật sự của phát lộ sám hối chính là ở chỗ này, vừa cổ vũ, khích lệ người khác, vừa bày tỏ khuyết điểm của chính mình, quyết định sau này chẳng tạo nữa, đó là chân sám hối. Dẫu sám hối phát lộ, sau đấy vẫn tạo thì chẳng phải là chân sám hối. Trong danh từ này, Sám là tiếng Phạn, dịch âm tiếng Ấn Độ là Sám Ma (ksama), người Hoa tỉnh lược âm cuối, dùng một chữ Sám. Hối là tiếng Hán, [chữ Sám] có ý nghĩa rất gần với chữ Hối, nên kết hợp hai chữ Phạn và Hán, như thế gọi là *“Phạn Hoa hợp dịch”*, gộp chung lại để phiên dịch. Vì thế, Sám Hối có ý nghĩa thật sự là “về sau chẳng tạo nữa, chẳng phạm lần thứ hai”, đó là chân sám hối. Chớ nên che giấu, bưng bít tội nghiệp. Giấu diếm thì tội nhỏ biến thành tội lớn, tội lớn biến thành trọng tội, phiền phức to. Thật sự hối lỗi, sửa lỗi, đổi mới, về sau chẳng tạo nữa, nghiệp chướng tiêu trừ. Nghiệp chướng đã tiêu trừ, công đức của quý vị mới có thể tích lũy. Nghiệp chướng chẳng tiêu trừ, giấu diếm tội nghiệp do chính mình đã tạo, chẳng muốn nói với người khác, sợ kẻ khác biết, dẫu quý vị làm nhiều chuyện tốt đến mấy, vẫn chẳng có cách nào bù đắp tội nghiệt (mầm mống tội lỗi) của chính mình. Nói theo Phật pháp, sau khi chết, vẫn phải đọa địa ngục, đáng sợ ngần ấy! Nhất định phải giải quyết vấn đề trong một đời này; nếu đời này chẳng thể giải quyết, nói “sau khi chết sẽ giải quyết”, đâu có đơn giản như vậy! Vì sao? Con người sau khi đã chết, so với hiện tại càng hồ đồ hơn, thần trí chẳng có cách nào nhạy bén như trong hiện tại! Ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục thua kém nhân đạo quá xa! Do vậy, chúng ta được làm thân người thì điều tốt đẹp là có thể sám hối nghiệp chướng, đoạn ác, tu thiện, tích công lũy đức, đều được thành tựu trong một đời này, chớ nên đợi đến đời sau. Trong đời này, gặp gỡ pháp môn Tịnh Độ, được nghe mười đại nguyện vương, mười đại nguyện vương được xếp trong Chứng Tín Tự của bộ kinh này, quý vị nói xem ý nghĩa sâu chừng nào? Đấy là trí huệ chân thật, thiện xảo phương tiện của Phật, Bồ Tát nhằm nhắc nhở chúng ta. Sám hối thông với hết thảy Phật pháp, Đại Thừa, Tiểu Thừa, Hiển Giáo, Mật Giáo, Tông Môn, Giáo Hạ, tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn, môn nào cũng đều là pháp môn sám hối.

      Thứ năm, *“tùy hỷ công đức”*. Tùy hỷ công đức là phá trừ ganh ghét, ngạo mạn. Ganh ghét, ngạo mạn là đại phiền não, vì sao con người tạo nghiệp? Chủ yếu đều là ở chỗ này, thấy người khác có chuyện tốt đẹp, chính mình chẳng bằng kẻ ấy, lòng ganh ghét, ngạo mạn dấy lên, nghĩ hết mọi phương cách để gây chướng ngại, phá hoại kẻ ấy. Nếu chúng ta hỏi, người tu tùy hỷ công đức, tu Phổ Hiền hạnh nguyện, có thật sự bị kẻ ấy chướng ngại, phá hoại hay không? Chẳng có! Bất luận dùng thủ đoạn gì, hủy báng người ấy cũng thế, lăng nhục người ấy cũng thế, hãm hại người ấy cũng thế, người ấy thật sự chẳng bị hại. Không chỉ chẳng bị hại, mà còn được thành tựu. Các bằng hữu đọc kinh Kim Cang rất nhiều, trong kinh Kim Cang có một câu chuyện, Nhẫn Nhục tiên nhân bị vua Ca Lợi cắt chặt thân thể, rất nhiều người biết chuyện ấy. Nhẫn Nhục tiên nhân là tiền thân của Thích Ca Mâu Ni Phật, vua Ca Lợi có tổn hại được Ngài hay không? Chúng ta thấy là tổn hại, nhà vua lăng trì xử tử Nhẫn Nhục tiên nhân, thủ đoạn rất tàn khốc để giết chết Nhẫn Nhục tiên nhân; nhưng nhìn về phía Nhẫn Nhục tiên nhân, [những hành động ấy] thành tựu ông ta, viên mãn Nhẫn Nhục Ba La Mật! Chịu tai nạn như vậy, chẳng có chút tâm oán hận nào, điều này chẳng dễ dàng! Một chút tâm oán hận cũng chẳng có. Không chỉ chẳng có tâm oán hận tâm, mà còn sanh khởi tâm báo ân. Báo ân gì vậy? Thành tựu viên mãn Nhẫn Nhục Ba La Mật cho Ngài, giống như khảo thí, vượt được cái ải ấy, vừa vượt qua bèn thành Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật đã thành Phật! Khi ấy, vua Ca Lợi hỏi Ngài: “Ngươi có oán hận hay không?” “Chẳng có! Trong tương lai, ta thành Phật, người sẽ độ thứ nhất là bệ hạ”. Thích Ca Mâu Ni Phật thành Phật, người thứ nhất đắc độ là tôn giả Kiều Trần Như, Kiều Trần Như là vua Ca Lợi thuở ấy. Làm sao quý vị có thể hại nổi người thật sự tu đạo? Chẳng thể nào! Nhưng quý vị hại người ấy có tội hay không? Có tội. Tội kết ở chỗ nào? Chẳng phải là kết từ chỗ Nhẫn Nhục tiên nhân. Nhẫn Nhục tiên nhân tu sáu Ba La Mật, Nhẫn Nhục là chủ tu, năm thứ kia là trợ tu, một chủ, năm bạn. Ngài trụ trong thế gian giáo hóa rất nhiều chúng sanh, quý vị giết chết Ngài, những người tiếp nhận sự giáo hóa của Ngài chẳng có thầy, do công phu chẳng đủ, bèn bị thoái chuyển! Quý vị phải lãnh cái tội ấy, vua Ca Lợi phải gánh cái tội ấy. Vua Ca Lợi giết Nhẫn Nhục tiên nhân, mắc tội, hủy hoại duyên phận đắc độ của hết thảy chúng sanh, tội lỗi ấy là địa ngục A Tỳ, cho nên vua Ca Lợi đọa địa ngục A Tỳ. Chỉ có Phật pháp giảng rõ ràng, rành rẽ nghiệp nhân quả báo này!

      Mở đầu kinh Phát Khởi Bồ Tát Thù Thắng Chí Nhạo cũng có một câu chuyện giống như vậy. Có hai người xuất gia giảng kinh, thuyết pháp, giảng rất hay, người tin tưởng rất đông, nay chúng ta nói là quy y nhiều, cúng dường cũng nhiều, sanh tâm cung kính thầy. Có người xuất gia khác thấy vậy, dấy tâm ganh ghét, trong lòng khó chịu, tung tin đồn trong giới tín đồ: “Vị pháp sư này tuy giảng kinh khá lắm, nhưng thiếu đức hạnh”, ác ý hủy báng. Sau khi thính chúng nghe lời đồn đại, tín tâm đối với pháp sư dấy lên hoài nghi, thoái chuyển cũng rất nhiều, đã phá hoại pháp hội đạo tràng giảng kinh của pháp sư rồi! Có năm người xuất gia đọa địa ngục. Thật ra, kết tội ở chỗ nào? Đoạn dứt thiện tâm và duyên nghe pháp của thính chúng, kết tội ở chỗ này. Hai vị pháp sư giảng kinh ấy chẳng oán hận kẻ phá hoại, hai vị cũng thành tựu Nhẫn Nhục Ba La Mật. Vì thế, hại người, người chẳng bị hại, cuối cùng hại đến ai? Hại chính mình. Đối tượng bị quý vị làm hại chẳng bị hại, nhưng do duyên phận nghe pháp của cả đống người bị quý vị đoạn dứt, quý vị hãm hại những người ấy, gây hại cho thính chúng ấy, chứ chẳng hại được vị pháp sư ấy, quý vị nói có oan uổng hay không? Trong tâm muốn hại người nhưng chẳng hại được, đối với những kẻ chẳng mong hãm hại, quý vị lại hại nhóm người đó, đấy là gì? Ngu si, thiếu trí huệ!

      Nếu kẻ ấy thông minh, thấy rõ ràng, sẽ chẳng làm chuyện này, mà sẽ làm như thế nào? Tùy hỷ công đức. Vị pháp sư ấy nhọc nhằn giáo hóa đồ chúng, người nhiều ngần ấy được lợi ích, thành tựu do pháp sư dạy dỗ. Nếu kẻ ấy thông minh, sẽ nắm được toàn bộ công đức của pháp sư, có thể hay không? Có thể chứ! Tán thán, cung kính vị pháp sư đó, làm cho nhiều tín đồ đều đến tiếp nhận giáo huấn của pháp sư ấy, pháp sư dạy họ thành công, do công lao của ai? Công lao của người giới thiệu. Quý vị thấy: Đều do tôi đưa quý vị đến. Nếu tôi không đưa đến, do đâu mà quý vị biết? Công đức tùy hỷ và công đức của pháp sư to như nhau, có khi còn trội hơn. Nếu quý vị ảnh hưởng nhiều người, sẽ vượt trội nhiều lắm. Lợi ích người khác là lợi ích chính mình thật sự, hại người khác thật ra là hại chính mình, chúng ta nhất định phải hiểu đạo lý này. Người hiểu rõ đạo lý này, trong quá khứ, khi chúng tôi còn trẻ, chưa học mười nguyện Phổ Hiền, chẳng biết, đến khi gặp phải tình hình như vậy, trong tâm rất khó chịu. Học mười nguyện Phổ Hiền rồi mới biết, hoảng nhiên đại ngộ, nguyên lai chính mình quả thật chẳng bị chướng ngại, bị chướng ngại là kẻ khác, là quần chúng. Nhưng trong xã hội hiện thời, khoa học kỹ thuật phát triển, chúng ta lợi dụng công cụ khoa học kỹ thuật cao, tốt lắm! Đưa Phật pháp đến gia đình của mỗi cá nhân, đó là gì? Giảm bớt ganh ghét, chướng ngại xung đột. Thính chúng đến đây chẳng nhiều lắm, mấy người, kẻ khác thấy quý vị thính chúng chẳng nhiều, cũng coi như chẳng đáng kể! Thính chúng của quý vị càng đông, trong tâm họ càng khó chịu, sức ganh ghét, chướng ngại càng mạnh. Họ thấy quý vị chẳng được mấy người, cũng là chẳng đáng kể gì [nên không quấy rối]! Vì thế, khoa học kỹ thuật, công nghệ cao cũng giúp nhiều đồng tu nghe pháp, giác ngộ, y giáo phụng hành hơn, đạt được lợi ích chân thật.

      Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, phải biết tu tùy hỷ công đức. Tu tùy hỷ đạt được công đức chiếm tiện nghi rất nhiều, vì sao? Bỏ công sức rất ít, thâu được hiệu quả quá lớn. Thí dụ như giảng kinh, pháp sư giảng kinh còn phải chuẩn bị bài giảng, còn phải nhọc nhằn giảng trên giảng đài, kẻ khác ở bên cạnh khuyên mấy người đến nghe, công đức bình đẳng với pháp sư, quý vị nói xem người nào được lợi hơn? Hiểu rõ chuyện này, nhãn quang của chúng ta phải nhìn xa hơn một chút, nhìn to hơn một chút, Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật nhọc nhằn! Năm kiếp tu hành kiến lập thế giới Cực Lạc, vất vả ngần ấy; quý vị thấy mười phương chư Phật, Bồ Tát đều khuyên dạy người khác đến thế giới Cực Lạc, tu hành, tiếp nhận giáo huấn. Phật Di Đà ở nơi ấy nhọc nhằn răn dạy, các Ngài chỉ là khuyên lơn, hướng dẫn người khác, công đức trỗi vượt A Di Đà Phật. Quý vị thấy người sang Tây Phương Cực Lạc thế giới đông ngần ấy, vì sao? Do hết thảy chư Phật khuyên lơn, hướng dẫn. Thích Ca Mâu Ni Phật khuyên lơn bọn đệ tử chúng ta trong thế giới Sa Bà hãy cầu sanh Tịnh Độ, Thích Ca Mâu Ni Phật rất thoải mái, rất đỡ tốn công. Quý vị nghiệp chướng quá nặng, tiêu tan nghiệp chướng chẳng dễ dàng, hãy đến thế giới Cực Lạc, A Di Đà Phật sẽ giúp quý vị tiêu tan. Mê quá sâu, thời gian mê quá dài, phá mê khai ngộ chẳng dễ dàng, hãy đến thế giới Cực Lạc, đều tìm A Di Đà Phật, Ngài có cách giúp đỡ quý vị. Quý vị thấy Thích Ca Phật chỉ cần nói mấy câu ấy, người ta đến Tây Phương Cực Lạc thế giới làm Phật, cảm ơn ai? Cảm ơn Thích Ca Mâu Ni Phật. Không có Thích Ca Mâu Ni Phật, làm sao biết thế giới Cực Lạc, làm sao biết đến chỗ nào? Vì thế, thành tựu của Thích Ca Thế Tôn và thành tựu của A Di Đà Phật chẳng hai, chẳng khác, tùy hỷ công đức mà! Đây là người thông minh bậc nhất, phải hiểu đạo lý này, tùy hỷ sẽ đạt được công đức chân thật.

      Thứ sáu, *“thỉnh chuyển pháp luân”*. Điều này đòi hỏi phải có phước báo kha khá, phải có trí huệ. Tùy hỷ dễ dàng, người thiếu phước báo cũng có thể thành tựu đại phước báo. Thỉnh chuyển pháp luân chẳng dễ dàng, thỉnh pháp sư đến nơi này giảng một bộ kinh [chẳng dễ dàng]. Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, trưởng giả Cấp Cô Độc nhận biết Phật giáo, biết Phật pháp tốt đẹp, hy vọng lễ thỉnh đức Thế Tôn đến đại thành Xá Vệ giảng kinh, giáo học. Tìm không được địa điểm thích đáng vì mọi người đều biết Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng đến một mình. Nếu Ngài đến, cũng phải tiếp đãi đệ tử Thường Tùy Chúng gồm một ngàn hai trăm năm mươi lăm người. Tìm được hoa viên và biệt thự của Thái Tử Kỳ Đà, cơ sở ấy rất thích hợp. Ông ta có tiền, trưởng giả Cấp Cô Độc giàu có, là bậc đại phú trưởng giả, tính mua hoa viên của Thái Tử, tìm Thái Tử thương lượng. Thái Tử Kỳ Đà nói giỡn: “Ông muốn mua hoa viên của ta? Được! Ông đem vàng ròng lót đi, lót được bao nhiêu, ta bán cho ông bấy nhiêu”. Ông ta thật sự dùng vàng ròng lót. Thái Tử Kỳ Đà cảm động: “Thích Ca Mâu Ni Phật là người như thế nào mà ông bỏ [tiền của] như vậy?” Ông ta giới thiệu Thích Ca Mâu Ni Phật với Thái Tử Kỳ Đà, Thái Tử Kỳ Đà nói: “Không được! Công đức này ông chẳng thể làm một mình, ta phải có một nửa”. Trưởng giả Cấp Cô Độc nói: “Không được! Ngài đã hứa bán, tôi đã mua hoàn toàn, tôi đã dùng vàng ròng lót hết rồi!” Rốt cuộc, thái tử Kỳ Đà cũng rất thông minh: “Được! Ông có thể lót vàng ròng, nhưng hoa, cỏ, cây cối trong hoa viên này của ta rất nhiều, ông chẳng phủ vàng lên hoa, cỏ, cây cối, nên hoa, cỏ, cây cối là của ta, ta chặt trụi hết, biến thành một bãi đất hoang!” Cuối cùng thỏa thuận, được rồi! Đất là của trưởng giả Cấp Cô Độc, hoa, cỏ, cây cối là của Thái Tử Kỳ Đà, nên gọi là Kỳ Thụ Cấp Cô Độc Viên (cây của thái tử Kỳ Đà, vườn của ông Cấp Cô Độc). Quý vị thấy quý vị không có cơ sở, làm sao có thể thỉnh Ngài? Đó là “thỉnh chuyển pháp luân”, ắt phải là đại phú đại quý mới có sức ảnh hưởng như thế được!

      Thỉnh Phật chuyển pháp luân là giảng kinh, dạy học, công đức ấy to lớn. Nói theo mặt Sự, công đức và phước đức giống nhau, nhưng dụng tâm khác nhau. Hoàn toàn nhằm lợi ích người khác, thỉnh Phật đến đây giảng kinh, làm cho nhiều người tiếp nhận giáo huấn của đức Phật, không vì chính mình, chính mình chẳng có mảy may tham cầu nào! Đó là công đức. Nếu khi thỉnh Phật đến giảng kinh, thuyết pháp, hồi hướng công đức ấy cho ta, phù hộ ta bình an, phù hộ gia đình ta sự nghiệp phát đạt, sẽ biến thành phước đức, do ý niệm khác nhau! Làm sao chúng ta biết chuyện họ làm là công đức? Thái Tử Kỳ Đà và trưởng giả Cấp Cô Độc đều là Bồ Tát hóa thân, một vị Phật xuất thế, ngàn vị Phật ủng hộ, các Ngài chẳng phải là phàm phu, biểu diễn cho chúng ta xem, nhằm bảo cho chúng ta biết đây là chuyện tốt đẹp. Nếu quý vị muốn tu phước, phước báo lớn nhất, phước lớn nhất là gì? Giúp người khác phá mê khai ngộ. Ta chẳng có năng lực, Phật có trí huệ, Phật thông minh, thỉnh Ngài đến giáo học, đến thành tựu công đức ấy. Dụng ý ở chỗ này, chúng ta chớ nên không biết điều này.

      Ngày nay, chúng ta hiểu, một vị pháp sư hoặc cư sĩ thật sự tu hành đúng như lời dạy, vị ấy có thể thành tựu. Sau khi thành tựu, ở trong thế gian này giảng kinh, thuyết pháp độ bao nhiêu chúng sanh! Do vậy, chúng ta biết rõ: Có thể bồi dưỡng một, hai pháp sư, thành tựu họ, trong tương lai, vị ấy thành tựu trong một đời; đó là thành tựu người hộ pháp. Công đức ấy thù thắng, hoặc phước đức ấy lợi ích vô biên. Nhất là trong thời đại hiện tại, giáo huấn của cổ thánh tiên hiền đang ở ranh giới tồn tại hay mất đi, tiếp tục hay tuyệt diệt. Nếu chẳng có ai cứu vãn, thế hệ sau không có ai kế tục, giáo huấn của thánh hiền sẽ bị gián đoạn nơi đây, chẳng còn nữa! Nhận biết có mấy người thật sự phát tâm, thật sự muốn học, hãy toàn tâm toàn lực bồi dưỡng họ, giúp đỡ họ, đó là gì? Cứu vãn Phật pháp, cứu vãn đại đạo của cổ thánh tiên hiền. Chúng ta không bàn đến công đức, mà bàn đến chuyện người thế gian mong cầu phước, phước báo của quý vị ở chỗ nào? Thưa thật cùng quý vị, chẳng khoa trương mảy may, đời sau quý vị sẽ làm thiên vương trên cõi trời, chẳng phải là đế vương trong nhân gian. Đế vương trong nhân gian chẳng có phước báo lớn như thế, phải hiểu điều này!

      Hiện thời, phước bậc nhất là gì? Bồi dưỡng nhân tài, thầy trò tốt đẹp, toàn tâm toàn lực thực hiện, khuynh gia bại sản, vứt bỏ tánh mạng cũng phải làm. Quả báo của quý vị là trên cõi trời, trên trời có sáu tầng, mỗi tầng sau thù thắng hơn tầng trước. Người có trí huệ chân thật, người có phước báo chân thật mới có thể đến đó. Do vậy, quý vị có thể biết: Nếu chướng ngại vị pháp sư hoặc những người có thể thành tựu ấy, chướng ngại họ, hủy báng họ, hãm hại họ, chẳng phải là quý vị hại một mình người ấy, mà là đoạn dứt toàn bộ Phật pháp, chướng ngại toàn bộ giáo huấn của thánh hiền, tội lỗi ấy [có quả báo] là địa ngục A Tỳ. Quý vị giết một ức người, tội vẫn còn nhỏ, chướng ngại sự giáo huấn của thánh hiền, tội lỗi ấy không chỉ là giết một ức người. Đối với công đức, họa - phước, cát - hung, hãy chú tâm quan sát và tư duy, quý vị sẽ liễu giải. Thời cổ có người làm như vậy, như trưởng giả Cấp Cô Độc thỉnh Thích Ca Mâu Ni Phật đến giảng kinh, ông ta cũng chưa giảng một bộ kinh nào, mà dùng vàng ròng lót đất, bỏ sạch tài sản cũng phải làm. Vì sao? Ông ta hiểu rõ, thông hiểu, chẳng ngu xuẩn! Ông ta thật sự học Phật, tâm thanh tịnh, đã thành Phật, vẫn mong hưởng thụ phước báo trong nhân gian, cõi trời, bèn sanh lên trời!

      Thứ bảy, *“thỉnh Phật trụ thế”*. Đây là thời đức Phật tại thế, thỉnh Ngài trụ thế lâu dài để giáo hóa chúng sanh nhiều hơn. Chư Phật Như Lai, Pháp Thân đại sĩ ngự trong thế gian này do duyên phận. Thuở ấy, khi Thích Ca Mâu Ni Phật thành đạo, không ai biết, người bình thường chỉ thấy Thích Ca Mâu Ni Phật ngồi dưới cội Bồ Đề, ai biết Ngài đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh? Không ai biết. Do không ai biết, không có ai thỉnh pháp, Phật sẽ ra đi, diệt độ. Coi như là xong! Chư thiên thuộc Ngũ Bất Hoàn Thiên trong Tứ Thiền Thiên trông thấy. Từ cõi trời họ thấy Thích Ca Mâu Ni Phật khai ngộ dưới cội Bồ Đề, đã thành Phật, không có ai khải thỉnh, họ từ trời xuống, huyễn hóa thành hình dạng con người, cùng nhau khải thỉnh, thỉnh Phật trụ thế, thỉnh Phật giảng kinh, giáo hóa chúng sanh. Thích Ca Mâu Ni Phật nhận lời, chẳng nhập diệt. Lúc ấy, Ngài mới từ gốc Bồ Đề đứng lên, đi đến Lộc Dã Uyển gần đó không xa. Trong Lộc Dã Uyển có năm người, đều là họ hàng của Ngài. Khi Ngài rời khỏi gia đình, năm vị ấy đi theo, chăm sóc cuộc sống hằng ngày của Ngài. Ngài tìm năm người ấy thuyết pháp cho họ. Trong năm người ấy có Kiều Trần Như. Kiều Trần Như nghe đức Thế Tôn thuyết pháp cũng giác ngộ, chứng quả A La Hán, cũng là buông Kiến Tư phiền não xuống. Đó là thỉnh Phật trụ thế.

      Phật ở trong thế gian, độ kẻ hữu duyên, kinh nói rất hay: *“Phật chẳng độ kẻ vô duyên”*. Vô duyên là gì? Không tin, không hiểu, chẳng thể lý giải, quý vị giảng kinh cho kẻ ấy, kẻ ấy chẳng hiểu, chẳng thể tiếp nhận, đương nhiên càng không thể y giáo phụng hành, người như vậy gọi là kẻ vô duyên. Ta nghe xong tin tưởng, tuy không hiểu, ta cũng không làm được, vẫn là có duyên với Phật, duyên ấy là gì? Duyên cạn, chẳng sâu! Có thể tin, có thể hiểu, duyên sâu hơn một chút. Có thể hành, càng sâu hơn. Có thể chứng, vãng sanh là chứng, đó là căn đã chín muồi! Do vậy, Phật đến thế gian, ưu tiên bậc nhất là độ chúng sanh [căn cơ] đã chín muồi, họ chắc chắn có thể thành Phật. Khi đức Phật tại thế, người căn tánh nhạy bén rất nhiều, nghe đức Phật thuyết pháp, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, có hạng người này! Đại triệt đại ngộ nhưng vẫn còn có chỗ chưa làm được thì gọi là giải ngộ, đức Phật ở trong thế gian nhằm giúp người ấy thăng tiến. Có người trong hai ba năm từ giải ngộ đạt đến chứng ngộ, có những người bảy, tám năm, có những người mười mấy năm, hai mươi mấy năm đều có, căn tánh mỗi người khác nhau. Vì thế, đức Phật dạy mọi người, căn tánh khá cạn, có thể tin, nhưng vẫn chưa thể lý giải, quý vị thấy trước hết đức Phật nói A Hàm mười hai năm, giúp họ tăng tấn. Mười hai năm ấy là giáo dục cơ sở, là Tiểu Thừa. Tiếp theo đó là Phương Đẳng tám năm, tiến nhập Đại Thừa, là lớp dự bị của Đại Thừa. Lại Bát Nhã hai mươi hai năm, thuần là Đại Thừa, cũng có thể nói là trong suốt cuộc đời giáo học của đức Thế Tôn, khoa mục này là khoa mục chủ yếu, khoa mục cốt lõi. Trong bốn mươi chín năm, khoa mục này giảng hết hai mươi hai năm. Cuối cùng, Pháp Hoa tám năm, giống như chương trình nghiên cứu sinh. Pháp Hoa là quy về pháp Nhất Thừa, thành Phật. Bát Nhã là Bồ Tát. Từng tầng một nâng người ta cao lên, những người này đều là kẻ hữu duyên.

      Chưa thể đại triệt đại ngộ, chưa thể minh tâm kiến tánh, nhưng cũng có cơ sở khá tốt, những người này dành lại cho ai? Kinh giảng rất rõ ràng, dành cho Di Lặc Bồ Tát đến độ. Vì thế, trong tương lai Di Lặc Bồ Tát thành Phật, [những người đắc độ trong] Long Hoa tam hội, là những người chưa minh tâm kiến tánh, chưa chứng quả trong hội của Thích Ca Mâu Ni Phật, trong tương lai đều sẽ thành tựu trong hội ấy. Trong một thời gian lâu dài như thế, Địa Tạng Bồ Tát thay Phật giáo hóa chúng sanh, duy trì cho chúng sanh cục diện ấy, cũng là từ từ nâng họ cao lên hòng chẳng đến nỗi thoái chuyển. Địa Tạng Bồ Tát lấy gì làm trung tâm trong giáo học? Thưa quý vị, “hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy”, phải biết điều này! Những điều ấy là hiếu và kính. Hiếu kính là pháp căn bản của pháp thế gian và xuất thế gian, hết thảy thiện pháp đều sanh từ hiếu kính. Hiếu kính không có thì thiện pháp đều không có! Hết thảy các pháp nếu đặt vững căn cội trên hiếu kính thì chúng ta biết pháp ấy là chánh pháp. Vì sao? [Hiếu kính là] đức bậc nhất trong Tánh Đức. Đã nắm được cốt lõi của Tánh Đức, lẽ đâu chẳng thành tựu?

      Trong mười nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát, nếu nói về nguyện chỉ có bảy điều ấy, bảy điều ấy là nguyện, cổ đại đức bảo ba điều sau là hồi hướng. *“Thường tùy Phật học”* là hồi hướng Bồ Đề, *“hằng thuận chúng sanh”* là hồi hướng chúng sanh, *“phổ giai hồi hướng”* là hồi hướng pháp giới, cũng là hồi hướng Tánh Đức. Câu *“thường tùy Phật học”*vô cùng trọng yếu, *“thường”* là vĩnh viễn chẳng gián đoạn, chúng ta học theo ai? Học theo Phật, chẳng sai, vì sao? Phật là bậc đại triệt đại ngộ, phước huệ viên mãn. Nói theo Lý, phước huệ trong tự tánh của chúng ta và phước huệ của Như Lai không hai, không khác, nhưng chúng ta đã mê, mê mất rồi, Phật giác ngộ, chẳng mê. Chúng ta mong mỏi phước huệ trong tự tánh của chính chúng ta hiện tiền, chúng ta đi theo Ngài sẽ chẳng sai. Ngài thị hiện, nói rõ với chúng ta: Toàn là phước huệ sẵn có trong tự tánh, làm sao có thể sai lầm được? Vì thế, chỉ bảo chúng ta phải học theo Phật. Hiện thời, Phật chẳng tại thế, nhưng kinh bổn vẫn còn trên cõi đời. Kinh bổn tuy nhiều, tám vạn bốn ngàn pháp môn, *“pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp”*. Đối với căn tánh của chúng ta trong hiện thời quá ít thì không được, quá nhiều bèn tiêu hóa không nổi, tìm một [bộ kinh] chẳng dài, chẳng ngắn, thích hợp với căn tánh của chúng ta là kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ. Được! Suốt đời này, chúng ta học một bộ kinh này, thật sự học bộ kinh này, thưa quý vị, mười năm, quý vị dẫu chẳng đại triệt đại ngộ, cũng sẽ đại ngộ, thấp hơn đại triệt đại ngộ một bậc. Quý vị đại ngộ, khẳng định là có, chỉ cần quý vị thực hiện được chữ Thường này! Thường là chớ nên gián đoạn, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài.

      Chúng ta thấy từ xưa đến nay, quả thật có nhiều người chẳng biết chữ, chưa hề học hành, thứ gì cũng chẳng biết. Có người bảo kẻ ấy, A Di Đà Phật hay lắm, quý vị hãy niệm câu Phật hiệu này, tương lai nhất định được lợi ích. Người ấy có thiện căn, chẳng hoài nghi, tiếp nhận, từ hôm ấy trở đi, thật sự suốt ngày từ sáng đến tối luôn là A Di Đà Phật, niệm ba năm, biết trước lúc mất, chẳng ngã bệnh, rất tiêu sái đứng vãng sanh, hoặc ngồi vãng sanh, chẳng ngã bệnh, ra đi, đến thế giới Cực Lạc, thời gian ba năm thôi! Nếu chúng ta dụng công nơi kinh giáo mười năm, lẽ đâu chẳng khai ngộ? Trong kinh Di Giáo, đức Thế Tôn đã nói: *“Chế tâm một chỗ, không gì chẳng thành tựu”*. Ta muốn đến thế giới Cực Lạc, muốn thân cận A Di Đà Phật, làm chuyện này, quý vị hãy tập trung tâm vào một chỗ, một bộ kinh này, một câu Phật hiệu, quý vị sẽ làm được, chẳng khó! Trên thế gian, làm chuyện khác khó khăn, chứ chuyện này chẳng phải cầu cạnh ai khác, chỉ cần chính mình hạ quyết tâm là có thể làm được! Bí quyết thành công ở ngay trong câu này!

      Nguyện kế tiếp trọng yếu, vì thân người chúng ta vẫn ở trong thế gian này, sống như thế nào? Hằng thuận chúng sanh, tùy thuận. Thế nào cũng được, tôi muốn tới thế giới Cực Lạc, thế giới này chẳng ăn nhằm gì đến tôi, có gì là không chịu được? Còn có gì để ham hố, tranh giành? Thật sự làm được *“không tranh với người, không cầu nơi đời”.* Nhất là hiện thời địa cầu lắm tai nạn ngần ấy, chỗ nào an toàn? Chẳng có chỗ nào! Nếu tâm đã định, chỗ nào cũng an toàn. Nếu tâm chẳng định, nơi đâu cũng chẳng an toàn. Tâm định bèn ở trong thế giới Cực Lạc, mỗi ngày niệm tại đâu, nghĩ tại đó, chẳng có tai nạn, tốt lắm; có tai nạn cũng tốt lắm, có tai nạn sẽ sớm ra đi. Bất luận thuận cảnh hay nghịch cảnh, chẳng hoan hỷ mà cũng chẳng bi ai, đối đãi [mọi vật] bằng cái tâm bình thường, kết thiện duyên với hết thảy chúng sanh. Chúng sanh làm chuyện sai quấy, quý vị trông thấy, kẻ ấy có tập khí ngạo mạn, ganh ghét, chẳng khuyên hắn, chẳng phê bình, cũng chẳng ghim chuyện đó trong lòng, trong tâm chỉ có A Di Đà Phật. Đối với người có thiện căn bèn khuyên kẻ ấy niệm Phật. Đối với kẻ chẳng có thiện căn, hãy để mặc kẻ ấy.

      Cuối cùng là *“phổ giai hồi hướng”*, câu này [có cùng ý nghĩa] với một câu nói trong Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của Hiền Thủ quốc sư, tức là câu nói về ba thứ châu biến, trong đó, loại thứ ba là “bao hàm Không và Có”, tâm lượng của quý vị đã mở rộng. *“Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới”*, có tâm lượng to như thế, quý vị mới có thể thành Phật. Không có tâm lượng to như thế, chẳng thể thành Phật, tối đa là thuộc địa vị Bồ Tát. Thành Phật là phải giúp đỡ hết thảy chúng sanh khắp pháp giới hư không giới đều có thể chứng đắc rốt ráo viên mãn, đó là cái tâm thành Phật. Chẳng còn phân biệt nữa, giống như trong tựa đề kinh này, tâm thanh tịnh hiện tiền, tâm bình đẳng hiện tiền, tâm đại giác hiện tiền. “Thanh tịnh, bình đẳng, giác” là tâm vô thượng Bồ Đề, đó là chân tâm của chúng ta. Niệm niệm chẳng vì chính mình, niệm niệm vì toàn thể của cả vũ trụ, phổ giai hồi hướng. Hồi hướng cho hết thảy hữu tình chúng sanh, cây cối, hoa, cỏ, núi, sông, đại địa, hết thảy hiện tượng tự nhiên trong khắp pháp giới hư không giới. Vì sao? Những hiện tượng ấy đều là *“duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”*, toàn là tự tánh, có cùng một Thể với chính mình, chẳng có mảy may sai biệt. Chúng ta có tâm phân biệt là trật rồi, có tâm chấp trước càng trật hơn. Những lầm lỗi thảy đều buông xuống, trở về Nhất Chân. Trong Nhất Chân, mười đức hạnh to lớn này đều trọn đủ viên mãn. [Ở đây, tôi chỉ] giới thiệu đơn giản mười điều này, giới thiệu tỉ mỉ [xin hãy nghe hay đọc trong bài giảng] kinh Hoa Nghiêm. Nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới đây.

**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**

**Phần 49 hết**

# Tập 99

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giảo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

      Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm mười lăm, dòng thứ năm, xem từ câu thứ hai.

*“Như thượng thập nguyện, nguyện nguyện giai viết: Ngã thử đại nguyện, vô hữu cùng tận, niệm niệm tương tục, vô hữu gián đoạn, thân, ngữ, ý nghiệp, vô hữu bì yếm”*(Mười nguyện như trên, nguyện nào cũng đều nói: “Ðại nguyện này của tôi chẳng có cùng tận. Niệm niệm nối tiếp chẳng có gián đoạn. Thân, ngữ, ý nghiệp chẳng có nhọc mỏi”). Trong đoạn kinh văn này, lúc Phổ Hiền Bồ Tát phát nguyện, đối với mỗi nguyện đều dùng mấy câu này để tổng kết. Ở đây nói *“ngã thử đại nguyện”* (đại nguyện này của tôi), nguyện thứ nhất là *“lễ kính chư Phật”*, nguyện thứ hai là *“xưng tán Như Lai”*, cho đến nguyện thứ mười là *“phổ giai hồi hướng”*, mỗi nguyện chẳng có cùng tận, tương ứng với khắp pháp giới. Đúng như *“tam chủng châu biến”* (ba thứ trọn khắp) trong Hoàn Nguyên Quán của Hiền Thủ quốc sư, thứ nhất là *“trọn khắp pháp giới”*. Trong Hoàn Nguyên Quán, Ngài nói là “dao động”. Dao động ấy hết sức vi tế, rất nhanh, mỗi dao động đều lập tức trọn khắp pháp giới. Tốc độ ấy chẳng có cách nào tưởng tượng được, chắc chắn không phải là tốc độ ánh sáng hay tốc độ sóng điện từ như đã nói trong hiện tại, chẳng có cách nào sánh bằng. Ánh sáng mặt trời từ mặt trời chiếu đến địa cầu phải mất hơn tám phút, nhưng dao động trong tự tánh vừa động liền trọn khắp pháp giới. Đó là loại thứ nhất trong ba thứ trọn khắp. Nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát cũng là một thứ dao động, bất luận là hữu ý hoặc vô tình, bất luận là thiện nguyện hay là ác niệm, đều là cùng một đạo lý. Vì thế, chuyện này chẳng phải là giả, mà là thật!

      Đối với mấy câu tổng kết này của Phổ Hiền Bồ Tát, hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian không gì chẳng phải là như vậy. Hữu tình có ý niệm, ý niệm ấy động, tức là hiện tượng dao động; vô tình chúng sanh thuộc về vật chất, vật chất có dao động hay không? Có. Hiện thời, coi như chúng ta đã hiểu rõ, chẳng dao động nó sẽ không tồn tại, nhất định phải dao động nó mới tồn tại. Giống như chúng ta xem phim ảnh, phim ảnh là từng tấm phim một chiếu rất nhanh qua ống kính [của máy chiếu], khiến cho chúng ta thấy huyễn tướng trên màn bạc, ngỡ chúng đang cử động. Trên thực tế, chẳng phải là như vậy, mỗi tấm phim đều độc lập. Nếu chúng chẳng cử động (tức là từng tấm phim không được kéo qua ống kính), sự chuyển động [của hình ảnh trên màn bạc] bèn ngưng dứt. Nếu chúng chẳng còn được liên tiếp chiếu qua ống kính nữa, màn bạc trống rỗng, hiện tượng là như vậy đó. Hiện thời, sáu căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên ngoài, đó là tướng dao động liên tục. Các nhà khoa học còn thêm vào một câu, [hiện tượng vật chất] là hiện tượng tích lũy liên tục của ý niệm, do ý niệm tích lũy thành. Ý niệm tích lũy thành vật chất, nên vật chất có hiện tượng dao động. Nếu “sóng” [ý niệm] chẳng động, vật chất sẽ chẳng còn nữa, chẳng tồn tại. Các hiện tượng dao động ấy đều trọn khắp pháp giới, lập tức trọn khắp pháp giới. Khoa học hiện thời vẫn chưa thể ứng dụng hiện tượng dao dộng ấy để truyền đạt thông tin. Sự truyền đạt ấy quá nhanh, ánh sáng và sóng điện từ đều chẳng thể sánh bằng. Do vậy, câu này là thật, chẳng phải là nói tỷ dụ, mà tương ứng với pháp giới!

      Câu thứ hai, *“niệm niệm tương tục”* (niệm niệm tiếp nối), nói theo cách bây giờ là “tương ứng với thời gian”. Thời gian có tồn tại hay không? Niệm niệm liên tục, thời gian tồn tại dưới hình thái này. Nếu niệm niệm chẳng liên tục, thời gian chẳng có, đã đoạn rồi. Vì thế, thời gian cũng là huyễn tướng do niệm niệm liên tục sanh ra. *“Vô hữu gián đoạn”*(chẳng có gián đoạn), đấy là tương ứng với tự tánh, tự tánh bất sanh bất diệt, chẳng gián đoạn. Bất quá, ở đây, hai câu trước nói đến trạng thái dao động của tự tánh. Thật ra, tự tánh bất động, trạng thái dao động ấy chẳng thật, nó khiến cho tự tánh sanh ra ảnh hưởng, nhưng tự tánh quả thật chẳng gián đoạn, tự tánh chẳng biến đổi. Tiếp đó là *“thân, ngữ, ý nghiệp”*, tức là tương ứng với tam nghiệp. Mỗi nguyện đều tương ứng với pháp giới, tương ứng với thời gian, tương ứng với tự tánh, tương ứng với ba nghiệp thân - ngữ - ý. *“Vô hữu bì yếm”* (chẳng có nhọc mỏi), tự tánh vốn là như thế. Đây là Phổ Hiền Bồ Tát đã nêu khuôn phép, gương mẫu tu hành cho chúng ta, nêu gương cho ai? Đều là nêu gương cho Pháp Thân Bồ Tát. Phẩm cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm là Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyện Phẩm, phẩm này có tựa đề đầy đủ là Nhập Bất Tư Nghị Giải Thoát Cảnh Giới Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm. Bất Tư Nghị Cảnh Giới là sở nhập (cái được chứng nhập), tức là trở về tự tánh; Phổ Hiền Hạnh Nguyện là năng nhập (cái có thể nhập, phương tiện hoặc chủ thể thực hiện sự chứng nhập ấy). Chỉ có tu Phổ Hiền hạnh nguyện mới có thể nhập cảnh giới ấy. Tịnh Tông gọi cảnh giới ấy là Thường Tịch Quang Tịnh Độ. Bốn câu này, kể thêm câu cuối là *“vô hữu bì yếm”* (chẳng có nhọc mỏi) thành năm câu, chính là Phổ Hiền Bồ Tát vì chúng ta hình dung Thường Tịch Quang. Thường Tịch Quang có tác dụng, chẳng phải là vô tác dụng; chúng sanh có cảm, Thường Tịch Quang bèn hiện tướng, thuận theo tâm của chúng sanh để ứng với khả năng nhận lãnh của họ.

      Đoạn tiếp theo, *“Hạnh Nguyện Phẩm”* (trong phẩm Hạnh Nguyện), có mấy câu như sau, *“Hạnh Nguyện Phẩm phục vân”* (Hạnh Nguyện Phẩm lại nói), tức là nói thêm,*“nhược nhân tụng thử nguyện giả”* (nếu ai tụng nguyện này), tỉnh lược những câu kế đó, [chỉ sao lục đoạn này], *“thị nhân lâm mạng chung thời, tối hậu sát-na, nhất thiết chư căn tất giai tán hoại”* (người ấy lúc lâm chung, trong sát-na cuối cùng, hết thảy các căn thảy đều hư hoại); đây là nói về người thường đọc tụng phẩm Hạnh Nguyện. Kinh văn của cả phẩm Hạnh Nguyện rất dài, gồm có tất cả bốn mươi quyển, cổ đại đức nhằm tạo thuận tiện cho hành nhân tu học, *“hành nhân”* là đệ tử Phật môn, tức là người y theo kinh giáo để tu hành, đặc biệt lấy ra một quyển để lưu thông đơn độc, hòng làm cho người bình phàm học tập dễ dàng. Thanh Lương đại sư làm chuyện này, lão nhân gia lấy ra quyển cuối cùng [của bộ Tứ Thập Hoa Nghiêm]. Thông thường chúng ta nói đến Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyện Phẩm thì quá nửa là nói tới quyển cuối cùng này. Tông Mật đại sư đã chú giải quyển ấy tỉ mỉ, đó chính là tác phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm Biệt Hành Sớ Sao, [gọi tên như vậy] do nó chẳng phải là toàn bộ kinh, chỉ là quyển cuối cùng của cả bộ kinh, tức quyển cuối cùng trong bốn mươi quyển. Quyển này đặc biệt trọng yếu, quyển này chính là *“mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc”*như trong kinh điển thường nói. Quyển này dẫn dắt về Cực Lạc, mà cũng là trong năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử, đến cuối cùng, đồng tử tham phỏng Phổ Hiền Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát đưa Thiện Tài về thế giới Cực Lạc, vô cùng thù thắng!

      Nói theo người tu hành pháp môn này, ở đây [kinh Hoa Nghiêm] nói là *“độc tụng”*, đối trước kinh bổn để niệm thì là *“độc”* (讀: đọc), chẳng đối trước kinh bổn [mà đọc thuộc lòng] thì gọi là *“tụng”.* Tụng (誦) là niệm thuộc lòng, niệm rất thuần thục, có thể niệm thuộc lòng một quyển kinh văn này. Đọc cũng thế, mà tụng cũng vậy, chẳng thể không hiểu ý nghĩa của kinh. Kinh có bốn loại, *“giáo, lý, hành, quả”*, văn tự, ngôn thuyết là Giáo, trong Giáo có Lý, tức là có đạo lý. Chẳng thể không hiểu rõ Lý, hiểu rõ là Giải. Quý vị đã hiểu rõ đạo lý ấy, sau khi liễu giải phải hành. Mười đại nguyện vương này đều được áp dụng trong cuộc sống hằng ngày, sẽ thay đổi hết thảy tâm thái sai lầm của chúng ta. Điều thứ nhất, quý vị có thể nói ai chẳng ngạo mạn hay không? Ngạo mạn là phiền não bẩm sanh, chẳng cần phải học! Một niệm bất giác, A Lại Da liền xuất hiện, tám thức, năm mươi mốt Tâm Sở là hiện tượng tinh thần. Thức thứ tám, tức A Lại Da, là căn bản của mê hoặc, ba tế tướng từ A Lại Da biến hiện thành Mạt Na, Mạt Na là thức thứ bảy. Từ thức thứ bảy lại biến hiện thức thứ sáu, thức thứ sáu là ý thức. Thức thứ bảy có tên tiếng Phạn là Mạt Na (Manas-vijñāna), dịch sang nghĩa tiếng Hán là Nhiễm Ô Thức, [hàm ý] nó chẳng sạch sẽ, chấp trước. Bốn đại phiền não thường đi theo Mạt Na, chúng có từ lúc mới sanh ra. Bốn đại phiền não, thứ nhất là Ngã Kiến, chính là chấp trước có Ngã, còn chưa có thân, chưa phải là chấp trước thân, mà là chấp trước có Ngã. Do có Ngã nên mới đi tìm thân thể, tìm thân thể để đầu thai, tìm thân thể trong lục đạo. Ngoài Ngã Kiến có Ngã Ái, Ngã Ái là là tham, Ngã Mạn, quý vị thấy [Ngã Mạn] là ngạo mạn, Ngã Mạn là sân khuể, Ngã Si. Tham, sân, si là Tam Độc phiền não. Khi nào sẽ có? Một niệm bất giác bèn có. Tuy có, chẳng nghiêm trọng như hiện thời. Hiện nay, chúng ta tham, sân, si quá nghiêm trọng, cảm vời khá nhiều tai nạn xuất hiện. Do vì chẳng chuyển thức thành trí, vẫn dùng tám thức, chúng ta biết Phật, Bồ Tát trong bốn thánh pháp giới vẫn dùng tám thức. Đã dùng tám thức thì chúng ta biết Ngã Kiến, Ngã Ái, Ngã Mạn, Ngã Si đương nhiên vẫn còn, nhưng rất nhẹ nhàng, rất vi tế. Trong bốn thánh pháp giới hãy còn [bốn đại phiền não ấy]; trong lục đạo thì thô tháp, nặng nề, chúng biến thành Kiến Tư phiền não. Trong kinh Phật đã nói rất cặn kẽ, trong tam giới có tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc và tám mươi mốt phẩm Tư Hoặc, chúng do những thứ ấy (Ngã Kiến, Ngã Ái, Ngã Mạn, Ngã Si) biến hiện ra.

      Do vậy, chúng ta phải thừa nhận, chưa thể chuyển tám thức thành bốn trí thì Ngã Mạn hãy còn, chẳng dễ đoạn. Pháp Thân Bồ Tát đã đoạn, tuy đã đoạn nhưng vẫn còn có tập khí, khi học kinh Hoa Nghiêm, chúng ta đã thảo luận chuyện này rất nhiều. Kinh điển cho biết, muốn đoạn hoàn toàn tập khí, phải trải qua ba A-tăng-kỳ kiếp. A-tăng-kỳ (Asamkhya) là đại kiếp, ba A-tăng-kỳ, A-tăng-kỳ là con số rất lớn, phải trải qua thời gian dài ngần ấy, tập khí mới chẳng còn. Tập khí chẳng có, chúng ta biết cõi Thật Báo sẽ chẳng có. Cõi Thật Báo do tập khí biến ra. Thật vậy, chưa đoạn vô minh, hễ còn có một phẩm vô minh chưa đoạn thì vẫn ở trong mười pháp giới, chẳng ở trong cõi Thật Báo. Phải đoạn hết một phẩm vô minh ấy, thật sự đoạn thì mới có thể vượt thoát mười pháp giới, trụ trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Cõi Thật Báo của chư Phật Như Lai cũng là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chính mình. Trong cảnh giới ấy, tự - tha bất nhị, khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước đều chẳng có, ở đây, chúng ta cũng gọi nó là Nhất Chân pháp giới, nó là thật, mười pháp giới là giả, lục đạo lại càng chẳng cần phải nói nữa! Chúng ta phải thường huân tập những kinh giáo ấy, phải đọc tụng, phải nghe giảng, phải hiểu nghĩa, phải thường tư duy. Tư duy là tác quán, biến nó thành một thứ vũ trụ quan và nhân sinh quan của chúng ta. Đó là vũ trụ quan và nhân sinh quan chánh xác nhất, chẳng có mảy may sai lầm. Đối với vũ trụ quan và nhân sinh quan của chư Phật Như Lai, chúng ta cũng có thể nhập cảnh giới ấy, đó là “thật sự tu hành”. Thường tác quán như thế, nói thật ra, phép quán ấy chính là sáu hạng mục trong Hoàn Nguyên Quán của Hiền Thủ đại sư, tức là *“hiển nhất thể, khởi nhị dụng, thị tam biến”* (hiển lộ một thể, khởi hai tác dụng, phô bày ba thứ trọn khắp), sau đó là *“tứ đức, ngũ chỉ, lục quán”.*

      Người ấy *“lâm mạng chung thời, tối hậu sát-na”* (lúc lâm chung, trong sát-na cuối cùng), *“tối hậu”* là lúc tắt hơi, đã hết thở, thần thức ly khai thân thể, khi ấy *“nhất thiết chư căn tất giai tán hoại”* (hết thảy các căn thảy đều hư hoại), đó là gì? Nơi thân thể, sáu căn chẳng khởi tác dụng, mắt không thể thấy, tai chẳng thể nghe. *“Nhất thiết chư căn”*là sáu căn, sáu căn mất tác dụng. Vì sao? Thức đã rời khỏi, trong tâm quý vị, A Lại Da đã rời khỏi, Mạt Na đã rời khỏi, ý thức đã rời khỏi, năm thức trước cũng đã rời khỏi thân thể này! Thức có tồn tại hay không? Tồn tại, nó rời khỏi [thân thể], nhưng nó tồn tại, thế tục chúng ta gọi nó là “linh hồn”, linh hồn rời khỏi thân thể. Khi con người chưa chết, linh hồn có thể rời khỏi thân thể hay không? Đôi khi cũng có, [hiện tượng ấy được] gọi là *“linh hồn xuất khiếu”*. Thân thể người ấy chưa hoại, còn hít thở, nhưng linh hồn tạm thời rời khỏi thân thể trong một khoảng thời gian ngắn, sẽ khởi lên tác dụng có năng lực lớn hơn bình thường. Lìa khỏi thân thể giống như lơ lửng trong không trung, người ấy có thể trông thấy thân thể của chính mình, và cũng có thể thấy động tác của hết thảy mọi người chung quanh. Như vậy là linh hồn có thể rời khỏi thân thể. Chúng ta nằm mộng, mộng là linh hồn đang khởi tác dụng, chẳng phải là thân thể, mà là linh hồn đang khởi tác dụng.

      Nói tới linh hồn thì cũng có sự hiểu lầm, hồn có, nhưng nó quyết định chẳng linh! Nói là hồn thì được, chứ nó chẳng linh. Vì vậy, Khổng Tử chẳng nói linh hồn, mà gọi là *“du hồn”.* Quý vị đọc kinh Dịch: *“Tinh khí vi vật, du hồn vi biến” [[33]](#footnote-34)*[***[1]***](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-50.htm#_ftn1), dùng *“du hồn”* để nói rất hay, chẳng phải Khổng lão phu tử không biết. Vì tốc độ hoạt động của hồn rất nhanh, nó hết sức không ổn định, giống như ý niệm của chúng ta, niệm trước diệt, niệm sau sanh, niệm này tiếp nối niệm kia, ở trong trạng thái ấy, nên gọi *“du hồn”* là chánh xác. Nó chẳng thông minh, nếu thật sự linh thì làm sao có thể vào trong ba ác đạo đầu thai? Chẳng có đạo lý ấy! Vào trong ba ác đạo đầu thai, vẫn chưa phải là mê hoặc, điên đảo mà vào, lầm tưởng là cảnh giới tốt đẹp, sau khi đến đó bèn bị lừa, chẳng thoát ra được, tình hình nói chung là như vậy. Chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi, lục đạo là giới hạn. Tu hành tốt đẹp, có thể sanh lên thiên đạo, có thể đạt đến Dục Giới Thiên, Sắc Giới Thiên, Vô Sắc Giới Thiên, nhưng chẳng thoát lìa lục đạo. Tu hành đến một mức công phu nhất định, thật sự có một chút giác ngộ, chưa phải là đại triệt đại ngộ, thật sự có giác ngộ trong Phật pháp, bèn thoát ly lục đạo. Đã thoát ly lục đạo thì chúng ta sẽ không gọi nó là linh hồn nữa, mà thường gọi là “linh tánh”. Cách gọi này cũng chánh xác, vì linh tánh là chính mình chân thật. Linh tánh như chúng ta thường nói ấy thuộc về bốn pháp giới, chẳng thuộc trong lục đạo. Ở đây, [sách Chú Giải] cho biết, người sắp mất, trong một sát-na, sát-na ấy là lúc vô cùng mấu chốt, nên lâm chung trợ niệm hết sức có lý!

      Sáu căn đã hư hoại, chẳng khởi tác dụng, *“nhất thiết thân thuộc tất giai xả* *ly”* (hết thảy thân thuộc thảy đều lìa bỏ). Người nhà quyến thuộc chia tay quý vị, cũng là duyên phận cùng nhau tụ hợp của quý vị đã hết, sau này còn có thể tiếp tục hay không? Điều ấy phụ thuộc duyên phận, có lúc duyên phận vào lúc ấy đã hết. Do vậy, con người phải giác ngộ, đức Phật đã giảng rất hay về mối quan hệ giữa con người với nhau, gồm bốn thứ duyên: Báo ân, báo oán, đòi nợ, trả nợ, đều có lúc kết thúc. Duyên ấy chẳng còn, dẫu gặp gỡ cũng chẳng nhận ra. Do vậy, nó chẳng thật, là giả. Chúng ta đến thế gian này, quan hệ với mọi người là bốn thứ duyên phận ấy. Sau khi học Phật, đã hiểu rõ, giác ngộ, phải chuyển biến bốn thứ duyên ấy thành pháp duyên, sẽ là tốt đẹp. Chuyển biến thành pháp duyên, đó là tự độ, độ người. Trong tương lai, quý vị thành Phật, những người hữu duyên ấy bất luận ở chỗ nào, tụ tán trong khắp pháp giới, hư không giới, họ gặp khổ nạn, khẩn cầu, quý vị sẽ tiếp nhận được làn sóng [ý niệm] ấy, họ có duyên với quý vị mà! Sau khi quý vị nhận được, chắc chắn sẽ lập tức ứng, cảm ứng đạo giao. Chúng sanh có cảm, Bồ Tát bèn ứng, quý vị sẽ đến giúp họ.

      Đối với cảm ứng, kinh Phật đã giảng rất rõ ràng, có bốn hình thái khác nhau, hiển cảm hiển ứng, minh cảm minh ứng, hiển cảm minh ứng, minh cảm hiển ứng (cảm và ứng rõ rệt; cảm và ứng ngấm ngầm; cảm rõ rệt, ứng ngấm ngầm và cảm ngấm ngầm, ứng rõ rệt), bốn thứ hình thái bất đồng. Trong đời quá khứ, chúng ta đời đời kiếp kiếp kết nhiều duyên với chư Phật, Bồ Tát. Khi chúng ta gặp khó khăn, tâm và miệng cầu Phật, Bồ Tát gia trì, cầu Phật, Bồ Tát phù hộ, Phật, Bồ Tát có gia trì quý vị hay không? Gia trì! Có khi gia trì, nhưng ta chẳng cảm nhận được, đó là âm thầm gia trì quý vị. Quý vị là Hiển [Cảm], vì cầu Phật, Bồ Tát, Phật rõ rệt, Bồ Tát âm thầm phù hộ quý vị, [đó là Minh Ứng]. Học Phật, đối với giáo lý đã đạt đến trình độ nhất định, tức là trình độ lý giải, quý vị sẽ có thể tin tưởng. Thuở đầu, học rất khó, lúc mới học, hiển ứng thì biết, chứ minh ứng (ứng âm thầm) kẻ ấy chẳng biết, bảo là chẳng linh. Tuyệt đối chẳng phải là không linh! Vì sao Bồ Tát ứng mà chẳng hoàn toàn hiển ứng, lại còn có minh ứng? Chúng ta phải hiểu điều này! Chư Phật, Bồ Tát ứng, nhưng chẳng khởi tâm, động niệm, chẳng có phân biệt, chấp trước; nếu khởi tâm động niệm sẽ biến thành phàm phu. Các Ngài chẳng thoái chuyển, vĩnh viễn trụ trong Thường Tịch Quang. Thường Tịch Quang ở chỗ nào? Không chỗ nào chẳng tồn tại, không lúc nào chẳng hiện diện, nên cảm ứng đạo giao ngay lập tức. Phật, Bồ Tát hiển ứng hay minh ứng (ứng ngấm ngầm), đều do ý niệm và tâm thái của chúng ta [cảm vời]. Kinh giảng rất hay, *“tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng”* (thuận theo tâm của chúng sanh mà ứng với khả năng lãnh hội của họ), chẳng do ý nghĩ của Phật, Bồ Tát. Phật, Bồ Tát chẳng có ý nghĩ gì.

      Ở đây, đối với câu *“nhất thiết thân thuộc tất giai xả ly”* (hết thảy thân thuộc đều phải lìa bỏ) chúng ta phải giác ngộ đoạn kinh văn này, *“thân thuộc”* là người đã kết duyên với ta trong quá khứ. Sau khi học Phật, phải dùng phương pháp trí huệ để biến họ thành pháp quyến, đó là đúng. Nếu tình chấp rất sâu, nhất định sẽ nẩy sanh chướng ngại đối với sự tu hành của chúng ta. Không chỉ chướng ngại quý vị chứng quả, mà còn chướng ngại quý vị vãng sanh, ngay cả nghĩa lý của kinh giáo cũng bị nó chướng ngại. Bị nó chướng ngại điều gì? Quý vị hiểu sai, chẳng phải là nghĩa chân thật của Như Lai. Nghĩa chân thật của Như Lai là Tánh Đức, Tánh Đức từ trong tự tánh tự nhiên lưu lộ. Quý vị vừa khởi tâm động niệm, nó đã bị lệch lạc rồi. Do vậy, đối với thân thuộc, có cần phải làm ra vẻ thân ái như thế hay không? Phải! Vì sao? Nhằm giáo hóa chúng sanh ngu muội, dạy cho họ luân lý, đạo đức, khiến cho họ được sống trong một xã hội trật tự, ban cho họ cuộc sống hạnh phúc mỹ mãn trên thế gian này, ban cho họ điều ấy. Phật, Bồ Tát phải làm như thế cho họ thấy, nêu gương hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ; đấy là một cơ sở của hòa hài, ổn định, hỗ trợ hợp tác, đức hạnh trên thế gian. Để dạy loại chúng sanh ấy, Phật, Bồ Tát ắt phải làm như vậy, phải biểu diễn, thực hiện. Nếu có cảm tình thật sự sẽ là phàm phu. Bồ Tát biểu diễn giống như đang diễn xuất trên sân khấu, biểu diễn vô cùng giống như thật, quý vị chẳng nhìn thấy sơ sót nào, người rất sáng mắt mới có thể thấy rõ ràng, kẻ bình phàm chẳng thể thấy rõ! Ngài biểu diễn hết sức giống như thật thì mới có thể cảm hóa chúng sanh, mới có thể dạy họ trung, hiếu, liêm, sỉ, mới có thể dạy dỗ chúng sanh, ý nghĩa là như thế đó. Trên thực tế thì sao? Trên thực tế, tâm các Ngài vĩnh viễn “thanh tịnh, bình đẳng, giác” như trong kinh đã nói, chúng ta phải biết điều này. Nếu biết thì chúng ta sẽ biết học, “học” là tu học, chúng ta mới có thể học giống hệt. Về mặt Sự, sẽ giống như lục đạo phàm phu; về Lý, bèn như Nhất Chân pháp giới, cả hai phía đều giống, đó là chư Phật, Bồ Tát ứng hóa trên thế gian. Quý vị thấy điều đầu tiên mà người thế gian khó bỏ nhất là thân tình, nên đặt điều này lên đầu.

      Lại xem điều kế tiếp, *“nhất thiết oai thế tất giai thoái thất”* (hết thảy oai thế thảy đều lui mất). Trên thế gian, quý vị có thế lực, *“oai”* (威) là quyền lực. Quý vị có quyền, có thế, làm một vị quan to. Lúc mất, chẳng mang theo được gì. Chẳng thể mang theo tước vị, quyền lực, oai thế được! Điều này cho quý vị biết chúng là giả, thân tình là giả, mà oai thế cũng giả trất. *“Phụ tướng đại thần, cung thành nội ngoại, tượng mã xa thặng, trân bảo phục tạng”* (Phụ tướng, đại thần, cung thành trong ngoài, xe voi, xe ngựa, kho tàng quý báu), quý vị là đế vương, dưới tay có Tể Tướng, đại thần, có cung điện, có Tử Cấm Thành [[34]](#footnote-35)[[2]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-50.htm#_ftn2), hưởng thụ phước báo trên thế gian. Xe voi, xe ngựa là phương tiện giao thông của quý vị, *“trân bảo phục tạng”* (kho tàng quý báu) là những thứ quý báu do quý vị cất giữ. *“Như thị nhất thiết, vô phục tương tùy”* (hết thảy những thứ như thế chẳng còn theo ta nữa), chẳng mang theo được gì. Câu này bảo chúng ta phải thật sự giác ngộ, thật sự minh bạch, phải nên hiểu rõ: Đối với cái có thể mang theo được thì dụng tâm, cái gì không mang theo được, chớ nên bận lòng về nó; hễ quan tâm đến nó là sai mất rồi. Dụng tâm sai lầm, thứ gì cũng chẳng mang theo được! Cổ nhân dạy con cái như thế nào? Tích công lũy đức cho con cháu, hết thảy của cải trên thế gian chẳng cần để lại cho chúng nó, con cháu của họ là con cháu tốt lành. Vì sao? Họ biết tu phước, tương lai tiền đồ vô lượng. Tổ tông có đức, tự mình biết tu phước, đức hạnh của tổ tông sẽ phù trợ con cháu, đó là đúng! Để lại của cải cho chúng nó, nếu là hạng con cháu bất hiếu, sẽ bại hoại dễ dàng. Chúng nó do có được quá dễ dàng, sẽ chẳng biết quý trọng, coi thường, nên bị bại hoại. Những gương xưa nay trong ngoài nước giống như vậy rất nhiều, lịch sử đã ghi chép, tin tức rất phong phú, nhất định phải giác ngộ, những thứ ấy chẳng thể mang theo được!

*“Duy thử nguyện vương, bất tương xả ly”* (chỉ có nguyện vương này là chẳng lìa bỏ), đây là thứ quý vị mang theo được, mang theo được mười nguyện, quý vị có thể mang thứ này theo được! Mười nguyện này là Tánh Đức vốn có trong tự tánh; do mê mất tự tánh, nên coi thường, bỏ sót, tư tưởng và tâm hạnh đều trái phạm Tánh Đức. Chúng ta biết lỗi, nay phải tìm lại Tánh Đức; đã làm sai thì phải “quay đầu là bờ”. Tiếp đó, Phổ Hiền Bồ Tát dạy chúng ta *“thường tùy Phật học”*, câu này trọng yếu. Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời vì chúng ta thị hiện điều gì? Lão nhân gia thị hiện “quay đầu là bờ”, tích lũy công khôn sánh, tích lũy đức to khôn sánh, giúp hết thảy chúng sanh khổ nạn, khiến cho hết thảy chúng sanh khổ nạn lìa khổ, được vui. Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng cho tiền chúng sanh, cũng chẳng cho họ vật dụng cần thiết. Thích Ca Mâu Ni Phật cho chúng sanh điều gì? Giúp chúng sanh giác ngộ, đó là thật, chẳng giả! Dùng phương pháp gì? Dùng giáo học, nêu gương, thân làm, miệng dạy. Đích thân làm cho quý vị thấy, miệng nói cho quý vị nghe, khiến cho quý vị hiểu rõ, giác ngộ. Vì sao? Vô lượng vô biên nỗi khổ đều do mê sanh ra. Do đã mê rồi nên quý vị nghĩ trật, nhìn lầm, nói sai, làm quấy, quả báo làm sao tốt đẹp cho được? Quả báo là lục đạo luân hồi. Chỉ có thật sự giác ngộ, thật sự hiểu rõ, vũ trụ là như thế nào, nhân sinh ra sao, ta từ đâu đến, tương lai sẽ đi về đâu, hiểu rõ toàn bộ, kẻ ấy tự tại, chẳng mê nữa. Kẻ ấy chẳng mê, nên chẳng nghĩ trật, chẳng nói sai, chẳng làm quấy, hằng ngày tích lũy công đức, hằng ngày tích lũy phước đức, phước huệ song tu thì mới có thể giải quyết vấn đề.

      Thích Ca Mâu Ni Phật giúp con người giải quyết vấn đề từ căn bản, chẳng phải là cành nhánh. Dẫu nói đến *“cầu”*, trong phần trước, tôi đã nói rất nhiều, trong các buổi giảng, [chúng tôi thường nói] chúng ta muốn cầu của cải, cầu thông minh trí huệ, cầu khỏe mạnh, sống lâu, đức Phật đã dạy quý vị phương pháp, chỉ cần quý vị nương theo lý luận và phương pháp mà Ngài đã dạy để thực hiện, chắc chắn sẽ đạt được! *“Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng”* (trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng), chẳng phải là không cầu được. Pháp thế gian và xuất thế gian không gì chẳng cầu được, thật đấy, chẳng thể nghĩ bàn! Cầu như thế đắc đại tự tại, trong tâm cũng chẳng có chút gánh nặng nào, chẳng phải bận lòng. Cầu tài, của cải sẽ cuồn cuộn đưa tới, nhưng phải có trí huệ; nếu chẳng có trí huệ, dấy tâm tham tài, của cải chẳng phải là thứ tốt đẹp, mang lại tội nghiệp cho quý vị, như vậy là sai mất rồi. Vì vậy, Phật pháp từ đầu tới cuối luôn đặt trí huệ vào vị trí thứ nhất. Có trí, lẽ đâu chẳng có của cải? Có của cải, chưa chắc đã có trí huệ. Có trí huệ, nhất định có của cải. Do đó, quý vị chú tâm quan sát, trong thế gian và xuất thế gian, chỉ có lòng từ bi của Phật là chân thật. Nương theo mười nguyện này tu tập, suốt đời chúng ta không gì chẳng được như nguyện, hưởng thụ quả báo chân thật của chính mình.

      Nguyện vương này, *“ư nhất thiết thời dẫn đạo kỳ tiền, nhất sát-na trung tức đắc vãng sanh Cực Lạc thế giới”* (trong hết thảy thời, nó dẫn đường đằng trước, trong một sát-na liền được vãng sanh thế giới Cực Lạc), nếu mười nguyện trọn đủ, sanh về cõi Thật Báo Trang Nghiêm của Tây Phương Cực Lạc thế giới. *“Đáo dĩ, tức kiến A Di Đà Phật”* (đã đến, liền thấy A Di Đà Phật), thấy Báo Thân Phật, chẳng phải là cõi Hữu Dư, chẳng ở trong Đồng Cư, mà ở trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm, thấy Báo Thân Phật. *“Kỳ nhân tự kiến sanh liên hoa trung, mông Phật thọ ký”* (người ấy tự thấy sanh trong hoa sen, được Phật thọ ký), quý vị nói xem có vui sướng lắm hay không? Cũng giống như nói “đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, gặp mặt A Di Đà Phật bèn thành Phật”, Phật thọ ký cho người ấy. *“Đắc thọ ký dĩ”* (đã được thọ ký), thọ ký bèn thành Phật, *“kinh ư vô số bách thiên vạn ức na-do-tha kiếp”* (trải qua vô số trăm ngàn vạn ức na-do-tha [[35]](#footnote-36)[[3]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-50.htm#_ftn3) kiếp), đó là nói tới thời gian, *“phổ ư thập phương bất khả thuyết bất khả thuyết thế giới”*(khắp trong bất khả thuyết bất khả thuyết [[36]](#footnote-37)[[4]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-50.htm#_ftn4) thế giới), nói tới nơi chốn. *“Dĩ trí huệ lực, tùy chúng sanh tâm nhi vi lợi ích”* (dùng sức trí huệ thuận theo tâm chúng sanh để tạo lợi ích), tạo lợi ích ứng với khả năng tiếp nhận [của chúng sanh], quý vị đến mười phương thế giới giáo hóa chúng sanh. Giáo hóa chúng sanh giống như Quán Âm, Văn Thù, Phổ Hiền, nên dùng thân Phật để độ được, bèn hiện thân Phật, nên dùng thân Bồ Tát để độ được, bèn hiện thân Bồ Tát. Thuận theo tâm chúng sanh mà hiện tướng, hiện các thứ tướng bất đồng, có thể đồng thời hiện vô lượng vô biên thân trong các nơi chốn khác nhau. Phật, Bồ Tát ứng hóa nhất định hoàn toàn tương ứng với căn tánh của chúng sanh, tự nhiên tương ứng. Tánh Đức có năng lượng to lớn như vậy, pháp được nói sẽ tự nhiên tương ứng; chúng sanh vừa tiếp xúc, vừa nghe nói bèn khai ngộ. Chưa có năng lực như vậy, làm sao có thể độ chúng sanh? Vì vậy, tu mười đại nguyện vương vãng sanh Cực Lạc thế giới, thấy A Di Đà Phật, trí huệ, đức năng, và tướng hảo trong tự tánh đều khôi phục, đúng là con đường tắt để Bồ Tát thành Phật.

*“Năng ư phiền não đại khổ hải, bạt tế chúng sanh, linh kỳ xuất ly, giai đắc vãng sanh A Di Đà Phật Cực Lạc thế giới”* (có thể ở trong biển cả khổ sở, phiền não, cứu vớt chúng sanh, khiến cho họ thoát khỏi, đều được vãng sanh thế giới Cực Lạc của A Di Đà Phật). Cứu khổ cứu nạn phải cứu đến cùng, không thể chỉ cứu nửa vời, đưa những người ấy đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, ai nấy đều viên mãn. Lý luận và phương pháp đưa đến Tây Phương Cực Lạc thế giới đều nằm trong bộ kinh này, chúng ta chớ nên quên mất bộ kinh này, hãy luôn nhớ câu kinh văn đầu tiên *“hàm cộng tuân tu Phổ Hiền đại sĩ chi đức”* (đều cùng tuân tu đức của Phổ Hiền đại sĩ), câu này quá trọng yếu! Do vậy, trong niên hiệu Hàm Phong nhà Thanh trước kia, cư sĩ Ngụy Mặc Thâm đã soạn bản hội tập cho kinh Vô Lượng Thọ, và chính ông ta cũng đem quyển kinh Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyện Phẩm này ghép vào sau Tịnh Độ tam kinh, gọi là Tịnh Độ Tứ Kinh. Trong tương lai, chư vị đồng tu thấy Tịnh Độ Tứ Kinh liền biết Tứ Kinh là gì, chính là do Ngụy Mặc Thâm thêm phẩm Hạnh Nguyện vào đó. Hợp lý! *“Hàm cộng tuân tu Phổ Hiền đại sĩ chi đức”*, thật sự có lý. Đến đầu thời Dân Quốc, Ấn Quang đại sư là một vị tổ sư trong thời cận đại của Tịnh Độ Tông, lão nhân gia đem chương Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông của kinh Lăng Nghiêm, chương này không dài, chỉ có hai trăm bốn mươi bốn chữ, còn ngắn hơn Bát Nhã Tâm Kinh. Bát Nhã Tâm Kinh là hai trăm sáu mươi chữ, [còn chương Đại Thế Chí Viên Thông là] hai trăm bốn mươi bốn chữ, ghép vào sau Tịnh Độ Tứ Kinh, nay gọi là Tịnh Độ Ngũ Kinh. Cần biết rằng: Tịnh Độ vốn chỉ có ba kinh, bản thứ tư là do cư sĩ Ngụy Mặc Thâm thêm vào, bản thứ năm do Ấn Quang đại sư thêm vào. Chúng ta nghĩ xem còn có thể thêm vào hay không? Không thể tăng thêm, đã viên mãn, quý vị có muốn tăng thêm cũng không được, đã viên mãn rồi. Trong chín ngàn năm của thời kỳ Mạt Pháp, Tịnh Độ khế hợp căn cơ của hết thảy chúng sanh, năm bộ kinh này có thể phổ độ hết thảy chúng sanh, giúp mọi người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Thọ trì hoàn toàn năm bộ rất tốt; thật ra, cả năm bộ đều chẳng dài. Trong kinh luận Tịnh Tông, dài nhất là bộ kinh Vô Lượng Thọ này, còn như Đại Thế Chí Viên Thông Chương chỉ có hai trăm bốn mươi bốn chữ, cũng là một bộ, rất thích hợp với căn tánh của người thời Mạt Pháp. Nếu nói theo kiểu Trung Quốc, kinh luận Tịnh Tông quả thật là *“giản yếu tường minh”*, tức là đơn giản, ngắn gọn, mà cũng tỉ mỉ, rõ ràng, thích hợp nhất cho đại chúng trong hiện tại và mai sau tu học.

*“Hựu kỳ trung đệ thập nguyện phổ giai hồi hướng, hiển Phổ”* (lại nữa, trong ấy, nguyện thứ mười là hồi hướng khắp cả, hiển thị ý nghĩa chữ Phổ), hiển lộ chữ Phổ, *“tùng sơ (đệ nhất nguyện) lễ kính nãi chí đệ cửu nguyện hằng thuận chúng sanh”* (từ ban đầu (nguyện thứ nhất) là lễ kính cho đến nguyện thứ chín là hằng thuận chúng sanh), đều nhằm hiển thị chữ Hiền trong đức hiệu của Phổ Hiền Bồ Tát. *“Cố tri thập chủng đại nguyện, hiển Phổ Hiền nghĩa. Hiền tắc thụ cùng tam tế, Phổ tắc viên nhiếp vô dư”* (nên biết mười đại nguyện hiển thị ý nghĩa Phổ Hiền. Hiền là theo chiều dọc rốt ráo ba đời, Phổ là nhiếp trọn vẹn, chẳng sót), chúng ta nói là “theo chiều ngang trọn khắp mười phương”. Hiền là nói thời gian quá khứ, hiện tại, tương lai; Phổ là nói mười phương, tức bốn phương, bốn góc, trên dưới, bao quát toàn bộ. *“Thanh Lương Sớ vân, quả vô bất cùng viết Phổ, bất xả nhân môn viết Hiền. Chánh hiển kinh trung Phổ Hiền, tức Vị Hậu Phổ Hiền”* (Thanh Lương Sớ giảng: “Quả không gì chẳng cùng tột là Phổ, chẳng xả hạnh tu nhân là Hiền. Điều này chỉ rõ Phổ Hiền trong kinh chính là Vị Hậu Phổ Hiền”), hai câu này giải thích rốt ráo [ý nghĩa của danh hiệu] Phổ Hiền. Quả không gì chẳng cùng tột, Cùng (窮) là đã đạt đến tột bậc, chúng ta nói là “rốt ráo viên mãn”, đó là gì? Hoàn Nguyên Quán giảng *“một Thể, hai tác dụng, ba thứ trọn khắp”*, là quả không gì cùng tột. Khó có nhất là chẳng bỏ Nhân môn, Nhân môn là gì? Tứ Đức, Ngũ Chỉ, Lục Quán là những Nhân môn được nói trong Hoàn Nguyên Quán. Đã thành Phật, đã chứng địa vị Diệu Giác từ lâu, vẫn đến thị hiện trong nhân gian, thị hiện gì? Nam, nữ, già, trẻ, các nghề nghiệp, thị hiện làm kẻ sơ học, thị hiện làm Tiểu Thừa. Chúng sanh thuộc căn tánh gì, bèn thị hiện thuận theo căn tánh của chúng sanh thì mới có thể tiếp dẫn hết thảy chúng sanh, mới có thể thỏa mãn nhu cầu của chúng sanh có căn tánh bất đồng. Chư Phật Như Lai chẳng có mảy may ý nghĩ của riêng mình, đó là *“hằng thuận chúng sanh”.* Hễ có một tí ý nghĩ của riêng mình sẽ chẳng hằng thuận. Hằng thuận là trí huệ chân thật, thiện xảo phương tiện, thần thông, đạo lực vô tận, nhưng phàm phu không biết. Điều này chỉ rõ Phổ Hiền được nói trong kinh, tức là vị Bồ Tát được nhắc đến trong kinh này, cũng như Phổ Hiền được nói trong kinh Hoa Nghiêm đều thuộc địa vị gì? Là Vị Hậu Phổ Hiền, tức là đã thành Phật, thuộc địa vị Diệu Giác. Chứng đắc địa vị Diệu Giác, nhưng Ngài lui xuống địa vị Bồ Tát để giúp đỡ chúng sanh, vì sao? Phật pháp là sư đạo, chúng ta phải biết điều này. Thầy cao vời vợi bên trên, học trò mang lòng kính sợ thầy, vừa kính trọng vừa sợ hãi, nên dạy lũ học trò chẳng thuận tiện cho lắm, vậy thì thầy làm sao? Thầy thay đổi thân phận, mang thân phận bạn học. Thân phận bạn học thuận tiện hơn nhiều, nói sao cũng dám nói, nên dễ dạy. Vì thế, Phật dạy chúng sanh chẳng dùng đến thân phận Phật, lui xuống làm thân phận Bồ Tát, đó là Vị Hậu Phổ Hiền.

*“Diệc tức Thiện Đạo đại sư sở vị, tùng quả hướng nhân chi tướng”* (cũng chính là “tướng từ quả hướng về nhân” như Thiện Đạo đại sư đã nói). Ngài vốn đã chứng quả, nay trở về nhân địa, quả là Phật, nhân là Bồ Tát, dùng thân phận Bồ Tát để ứng hóa trên thế gian. Bồ Tát như thế nào? Thưa quý vị, quá nửa đều là Thập Tín Vị Bồ Tát, địa vị không cao. Thập Tín rất gần chúng ta, nội dung giảng dạy cũng là nội dung rất gần gũi, dễ hiểu, chúng ta có thể tiếp nhận, nghe hiểu, mà cũng thật sự có thể làm được. Đó là một vị thầy giỏi. Trong thời đại hiện tại, thánh giáo suy vi, đại chúng bình phàm, nam, nữ, già, trẻ, các nghề nghiệp đều chẳng học [thánh giáo]. Nếu quý vị lấy sách vở Đại Thừa quá sâu để dạy họ, về căn bản là họ nghe không hiểu. Dẫu có hiểu, cũng hoàn toàn chẳng ăn khớp với cuộc sống của họ, họ chẳng dùng được! Điều đó có nghĩa là gì? Kinh giáo chẳng khế cơ! Tuy khế lý, [tức là] nói theo Lý chẳng sai, nhưng chẳng đúng với căn cơ của chúng sanh. Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm là tài liệu dạy học cho nghiên cứu sinh, chúng sanh hiện thời là căn cơ gì? Căn cơ Tiểu Học. Quý vị lấy tài liệu học tập của nghiên cứu sinh để dạy Tiểu Học, làm sao họ có thể tiếp nhận cho được? Đó gọi là khế lý, chẳng khế cơ. Đối với những tài liệu để giảng dạy trong các trường học hiện thời, người trẻ tuổi học tập rất nhiều thứ, Tiểu Học, Trung Học, Đại Học, quý vị thấy trong ấy dạy những gì? Người học đông đảo như thế, nhưng nói theo Phật pháp, những tài liệu giảng dạy ấy khế cơ mà chẳng khế lý, hoàn toàn chẳng ăn khớp với giáo dục luân lý, đạo đức, nhân quả. Học trò có thể học được một ít công nghệ, có thể kiếm sống trong xã hội, nhưng chẳng biết làm người! Giáo dục làm người họ chưa được học, còn giáo dục để làm việc họ học chẳng ít. Chúng ta sống trong thời đại này, gặp gỡ căn tánh như vậy, phải hiểu rõ. Sau khi hiểu rõ mới biết dùng phương pháp gì để giúp họ vừa khế cơ vừa khế lý.

      Do vậy, lão cư sĩ Hạ Liên Cư xuất hiện trong thời đại này chẳng phải là ngẫu nhiên, cụ hội tập kinh Vô Lượng Thọ một lần nữa, chỉnh lý thành bản hoàn thiện, bản hoàn thiện ấy do hội tập năm bản dịch gốc hợp thành. Trong quá khứ cũng có người làm, nhưng thành quả có khuyết điểm, chẳng viên mãn. Đầu tiên là cư sĩ Vương Long Thư đời Tống hội tập, lần thứ hai do ông Ngụy Mặc Thâm hội tập trong niên hiệu Hàm Phong đời Thanh, lần thứ ba do Hạ lão cư sĩ hội tập vào đầu thời Dân Quốc. Họ đều chẳng phải là người bình phàm, mà toàn là hàng Bồ Tát đầy bản lãnh, thị hiện cho chúng ta thấy. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ ban cho chúng ta bản chú giải này, dụng ý rất ư là sâu, vì sao? Thời Mạt Pháp hãy còn chín ngàn năm nữa, trong chín ngàn năm ấy, Tịnh Độ là đương cơ, trong chín ngàn năm ấy cần đến Phật pháp thì cần loại Phật pháp nào? Cần bộ kinh này, cần pháp của Vô Lượng Thọ Phật. Chúng tôi cũng hiểu rõ chân tướng sự thật này; vì thế, lần này chúng tôi chọn giảng bản chú giải của cụ Hoàng Niệm Tổ để mọi người cùng nhau học tập. Chúng tôi nhắm đến mục đích hy vọng những thứ này (bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ và bản chú giải của cụ Hoàng) có thể lưu truyền hậu thế, dành cho người đời sau tham khảo, giúp họ học tập, giúp họ kiến lập tín tâm, nguyện lực, y giáo phụng hành, vãng sanh Tịnh Độ, mục đích ở chỗ này.

      Tiếp đó, *“hựu Phổ Hiền kệ vân”* (lại nữa, bài kệ của Phổ Hiền có nói), trong bài kệ của Phổ Hiền Bồ Tát: *“Ngã ký vãng sanh bỉ quốc dĩ, hiện tiền thành tựu thử đại nguyện. Phổ nguyện trầm nịch chư chúng sanh, tốc vãng Vô Lượng Quang Phật sát”* (Tôi đã vãng sanh cõi ấy rồi, hiện tiền thành tựu đại nguyện này, nguyện khắp chúng sanh đang chìm đắm, mau sanh cõi Phật Vô Lượng Quang). Bài kệ này *“thị tức Phổ Hiền tự ngôn”*, [tức là] do Phổ Hiền Bồ Tát tự nói, *“ngã ký vãng sanh Cực Lạc quốc dĩ, thành tựu sở phát chi thập chủng đại nguyện”* (ta đã vãng sanh cõi Cực Lạc, thành tựu mười thứ đại nguyện đã phát), nói cách khác, viên mãn mười thứ đại nguyện, thế giới Cực Lạc hiện tiền. Vì sao? Thế giới Cực Lạc do mười thứ đại nguyện ấy kiến lập. Trong khi tu nhân, A Di Đà Phật đã phát bốn mươi tám nguyện, quý vị đem so với mười nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát, [sẽ thấy] hoàn toàn tương ứng. Nói cách khác, mười nguyện Phổ Hiền triển khai thành bốn mươi tám nguyện của Phật Di Đà, bốn mươi tám nguyện của Phật Di Đà cô đọng thành mười nguyện Phổ Hiền. Vì vậy, tu hành viên mãn mười nguyện, thế giới Cực Lạc tự nhiên hiện tiền. Do nguyên nhân nào? Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng, mười nguyện là nhân, thế giới Cực Lạc là quả. Nhân đã viên, quả đương nhiên sẽ trọn đủ, đạo lý là như thế đó. Điều khó có là hai câu kết thúc, *“phổ nguyện trầm nịch chư chúng sanh, tốc vãng Vô Lượng Quang Phật sát”*, đó là hồi hướng. Sau đó lại có *“nãi dĩ thù thắng hạnh nguyện công đức, giai tất hồi hướng chúng sanh đồng sanh Cực Lạc”*(dùng công đức thù thắng của hạnh nguyện để hồi hướng cho chúng sanh ắt đều cùng sanh về Cực Lạc). Bồ Tát thị hiện trên thế gian, thực hiện mười nguyện này, làm cho chúng ta thấy, với dụng ý gì? Dụng ý nhằm ảnh hưởng chúng sanh trong thế giới Sa Bà, khuyên họ hãy bắt chước. Thời thời khắc khắc nhắc nhở, thời thời khắc khắc khuyên dụ, hướng dẫn, mang ý nghĩa ấy. Vì Phổ Hiền Bồ Tát thành Phật đã lâu, đã sớm tu hành viên mãn, Ngài thả chiếc bè Từ, đến thế gian này, ứng hóa có thân phận và kiến thức giống như chúng ta, làm cho chúng ta thấy Ngài chịu tu, Ngài đã tu thành công. Chúng ta sẽ lấy Ngài làm gương mẫu, làm điển hình, Ngài có thể tu thành công, ta nghĩ ta nhất định cũng có thể tu thành công. Từ bi đạt tới tột bậc! Học rồi, đức của Phổ Hiền sẽ từ trong tâm chính mình lưu lộ, trong một đời chúng ta, từng chút thiện hạnh nhỏ nhặt đều chẳng vì chính mình, ta đều hồi hướng cho pháp giới chúng sanh, nguyện hết thảy chúng sanh đồng sanh Cực Lạc. Đại nguyện ấy không chỉ tương ứng với Phổ Hiền, mà còn tương ứng viên mãn với A Di Đà Phật, niệm niệm chẳng vì chính mình, chỉ có hết thảy chúng sanh.

*“Phổ giai hồi hướng, nãi thành Phổ nghĩa”* (“phổ giai hồi hướng” nhằm thành tựu nghĩa Phổ), ý nghĩa của chữ Phổ đã thành tựu. *“Di Đà tứ thập bát nguyện, nhiếp nhất thiết chúng sanh, thị phổ giai hồi hướng chi bổn nguyên”* (Bốn mươi tám nguyện của Phật Di Đà nhiếp thọ hết thảy chúng sanh là cội nguồn của phổ giai hồi hướng). Nói cách khác, phổ giai hồi hướng là bổn nguyện phổ độ hết thảy chúng sanh đều chứng Phật quả rốt ráo viên mãn của A Di Đà Phật. Ở đây, cụ Hoàng đã chỉ ra rất hay: Mười nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát đến cuối cùng là dùng phổ giai hồi hướng để viên mãn, chính là bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật được viên mãn. Do vậy, *“Phổ Hiền thập đại nguyện vương, chánh thị Di Đà đại nguyện chi đệ tam thập ngũ nguyện chi quảng diễn”* (mười đại nguyện vương của Phổ Hiền chính là sự mở rộng của nguyện thứ ba mươi lăm trong Di Đà đại nguyện). Nguyện thứ ba mươi lăm là *“nhất sanh bổ xứ nguyện”*, ở đây, lời nguyện đã được trích lục như sau: *“Sanh ngã quốc giả, cứu cánh tất chí Nhất Sanh Bổ Xứ, trừ kỳ bổn nguyện vị chúng sanh cố, bị hoằng thệ khải, giáo hóa nhất thiết hữu tình giai phát tín tâm, tu Bồ Đề hạnh, hành Phổ Hiền đạo”* (kẻ sanh về nước ta, rốt ráo ắt đạt tới địa vị Nhất Sanh Bổ Xứ, ngoại trừ người nào do bổn nguyện vì chúng sanh [mà khoan đạt đến địa vị ấy], mặc áo giáp hoằng thệ, giáo hóa hết thảy hữu tình đều cùng phát tín tâm, tu hạnh Bồ Đề, hành đạo Phổ Hiền). Ở đây, tôi không giảng đoạn kinh văn này, trong phẩm thứ sáu ở phần sau, chúng ta đọc đến đoạn kinh văn ấy sẽ lại giảng giải tường tận.

*“Do thị khả kiến, hội trung thánh chúng, đa thị tằng sanh Cực Lạc, phi hoằng thệ khải, du hóa thập phương, trợ Phật hoằng hóa”* (do vậy, có thể thấy: Thánh chúng trong hội phần nhiều đã từng sanh về Cực Lạc, khoác áo giáp hoằng thệ, dạo khắp mười phương, giúp Phật hoằng dương, giáo hóa), mấy câu này nói hay quá! Thuở ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật giảng bộ kinh này tại Linh Sơn, bộ kinh này và kinh Pháp Hoa được giảng cùng một chỗ. Kinh Pháp Hoa giảng tại núi Linh Thứu, bộ kinh này cũng được giảng tại núi Linh Thứu, cùng một nơi, thính chúng cũng giống như trong kinh Pháp Hoa, đại tỳ-kheo chúng một vạn hai ngàn người cùng nhóm họp, khác hẳn các pháp hội khác! Trong các pháp hội khác, [kinh văn thường] chép là một ngàn hai trăm năm mươi người, bộ kinh này là một vạn hai ngàn người. Trong đại chúng, có rất nhiều vị đã từng vãng sanh thế giới Cực Lạc, lại trở về. Thích Ca Mâu Ni Phật giáo hóa chúng sanh ở nơi đây, các Ngài quay lại, vì sao quay lại? Chính vì nguyện thứ ba mươi lăm này, bổn nguyện của các Ngài là vì chúng sanh. Đặc biệt có duyên phận với chúng sanh trong thế giới này, bản thân các Ngài chưa chứng đến Đẳng Giác, nhưng các Ngài quay lại giúp đỡ hết thảy chúng sanh khổ nạn. Người như vậy rất nhiều, trong hàng xuất gia đã có, mà trong hàng tại gia lại càng nhiều. Tại gia độ chúng sanh càng thuận tiện hơn, biến thành người nhà, quyến thuộc, bằng hữu đến độ quý vị, giúp quý vị sanh khởi tín tâm đối với pháp môn Tịnh Tông, giúp quý vị hiểu rõ ý nghĩa trong kinh, y giáo tu hành, giúp quý vị hành Phổ Hiền đạo, tức là hành mười đại nguyện vương.

      Trong quá trình thành lập Tịnh Tông Học Hội, lần trước chúng tôi đã thưa bày đại lược cùng quý vị, nhưng [bài viết trình bày] duyên khởi của Tịnh Tông Học Hội được viết tại Thánh Hà Tây, Gia Châu (San Jose, California) của nước Mỹ, tại một thị trấn nhỏ tên là Khố Phách Đề Nặc (Cupertino). Lúc đó, tôi ở bên ấy, viết ra duyên khởi của Tịnh Tông Học Hội. Trong bài viết về duyên khởi, chúng tôi nêu ra năm khoa mục mà người tu Tịnh Độ nhất định phải nghiêm túc học tập, thực hiện. Năm khoa mục ấy là Tịnh Nghiệp Tam Phước, Lục Hòa Kính, Giới - Định - Huệ Tam Học, Lục Ba La Mật, và Phổ Hiền Thập Nguyện, năm khoa mục như vậy. Thời gian trôi qua rất nhanh, đã hơn hai mươi năm rồi, có hiệu quả hay không? Dường như hiệu quả chẳng rõ rệt. Đồng học tại gia chẳng thể thực hiện Thập Thiện Nghiệp Đạo, đồng học xuất gia chẳng thể thực hiện Sa Di Luật Nghi, như vậy là vãng sanh sẽ có vấn đề. Chúng tôi cũng nghiêm túc phản tỉnh, vì sao cổ nhân làm dễ dàng dường ấy, mà người hiện thời làm khó khăn dường ấy, làm không được, nguyên nhân ở chỗ nào? Chúng tôi cũng tốn không ít thời gian nghiên cứu vấn đề này, đã tìm được kết luận. Trong đời này, chúng ta chẳng vun bồi cội rễ giáo dục, cho nên chẳng làm được Thập Thiện Nghiệp. Do vậy, chúng tôi bèn nghĩ, trong giáo dục truyền thống Trung Quốc, căn bản giáo dục nào được vun bồi? Ba căn bản Nho, Thích, Đạo. Căn bản của Nho là gì? Luân lý, Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức. Trong quá khứ, lớp tuổi nhi đồng hết sức nghiêm túc học tập những đức mục này. Không có văn tự, nhưng cha mẹ dạy bảo, bậc trưởng thượng trong nhà quý vị dạy dỗ, thân thích, bằng hữu dạy bảo, thậm chí người xa lạ chẳng quen biết, trông thấy quý vị phạm quy củ cũng đều chỉ trích, dạy dỗ, được dưỡng thành từ nhỏ. Trẻ nhỏ thấy nhiều, nghe nhiều, đúng là “tai nghe, mắt nhiễm, trở thành thói quen”, chính mình làm chuyện quấy, bị kẻ khác chỉ trích, bèn tuân phục, cúi đầu, chẳng dám cãi lại. Chúng tôi nghĩ đến vấn đề này, nghĩ sau khi nhà Mãn Thanh vong quốc, xã hội loạn động bất an, mãi cho đến hiện tại vẫn chẳng an định. Vun bồi căn bản giáo dục đều bị coi nhẹ, sơ sót, không chỉ chẳng nhìn thấy, mà cũng chẳng ai nói tới, điều này rất đáng sợ!

      Do vậy, trong lúc nhiều người đang nói tới văn hóa truyền thống của Trung Quốc, chúng tôi mới nghiêm túc đưa ra ba căn bản của Nho, Thích, Đạo, Đệ Tử Quy của Nho gia, Cảm Ứng Thiên của Đạo gia và Thập Thiện Nghiệp Đạo của Phật gia. Quả thật, trong thời quá khứ, người Trung Quốc từ nhỏ đều biết đến ba căn bản này, đều được giáo dục nên học Phật rất dễ dàng. Mở kinh bổn ra xem, ta thấy *“thiện nam tử, thiện nữ nhân”*, chúng ta chẳng xa lạ chút nào, quay đầu nghĩ lại, đại khái là nói đến chúng ta, ta cũng đáng thuộc trong số đó. Thập Thiện Nghiệp Đạo đã làm được, quý vị là thiện nam tử, thiện nữ nhân, Thập Thiện Nghiệp Đạo không làm được, nhân quả trong Cảm Ứng Thiên không biết, quý vị chưa được giáo dục. Có cơ sở Nho và Đạo, chỉ cần tiếp xúc Thập Thiện Nghiệp Đạo liền hiểu rõ, có thể thực hiện. Vì vậy, trong Phật pháp, bất luận xuất gia hay tại gia, nghiêm túc học tập, lẽ nào không thành tựu! Hiện thời, những thứ này bị coi thường, bỏ sót, chẳng có nữa, chẳng có thì sẽ như thế nào? Người ta biết làm việc, nhưng chẳng biết làm người! Phương pháp làm việc đã học, nhưng quy củ làm người chẳng học, con người chẳng biết làm người, xã hội sẽ động loạn. Hiện thời, muốn xã hội an định, muốn xã hội hòa hài, ngoại trừ tìm lại những thứ của tổ tiên, chẳng có biện pháp nào tốt đẹp hơn. Do vậy, chúng tôi vẫn đề xướng Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp Đạo, hàng xuất gia còn có thêm Sa Di Luật Nghi. Chúng ta nghĩ xem trong số những người dạy các môn này trong hiện thời, có ai từ thế giới Cực Lạc trở lại hay không? Tôi nghĩ chắc chắn là có! Những vị Pháp Thân Bồ Tát ấy tới thế gian thị hiện gì vậy? Thị hiện làm giáo viên Tiểu Học; thật đấy, chẳng giả đâu! Đấy là ba mươi hai ứng thân của Quán Thế Âm Bồ Tát, nên dùng thân gì để độ được liền hiện thân ấy, chắc chắn là như vậy. *“Tằng sanh Cực Lạc, phi hoằng thệ khải, du hóa thập phương, trợ Phật hoằng hóa”* (từng sanh Cực Lạc, khoác giáp hoằng thệ, du hóa mười phương, giúp Phật hoằng dương, giáo hóa), chúng ta chớ nên khinh dễ, phải tôn trọng, phải lễ kính.

*“Như thị triển chuyển giáo hóa, triển chuyển độ thoát”* (lần lượt giáo hóa, lần lượt độ thoát như vậy), đó là pháp luân thường chuyển, chúng ta nghiêm túc nỗ lực dạy người khác, người khác học được, lại đi dạy kẻ khác nữa. Đặc biệt là trong thời đại hiện tiền, những nơi làm mẫu quan trọng hơn bất cứ điều gì khác. Thiếu những nơi ấy, tuy chúng ta có dạy, tốn thời gian nhiều đến đâu đi nữa, hao tốn tinh thần đến đâu đi nữa, hiệu quả chẳng rõ rệt, vì sao? Người khác chẳng nhìn thấy. Vì thế, nhất định phải có chỗ thí nghiệm, thực hiện trong một phạm vi nhỏ, trong một khu vực nhỏ, hoặc một thị trấn nhỏ, thực hiện một trăm phần trăm, có một nơi như thế. Tôi tin tưởng mọi người chúng ta thật sự phát tâm, Tam Bảo gia trì, nguyện vọng ấy sẽ được thực hiện, sẽ xuất hiện. Dạy bên ngoài, quý vị có tin hay không? Quý vị đến nơi ấy mà xem, hãy đến tham quan. Sau khi họ thấy, chẳng còn hoài nghi nữa, cũng sẽ thật sự làm. Có thể sanh ra hiệu quả hay không, điều này rất trọng yếu! Hiện thời có rất nhiều người đang tu phước trong Phật môn, dựng chùa to miếu lớn, có lợi ích hay không? Trước đây, thầy Lý còn tại thế, thường bảo chúng tôi: *“Hữu miếu vô đạo, bất năng hưng giáo”*(Có chùa, nhưng chẳng có đạo, giáo pháp chẳng thể hưng thịnh). Lão nhân gia cả đời không coi trọng đạo tràng, nên đạo tràng rất sơ sài, cụ coi trọng bồi dưỡng nhân tài. Hiện thời, chúng ta không chỉ phải coi trọng bồi dưỡng nhân tài, mà còn phải coi trọng những tiểu khu gương mẫu. Tại Tam Trọng, Đài Loan có một con phố, có hai vị thầy vất vả lo toan tại đó suốt mười ba năm, rất có thành tích, nay đã được chánh phủ công nhận. Người thật sự có tâm, thật sự là bậc Bồ Tát từ Tây Phương Cực Lạc thế giới trở lại, thay A Di Đà Phật làm chuyện tốt đẹp, thật sự cứu khổ, cứu nạn, cứu giúp hết thảy chúng sanh, lập ra những chỗ làm gương. Đó là sự nghiệp Bồ Tát, sự nghiệp thần thánh, sự nghiệp nào trong thế gian đều chẳng thể sánh bằng! Trong quá khứ, chúng tôi đã thực hiện tại trấn Thang Trì của huyện Lô Giang ba năm, nay đã chuyển đến nơi đây. Ba năm ở Lô Giang là giáo dục toàn dân, làm thành công, dọn sang bên này, tôi chú trọng bồi dưỡng giáo viên, làm cơ sở huấn luyện thầy trò. Trong tương lai có duyên phận như vậy, tiểu trấn, tiểu khu nào muốn làm, chúng tôi sẽ có giáo viên đến dạy; không có thầy đến dạy sẽ chẳng thành công. Do vậy, chúng tôi đọc đến đoạn này, nghĩ đến những vị thầy tốt đẹp ấy, thật sự thực hiện rồi hy sinh, dâng hiến, vốn là từ thế giới Cực Lạc trở lại, trong quá khứ đã đến thế giới Cực Lạc, nay giúp Phật giáo hóa chúng sanh, xoay vần giáo hóa, xoay vần độ thoát. *“Thị cố kinh trung vô lượng vô biên nhất thiết Bồ Tát, giai tuân Phổ Hiền đại sĩ chi đức”* (Vì thế, vô lượng vô biên hết thảy các vị Bồ Tát trong kinh đều tuân theo đức của Phổ Hiền đại sĩ). Có phải là từ thế giới Cực Lạc quay lại hay không? Từ câu nói ấy, quý vị sẽ thấy được tin tức. Câu nào vậy? *“Giai tuân Phổ Hiền đại sĩ chi đức”.* Nếu từ Tây Phương Cực Lạc thế giới đến, người ấy chắc chắn có tập khí này, không cần ai phải dạy, chính người ấy thể hiện lễ kính chư Phật, xưng tán Như Lai, quảng tu cúng dường, sám trừ nghiệp chướng, hiển thị ra, tự nhiên làm cho quý vị thấy, thật đấy, chẳng giả đâu!

      Chúng ta lại xem tiếp đoạn dưới: *“Cụ túc vô lượng hạnh nguyện, an trụ nhất thiết công đức pháp trung. Thượng lưỡng cú sơ tán chư đại sĩ chi thật đức”*(Đầy đủ vô lượng hạnh nguyện, an trụ trong hết thảy các pháp công đức. Hai câu trên khen ngợi thật đức của Ðại Sĩ). Hai câu này nói chung về các vị đại Bồ Tát, họ có công đức chân thật, trọn đủ vô lượng hạnh nguyện. Vô lượng hạnh nguyện là mười đại nguyện vương được mở rộng, khuếch trương, giống như các vị đại Bồ Tát đã mở rộng Thập Thiện Nghiệp Đạo thành tám vạn bốn ngàn tế hạnh. Tám vạn bốn ngàn tế hạnh của Bồ Tát quy nạp thành Thập Thiện Nghiệp, ở đây cũng là mười điều của Phổ Hiền, mở rộng thành vô lượng vô biên hạnh nguyện. *“Vô lượng giả, kỳ đa, kỳ đại, vô pháp xứng lượng, cố danh vô lượng”* (vô lượng là nhiều, lớn, chẳng có cách nào đo lường, nên gọi là vô lượng). Trong Nhiếp Đại Thừa Luận Thích có nói, Thích (釋) là giải thích, *“bất khả dĩ thí loại đắc tri vi vô lượng”* [nghĩa là] chẳng có cách nào dùng tỷ dụ để sánh ví mà hòng biết được thì gọi là “vô lượng”. Giải thích hai chữ này! *“Hạnh vị Lục Độ, Tứ Nhiếp đẳng đại hạnh”* (“Hạnh” là các đại hạnh như Lục Độ, Tứ Nhiếp v.v...). Bồ Tát biểu hiện cho chúng ta thấy, nhằm khẳng định những điều ấy, làm cho chúng ta xem. Bọn phàm phu chúng ta có tâm hạnh tương phản, Bồ Tát thích bố thí, phàm phu ưa tích trữ. [Phàm phu] tích trữ những thứ không mang theo được, còn Bồ Tát thì thứ gì không mang theo được đều bố thí hết. Phàm phu chuộng làm ác, Bồ Tát chuộng trì giới. Bố thí độ keo tham, trì giới độ ác nghiệp, nhẫn nhục độ sân khuể, tinh tấn độ giải đãi, Thiền Định độ tán loạn, trí huệ độ ngu si, Bồ Tát dùng sáu điều này để tự độ, độ người khác.

      Tứ Nhiếp Pháp là phương thức tiếp dẫn chúng sanh, nói theo cách bây giờ, chúng là các cách thức để Bồ Tát giao tiếp công chúng. Bồ Tát tiếp dẫn chúng sanh như thế nào? Ngài có bốn phương pháp:

      1) Phương pháp thứ nhất là Bố Thí. Bố thí ở đây khác với Bố Thí trong Lục Độ, bố thí ở đây là gì? Mời khách nhiều, tặng quà nhiều, người thế gian chúng ta thường nói là*“lễ đa, nhân bất quái”* (lễ nhiều, người ta chẳng trách). Bồ Tát thật sự dùng phương pháp như thế, tặng quà nhiều, mời khách nhiều, tạo dựng cảm tình. Sau khi đã tạo dựng quan hệ tốt đẹp rồi, sẽ dễ nói chuyện.

      2) Ái Ngữ là lời lẽ tốt đẹp thật sự quan tâm, thuốc hay đắng miệng, thật sự có thể nói lời chân tâm với họ.

      3) Lợi Hành là hành vi của Bồ Tát nhất định có lợi cho chúng sanh.

      4) Cuối cùng là Đồng Sự, hết sức lỗi lạc, hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Bồ Tát có trí huệ, Bồ Tát có thần thông. Dẫu quý vị có ác hạnh, Ngài vẫn có thể tùy thuận, trong tùy thuận sẽ uốn nắn quý vị, khiến cho quý vị giác ngộ, quay đầu là bờ.

      Trong Hoàn Nguyên Quán, Hiền Thủ quốc sư đã giảng Tứ Đức, đó là Tánh Đức, là đại căn đại bổn của đức hạnh Bồ Tát. Giống như bổn nguyện của A Di Đà Phật và bổn nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát, đó là đại căn đại bổn. Thứ nhất là *“tùy duyên diệu dụng”*, thứ hai là *“oai nghi có pháp tắc”*, oai nghi có pháp tắc là nêu gương tốt cho người ta thấy, chớ nên nêu gương xấu, phải nêu gương tốt. Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác đều phải nêu bày dáng vẻ tốt đẹp, dáng vẻ ấy tương ứng với Tánh Đức, tại Trung Quốc chắc chắn phải là dáng vẻ tốt đẹp tương ứng với hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ, nhân ái, hòa bình. *“Nhu hòa chất trực”*, đây là thái độ biểu hiện trong tiếp xúc với đại chúng, một niềm hoan hỷ, tâm địa chân thành, biểu lộ ra ngoài một niềm hoan hỷ. *“Đại chúng sanh khổ”* (chịu khổ thay cho chúng sanh), chúng ta có thể biểu diễn đại nguyện chịu khổ thay cho chúng sanh rất khá, có thể làm rất tốt, thật sự giúp nhiều chúng sanh quay đầu là bờ. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới chỗ này!

# Tập 100

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giảo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

      Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm mười sáu, xem dòng thứ năm từ dưới đếm lên, chúng ta đọc từ chỗ ấy:

*“Cụ túc vô lượng hạnh nguyện, an trụ nhất thiết công đức pháp trung. Thượng lưỡng cú sơ tán chư đại sĩ chi thật đức. Vô lượng giả, kỳ đa, kỳ đại, vô pháp xứng lượng”*(Đầy đủ vô lượng hạnh nguyện, an trụ trong hết thảy các pháp công đức. Hai câu này khen ngợi thật đức của Ðại Sĩ. Vô lượng là nhiều, lớn, chẳng có cách nào đo lường), nói không được,*“cố danh vô lượng. Nhiếp Đại Thừa Luận Thích vân: Bất khả dĩ thí loại đắc tri” (*nên gọi là vô lượng. Nhiếp Đại Thừa Luận Thích nói: “Chẳng thể dùng thí dụ, so sánh để biết được”). [Thông thường], do thí dụ sẽ có thể biết được, nhưng [ở đây] vẫn chẳng có cách nào thí dụ sao cho thích hợp nên gọi là Vô Lượng. Vô lượng hạnh nguyện, *“Hạnh vị Lục Độ, Tứ Nhiếp đẳng đại hạnh”* (Hạnh là các đại hạnh như Lục Độ, Tứ Nhiếp v.v...), trong phần trước chúng tôi đã trình bày rồi. *“Nguyện vị Tứ Hoằng Thệ dữ thập đại nguyện đẳng thắng nguyện”* (Nguyện là các nguyện thù thắng như Tứ Hoằng Thệ Nguyện và mười đại nguyện v.v...), Tứ Hoằng Thệ Nguyện là tổng nguyện (nguyện chung) của hết thảy chư Phật, Bồ Tát trong giáo pháp Đại Thừa, chỉ nói bốn câu, nhưng bốn câu đã bao gồm toàn bộ vô lượng đại nguyện trong lúc tu nhân của hàng Bồ Tát. Nguyện thứ nhất là *“chúng sanh vô biên thệ nguyện độ”*, nói theo cách bây giờ, chữ Độ (度) này là giúp đỡ, góp sức thành tựu họ. Chúng sanh vô lượng vô biên, trong kinh giáo đã nói: *“Phật thị môn trung, bất xả nhất nhân”* (trong cửa nhà Phật, chẳng bỏ một ai). Chắc chắn Phật, Bồ Tát chẳng bỏ qua bất cứ một ai, bất cứ chúng sanh nào, vì sao? Các vị Bồ Tát biết hết thảy chúng sanh và chính mình là một Thể, so với “một nhà” còn thân thiết hơn. Một chúng sanh bị khổ, chịu nạn, há có thể bỏ qua? Đã là một chúng sanh cũng chẳng bỏ qua, hiện thời chúng sanh khổ nạn nhiều ngần ấy, vì sao Phật chẳng độ họ? Chúng ta nhất định phải hiểu điều này, trong kinh đã có giải thích: *“Tâm, Phật, chúng sanh, tam vô sai biệt”* (tâm, Phật, chúng sanh, ba thứ chẳng sai biệt). Ý nghĩa của “ba thứ chẳng sai biệt” rất rộng, chẳng phải chỉ có một ý nghĩa. Cách giải thích thứ nhất là ba điều ấy bình đẳng, một mà ba, ba mà một, chúng sanh, Phật, tâm là một chuyện, chẳng phải là ba chuyện, mà là một, chẳng phải là ba. Cách giải thích thứ hai là sức của ba thứ ấy bằng nhau. Nghiệp lực của chúng sanh, nguyện lực của chư Phật và sức mạnh của tâm là bình đẳng. Tâm là Thể, Phật và chúng sanh đều là tác dụng, một đằng là tác dụng chánh diện, Phật là chánh diện, một đằng là tác dụng phản diện, chúng sanh là tác dụng phản diện. Cũng có thể nói, Phật là tác dụng thiện, chúng sanh là tác dụng bất thiện, sức mạnh bằng nhau. Do vậy, chúng sanh có cảm, Phật bèn có ứng. Tội nghiệp của chúng sanh chẳng tiêu trừ, sức mạnh của Phật chẳng tăng thêm, sức mạnh của tâm cũng chẳng tăng thêm. Tâm, Phật, chúng sanh, nghiệp lực bất thiện của chúng sanh ắt phải tiêu trừ thì sức mạnh của Phật mới giúp được. Tâm chẳng có thiện hay ác, nó là bản thể, nhưng bất luận là chân hay vọng, đều là từ Thể khởi lên tác dụng. Tâm tùy duyên, có thể thuận theo duyên nhiễm hay tịnh; chúng sanh tạo tội nghiệp, nó bèn thuận theo nhiễm duyên hiện ra lục đạo luân hồi, hiện ra quả báo trong tam đồ, nó tùy duyên. Chư Phật, Bồ Tát đoạn ác, tu thiện, tích công, lũy đức, nó cũng tùy duyên. Thế giới Hoa Tạng là tâm tùy duyên, thế giới Cực Lạc cũng là tâm tùy duyên, nó có thể thuận theo duyên nhiễm hay tịnh, chưa hề có khởi tâm động niệm. Vì thế, đức Phật mới nói: *“Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng”*, chữ *“tâm tưởng”* chỉ ý niệm của chúng ta, người hiện thời gọi là *“tâm thái”*, nó làm chủ, chủ tể thiên biến vạn hóa, có ý nghĩa như thế đó.

      Do vậy, nguyện thứ nhất trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện là bổn nguyện độ chúng sanh, là thật, chẳng giả. Quả thật, trong cửa nhà Phật chẳng bỏ một ai. Phật, Bồ Tát đối với hết thảy chúng sanh bình đẳng, nghiệp chưa tiêu trừ, bèn giúp kẻ ấy tiêu trừ nghiệp chướng. Tiêu trừ nghiệp chướng lại chẳng thể miễn cưỡng, phải hằng thuận chúng sanh, khi nào chúng sanh giác ngộ, ngộ có tiểu ngộ và đại ngộ, đẳng cấp khác biệt rất nhiều. Đối với chúng sanh chưa giác ngộ, Bồ Tát luôn dùng thiện xảo phương tiện giúp họ giác ngộ. Sau khi họ bắt đầu giác ngộ, vẫn dùng thiện xảo phương tiện giúp họ nâng cao, hy vọng họ giác ngộ càng sâu rộng hơn mãi cho tới lúc viên mãn. Chúng ta thường gọi viên mãn là “thành Phật”, thành Phật là viên mãn, đấy là nguyện độ chúng sanh. Nói đúng ra, [Tứ Hoằng Thệ Nguyện] thật sự là nói đến một nguyện này, ba nguyện sau là để hoàn thành chuyện này. Ngày nay, chúng ta cũng phát nguyện này, nguyện đã phát, nhưng chẳng có năng lực giúp chúng sanh; vì thế, ba nguyện sau nhằm thành tựu chính mình. Quý vị thấy: Dạy người khác là dạy chính mình trước, độ chúng sanh cũng là độ chính mình trước. Chưa độ được mình mà có thể độ người, chẳng có lẽ ấy! Kinh Phật thường nói “chẳng có đạo lý ấy”. Nếu quý vị muốn giúp người khác, nhất định phải thành tựu chính mình trước. Do vậy, điều thứ hai là *“phiền não vô tận thệ nguyện đoạn”*, phải đoạn trừ tập khí phiền não, đoạn trừ là gì? Thành tựu đức hạnh của chính mình, điều này rất trọng yếu. Xưa nay, trong ngoài nước, trong sự giáo dục của thánh hiền, đức hạnh luôn được đặt hàng đầu. Nếu người nào chẳng có đức hạnh, kẻ ấy ngu si chút nào càng tốt chút ấy, do chẳng tạo tội nghiệp to lớn. Nếu kẻ ấy thông minh, hắn sẽ hại người, làm hại rất nhiều. Vì thế, giáo dục phẩm đức được đặt hàng đầu!

      Phẩm đức đã thành tựu, nguyện kế tiếp là *“pháp môn vô lượng thệ nguyện học”*, đây là nói tới yêu cầu phải có tri thức và trí huệ. Thiếu tri thức, thiếu trí huệ, chẳng thể giúp mình, mà cũng chẳng thể giúp người. Nguyện cuối cùng, trí huệ và học thuật đều phải đạt đến rốt ráo viên mãn, quý vị mới có thể phổ độ chúng sanh. Cho nên nguyện cuối là*“Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành”*, thành Phật là giống như hiện nay chúng ta đi học đạt được học vị cao nhất là học vị Tiến Sĩ. Phật, Bồ Tát, A La Hán là các danh xưng học vị trong Phật môn; học vị cao nhất là Phật Đà, học vị hạng hai là Bồ Tát, học vị hạng ba là A La Hán. A La Hán đã giác ngộ, tiểu ngộ, Bồ Tát đại ngộ, Phật là đại triệt đại ngộ, chuyện là như thế đó. Chúng ta phải biết kiến thức Phật học thông thường này. Do vậy, biết chúng ta phải phát Tứ Hoằng Thệ Nguyện này, vì sao? Nguyện là động lực. Tập khí phiền não của chúng ta rất nặng, vì sao phải đoạn phiền não? Chẳng phải vì chính mình, mà vì giúp đỡ hết thảy chúng sanh, sức mạnh ấy rất lớn! Ta đoạn phiền não sớm một ngày, sẽ giúp chúng sanh sớm một ngày, chúng sanh được lợi ích sớm một ngày, chẳng phải vì chính mình. Vì chính mình thì lười biếng một chút vẫn chẳng sao, ta chậm một hai năm, hoặc chậm trễ một hai kiếp chẳng sao! Quý vị thấy chúng sanh khổ nạn nhiều ngần ấy, há nỡ lòng nào! Vì thế, đây là động lực đại từ đại bi thúc đẩy, nguyện lực thúc đẩy, hy vọng chính mình ngay lập tức buông tập khí phiền não xuống.

      Sau khi buông xuống mới có thể thành tựu pháp môn, trí huệ mới có thể thành tựu. Nếu chẳng buông tập khí phiền não xuống mà quảng học đa văn thì những gì quý vị học tập toàn là tri thức, chẳng phải là trí huệ, trí huệ và tri thức khác biệt ở chỗ này. Trong tri thức chẳng có tập khí phiền não, nó sẽ là trí huệ; nếu vẫn mang tập khí phiền não thì là tri thức. Bởi lẽ, tri thức chỉ có thể giải quyết vấn đề cục bộ, chắc chắn còn có hậu quả! Trong xã hội hiện thời, chúng ta thấy rất rõ ràng! Có người nói xã hội hiện thời là xã hội tri thức bùng nổ, chẳng sai chút nào, ai nấy đều đang cầu tri thức, nhưng chẳng biết đến luân lý, đạo đức. Cũng có người nói con người hiện thời biết làm việc, nhưng chẳng biết làm người, lời này có lý! Không biết hiếu thuận với cha mẹ, không biết tôn kính tôn trưởng, thậm chí kẻ làm cha mẹ còn trẻ tuổi chẳng biết dạy dỗ con cái ra sao, đấy là tập khí phiền não chưa đoạn. Trung Quốc từ xưa tới nay, bất luận là giáo dục gia đình (trước đây tư thục là gia giáo), giáo dục trong nhà trường, hay trong xã hội, đều đặt luân lý, đạo đức vào vị trí hàng đầu. Luân lý, đạo đức là *“phiền não vô tận thệ nguyện đoạn”,* xếp nó vào vị trí thứ nhất. Người thiếu tri thức chẳng sao, biết làm người, biết hiếu, đễ, trung, tín, biết lễ nghĩa, liêm, sỉ, nhân ái, hòa bình, kẻ ấy là người tốt, chẳng tạo tội nghiệp. Dẫu kẻ ấy chẳng có cống hiến cho quốc gia, xã hội, nhưng chẳng gây tổn hại, quý vị nghĩ xem: Giáo dục rất trọng yếu! Sau khi đã có cơ sở ấy, lại cầu tri thức, tri thức là trí huệ. Trong Phật pháp gọi đoạn sạch tập khí phiền não là Căn Bản Trí, trí huệ của quý vị có căn bản rồi, giáo dục luân lý, đạo đức, nhân quả là căn bản; toàn bộ tri thức do cầu được sẽ biến thành trí huệ, gọi là Hậu Đắc Trí. Tác dụng của Hậu Đắc Trí là thiện xảo phương tiện. Chẳng dùng trí huệ ấy để cầu lợi ích cho chính mình, mà dùng để mưu cầu phước lợi cho hết thảy chúng sanh, đấy là chuyện tốt đẹp; nhưng nếu chưa thành Phật, đức hạnh và trí huệ quý vị sẽ chưa đạt tới viên mãn. Chưa đạt tới viên mãn, quý vị độ chúng sanh sẽ không viên mãn, vì sao? Quý vị chỉ có thể giúp kẻ có phước huệ thấp hơn quý vị, quý vị có thể giúp họ, chứ đối với kẻ có phước huệ cao hơn chính mình, quý vị sẽ chẳng thể giúp được. Vì thế, phát nguyện muốn thành Phật, thành Phật có thể giúp Đẳng Giác Bồ Tát, chỉ có thành Phật mới có thể giúp họ. Chưa thành Phật, không giúp được Đẳng Giác Bồ Tát. Quý vị là Đẳng Giác Bồ Tát, không thể giúp Đẳng Giác Bồ Tát. Nếu quý vị là Thập Địa Bồ Tát thì kể cả Thập Địa lẫn Đẳng Giác quý vị đều chẳng giúp được! Đó là đại ý của Tứ Hoằng Thệ Nguyện, nhất định phải cầu đạt đến rốt ráo viên mãn, người Trung Quốc nói “hoàn mỹ” thì hoàn mỹ là chẳng khuyết điểm, đạt đến Phật Đà mới chẳng có khuyết điểm, chứ Đẳng Giác Bồ Tát vẫn còn thua một bực.

*“Dữ thập đại nguyện đẳng”* (và mười đại nguyện v.v...), mười đại nguyện đã nói đại lược trong phần trước. *“Phổ Hiền Bồ Tát thập đại nguyện đẳng”*,*“đẳng”*là nói tới những thứ khác, như bốn mươi tám nguyện do ngài Pháp Tạng đã phát trong hội này, hoặc các vị Bồ Tát trong khi tu nhân đã phát ra vô lượng vô biên đại nguyện thù thắng.*“Nguyện dĩ đạo hạnh, hạnh dĩ mãn nguyện”* (nguyện để hướng dẫn hạnh, hạnh nhằm mãn nguyện), nguyện nhằm dẫn dắt quý vị tu hành. Nếu chẳng nguyện, quý vị tu hành chẳng thể thành tựu. Vì sao? Chẳng có phương hướng, thiếu mục tiêu. Giống như lái thuyền trong biển cả, chẳng có phương hướng, chẳng có mục tiêu, chúng ta biết là rất nguy hiểm. Không chỉ chẳng đạt được mục đích, mà còn gặp nguy hiểm tột cùng bất cứ lúc nào. Thật đấy, chẳng giả đâu! Vì thế, con người chẳng thể không có nguyện, trong Phật pháp gọi là “nguyện”, tại Trung Quốc, thế tục thường nói đến “chí”. Người chẳng thể không có chí; vì thế, chí và nguyện thường được gộp chung, nhà Phật gọi là Nguyện. Hết thảy chư Phật, Bồ Tát có chung một nguyện độ chúng sanh, phổ độ chúng sanh. *“Phổ”* có nghĩa là bình đẳng, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, mang ý nghĩa bình đẳng. Bồ Tát ứng hóa trên thế gian, vì sao? Nhằm giúp đỡ hết thảy chúng sanh khổ nạn. Trong các hành động giúp đỡ, có một nguyên tắc bất biến, đó là “giúp chúng sanh phá mê khai ngộ”, điều này rất trọng yếu! Phật, Bồ Tát biết tất cả hết thảy khổ nạn và quả báo của chúng sanh, căn nguyên của quả báo bất thiện là do mê mất bổn tánh, mê chứ không giác, đó là cội nguồn chung, căn cội của hết thảy khổ nạn và quả báo. Phật, Bồ Tát giáo học từ chỗ này, nắm vững từ căn bản thì mới có thể sanh ra hiệu quả thù thắng. Vì thế, cứu khổ cứu nạn là giúp chúng sanh phá mê, khai ngộ. Như vậy là chúng ta hiểu rõ, thuở tại thế, Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời dạy học, mỗi ngày [đều dạy] chẳng gián đoạn, chỉ cần gặp Ngài đều là người có duyên. Gặp một người bèn dạy một người, gặp hai người bèn dạy hai người. Ngài dạy học chẳng câu nệ thời gian, cũng chẳng có nơi chốn nhất định, bất luận chỗ nào, bất luận lúc nào, hễ gặp gỡ, Ngài bèn dạy. Bậc thầy như vậy, xưa nay rất ít thấy người nhiệt tâm dường ấy, vì sao? Ngài biết quan hệ giữa người khác và chính mình. Đó là luân lý nhà Phật, luân lý cũng được giảng đến mức viên mãn. Hết thảy chúng sanh và ta là một Thể. [Đã là] một Thể thì gặp người khác, kẻ ấy đã mê, tạo tác bất thiện, há lẽ nào chẳng dạy? Không chỉ phải dạy, mà còn nhất định phải giúp cho kẻ ấy giác ngộ, đó là “chẳng bỏ một ai”. Vì thế, nguyện trọng yếu vô cùng. Nguyện chánh xác, phương hướng mục tiêu chánh xác thì hạnh của chúng ta chánh đáng, tư tưởng, lời lẽ, và hành vi đều chánh đáng. Tư tưởng, lời lẽ, hành vi bất chánh, nói cách khác, [nguyên nhân là do] chí nguyện chẳng lập, chí nguyện chẳng kiên cố, nên tư tưởng và hành vi của kẻ ấy trong [cuộc sống] hằng ngày mới có lệch lạc.

      Hạnh nhằm mãn Nguyện, nhất định phải tu hành thì mới có thể thỏa mãn nguyện vọng của quý vị. Chúng ta muốn đoạn phiền não, phải học pháp môn. Phiền não chẳng đoạn, học pháp môn bằng cách nào? Pháp môn nhất định phải giúp quý vị đoạn phiền não, vì sao? Trong giai đoạn này, đoạn phiền não là chủ yếu. Phiền não chẳng đoạn, pháp môn chẳng thể thành tựu. Phương pháp đoạn phiền não và học pháp môn vô lượng vô biên, *“pháp môn vô lượng thệ nguyện học”*, vô lượng, vô biên; nhưng để đoạn phiền não, chỉ có thể chọn lựa mấy thứ trong vô lượng vô biên pháp môn, không thể quá nhiều, nhiều quá lại chuốc lấy một đống lớn phiền não! Không chỉ chẳng đoạn được, mà ngược lại [phiền não] còn tăng trưởng. Hiện tượng như thế rất phổ biến, xưa nay trong ngoài nước đều có, chẳng phải là ngoại lệ. Do vậy, đọc tụng Đại Thừa cũng là một pháp môn trong tám vạn bốn ngàn pháp môn. Ta đọc tụng nhằm mục đích nào? Chẳng phải là pháp môn vô lượng thệ nguyện học, không nhằm mục đích này, mà nhằm giúp ta đoạn phiền não. Phiền phức lớn nhất trong các phiền não là vọng niệm và vọng tưởng. Quý vị thấy đó, niệm trước diệt, niệm sau sanh, tuyệt đối chẳng thể ngưng dứt, đương nhiên càng chẳng thể đoạn dứt. Vọng niệm tơi bời, cả đống ý niệm bất thiện, dùng phương pháp gì? Vô lượng pháp môn quy nạp lại chỉ có mấy thứ, trì giới là một phương pháp, tu Định là một phương pháp, tác Quán là một phương pháp, đó là Chỉ Quán, niệm Phật là một phương pháp, đọc kinh cũng là một phương pháp. Đọc kinh phải đọc như thế nào? Dùng phương pháp đọc kinh để chấm dứt vọng niệm. Không đọc kinh, vọng niệm rất nhiều. Đọc kinh nhằm tập trung cái tâm một chỗ, chế tâm nhất xứ. Cũng là nói “buông xuống tất cả ý niệm, cung kính niệm bộ kinh này”. Như kinh Vô Lượng Thọ, tốc độ không nên quá nhanh, mà cũng đừng quá chậm, phải khiến cho vọng tưởng chẳng xâm nhập, nhằm mục tiêu này. Ta đọc kinh này từ đầu đến cuối một lần, đại khái phải từ một giờ rưỡi đến hai giờ, đấy là quý vị tu hành một tiếng rưỡi hoặc tu hai giờ. Đọc kinh là đoạn phiền não, nhất định phải hiểu mục tiêu này. Do vậy, sau khi đọc một bộ kinh, vọng niệm cũng chẳng có, công phu khá lắm! Đọc một bộ kinh, trong hai tiếng đồng hồ chẳng khởi một vọng niệm, công phu tốt đẹp lắm. Hai tiếng đồng hồ chẳng khởi một vọng niệm, nói thông thường, phải huấn luyện bao lâu? Đại khái huấn luyện từ ba năm đến năm năm mới có thể đạt tới trình độ này. Vì thế, niệm một bộ kinh, khởi lên mười hoặc hai mươi vọng tưởng là bình thường. Muốn đạt đến mức khởi hai, ba vọng tưởng ước chừng phải mất ba năm công phu, chẳng có ba năm công phu, sẽ chẳng làm được. Có thể khởi một vọng tưởng, đại khái phải đến năm năm công phu. Tâm quý vị đã định, định lâu sẽ khai trí huệ, phương pháp đọc tụng là như vậy.

      Đọc tụng quyết định không nên nghĩ trong kinh có ý nghĩa gì, vì quý vị vừa nghĩ tới ý nghĩa thì ý nghĩa là vọng tưởng, vọng tưởng lại xâm nhập rồi. Chỉ niệm, chẳng có ý nghĩa gì, dùng cách này để dứt vọng tưởng. Niệm Phật, tu Định, trì giới đều dùng phương pháp này, mục tiêu tương đồng, dụng ý như nhau. Vì thế, phương pháp đọc tụng này đối với phần tử tri thức hữu hiệu nhất, nhiều năm qua tôi sử dụng biện pháp này. Tôi niệm Phật không được, niệm Phật suốt ngày cả một vạn tiếng Phật hiệu, vẫn cứ khởi vọng tưởng y như cũ, nhưng xem kinh hoặc đọc kinh thì được; vì thế, đây là do căn tánh của mỗi cá nhân khác nhau. Lúc mới học cũng có thể thử xem, trì chú, trì giới đều có thể thử xem phương pháp nào thích hợp với chính mình, sử dụng rất thuận tiện, chính mình cũng rất ưa thích, bèn dùng phương pháp ấy. Vì thế, hiện thời mỗi ngày, thông thường vào lúc ít khách, thời gian đọc kinh của tôi sẽ chẳng ít hơn bốn giờ đồng hồ, dùng phương pháp này để đoạn ý niệm của chính mình. Trọn chẳng nghĩ đến ý nghĩa trong kinh, hễ nghĩ sẽ là cầu giải, đó là một pháp môn khác. Hiện thời tôi đọc kinh, mục đích của tôi là nhằm tu Định, nhằm ngưng dứt vọng niệm, công phu ở chỗ này. Nghiên cứu cầu giải, một mặt nâng cao cảnh giới của chính mình, giúp cho Chỉ Quán của chính mình, triết học hiện thời gọi Chỉ Quán là vũ trụ quan và nhân sinh quan, nâng cao cảnh giới của chính mình về phương diện ấy. Mặt khác, chúng tôi chia sẻ tâm đắc trong học tập với đại chúng, cũng giúp cho mọi người có thể liễu giải nghĩa lý của kinh. Sau khi liễu giải, biết chính mình mỗi ngày phải sống như thế nào, đó là tu hành, tu hành là cuộc sống. Nói cách khác, chúng ta chẳng sống cuộc đời lục đạo luân hồi, chúng ta ở nơi đây (trong lục đạo) mà sống cuộc đời của Phật, Bồ Tát, có thể đạt tới thanh lương, tự tại, người thế gian gọi [cuộc sống ấy] là “hạnh phúc mỹ mãn”. Cuộc sống của Phật, Bồ Tát là hạnh phúc mỹ mãn. Nói cách khác, dùng kinh điển để chỉ đạo chúng ta sống như thế nào, mang ý nghĩa này. Do vậy, Hạnh mới có thể mãn Nguyện. Dùng một chữ Hạnh để bao gồm hành vi sai lầm của chúng ta, bao gồm tư tưởng, kiến giải, ngôn ngữ, tạo tác. Nương theo kinh giáo để uốn nắn, sửa đổi cách nghĩ lầm, thấy trật, nói sai, làm quấy, đó là tu hành. Tu hành ở chỗ nào? Tu hành trong hết thảy thời, hết thảy chỗ. Thật vậy, tu nơi khởi tâm động niệm, đó là cội rễ của Hạnh. Khởi tâm động niệm thiện, ngôn hạnh của quý vị chắc chắn là thiện. Khởi tâm động niệm bất thiện, ngôn hạnh đương nhiên sẽ bất thiện, căn nguyên của nó là ý niệm. Vì thế, Hạnh nhằm mãn Nguyện. *“Hạnh như túc, nguyện như mục, hỗ tương y trì”* (Hạnh như chân, Nguyện như mắt, nương tựa lẫn nhau), đây là nói về mối quan hệ giữa Hạnh và Nguyện, Nguyện lãnh đạo quý vị, chỉ dẫn quý vị phương hướng và mục tiêu chánh xác, quý vị mới có thể đạt đến.

*“Cụ túc”*, trong kinh Phật thường dùng hai chữ này. Ở đây, giải thích ý nghĩa hai chữ này rất hay, *“viên mãn vô dư”*, [nghĩa là] viên mãn, chẳng khiếm khuyết mảy may nào, đó là *“cụ túc”*,*“cụ túc”* có nghĩa là viên mãn. *“Hạnh Nguyện Phẩm vân”*, [nghĩa là] trong phẩm Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyện có nói, *“văn thử nguyện vương”*(nghe nguyện vương này), quý vị nghe mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát, đại khái quý vị cũng có thể hiểu rõ ý nghĩa của mười điều ấy, *“độc, tụng, thư tả”* (đọc, tụng, biên chép), đều là công phu. Đối trước kinh điển để niệm là Độc (讀), Tụng (誦) là niệm thuộc lòng, niệm rất thuộc, không cần xem kinh cũng có thể đọc thuộc lòng, đó là Tụng. Ngoài đọc tụng ra là biên chép, nay chúng ta gọi là *“mặc tả”* (默寫: chép thuộc lòng), nhưng khi viết có thể nhìn vào kinh bổn để chép thì chúng ta gọi là *“sao kinh”* (抄經), không xem kinh để viết thì gọi là *“mặc tả”. “Thư tả”* là hai loại này. *“Thị chư nhân đẳng, ư nhất niệm trung, sở hữu hạnh nguyện giai đắc thành tựu”* (Những người ấy trong một niệm, tất cả hạnh nguyện đều được thành tựu). Quý vị hãy suy nghĩ mấy câu này, nếu chúng ta chẳng nhất tâm xưng niệm, sẽ chẳng có hiệu quả ấy! Kinh Di Giáo nói *“chế tâm nhất xứ”*, nhất tâm xưng niệm và chế tâm nhất xứ có cùng một ý nghĩa, người thế gian chúng ta nói là “chuyên tâm”. Khi tụng niệm công khóa, khi tu hành, tâm vô nhị niệm, kinh văn [hiển hiện] rõ ràng, minh bạch trong tâm của chính mình. Trong khi ấy, mười nguyện này, nguyện nào cũng đều trọn đủ, đều được thành tựu. Trong một nguyện, viên mãn chín nguyện khác, nguyện nào cũng là như thế, quý vị thấy mười nguyện biến thành một trăm nguyện. Do vậy, [mỗi đời trong ba đời] đem phối hợp với ba đời, quá khứ, hiện tại, tương lai, lại thành cửu thế. Cửu thế là nói theo thời gian, [tức là] đời quá khứ của quá khứ, đời hiện tại của quá khứ, đời vị lai của quá khứ, đời quá khứ của hiện tại, đời hiện tại của hiện tại, đời vị lai của hiện tại; đời vị lai của vị lai, đời hiện tại của vị lai, đời quá khứ của vị lai. Quý vị chia ra như vậy, [cửu thế cộng với “tam thế” ban đầu sẽ thành “thập thế”, mỗi thế có mười nguyện nên] mười nguyện sẽ biến thành một ngàn nguyện. Do lý do đó, mười điều thiện của Bồ Tát có thể lần lượt biến thành tám vạn bốn ngàn tế hạnh, do từ chỗ này mở rộng ra. Mười nguyện Phổ Hiền đương nhiên cũng là tám vạn bốn ngàn tế hạnh, lại mở rộng ra, đúng là vô lượng, vô biên, vô số, vô tận, *“một tức là nhiều, nhiều tức là một”*, đây là câu nói tổng kết trong kinh Hoa Nghiêm. Đều ở trong một niệm tâm, niệm niệm như vậy, chẳng thể nghĩ bàn!

*“Thử chánh hiển tùng quả hướng nhân, dĩ Di Đà chi thiện xảo phương tiện gia trì hồi hướng, thành tựu vô lượng siêu xuất Thập Địa chư thánh chi hạnh nguyện”*(Điều này chỉ rõ từ quả hướng về nhân, dùng phương tiện thiện xảo của Phật Di Ðà để gia trì hồi hướng thành tựu vô lượng hạnh nguyện vượt trỗi các vị thánh trong Thập Địa). Đoạn kinh văn ngắn này trong phẩm Hạnh Nguyện cho thấy Như Lai từ quả hướng đến nhân. Phổ Hiền Bồ Tát đã chứng đắc quả vị rốt ráo, thuộc địa vị Diệu Giác, thị hiện thân phận Đẳng Giác Bồ Tát trong hội Hoa Nghiêm. Đẳng Giác Bồ Tát là nhân vị (địa vị tu nhân), Diệu Giác là quả vị (địa vị chứng quả). Nói cách khác, chúng sanh có cảm, tự tánh Thường Tịch Quang có ứng, tướng của Ứng Thân ấy là Đẳng Giác Bồ Tát. Đó là *“từ quả hướng đến nhân”*, người Hoa gọi [chuyện này] là *“thả chiếc bè Từ”.* Ngài quay lại, dần dần tiến lên cao hơn; nay Ngài lui lại, lui lại để giúp đỡ chúng ta. Nếu Ngài không lui xuống, cứ trụ trong địa vị ấy, chúng ta sẽ không thể tiến lên. Ngài đến đi tự do, chúng ta chẳng tự do, nên Ngài cần phải lui xuống giúp đỡ chúng ta, giúp bằng cách nào? Quý vị thấy, Phổ Hiền Bồ Tát dùng thiện xảo phương tiện của Phật Di Đà để gia trì, hồi hướng, thả chiếc bè Từ, vẫn xin A Di Đà Phật dùng thiện xảo phương tiện nơi bổn nguyện gồm bốn mươi tám nguyện để gia trì, hồi hướng, đấy là biểu diễn cho chúng ta thấy. Chúng ta trông thấy, hiểu rõ, có nên nương tựa A Di Đà Phật hay không? Đã chứng đắc địa vị Diệu Giác, quay trở lại thị hiện như vậy, chẳng có chi khác, chỉ nhằm khuyến cáo chúng ta nhất định phải nương cậy A Di Đà Phật. A Di Đà Phật ở chỗ nào? Một bộ kinh này là A Di Đà Phật, phải hiểu điều này. Chúng ta mỗi ngày cúng dường tượng A Di Đà Phật, mỗi ngày đốt hương, dập đầu lạy lục cầu Ngài phù hộ, đó là mê tín, như vậy là có lỗi với A Di Đà Phật, coi A Di Đà Phật như thần tiên, sai lầm rồi! Thờ hình tượng nhằm ý nghĩa gì? Thờ tượng để nhắc nhở chúng ta thường nghĩ đến kinh Vô Lượng Thọ. Giáo huấn của A Di Đà Phật dành cho chúng ta hoàn toàn ở trong bộ kinh điển này, nghe danh hiệu liền nghĩ đến kinh điển, thấy hình tượng cũng phải nghĩ đến kinh điển, tác dụng ở chỗ này. Thời thời khắc khắc dùng hình tượng để nhắc nhở chúng ta, dạy chúng ta niệm niệm chớ quên. Người học Phật thờ hình tượng Phật, Bồ Tát là do ý nghĩa ấy. Phải biết điều này; nếu không, sẽ là làm chuyện mê tín. Vì sao người học Phật chúng ta thờ hình tượng Phật nhiều như thế? Tánh Đức của chúng ta vô lượng vô biên, [nếu chỉ] dùng một danh hiệu, một hình tượng, sẽ chẳng có cách nào hiển thị Tánh Đức viên mãn của chúng ta.

      Do vậy, A Di Đà Phật đại diện kinh Vô Lượng Thọ, Quán Thế Âm Bồ Tát đại diện phẩm Phổ Môn, Phổ Hiền Bồ Tát đại diện phẩm Hạnh Nguyện, Văn Thù Bồ Tát đại diện kinh Bát Nhã, Địa Tạng Bồ Tát đại diện kinh Bổn Nguyện, chúng ta trông thấy hình tượng các Ngài bèn nghĩ đến giáo huấn trong các bộ kinh điển ấy. Các kinh điển ấy dạy gì? Kinh Vô Lượng Thọ biểu thị đại viên mãn, Quán Âm Bồ Tát biểu thị từ bi. Nghe các danh hiệu ấy, thấy các hình tượng ấy, phải nghĩ ta nên giống hệt như Quán Âm Bồ Tát, dùng tâm đại từ đại bi đối đãi hết thảy chúng sanh, mang ý nghĩa này, chớ nên hiểu sai! Địa Tạng Bồ Tát biểu thị hiếu thuận cha mẹ, tôn kính sư trưởng, đấy là căn bản của giáo học. Giáo dục của thánh hiền thế gian và xuất thế gian sanh ra từ đâu? Sanh từ hiếu thảo cha mẹ và tôn trọng thầy. Vì thế, danh hiệu của Bồ Tát là Địa Tạng, Địa là đại địa, Tạng là kho báu. Nay quý vị thấy [người ta] thăm dò đại địa để tìm khoáng sản. Địa ở đây là nói tới tâm địa, kho báu trong tâm địa là vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng, vô lượng tướng hảo, dùng phương pháp gì để khai thác? Dùng hai phương pháp là hiếu thảo cha mẹ và tôn trọng thầy để khai thác kho báu trong tự tánh, dùng ý nghĩa này. Nghe danh hiệu, thấy hình tượng, bèn lập tức nghĩ đến [hiếu thân, tôn sư], quý vị thấy Tánh Đức thường thấu lộ ra ngoài, đó là chuyện tốt. Văn Thù Bồ Tát biểu thị trí huệ, Phổ Hiền Bồ Tát biểu thị “thật sự làm”, dùng danh từ này cho dễ hiểu. Phổ Hiền Bồ Tát là thật sự làm, khai phát Tánh Đức trong tự tánh. Đặt ra những thứ ấy, những nghệ thuật phẩm ấy đều là thiện xảo phương tiện trong nhà Phật, chẳng có chút xíu mê tín nào! Do vậy, thật sự hiểu, đã hiểu rõ ràng, chúng ta sẽ bội phục Phật pháp năm vóc sát đất, đó gọi là gì? Nghệ thuật hóa giáo học. Nghệ thuật hóa là trong thời cận đại, từ sau Đệ Nhị Thế Chiến, trong xã hội chúng ta nghe nói đến danh từ “nghệ thuật hóa” rất nhiều, thứ gì cũng đều nhấn mạnh nghệ thuật, ngay cả chiến tranh cũng nhấn mạnh nghệ thuật, chánh trị cũng là nghệ thuật, công thương cũng là nghệ thuật, đều nhấn mạnh nghệ thuật hóa! Từ ba ngàn năm trước, Phật đã thực hiện nghệ thuật hóa, thảy đều tiến nhập nghệ thuật hóa giáo học, chúng ta chẳng thể không bội phục. Ba ngàn năm sau, con người mới nghĩ tới, mới theo đuổi nghệ thuật. Do vậy, trong Phật pháp, hết sức coi trọng điêu khắc, hội họa, âm nhạc, mỹ thuật, kiến trúc, thứ gì cũng đều nhằm biểu thị pháp, thứ gì cũng đều là giáo học. Quý vị thật sự thấu hiểu, chẳng cần nói câu nào. Bước vào chùa miếu, quý vị cũng thu được một bài học rất phong phú, rất viên mãn. Những điều này đều nhằm nói về thiện xảo phương tiện, gia trì hồi hướng, tất cả hết thảy đều là gia trì.

      Cuối cùng nói *“phổ giai hồi hướng”*, tâm lượng của chúng ta đã khôi phục bình thường. Tâm lượng bình thường là *“tâm bao thái hư, lượng châu sa giới”* (tâm trọn khắp thái hư, lượng như các cõi nước nhiều như cát), người Hoa thường nói *“lượng to, phước lớn”*. Đức Phật bảo chúng ta, tâm lượng của mỗi cá nhân chúng ta vốn còn to hơn hư không pháp giới, quý vị vốn sẵn là như vậy. Nay chúng ta phải tìm lại cái vốn có, phải tìm lại tự tánh, hồi hướng là đạt tới viên mãn, tìm lại nó một cách viên mãn. Cách luyện tập trong lúc thường ngày là như thế nào? Phải luyện tập ngay trong hiện tại. Hiện thời, tâm lượng rất nhỏ, phải vận dụng trong thường nhật, khởi tâm động niệm đừng nghĩ vì chính mình, hãy thường nghĩ vì chúng sanh, tâm lượng bèn rộng mở. Thật vậy, trí huệ hiện tiền, phước báo cũng to lớn. Niệm niệm nghĩ vì chính mình, buôn bán mong phát tài, niệm niệm mong mình phát tài, tiền của sẽ có hạn. Vì sao? Trong mạng đã định sẵn, quý vị chẳng có cách nào vượt qua [hạn mức đã định sẵn ấy]; nhưng nếu chuyển biến ý niệm, ta phát tài chẳng vì chính mình, mà phát tài nhằm giúp hết thảy chúng sanh khổ nạn, tuyệt lắm, đấy chẳng còn là tài vật trong mạng của quý vị nữa, vì sao? Tánh Đức tỏ lộ, của cải sẽ vô lượng vô biên, vì sao? Tất cả chúng sanh khổ nạn đều hưởng phước của quý vị, đó là thật!

      Vào hai ngàn năm trăm năm trước, nhằm thời đại Xuân Thu, [tức là] nhằm thời đại Ngô - Việt thời Xuân Thu, quý vị thấy Phạm Lãi buôn bán chẳng vì chính mình, rất nhanh, mấy năm đã phát tài to. Sau khi phát tài, thấy người ta nghèo cùng, khổ sở, đều giúp đỡ, tán tài, chia cho mọi người, khiến cho mọi người có thể sống qua ngày. Chính mình lại từ cái vốn nhỏ nhoi để bắt đầu buôn bán, trong mạng cũng có, hơn nữa, lại làm chuyện tốt đẹp to tát dường ấy, ông ta thật sự có thể phát tài, phát tài là vì có đại đạo, bố thí mà! Từ món tiền vốn nhỏ để bắt đầu buôn bán, chưa đầy hai ba năm lại phát tài, phát tài nhiều hơn lần trước, lập tức chia hết của cải. Sau khi chia sạch, lại làm từ đầu, rất tuyệt! Ba lần tụ tài, ba lần tán tài, nên sau này, người Hoa thờ ông ta làm Tài Thần. Người Hoa thờ ai làm Tài Thần? Phạm Lãi! Điều này rất có lý, ông ta là một vị thương nhân Bồ Tát, dạy quý vị kinh doanh, buôn bán như thế nào? Chẳng vì chính mình, mà vì chúng sanh. Bản thân quý vị tu phước, đời đời kiếp kiếp hưởng chẳng hết, quý vị thấy quý vị đã cứu vớt bao nhiêu người? Quý vị bố thí, thi ân, trong tương lai, con cháu trong nhà quý vị ai nấy đều là con hiếu, cháu hiền, vì sao? Chúng nó đến báo ân, chẳng đến báo oán, chẳng đến đòi nợ. Phạm Lãi nêu gương cho chúng ta thấy. Đặc biệt là trong thế giới hiện đại, hết thảy nhấn mạnh khoa học, khoa học đòi hỏi chứng cớ, chúng ta cũng phải nêu gương. Tán tài chẳng thua thiệt, tán tài là chiếm đại tiện nghi, nhưng chẳng ai biết chuyện này.

      Đến hồi hướng mới thật sự là viên mãn, do vậy, người ấy thành tựu vô lượng hạnh nguyện vượt trỗi chư thánh thuộc Thập Địa. Người ấy thực hiện triệt để, viên mãn. Những vị Bồ Tát ấy học theo A Di Đà Phật; A Di Đà Phật kiến lập Tây Phương Cực Lạc thế giới để làm gì? Chẳng phải vì chính mình, chẳng dính vào tiếng tăm, lợi dưỡng cho chính mình, mà nhằm giúp lục đạo chúng sanh trong hết thảy các cõi Phật khắp pháp giới hư không giới, tiếp dẫn họ đến thế giới Cực Lạc, tạo ra một đạo tràng thích hợp nhất để tu hành thành tựu trong thế giới Cực Lạc, hoan nghênh họ đến đó. Chẳng đòi hỏi điều kiện rất cao, mà là điều kiện rất đơn giản, quý vị thật sự là thiện nam tử, thiện nữ nhân, cũng tức là quý vị có thể làm được Thập Thiện Nghiệp Đạo, tin tưởng pháp môn này, bằng lòng vãng sanh, Ngài sẽ đến tiếp dẫn quý vị. [Điều kiện căn bản để vãng sanh là] tín nguyện trì danh, quý vị thấy đơn giản lắm! Nhưng chúng ta chớ nên quên, đừng sơ sót một điều kiện trọng yếu như Thích Ca Mâu Ni Phật đã giới thiệu: *“Chẳng thể do chút ít thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh về cõi ấy”*,câu này trọng yếu lắm. Quý vị có tín, có nguyện, có hạnh, đến cuối cùng quý vị chẳng thể vãng sanh, bèn trách “Phật lừa ta”. Phật chẳng lừa quý vị, Phật đã nói rất rõ ràng, quý vị ít thiện căn, phước đức, nhân duyên, sẽ chẳng thể đến đó. Đến đó, nhất định phải là người nhiều thiện căn. Thiện căn là gì? Thiện căn là tín nguyện, quý vị thật sự tin tưởng, nguyện thiết tha. Đó là thiện căn. Phước đức là gì? Phước đức là thật sự làm, ta thật sự thực hiện Thập Thiện Nghiệp Đạo, vì nơi ấy toàn là chư thượng thiện nhân cùng nhóm họp một chỗ. Tiêu chuẩn của thiện là mười thiện nghiệp, không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không nói đôi chiều, không nói thêu dệt, không ác khẩu, không tham, không sân, không si. Làm được điều kiện này vài phần là được rồi. Làm viên mãn cả mười điều kiện sẽ thành Phật, chúng ta có thể làm đến một phần trăm thì được rồi, nắm chắc vãng sanh Cực Lạc thế giới! Do vậy, mười nguyện ấy chẳng thể không tu, cách tu mười nguyện ấy ra sao? Tôi đã nói rất nhiều lần, thực hiện Đệ Tử Quy và Cảm Ứng Thiên chính là tu Thập Thiện Nghiệp Đạo. Vì Thập Thiện Nghiệp Đạo chỉ đề ra cương lãnh, chẳng nói chi tiết. Cảm Ứng Thiên và Đệ Tử Quy là hạng mục chi tiết, còn mười điều [trong Thập Thiện Nghiệp Đạo] là tổng cương lãnh. Quý vị thực hiện hai thứ ấy thì Đệ Tử Quy đã làm được, Thập Thiện Nghiệp cũng làm được, quý vị là chư thượng thiện nhân. Tuy là tiểu thiện, khi vãng sanh, A Di Đà Phật trước hết dùng Phật quang chiếu gội quý vị. Phật quang vừa chiếu, tiểu thiện sẽ biến thành đại thiện, nâng lên cao, đó là Phật lực gia trì. Phật lực gia trì là tương đối, [nghĩa là] quý vị có bao nhiêu, Ngài tăng thêm bấy nhiêu. Chúng ta tu nhiều, Ngài sẽ tăng thêm nhiều, chớ nên không hiểu đạo lý này!

      Chúng ta lại xem đoạn kế tiếp: *“An trụ nhất thiết công đức pháp trung, nhất thiết công đức pháp chỉ Phật quả chi vô tận công đức”* (An trụ trong hết thảy pháp công đức: Chữ “hết thảy công đức” chỉ Phật quả công đức vô tận). Chúng ta thường nói viên mãn xứng tánh là hết thảy công đức, thật vậy, cũng chẳng có gì hiếm lạ, vì sao? Vốn trọn đủ trong tự tánh, hết thảy chúng sanh ai nấy đều có phần, chẳng phải là nói Phật có, còn chúng ta chẳng có. “Chúng ta có” là có như thế nào? Tuy có, nhưng hiện thời bị chướng ngại, tuy có, nhưng không lấy ra được. Ví như quý vị có tài sản ức vạn, đều để trong ngân hàng, cất trong ấy, hiện thời quý vị ở bên ngoài, muốn ăn một bữa cơm, túi không có tiền, vẫn phải tạm thời làm lụng một chút, người ta mới cho quý vị ăn một bữa. Chẳng phải là quý vị không có, nhưng hiện thời chẳng lấy ra được, có chướng ngại, đạo lý là như vậy đó. Phật và Pháp Thân Bồ Tát chẳng có chướng ngại; vì thế, đối với Tánh Đức viên mãn có thể tự tại khởi tác dụng, đối với vô lượng trí huệ, vô lượng thần thông có thể tự tại khởi tác dụng, đạo lý như vậy đó. Đức Phật đã nói rất rõ ràng, nếu chúng ta diệt trừ chướng ngại, chướng ngại của chúng ta chính là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chướng ngại chia thành ba loại lớn ấy, mỗi loại đều là vô lượng vô biên, gồm ba loại lớn ấy! Đức Phật nói rất rõ ràng, hoàn toàn diệt trừ ba loại lớn ấy, quý vị sẽ thành Phật, chẳng khác gì A Di Đà Phật, trí huệ và đức tướng trong tự tánh sẽ hiện tiền viên mãn. Chưa có năng lực trừ diệt hoàn toàn thì trừ từng phần, có tất cả ba phần, trong ba phần diệt trừ một phần, đã khởi tác dụng rồi. Trừ từ bên ngoài, tức là trước hết, hãy trừ từ bên ngoài, phần ở bên ngoài chính là chấp trước. Nếu là thật sự [đoạn trừ], chúng ta buông chấp trước xuống, chẳng còn chấp trước hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, quý vị chứng quả A La Hán, hết thảy công đức trong tự tánh thấu lộ một phần ba. Một phần ba đã là thần thông rộng lớn rồi! Người Hoa đọc Tây Du Ký rất nhiều, biết Tôn Ngộ Không thần thông quảng đại, nhưng A La Hán vượt trỗi Tôn Ngộ Không chẳng phải chỉ là một vạn lần, Tôn Ngộ Không chẳng thể sánh bằng A La Hán! Quý vị biết đó là vì năng lực khôi phục, thần thông khôi phục. Nếu lại khử thêm một phần, tức là lại trừ khử phần phân biệt, đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian chẳng còn phân biệt, chư vị phải biết, không chấp trước sẽ đắc tâm thanh tịnh, tựa đề kinh này là “thanh tịnh, bình đẳng, giác”, chẳng chấp trước, tâm thanh tịnh hiện tiền, [đó là] A La Hán. Chẳng phân biệt, tâm bình đẳng hiện tiền. Bồ Tát chẳng phân biệt, A La Hán còn có phân biệt, Ngài chẳng chấp trước, nhưng có phân biệt. Đối với phân biệt, Bồ Tát cũng chẳng có, Tánh Đức trong tự tánh thấu lộ hai phần ba. Cuối cùng là đại triệt đại ngộ, đó là giác, “thanh tịnh, bình đẳng, giác”, sự giác ấy là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, hoàn toàn chẳng có chướng ngại, [Tánh Đức trong tự tánh] thấu lộ toàn bộ.

      Ở đây, nói đến vô tận công đức. Phật quả có công đức vô tận, đó là viên mãn xứng tánh, thanh tịnh, bình đẳng, giác đều đã đạt được. Nếu chẳng giải thích như vậy, chỉ nói “hết thảy các pháp công đức” thì Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật đều có thể nói [là các Ngài trọn đủ hết thảy các pháp công đức]. Phía sau thêm vào một câu, nói rõ là công đức vô tận nơi Phật quả. Như vậy là không phải là nói tới [quả vị] Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, chẳng nói tới các địa vị ấy, mà nói tới quả địa Như Lai, thật sự chứng đắc viên mãn “thanh tịnh, bình đẳng, giác” thì mới là cảnh giới đó. Đây là nói người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới đều an trụ trong hết thảy các pháp công đức nhằm cổ vũ, khích lệ chúng ta cầu sanh thế giới Cực Lạc. Chúng ta vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, nói thật ra, sự hưởng thụ của chúng ta nhiều nhất là bằng Thanh Văn, chưa viên mãn, nhưng thế giới ấy là thế giới đặc thù, chẳng giống những thế giới khác! Trong nguyện thứ hai mươi, A Di Đà Phật đã nói hễ ai sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới *“đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát”.* Câu này rất trọng yếu, trong các cõi Phật khắp mười phương chẳng có điều này, chỉ riêng thế giới Cực Lạc là có. Do bổn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, quý vị đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, tuy chưa đoạn phiền não, nhưng trí huệ, thần thông, và đạo lực của quý vị bằng với A Duy Việt Trí Bồ Tát. A Duy Việt Trí Bồ Tát là gì? Là Phật! Hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, đến bên kia được đãi ngộ, được hưởng thụ sự đãi ngộ nơi Phật quả, tìm đâu ra điều này! Cũng có thể nói là quý vị đến thế giới Cực Lạc bèn thành Phật. Sự “thành Phật” ấy chẳng phải là thật sự thành Phật, mà do A Di Đà Phật gia trì quý vị. Loại đãi ngộ ấy do A Di Đà Phật ban cho quý vị, chẳng do chính bản thân quý vị đạt được, chính mình vẫn còn phải tu [hòng thật sự đạt đến]. Bất quá chính mình tu sẽ rất dễ dàng, lại còn rút ngắn thời gian với một mức độ to lớn. Quý vị thấy đó, tu hành trong thế giới [Sa Bà] này phải mất vô lượng kiếp, trụ trong vô lượng kiếp; đến thế giới Cực Lạc tu hành, chúng ta nói về quả vị thấp nhất là hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, tu hành trong thế giới Cực Lạc, tu đến mức an trụ trong hết thảy các pháp công đức phải mất thời gian bao lâu? Mười hai kiếp. Quý vị thấy vô lượng kiếp lập tức rút ngắn thành mười hai kiếp. Đối với hoàn cảnh học tập [tốt đẹp, thuận tiện] ấy, quý vị có nên đến đó hay không? Khắp pháp giới hư không giới, chẳng thể tìm đâu ra một nơi nào giống như vậy! Chỉ có một chỗ gương mẫu như thế, hết sức đáng quý! Mười phương hết thảy chư Phật, Bồ Tát đều tán thán, đều khuyên dạy chúng ta phải sanh về đó, nhưng chúng ta vẫn chẳng muốn sanh về, quý vị nói xem nghiệp chướng của quý vị nặng nề lắm thay! Bao nhiêu vị Bồ Tát mong tưởng đến đó mà chẳng có duyên phận này, chẳng gặp gỡ duyên phận này. Do duyên phận, nay chúng ta được gặp gỡ, nhưng chẳng mong sanh về, đúng là lầm lạc quá đỗi! Đó là [pháp tu] rốt ráo viên mãn, thành tựu trong một đời!

*“Nhân Vương Kinh Sớ vân: Thí vật danh Công”* (Nhân Vương Kinh Sớ giảng: “Thí cho chúng sanh gọi là Công”), Công ở đây là công đức, hai chữ “công đức” giải thích ra sao? Ở đây có nói: *“Quy kỷ viết Đức”* (Quy về mình là Đức). Do vậy, công đức và phước đức khác nhau, ngàn vạn phần đừng coi tu phước là công đức; nếu vậy, quý vị đã hoàn toàn sai lầm mất rồi! Công là *“thí vật”*, ở đây là “vật,” chẳng nói “thí cho người” mà nói *“thí vật”.* Nếu nói là người thì trong mười pháp giới chỉ có nhân đạo, Ngài nói*“vật”* bao gồm toàn bộ mười pháp giới trong ấy. Đối với những kẻ ngang vai vế chúng ta thì nói là *“bố thí”*, đối với những bậc cao hơn chúng ta như chư thiên thì gọi là *“cúng dường”.* Cúng dường cũng là bố thí, [nhưng nói “cúng dường” thì] danh xưng tôn kính hơn một chút. Trên là cúng chư Phật, Bồ Tát, chư thiên, thiện thần; dưới là cúng dường cửu giới chúng sanh, đều gọi chung là *“vật”.* Trong chữ Vật này có hai ý nghĩa:

      - Một là đối tượng bố thí của chúng ta, nay chúng ta nói là hết thảy người và vật.

      - Thứ hai là nội dung bố thí, có tài bố thí, pháp bố thí và vô úy bố thí. Chúng ta dùng này ba thứ này để bố thí hay cúng dường, trên là đến thiên thần, dưới là chúng sanh trong địa ngục, tâm lượng ấy lớn lắm!

      Các nhà khoa học hiện thời nói đến các chiều không gian khác nhau, chúng ta thường gọi chúng là “mười pháp giới”, tức các chiều không gian khác nhau. Trong các chiều không gian khác nhau đều có sinh vật, [bao gồm] lục đạo chúng sanh chưa khai ngộ, hoặc là chúng sanh thuộc bốn thánh pháp giới tuy đã khai ngộ nhưng chưa viên mãn, họ đều là đối tượng để chúng ta bố thí hay cúng dường, đó là “tu Công”. Quý vị tu Công nhất định được lợi ích, lợi ích gì vậy? Quy về chính mình là Đức. Quý vị thí tài bèn được của cải. Thưa quý vị, càng thí sẽ càng nhiều!

      Năm 1999, tôi ở Tân Gia Ba, đề nghị với cư sĩ Lý Mộc Nguyên, khi ấy ông ta làm Tổng Vụ của Cư Sĩ Lâm, Lâm Trưởng là ông Trần Quang Biệt, nhưng ông Lý giống như Chấp Hành Đổng Sự (giám đốc điều hành), hết thảy mọi việc trong Cư Sĩ Lâm đều do ông ta quản trị. Tôi khuyên ông ta nên thí thực, tức là cho người khác ăn cơm, cách làm ra sao? Cho mọi người đến Cư Sĩ Lâm ăn cơm miễn phí, chẳng phân biệt là tôn giáo nào, kẻ ấy có tin tưởng tôn giáo hay không chẳng quan trọng, chỉ cần đến ăn cơm, chúng tôi đều hoan nghênh, hoan nghênh kẻ ấy đến ăn cơm. Lại còn ăn cơm không gián đoạn. Ăn theo lối buffet, đến ăn lúc nào cũng được, suốt ngày đêm hai mươi bốn tiếng đồng hồ chẳng gián đoạn, ban đêm vẫn mở cửa. Ban đêm thì có mạn đầu (bánh bao không nhân), bánh mì, điểm tâm, cháo, thức ăn lót dạ [[37]](#footnote-38)[[5]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-50.htm#_ftn5), nước trà, hai mươi bốn giờ chẳng gián đoạn. Ước chừng mỗi ngày có hơn một ngàn người đến Cư Sĩ Lâm ăn cơm. Cuối tuần hoặc ngày lễ, cả ba bốn ngàn người, vô cùng náo nhiệt. Khi đó, Cư Sĩ Lâm thâu nhập vẫn còn khá lắm, chúng tôi thực hiện cách ấy. Làm chưa đến một tháng, Cư Sĩ Lâm chẳng cần phải bỏ ra đồng nào để mua sắm, vì sao? Người Tân Gia Ba đều biết tới, những đệ tử Phật môn mỗi ngày đem gạo đến biếu, dầu cũng biếu cho, rau dưa đưa đến biếu, thứ gì cũng chẳng phải mua. Biếu tặng nhiều quá, người ăn được quá ít, mỗi ngày mấy ngàn người mà vẫn ăn quá ít, những thứ ấy chẳng thể giữ được, giữ lại chúng sẽ hư mất, đặc biệt là rau dưa, làm thế nào đây? Cư Sĩ Lâm tìm hai xe chở hàng nhỏ, mỗi ngày đưa đi bố thí, biếu tặng bên ngoài, đưa đến đâu? Các tôn giáo khác, họ có viện dưỡng lão, cô nhi viện, trường học, thảy đều đem tặng hết. Tất cả các tôn giáo chúng tôi đều bố thí, bố thí hết cả, càng thí, càng nhiều! Do vậy, những tôn giáo ấy cũng rất thân thiết với chúng tôi. Đến Cư Sĩ Lâm ăn cơm, có chẳng ít món ăn, quầy buffet của chúng tôi có từ mười lăm đến hai mươi món ăn. Mỗi ngày đều là như vậy, đều là mới nấu nóng hổi. Ông Hoàng Kim Huy là Tổng Thống Tân Gia Ba xưa kia, có một hôm đến Cư Sĩ Lâm dùng cơm, chúng tôi cùng ăn chung. Ông ta nói với ông Lý Mộc Nguyên: “Các vị thật sự giỏi quá! Trong nhà tôi thức ăn chỉ có năm món, quý vị có đến hai mươi mấy món”. Do ông ta đến thăm, nên hôm đó đặc biệt tăng thêm thức ăn, nấu thêm mấy món nữa! “Quá phong phú, quý vị lấy tiền từ đâu ra?” Khi các tu sĩ hoặc tín đồ các tôn giáo đến đây ăn cơm cũng đều hỏi như vậy, thấy có nhiều người ngần ấy, quý vị lấy tiền từ đâu ra? Ông Lý Mộc Nguyên nói: “Chúng tôi có ông chủ làm hậu thuẫn”, họ hỏi: “Ông chủ là ai?” “A Di Đà Phật”, chứng minh đức Phật nói chẳng sai, càng thí, càng nhiều, thứ gì cũng có, chẳng phải bận lòng chút nào!

      Hiện thời, quý vị thấy trong nước cư sĩ Tề Tố Bình ở núi Đông Thiên Mục, chỗ bà ta là núi hoang, chẳng có gì cả, phát tâm bố thí, mười mấy năm qua càng thí càng nhiều. Đúng như trong Phật môn đã nói: *“Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng”*. Quý vị phải hiểu rõ đạo lý và chân tướng sự thật này, quý vị đã hiểu rõ, sẽ yên tâm lớn mật bố thí, chẳng sợ hãi. Quý vị hiểu đấy là phước huệ chân thật, do bố thí mà có. Tài bố thí được của cải, pháp bố thí được thông minh, trí huệ, vô úy bố thí được khỏe mạnh, sống lâu. Quý vị thấy ba điều này có ai chẳng mong muốn! Của cải do đâu mà có? Trong mạng có của cải là do trong đời quá khứ quý vị đã tu tài bố thí. Không phải trời già quyết định, cũng chẳng phải do Phật, Bồ Tát ban cho! Ông tu ông đắc, bà tu bà đắc, không tu không đắc! Một người là như thế, một gia đình là như thế, một nước cũng là như thế. Nếu người lãnh đạo nước Mỹ hiểu đạo lý này, cần gì phải phát động chiến tranh? Chẳng cần! Quý vị vẫn là *“hữu cầu tất ứng”.* Hơn nữa, phát động chiến tranh sẽ “cái được chẳng bù nổi cái mất”. Trung Đông nẩy sanh chiến tranh vì sao? Vẫn chẳng phải vì dầu hỏa! Nước quý vị có tiền, vì sao không mua dầu, mà phải tốn kém quân phí nhiều ngần ấy? Quân phí nhiều ngần ấy để chiếm lãnh địa phương đó, điều gì cũng chẳng đạt được, chẳng biết phải tốn kém hơn món tiền bỏ ra mua dầu chẳng biết bao nhiêu lần, lại còn chuốc lấy tiếng xấu, còn chuốc cả đống phiền phức. Phiền phức gì vậy? Chiến tranh khủng bố. Tôi còn bảo đồng học truy tìm trên Internet, tìm được một tin, nhưng không lưu ý, là mỗi năm nước Mỹ tiêu tốn cho cuộc chiến tranh chống khủng bố vượt xa chi phí do hai cuộc Thế Chiến lần thứ nhất và lần thứ hai gộp lại. Kinh khủng quá! Chẳng phải là chính mình chuốc lấy phiền phức ư? Tôi hy vọng các đồng học tìm trên Internet tin này, hạ tải xuống để tôi xem kỹ lưỡng hơn. Họ học Phật thì tốt hơn, nhưng chẳng học Phật! Học Phật bèn hiểu rõ, muốn gì có nấy, nhưng chẳng tạo tội nghiệp. Do vậy, đối với “cầu” trong Phật pháp, xưa kia, Chương Gia đại sư đã dạy tôi, có đạo lý, có lý luận, có phương pháp. Đúng lý, đúng pháp, có cầu ắt ứng, chẳng có gì là mê tín trong ấy! Cần gì phải tạo tội nghiệp? Tạo tội nghiệp chỉ khiến đức bị khuyết, chỉ khiến cho của cải, trí huệ, sức khỏe và tuổi thọ trong mạng của quý vị bị giảm xuống, chẳng thể tăng lên. Vì thế, giáo huấn của thánh hiền có giá trị, có chỗ hữu dụng, chẳng thể không tìm lại. Không chỉ phải tìm lại, mà còn phải đích thân dốc sức hành, phát huy rộng lớn.

       Tịnh Ảnh Sớ đã giải thích công đức như sau: *“Công vị công năng, chư hạnh giai hữu lợi ích chi công, cố danh vi Công”* (Công là công năng, các hạnh đều có công năng lợi ích nên gọi là Công). *“Chư hạnh”*: Tư tưởng, kiến giải, ngôn ngữ, hành vi được gọi là *“chư hạnh”*, chúng đều có công năng lợi ích. Nếu chúng tùy thuận Tánh Đức, đó là Công. Trái phạm Tánh Đức thì tạo nghiệt (tạo nên những mầm mống tội lỗi, khổ quả), như vậy là có tội! Theo bước thánh hiền, cổ thánh tiên hiền, chư Phật, Bồ Tát, thánh hiền của các tôn giáo Tây Phương, đều là Công. Vi phạm giáo huấn của thánh hiền là Tội. *“Thử công thị thiện hành gia đức”* (công ấy là đức sẵn có của người làm lành), chúng tôi đổi một chữ trong câu này cho mọi người dễ hiểu, tức là *“thiện hành nhân gia chi đức”* (đức của người làm điều thiện), *“thiện hành gia đức”* có nghĩa như vậy. Đức ấy cũng đạt được, quý vị có được của cải, thông minh, trí huệ, khỏe mạnh, sống lâu. *“Cố danh công đức”* (nên gọi là công đức). Cách giải thích chữ Công Đức này cũng rất hay. *“Đức thể danh pháp”* (Thể của đức là pháp), đức ấy do đâu mà có? Do pháp, tức là an trụ trong hết thảy các pháp công đức. Lại phải giải thích chữ Pháp này. *“Phạn vân Đạt Ma”*(tiếng Phạn là Dharma), Dharma là tiếng Ấn Độ, tiếng Phạn là Dharma, người Hoa dịch là Pháp, *“thông ư nhất thiết”* (chỉ chung hết thảy), đây là danh từ chung để chỉ hết thảy vạn sự vạn vật. *“Vô luận tiểu giả, đại giả, hữu hình giả, vô hình giả, chân thật giả, hư vọng giả, thị sự vật giả, thị đạo lý giả”* (bất luận là lớn, nhỏ, hữu hình, vô hình, chân thật, hư vọng, là sự vật hay là đạo lý), nói ngắn gọn, dùng một chữ để xưng hô là Pháp. Đó là cách xưng hô theo Đối Pháp [[38]](#footnote-39)[[6]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-50.htm#_ftn6). Trong toàn thể vũ trụ, trong giáo pháp Đại Thừa thường dùng sáu chữ để bao gồm toàn bộ hết thảy mọi sự trong vũ trụ. Sáu chữ là:

      - Tánh - Tướng: Trong triết học gọi Tánh là bản thể của vũ trụ, Tướng là hiện tượng. Kinh Phật dùng danh từ này, Triết Học hiện thời cũng dùng danh từ này.

      - Thứ hai là Lý - Sự. Lý là lý luận, Sự là tất cả hết thảy tạo tác, biến hóa. Sách Hoàn Nguyên Quán nói *“xuất sanh vô tận”*, đó là Sự, nó biến hóa. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới [đều thuộc về Sự]. Tự tánh thanh tịnh viên minh thể là Lý. Do vậy, Lý là Thể, Sự là Tướng, đặc biệt coi trọng sự biến hóa.

      - Hai chữ sau đó là Nhân - Quả.

      Tánh - Tướng, Lý - Sự, Nhân - Quả đã bao gồm trọn hết toàn thể vũ trụ, chẳng sót một pháp nào. Phật pháp thường nói như thế.

*“Duy Thức Luận viết”* (Duy Thức Luận nói), nêu kinh luận để giải thích danh tướng này, *“Pháp vị quỹ trì. Quỹ vị quỹ phạm*(軌範)*, khả sanh vật giải”* (Pháp là quỹ trì (duy trì theo đúng đường lối). Quỹ (軌) là đường lối, khuôn khổ, có thể khiến cho chúng sanh khởi lên kiến giải). Quỹ là quỹ đạo (軌道: đường lối định sẵn), cũng là “trật tự” như ta nói trong hiện thời. Trong toàn thể vũ trụ, quý vị thấy tinh hệ, ngân hà, chúng ta nói tới ngân hà, những tinh cầu ấy vận hành trong vũ trụ đều có quỹ đạo, tuy rất nhiều, cũng là vô số vô lượng; nhưng chúng có trật tự nhất định, chẳng xảy ra va chạm, điều đó gọi là Quỹ; vì thế, nay chúng ta gọi là “pháp tắc thiên nhiên”. Trên địa cầu có rất nhiều sinh vật, những sinh vật cùng tồn tại, sinh trưởng trên địa cầu, có liên quan với nhau. Do liên quan lẫn nhau mới tạo thành cân bằng sinh thái trên địa cầu, địa cầu phát triển tốt đẹp, quý vị chớ nên phá hoại. Nếu con người tùy thuận thiên nhiên, sẽ thuận lợi nhất; phá hoại thiên nhiên, tai nạn sẽ xảy đến. Chúng tôi nêu một thí dụ rõ rệt nhất. Cha mẹ sanh ra chúng ta có thân thể này, đó là tự nhiên. Chúng ta tùy thuận tự nhiên, khéo yêu thương thân thể này, quý vị sẽ cả đời khỏe mạnh, hạnh phúc. Nếu quý vị chẳng ưa thích nó, muốn đến thẩm mỹ viện, biến đổi khuôn mặt tự nhiên thành dáng vẻ như quý vị tưởng tượng. Có thể hay không? Có thể chứ! Sau khi đi thẩm mỹ viện, [thỏa ý] đại khái được mấy năm, quý vị phải khổ cả đời, đau khổ cả đời, nỗi khổ ấy do chính quý vị chuốc lấy. Ở Úc Châu Học Viện, có một nữ cư sĩ làm công quả, thuở trẻ đi sửa mũi, sống mũi được nâng cao hơn, sau lúc bốn mươi tuổi đau khổ không chịu nổi, mỗi ngày phải chịu tội, gặp tôi kể chuyện ấy. Tôi nói: “Bà đã phá hoại cân bằng sinh thái tự nhiên, nên hiện thời phải chịu tai nạn này”.

      Khoa học kỹ thuật phát triển, mọi người đã hiểu sai lời cổ nhân: “*Nhân định thắng thiên”*, hiện thời người ta hiểu câu ấy nghĩa là gì? Con người nhất định có thể thắng thiên, tức là chiến thắng tự nhiên, trật lất rồi! Trước đây người ta nói *“nhân định thắng thiên”* nghĩa là con người phải định, nói về tu Thiền Định. Có Thiền Định rất sâu, Định sanh trí huệ, năng lực ấy có thể thắng thiên, có ý nghĩa như vậy. Nay tâm quý vị dao động, hời hợt, học được một chút khoa học kỹ thuật, liền nghĩ mình vạn năng, có thể thắng thiên hay không? Quý vị thấy hiện thời quý vị thay đổi sinh thái tự nhiên, khiến cho địa cầu tức giận, nổi nóng, nó phải trả thù. Nó lay động nhè nhẹ, những cao ốc, dinh thự bèn sụp đổ hoàn toàn, quý vị có đấu lại nó hay không? Cổ nhân nói chẳng sai, nhưng hiện thời rất nhiều ý nghĩa đã bị vặn vẹo, hiểu lệch lạc mất rồi! Bởi lẽ, đối với tự nhiên, cổ nhân kính trời, kính quỷ thần. Khổng phu tử cũng chẳng phải là ngoại lệ: *“Kính quỷ thần nhi viễn chi”*, *“viễn chi”*là gì? Chẳng để cho quỷ thần thao túng! Thật ra, điều ấy tương ứng với mười đại nguyện vương, lễ kính chư Phật, kể cả trời, đất, quỷ thần, bao gồm núi, sông, đại địa, không gì chẳng kính. Quỷ thần cung cấp tin tức thiện, chúng ta có thể tiếp nhận; nếu là bất thiện, vi phạm pháp tắc thiên nhiên, chúng ta chẳng cần phải tiếp nhận nó. Tương ứng với pháp tắc của thiên nhiên thì chúng ta có thể tiếp nhận, chấp nhận. Trong trời đất, quỷ thần có kẻ thiện lương, chẳng phải là không có, nhưng kẻ bất thiện cũng chẳng ít, chúng ta chớ nên không biết. Nhất định phải dùng định lực, tâm chớ nên bộp chộp, hời hợt, đừng nên bị xung động bởi cảm tình, hãy dùng lý trí để xử sự hòng khỏi mắc phải lỗi lầm!

      Con người hiện thời đi sau tiến bộ khoa học, thật vậy, chúng ta có lỗi với địa cầu, có lỗi với núi, sông, đại địa, khai thác bừa bãi, phá hoại tùy tiện, chẳng có một chút tâm cung kính nào. Phật pháp cho chúng ta biết cây cối, hoa, cỏ đều có linh tánh. Trong kinh điển, đức Phật bảo chúng ta cây cối nào có chiều cao bằng con người thì cây ấy có thần cây. Chẳng phải là cây thành thần mà là do linh thể (spirits) dựa vào cây, họ nghĩ cây ấy là nơi cư trụ của họ, nguyên nhân là như vậy đó. Vì thế, trước kia, người xuất gia tu hành trên núi, chặt mấy cây để dựng một túp lều tranh, đức Phật cho phép, nhưng ba ngày trước khi quý vị muốn chặt cây ấy, phải cúng tế thần cây, tụng kinh hồi hướng cho họ, xin phép họ ba ngày sau sẽ chặt cây, xin họ dọn nhà đi, thông báo, loan tin cho họ. Đâu có giống như trong hiện thời, chặt phá cả đống, chẳng thèm thông báo, quý vị nói xem như vậy thì thần cây có tức giận hay không? Họ sẽ kiếm chuyện với quý vị. Đào quặng, vừa đủ bèn ngưng, chớ nên có tâm tham. Có tâm tham, phiền phức sẽ xảy đến. Hiện thời đã làm quá lố rồi, quá sức quá lố, nên núi, sông, đại địa biến đổi nhiều, rõ rệt lắm! Đến tột cùng, rất có thể toàn thể đại lục sẽ bị chìm xuống đáy biển!

      Trong quá khứ đã từng có chuyện này, các nhà khoa học nói: Trên địa cầu, khoảng chừng năm vạn năm trước, khoa học kỹ thuật cũng khá phát triển. Trên thế giới này có nước Đại Tây (Atlantis), do cũng làm quá lố, luân lý, đạo đức, nhân quả đều chẳng cần đến nữa, tin tưởng nhân định thắng thiên, tùy ý phá hư địa cầu, tùy tiện thay đổi núi, sông, đại địa đến nỗi lục địa chìm xuống đáy biển. Chỗ hiện thời là Đại Tây Dương, vào thời cổ là Đại Tây quốc. Chuyện này có thật hay không? Hiện nay, rất nhiều nhà thám hiểm đã ngồi tàu ngầm đến đáy biển quan sát, phát hiện thật sự có di tích thành thị dưới đáy biển, chứng tỏ chuyện này chẳng giả, biên giới của khu vực ấy gần sát nước Mỹ và Ba Tây. Trong quá khứ, địa cầu đã có tấm gương ấy, nếu người hiện thời làm quá lố, cũng có thể gặp tình trạng này. Đối với những chuyện này, Phật pháp đã tiết lộ tin tức, chúng ta phải coi trọng, Phật, Bồ Tát chẳng nói lời giả. Làm người phải theo quy củ, phải tuân thủ, giữ vững “quỹ đạo” của chính mình, phải nêu gương điển hình cho đại chúng. Bởi lẽ, hết thảy các pháp đều có quỹ phạm (đường lối, phạm vi riêng biệt) *“khả sanh vật giải”*, chữ *“vật”* này chỉ chúng sanh, [*“khả sanh vật giải”*nghĩa là] khiến cho chúng sanh thấy những hiện tượng ấy sẽ có thể lý giải, biết Sự và Lý của nó, có thể lý giải [Sự và Lý ấy].

*“Lệ như vô thường”* (chẳng hạn như [danh từ] Vô Thường), vô thường là danh tướng. *“Sử nhân sanh khởi vô thường chi giải”* (khiến cho người ta phát khởi sự thấu hiểu đối với vô thường), danh từ này có thể khiến cho một số người đối với tất cả hết thảy các pháp trong thế gian sanh khởi sự lý giải về vô thường, biết kinh Phật giảng hết thảy các pháp chẳng thật, *“phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng”*, vì sao? Nó vô thường, chẳng thể tồn tại vĩnh hằng, biến hóa trong từng sát-na. Không phải chỉ riêng địa cầu biến hóa trong từng sát-na, mà khắp pháp giới hư không giới đều biến hóa trong từng sát-na; hiện thời, các nhà khoa học đã phát hiện chân tướng sự thật này. Ai chủ trì sự biến hóa trong từng sát-na ấy? Đức Phật dạy: *“Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng”*, chủ tể là niệm, tức ý niệm. Hiện thời, các nhà Lượng Tử Học đã phát hiện chuyện này, trong kinh, đức Phật giảng đạo lý sâu như vậy, người bình thường rất khó hiểu, nếu được Lượng Tử Học chứng minh sẽ rất hữu ích cho Phật pháp. Quả nhiên chứng thực những điều được nói trong kinh giáo Đại Thừa đều là sự thật, đối với Phật pháp và sự giáo học của các tôn giáo sẽ khởi tác dụng rất lớn, người ta chẳng còn coi tôn giáo là mê tín nữa. Giáo dục tôn giáo sẽ có tác dụng rất lớn đối với nhân loại, thật sự có thể hóa giải hết thảy tai nạn, giúp xã hội khôi phục an định, hòa hài. Chúng ta phải khẳng định cổ thánh tiên hiền chẳng phải là vô tri, chẳng phải là mê tín, mà thông minh hơn chúng ta nhiều lắm, chúng ta thua kém họ rất xa!

*“Trì vị trụ trì, bất xả tự tướng, nhất thiết chư pháp, các hữu kỳ tướng”*(Trì [trong quỹ trì] có nghĩa là gìn giữ, chẳng bỏ tự tướng, hết thảy các pháp mỗi pháp đều có tướng của nó), ý nói hết thảy các pháp có thể duy trì trong một khoảng thời gian. Trên thực tế, nó biến hóa trong từng sát-na, nhưng biến hóa rất nhỏ yếu, chúng ta nhìn không ra. Chẳng hạn như con người biến đổi mỗi ngày, già yếu trong từng sát-na, luôn biến hóa, nhưng nếu chỉ vài ngày thì chúng ta không thấy người đó già suy, phải sau một hai năm mới thấy người ấy thật sự biến đổi đôi chút, chẳng đột nhiên biến đổi, mà biến đổi trong từng sát-na. Hiện tượng này được gọi là Trì hay Bảo Trì. Tiếp đó, sách viết: *“An trụ nhất thiết, Hội Sớ thuyết: An trụ giả, bất động nghĩa”* (“An trụ hết thảy”: Hội Sớ nói: “An trụ nghĩa là bất động”), *“bất động”* ở đây chẳng phải là thật sự bất động. *“Đức thành bất thoái, cố viết An Trụ”* (đức thành tựu, chẳng lui sụt, nên gọi là An Trụ), câu này nói rất hay. *“Vô đức bất cụ, cố vân nhất thiết”* (không đức nào chẳng đủ, nên nói là “hết thảy”), ý nghĩa này cũng vô cùng hay. Tu đức có thành tựu, A Lại Da gần với chân tâm, đó là hiện tượng trong bốn thánh pháp giới, chưa thật sự chuyển thức thành trí, nhưng có thể tuân thủ giáo huấn của thánh hiền, nghiêm túc giữ gìn giáo huấn của thánh hiền, người ấy có đức này. Thể của đức ấy là Tánh Đức. Tu đức tương ứng với Tánh Đức; do vậy, tuy là vô thường, tốc độ [biến đổi] của nó thong thả. Hiện tại, khoa học đã tăng nhanh tốc độ vô thường, giáo huấn của thánh nhân khiến vô thường chậm lại, quý vị thấy hai thứ hiệu quả khác nhau. Vì thế, giáo huấn của thánh hiền đem lại an trụ, bình an, hòa hài, khoa học đem lại động loạn cho xã hội. Hiện thời, mỗi cá nhân chúng ta đều biết nói điều này, nhưng mỗi cá nhân đều chẳng cam lòng, chẳng bằng lòng, nhưng chẳng làm sao được, đều mong làm sao để khôi phục sự bình thường, đó là đại sự; nhưng nếu ý niệm của mọi người đều khôi phục bình thường sẽ chẳng khó, nhất định phải cậy vào giáo huấn của thánh hiền. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới chỗ này.

**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**

1. [[1]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-46.htm#_ftnref1) Đây là một hiện tượng “giả thuyết” được mệnh danh gọi là Galactic Aligment. Trong Thái Dương Hệ, mặt trời và các hành tinh hầu như cùng thuộc một mặt phẳng thường được gọi là mặt phẳng hoàng đạo (plane of ecliptic). Nhìn từ Trái Đất, hoàng đạo chính là quỹ đạo mà mặt trời chuyển động trên bầu trời để mọc và lặn mỗi ngày (do trong thực tế, trái đất xoay quanh mặt trời, chứ không phải mặt trời xoay quanh trái đất, nên sự “chuyển động” của mặt trời trên “hoàng đạo” được gọi là chuyển động biểu kiến). Trên hoàng đạo có mười hai chòm sao mà mặt trời phải lần lượt đi qua (do vậy, tử vi Tây Phương mới lập ra khái niệm mười hai cung hoàng đạo, thường gọi là Zodiac). Theo chu kỳ, mặt trời sẽ chậm lại một độ vào mỗi bảy mươi hai năm, tức là chậm lại một cung hoàng đạo mỗi 2.160 năm. Sự thay đổi này được gọi là Tuế Sai (Precession). Sau khoảng 26.000 năm, Bắc Cực sẽ vạch đủ một vòng tròn, tức là mặt trời bị chậm lại đúng 360 độ. Thuyết “Ngân Hà thẳng hàng” được một người chuyên chủ trương chủ nghĩa bí truyền là John Major Jenkins (ông này chỉ là một nhà văn, không trực thuộc một cơ quan nghiên cứu hàng không vũ trụ nào và cũng chẳng có học vị gì về thiên văn) đưa ra vào năm 1990 dựa trên sự kiện lịch cổ của người Maya chấm dứt vào ngày Đông Chí năm 2012, tức ngày 21 tháng 12. Jenkins cho rằng người Maya đã quan sát Great Rift, tức một đám mây bụi tối dọc theo Ngân Hà, họ gọi nó là Xibalba. Jenkins cho rằng người Maya đã nhận biết sự giao nhau giữa Great Rift và đường hoàng đạo. Theo giả thuyết đó, mặt trời sẽ thẳng hàng chính xác với đường xích đạo của Ngân Hà vào ngày Đông Chí năm 2012. Từ đó, những người theo chủ nghĩa Mạt Thế (Tận Thế) cũng như theo trào lưu New Age cho rằng năm 2012 sẽ đánh dấu một kỷ nguyên mới, kết thúc thế giới hoặc vô số tai ương. Họ còn cho rằng Mặt Trời sẽ có bão từ cực đại hoặc thế giới sẽ hủy diệt do va chạm của Trái Đất với một lỗ đen hay hành tinh Nibiru (các nhà thiên văn không công nhận có hành tinh này). Các nhà thiên văn như David Morrison chẳng hạn cho rằng xích đạo của Ngân Hà không cố định và không bao giờ có thể vẽ chính xác, do đó, khó thể có hiện tượng Ngân Hà thẳng hàng. Dựa trên niềm tin này, rất nhiều thuyết tận thế được đưa ra và đều gán cho NASA như cơ quan thẩm quyền đã lưu hành tuyên bố đó, nhưng nếu ta kiểm lại trong trang nhà của NASA thì không hề thấy những thông tin đó! NASA phải dành riêng một vài trang để trả lời về câu hỏi liệu thế giới có chấm dứt vào năm 2012 hay không (tham khảo <http://www.nasa.gov/topics/earth/features/2012.html>). Đồng thời những nhà nghiên cứu văn hóa Maya cũng cho biết trong các thư tịch của người Maya không hề thấy nhắc đến thuyết tận thế như những nhà “giả khoa học” khẳng định. [↑](#footnote-ref-2)
2. [[2]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-46.htm#_ftnref2) Những điều này không hề thấy trong các thông tin về bão mặt trời (Solar flare). Năm 1989, một cơn bão mặt trời đã khiến cho hệ thống điện tại Quebec ngưng hoạt động trong vòng vài giờ. Bão mặt trời là hiện tượng bình thường trong chu kỳ hoạt động mười một năm của mặt trời, mặt trời phóng ra một lượng lớn điện tử, ion và nguyên tử tạo thành một đám mây từ tính gây ảnh hưởng đến các tinh tú trong Thái Dương Hệ. Nó sẽ gây ra các trận bão địa từ (geomagnetic storm) trên trái đất, khiến các thiết bị điện tử và mạng điện bị ảnh hưởng, nhiễu loạn hệ thống radio sử dụng các làn sóng ngắn, phi thuyền v.v... nhưng không làm cho bầu trời tối đen như trong các “báo cáo khoa học” của những người theo chủ thuyết tận thế. Mặt trời đã hoạt động rất mạnh trong ngày 13 tháng 07 vừa qua, nhưng chúng ta chẳng thấy có tổn thất gì đáng kể! Những thông tin được nói ở đây là do hòa thượng đọc từ các báo cáo được đăng tải tùy tiện trên Internet do các đồng tu in ra, đưa cho Ngài. Các vị đồng tu ấy nhiều khi không suy xét kỹ, không kiểm tra kỹ lưỡng tính chính xác của các thông tin ấy từ các cơ quan khoa học có thẩm quyền, mà chỉ dựa vào những lời quyết đoán của các nhà giả khoa học đội lốt các nhà nghiên cứu. Chẳng hạn như bà Lynne McTaggard, một tác giả thường viết nhiều về tận thế, đã được các trang nhà (homepage) của người Hoa viết về tận thế gán cho danh hiệu là một “khoa học gia người Mỹ nổi tiếng” thật ra chỉ là một nhà báo, một nhà diễn giảng không chuyên nghiệp, chưa hề làm việc tại một trường đại học nào, chưa từng có công trình nghiên cứu nào, chỉ tự tuyên bố đã tự chữa được căn bệnh “nan y” của chính mình, và in cuốn What Doctors Don’t Tell You để chỉ trích việc chích vaccine cho trẻ nhỏ, cũng như xuất bản nhiều sách để trình bày luận thuyết, suy diễn của chính mình về vũ trụ, thiên văn v.v... Các “công trình nghiên cứu” của bà ta đã bị phê bình là lẫn lộn giữa kiến thức thật sự và những niềm tin vô căn cứ, kiến thức lỏng lẻo, sai lạc, chẳng hạn lầm lẫn thuốc cúm Tamiflu với vaccine, cũng như kết tội một loại vaccine chống cúm không hề tồn tại, đồng thời chứa đựng rất nhiều hiểu biết sai lầm về khoa học Lượng Tử. Do đại chúng xôn xao về chuyện này, Hòa Thượng bèn tiện dịp khuyên chúng ta hãy vững tâm tinh tấn tu hành hơn, tranh thủ thời gian tích cực tu hành mong sớm vãng sanh hòng viên thành Phật đạo. Nếu đọc kỹ, chúng ta sẽ thấy Ngài khuyên chúng ta nên tinh tấn tu hành, đừng hoảng sợ. Nếu Ngài thật sự tin thế giới hủy diệt thì trong đoạn sau, Hòa Thượng sẽ chẳng nói: *“Vì thế, tôi dùng thời gian này để cùng mọi người học kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ, hy vọng bộ kinh này có thể lưu truyền hậu thế, tôi tin tưởng [kinh này sẽ] phổ độ các chúng sanh trong hơn tám ngàn năm nữa”* và *“thầy bảo tôi, phải có lòng tin nơi Phật, Phật pháp sẽ chẳng diệt vong, cũng có nghĩa là thế giới này chẳng phải sẽ chấm dứt như người ngoại quốc nói. Có tai nạn là thật, nhưng chẳng thể tận thế, trong nhà Phật chẳng có thuyết tận thế”.* [↑](#footnote-ref-3)
3. [[3]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-46.htm#_ftnref3) Câu này khá khó dịch nên tạm dịch như thế. “Chí thuận” có nghĩa là hiếu thuận đến tột bực, tức là thể hiện cái tâm cứu vớt chúng sanh tột bậc không ai sánh bằng, giống như lòng con hiếu thảo với cha mẹ, luôn nghĩ đến phụng dưỡng cha mẹ, nên nói là “chí thuận”. “Điều thiện” là luôn tu dưỡng sao cho tương ứng với tánh đức (ở đây tánh đức được diễn tả bằng chữ Chí Thiện). Chúng tôi tạm dùng chữ Nhu Hòa để diễn tả sự tu dưỡng, điều ngự cái tâm cho đạt tới mức thánh thiện (tức là tương ứng với tánh đức), nói cách khác là giữ cho cái tâm luôn tương ứng với thanh tịnh và bình đẳng như lão hòa thượng thường nói. [↑](#footnote-ref-4)
4. [[4]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-46.htm#_ftnref4) Câu này trích từ sách Đại Học trong Tứ Thư của Nho gia, nói đầy đủ là: *“Đại học chi đạo, tại minh minh đức, tại thân dân, tại chỉ ư chí thiện”*. Đại Học vốn là chương thứ bốn mươi hai trong sách Lễ Ký. Sách Tứ Thư Tập Chú của Châu Hy giảng: “*Chữ Thân nên đọc là Tân. Đại học là cái học của bậc đại nhân. Minh là làm cho sáng tỏ. Minh đức là bẩm tánh được thừa hưởng tự nhiên, rỗng rang, sáng suốt, chẳng tối tăm, trọn đủ các lý để ứng với vạn sự. Thân (tức Tân) là đổi thay những cái cũ kỹ, ý nói đã tự thông hiểu minh đức lại giúp người khác cùng đạt đến chỗ bỏ những cái cũ kỹ, nhiễm ô”.* Như vậy câu này có thể hiểu thô thiển là “đạo của bậc đại nhân là tự thấu hiểu chân tánh của chính mình, giúp cho người khác cùng sửa đổi khuyết điểm, cùng nhau đạt đến chỗ tốt lành nhất”. [↑](#footnote-ref-5)
5. [[5]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-46.htm#_ftnref5) Đại Nhật Kinh Sớ là tác phẩm chú giải kinh Đại Nhật do ngài Nhất Hạnh ghi lại lời ngài Thiện Vô Úy giảng kinh Đại Nhật (tức kinh Đại Tỳ Lô Giá Na Thành Phật Thần Biến Gia Trì) cho Đường Huyền Tông. Tác phẩm này khá đồ sộ, gồm hai mươi quyển, ngoài lời giải thích của ngài Thiện Vô Úy, sách còn ghi thêm những kiến giải riêng của ngài Nhất Hạnh. Những phần đó được ghi rõ là *“tư vị”* (riêng tôi cho rằng), hoặc *“kim vị”* (nay cho rằng). Đây là một tác phẩm trọng yếu cho hành giả Mật Tông để tìm hiểu về Thai Tạng Giới nói riêng và giáo nghĩa Mật Tông nói chung. [↑](#footnote-ref-6)
6. [[6]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-46.htm#_ftnref6) Hiếp là cái hông, do vậy, Hiếp Sĩ có thể hiểu theo nghĩa đen là người đứng sát sườn ta, là phụ tá gần gũi nhất. [↑](#footnote-ref-7)
7. [[7]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-46.htm#_ftnref7) Tân Trung Quốc là từ ngữ do chính quyền Trung Cộng đặt ra để gọi nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa, nhằm phân biệt với Trung Hoa Dân Quốc. [↑](#footnote-ref-8)
8. [[8]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-46.htm#_ftnref8) Cống Cát lão nhân (1903-1997) họ Thân, tên là Thư Văn, thuộc hoàng tộc nhà Thanh, sanh tại Bắc Kinh, tập võ từ năm sáu tuổi. Năm mười hai tuổi, theo học kiếm thuật và luyện nội công theo Đạo giáo, và có chí nguyện xuất gia từ nhỏ. Năm 1920, bà vâng lệnh cha kết hôn với ông Vũ Anh Đình, nhưng do sẵn chí xuất trần, bà xin thoái hôn, hành hiệp khắp vùng Nam Bắc. Năm 1922, bà gặp hòa thượng Đạo Giai chùa Pháp Nguyên điểm hóa, bèn bỏ tu Tiên, học Phật, chuyên tâm dạy học, đề xướng khuyến học và các biện pháp giảm đói nghèo cho dân chúng. Bà từng tham gia du kích kháng Nhật khi chiến tranh Hoa Nhật nổ ra. Không lâu sau, bà bị thương nặng, bị quân Nhật bắt được. Trong thời gian tù đày, bà sáng chiều niệm thánh hiệu Quán Âm, được cảm ứng, thoát hiểm. Từ đó, bà ăn chay trường, chuyên tâm hành trì Phật pháp. Chiến tranh thế giới lần thứ hai nổ ra, bà theo chánh phủ Dân Quốc thiên cư về Trùng Khánh, theo học tại Hán Tạng Giáo Lý Viện, quy y với Thái Hư đại sư. Bà cũng xin học Thiền với Hư Vân đại sư. Năm 1940, bà chuyển tới Khang Định, đảm nhiệm chức Bí Thư của chính quyền tỉnh Tây Khang, hứng thú học Mật tăng cao. Tuy gặp nhiều vị đại đức Mật Tông, bà chỉ tôn sùng Cống Cát Hoạt Phật (Konga, Gangkar Rinpoche, 1893-1957), nên đến chùa Cống Cát tại núi Gangkhar Dzongsar thuộc vùng Khang Định xin quy y, được truyền pháp quán đảnh, bà xin bế quan tu hành suốt ba năm, được Cống Cát Hoạt Phật ban đạo hiệu Cống Cát Lão Nhân. Bà tinh tấn tu hành, trở thành một vị thượng sư đức cao trọng vọng của dòng Karmapa Kagyu tại Hoa Lục. Tuy tu hành, bà vẫn tích cực hành nghề y tại Thượng Hải, Tô Châu. Bà từng sang Đài Loan hoằng pháp vào năm 1958, sáng lập Cống Cát Tinh Xá tại Trung Hòa (Đài Bắc), lập viện chữa trị Đông Y tại nơi đó. Bà từng tuân lệnh Karmapa đời thứ mười sáu thành lập Cống Cát Tinh Xá tại Phi Luật Tân cũng như sang hoằng pháp tại Mã Lai, Thái Lan, Tân Gia Ba, và Hương Cảng. [↑](#footnote-ref-9)
9. [[9]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-46.htm#_ftnref9) Hồng Giáo còn gọi là Cổ Mật, tức tông phái Nyingma pa, là tông phái Mật Tông cổ nhất tại Tây Tạng. Gọi là Hồng Giáo, Hồng Phái hoặc phái Hồng Mạo vì chư tăng thường mặc ca-sa có màu đỏ sậm, đội mũ đỏ, nhằm phân biệt với tông phái Gelugpa của Đại Lai Lạt Ma (Hoàng Mạo phái, đội mũ vàng, khoác ca-sa vàng phủ lên ca-sa đỏ ), Bạch Giáo (Kagyupa, tuy gọi như vậy, nhưng phái này vẫn mặc ca-sa nâu đỏ) và Hoa Giáo (Sakyapa). Hồng Giáo tôn sùng đại sĩ Liên Hoa Sanh làm sáng tổ. [↑](#footnote-ref-10)
10. [[10]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-46.htm#_ftnref10) Trung Dung là một chương trong sách Lễ Ký, tức chương 31, chưa rõ tác giả là ai, có thuyết nói là do Khổng Cấp (tự là Tử Tư). Khổng Cấp (438-402 trước Công Nguyên) là cháu nội của Khổng Tử, tức con trai của Khổng Lý, từng theo học với Tăng Tử (Tăng Sâm, một trong những môn đệ đắc ý của Khổng Tử). Khổng Cấp được hậu thế xưng tặng mỹ hiệu là Thuật Thánh. Dựa theo văn phong, chỉ có thể đoán sách Trung Dung được hoàn thành cuối thời Chiến Quốc. Mãi đến đời Tống, thiên sách này mới được rút ra thành một bản lưu hành riêng và Châu Hy đã quy định Tứ Thư gồm Luận Ngữ, Mạnh Tử, Đại Học và Trung Dung. [↑](#footnote-ref-11)
11. [[1]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-47.htm#_ftnref1) Thệ Đa là cách phiên âm khác của chữ Jeta. Thái Tử Kỳ Đà (Jetakumāra) cùng trưởng giả Cấp Cô Độc xây dựng tinh xá này. [↑](#footnote-ref-12)
12. [[2]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-47.htm#_ftnref2) Khúc Lễ là một cuốn sách nhỏ, không rõ ai là tác giả, được ghép thành một bộ phận của Lễ Ký. Khúc Lễ ghi chép chi tiết về những ứng xử nhằm đúng lễ, đúng mực, kể cả những câu châm ngôn dạy thái độ sống như*“ngạo bất khả trưởng, dục bất khả tùng, chí bất khả mãn, lạc bất khả cực”* (chớ nên tăng trưởng lòng kiêu ngạo, chớ nên chạy theo lòng ham muốn, chớ nên đắc chí, chớ nên vui sướng quá mức). [↑](#footnote-ref-13)
13. [[3]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-47.htm#_ftnref3) Mười ba tông phái của Phật giáo Nhật Bản là 1) Hoa Nghiêm Tông (do Lương Biện sáng lập). 2) Thiên Đài Tông (do Tối Trừng sáng lập). 3) Pháp Tướng Tông (do Đạo Chiêu sáng lập). 4) Luật Tông (do Giám Chân sáng lập). 5) Lâm Tế Tông (do Vinh Tây sáng lập). 6) Tào Động Tông (do Đạo Nguyên và Oánh Sơn sáng lập). 7) Hoàng Bá Tông (do Ẩn Nguyên Long Kỳ sáng lập). 8) Nhật Liên Tông (do Nhật Liên sáng lập). 9) Dung Thông Niệm Phật Tông (do Lương Nhẫn sáng lập). 10) Thời Tông (do Nhất Biến sáng lập). 11) Tịnh Độ Tông (do Pháp Nhiên sáng lập). 12) Tịnh Độ Chân Tông (do Thân Loan sáng lập). 13) Chân Ngôn Tông (do Không Hải sáng lập). Tuy có mười ba tông, nhưng nếu xét đến pháp môn hành trì và kinh điển chánh yếu để y cứ thì chỉ có bảy tông là Hoa Nghiêm (Hoa Nghiêm Tông), Thiên Thai (Thiên Đài Tông, Nhật Liên Tông), Duy Thức (Pháp Tướng Tông), Luật Tông, Thiền Tông (Lâm Tế, Tào Động, Hoàng Bá), Tịnh Độ (Dung Thông Niệm Phật Tông, Thời Tông, Tịnh Độ Tông, Tịnh Độ Chân Tông) và Mật Tông (Chân Ngôn Tông). [↑](#footnote-ref-14)
14. [[1]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-48.htm#_ftnref1) Ở đây, Hòa Thượng giảng thêm về danh xưng Sa Bà, những câu này trích từ Phật Học Đại Từ Điển của Đinh Phước Bảo, chứ không phải là những câu được viết trong bộ Chú Giải của cụ Hoàng Niệm Tổ. [↑](#footnote-ref-15)
15. [[2]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-48.htm#_ftnref2) Pháp Hoa Huyền Tán có tên đầy đủ là Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Huyền Tán, gồm mười quyển, do ngài Khuy Cơ soạn. Trong tác phẩm này, Khuy Cơ đại sư đã dựa trên lập trường Pháp Tướng Duy Thức, nhất là lý luận trong Nhiếp Đại Thừa Luận để phán định Nhất Thừa, Tam Thừa, phê bình các thuyết của tông Thiên Thai và Hoa Nghiêm. Ngài trích dẫn rất nhiều đoạn từ Pháp Hoa Luận của Thế Thân Bồ Tát để nhận định về duyên khởi của kinh Pháp Hoa, xiển minh tông chỉ, giải thích tựa đề kinh, cũng như giải thích đại lược nội dung chánh kinh. [↑](#footnote-ref-16)
16. [[3]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-48.htm#_ftnref3) Ở đây, tên tác phẩm bị nói lầm, phải là Pháp Hoa Huyền Tán. [↑](#footnote-ref-17)
17. [[4]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-48.htm#_ftnref4) Đây là nói theo cách phát âm đời Đường, chứ nếu căn cứ theo âm đọc Quan Thoại hiện thời (Sa Bà là Suō Pó và Sách Ha là Suǒ Hē), sẽ thấy cả hai âm đều chẳng có âm nào gần với âm tiếng Phạn Sahaloka-dhatu [↑](#footnote-ref-18)
18. [[5]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-48.htm#_ftnref5) Phật Tổ Thống Ký, đúng ra phải là Phật Tổ Thống Kỷ (佛祖統紀) là một tác phẩm do ngài Chí Khánh soạn vào đời Tống gồm năm mươi bốn quyển, chép về lịch sử Phật giáo. Sách bắt đầu bằng Thích Ca Mâu Ni Phật Bổn Kỷ, kế tiếp là truyện ký của lịch đại tổ sư Trung Quốc. Theo sách này, đức Phật giáng sanh vào năm thứ hai mươi bốn đời Châu Chiêu Vương (1029 trước Công Nguyên). Sách chép các sự kiện Phật giáo từ năm 1027 trước Công Nguyên đến năm Hàm Thuần thứ năm (1259) đời Tống Độ Tông, chú trọng chủ yếu sự truyền thừa của tông Thiên Thai, đồng thời nói thêm một số tông phái khác. [↑](#footnote-ref-19)
19. [[6]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-48.htm#_ftnref6) Bản kinh này có tên gọi đầy đủ là Độ Thế Phẩm Kinh, do ngài Pháp Hộ xứ Đại Nhục Chi dịch vào đời Tây Tấn, gồm sáu quyển. Đây là một bản dịch khác của phẩm Ly Thế Gian trong kinh Hoa Nghiêm. [↑](#footnote-ref-20)
20. [[7]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-48.htm#_ftnref7) Kim Cang Lực Sĩ (Vajrapānibalin): Trong Mật Tông, danh xưng này có hai cách hiểu:

    1. Danh xưng của một vị hộ pháp thần, thường là Bồ Tát hoặc cổ Phật thừa nguyện ủng hộ Phật pháp, hóa hiện thân tướng dũng mãnh, phẫn nộ, đáng sợ, cầm Kim Cang Xử hộ trì Tam Bảo. Vị Kim Cang Lực Sĩ nổi tiếng nhất tên là Mật Dao, còn gọi là Na La Diên đã phát nguyện hộ trì một ngàn vị Phật trong Hiền Kiếp. Theo hội Kim Cang Lực Sĩ trong kinh Đại Bảo Tích, vào thời quá khứ, Chuyển Luân Thánh Vương Dũng Quân có một ngàn lẻ hai người con trai. Hai người con trai út là Pháp Ý và Pháp Niệm. Pháp Ý phát nguyện khi một ngàn vị vương tử thành Phật, sẽ theo hộ trì, làm Kim Cang Lực Sĩ để hộ trì những pháp bí yếu của Phật.

    2. Kim Cang Lực Sĩ là từ ngữ gọi gộp chung của Kim Cang và Lực Sĩ. Kim Cang còn gọi là Nan Thắng Kim Cang là danh xưng của các vị hộ pháp cầm Kim Cang Xử thủ hộ, ngăn ngừa kẻ ác phá hoại. Lực Sĩ cũng là thần thủ hộ tương ứng thường đi chung với Kim Cang, nên còn gọi là Đối Diện Kim Cang. Các tự viện thường đắp tượng hai vị này thủ hộ hai bên Đại Hùng Bảo Điện. Có thuyết lại nói vị bên trái là Tả Phù Kim Cang (tức Mật Dao Kim Cang), vị bên trái là Hữu Bật Kim Cang (tức Na La Diên). Hiểu theo nghĩa này thì Na La Diên khác với Mật Dao Kim Cang.

    Như vậy là khi dùng danh xưng Lực Sĩ, đã hạn cuộc trong ý nghĩa các vị Đại Bồ Tát hóa thân làm thần hộ pháp. [↑](#footnote-ref-21)
21. [[8]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-48.htm#_ftnref8) Kinh này có tên gọi đầy đủ là Văn Thù Sư Lợi Phật Độ Nghiêm Tịnh Kinh do ngài Trúc Pháp Hộ dịch vào đời Tây Tấn. Đây là một bản dịch khác của hội Văn Thù Sư Lợi Thọ Ký trong kinh Đại Bảo Tích. Kinh này trần thuật công đức và sự nghiêm của cõi Tịnh Độ của ngài Văn Thù sau khi thành Phật. [↑](#footnote-ref-22)
22. [[9]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-48.htm#_ftnref9) Tác phẩm này có tên gọi đầy đủ là Kim Cang Đảnh Du Già Tam Thập Thất Tôn Xuất Sanh Nghĩa, do ngài Bất Không dịch, nội dung giải thích ý nghĩa từ Pháp Thân xuất sanh ba mươi bảy tôn thánh trong Kim Cang Giới Mạn Đồ La. Ba mươi bảy tôn thánh chính là:

    - Năm vị Phật ứng với Ngũ Trí của Như Lai (Đại Nhật Như Lai, A Súc Như Lai, Bảo Sanh Như Lai, Vô Lượng Thọ Như Lai, và Bất Không Như Lai), mỗi vị Phật có bốn vị Bồ Tát chầu hầu. Chẳng hạn như Vô Lượng Thọ Như Lai kết Di Đà Định Ấn, có các vị Bồ Tát Kim Cang Pháp, Kim Cang Lợi, Kim Cang Nhân, Kim Cang Ngữ chầu hầu.

    - Bốn vị Ba La Mật Bồ Tát: Kim Cang Ba La Mật, Bảo Ba La Mật, Pháp Ba La Mật và Nghiệp Ba La Mật (bốn vị này chầu hầu Đại Nhật Như Lai).

    - Mười sáu vị Đại Bồ Tát (các vị này vây quanh bốn vị Như Lai còn lại): Kim Cang Tát Đỏa, Kim Cang Vương, Kim Cang Ái, Kim Cang Hỷ, Kim Cang Bảo, Kim Cang Quang, Kim Cang Tràng, Kim Cang Tiếu, Kim Cang Pháp, Kim Cang Lợi, Kim Cang Nhân, Kim Cang Ngữ, Kim Cang Nghiệp, Kim Cang Hộ, Kim Cang Nha, Kim Cang Quyền.

    - Tám vị cúng dường Bồ Tát: Kim Cang Hy Hý, Kim Cang Hoa Man, Kim Cang Ca Vịnh, Kim Cang Pháp Vũ, Kim Cang Phần Hương, Kim Cang Giác Hoa, Kim Cang Đăng Minh, Kim Cang Đồ Hương. Bốn vị đầu gọi là Nội Cúng Dường do Đại Nhật Như Lai lưu xuất để cúng dường bốn vị Như Lai kia, bốn vị sau là Ngoại Cúng Dường, do bốn vị Phật kia lần lượt lưu xuất để cúng dường Đại Nhật Như Lai.

    - Tứ Nhiếp Bồ Tát: Kim Cang Câu, Kim Cang Tác, Kim Cang Tỏa, Kim Cang Linh. [↑](#footnote-ref-23)
23. [[10]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-48.htm#_ftnref10) Sách Danh Nghĩa Tập có tên gọi đầy đủ là Phiên Dịch Danh Nghĩa Tập, gồm bảy quyển do ngài Pháp Vân biên soạn, hoàn thành vào năm Thiệu Hưng 13 (1143) đời Nam Tống. Sách được chia thành 44 thiên, gồm 2.000 từ ngữ nhằm giải thích các danh từ thường dùng trong kinh Phật. Đối với mỗi từ gồm có phần nêu các cách phiên âm khác nhau của cùng một từ ngữ, phân biệt cách dịch nào là dịch theo ý, cách dịch nào là dịch sát nghĩa, đồng thời dẫn chứng các kinh luận tương quan. [↑](#footnote-ref-24)
24. [[11]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-48.htm#_ftnref11) Cư sĩ Vương Ân Tường (1897-1964) là người huyện Nam Sung, Tứ Xuyên, có tên tự là Hóa Trung. Ông học Duy Thức với Âu Dương Cánh Vô và được coi là đệ tử nhập thất. Năm 1925, đảm nhiệm dạy Duy Thức tại Chi Na Nội Học Viện. Năm 1942 sáng lập Đông Phương Văn Giáo Nghiên Cứu Viện, kể từ năm 1957 ông dạy học tại Phật Học Viện Trung Quốc. Ông sở trường về Duy Thức, các tác phẩm Nhiếp Đại Thừa Luận Sớ, Duy Thức Thông Luận, Tâm Kinh Thông Giải, Phật Học Thông Luận, Nhân Sinh Học, Khởi Tín Luận Liệu Giản của ông được đánh giá rất cao. [↑](#footnote-ref-25)
25. [[12]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-48.htm#_ftnref12) Bản kinh này có tên gọi đầy đủ là Tứ Đồng Tử Tam Muội Kinh do ngài Xà Na Quật Đa dịch vào đời Tùy, ba quyển, chính là một bản dịch khác của sáu phẩm đầu kinh Phương Đẳng Bát Nê Hoàn Kinh. Trong kinh này, đức Phật sắp nhập diệt tại thành Câu Thi Na, đã giảng đạo Niết Bàn cho A Nan, A Nậu Lâu Đà và bốn vị đại Bồ Tát tại gia. [↑](#footnote-ref-26)
26. [[13]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-48.htm#_ftnref13) Kinh Phật Danh có tên đầy đủ là Phật Thuyết Phật Danh Kinh, gồm mười hai quyển, do ngài Bồ Đề Lưu Chi dịch vào thời Nguyên Ngụy. Do trong kinh liệt kê hơn một vạn vị Phật (khoảng chừng 11.093 vị Phật), đồng thời liệt kê thêm danh hiệu của vài trăm vị Bích Chi Phật và Bồ Tát, nên bản dịch tiếng Việt ghi là kinh Vạn Phật. [↑](#footnote-ref-27)
27. [[14]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-48.htm#_ftnref14) Na Già có nghĩa gốc là rồng (phiên âm của chữ Nāga). Kinh Phật thường gọi Phật hoặc A La Hán là Ma Ha Na Già, nhằm sánh ví bậc đại lực dụng, giống như rồng có thể ẩn hiển khôn lường. Huyền Ứng Âm Nghĩa quyển 3 giảng: *“Na Già có ba nghĩa, một là rồng, hai là voi, ba là Bất Lai, Khổng Tước Kinh gọi Phật là Na Già, do Phật chẳng còn sanh tử”*. Đại Nhật Kinh Sớ, quyển 5, giảng: *“Ma Ha Na Già là biệt hiệu của Như Lai, do Ngài có đại dụng không ngằn mé, chẳng thể nghĩ bàn”* [↑](#footnote-ref-28)
28. [[1]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-49.htm#_ftnref1) Hiện thời, Ức là một trăm triệu (khác với cách hiểu thông thường Ức là một trăm ngàn của Việt Nam). [↑](#footnote-ref-29)
29. [[2]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-49.htm#_ftnref2) Hương tượng (Gandha-hastin) là một loài voi có thể tiết ra mùi thơm, có sức mạnh rất lớn. Theo Đại Tỳ Bà Sa Luận quyển ba mươi, voi ấy rất mạnh, mạnh bằng mười con voi thường. [↑](#footnote-ref-30)
30. [[3]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-49.htm#_ftnref3) Hình tượng Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Âm có ngàn cánh tay, giữa mỗi bàn tay có một con mắt. [↑](#footnote-ref-31)
31. [[4]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-49.htm#_ftnref4) Chín đại tôn giáo ở Tân Gia Ba là Ấn Độ giáo, Phật giáo, Do Thái giáo (Judaism), Bái Hỏa giáo (Zoroastrianism), Đạo giáo, Cơ Đốc giáo (Công giáo và Tin Lành), Hồi giáo, Tích Khắc giáo (Sikh) và Ba Cáp Y giáo (Bahá'í) [↑](#footnote-ref-32)
32. [[5]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-49.htm#_ftnref5) Đại phu là một chức quan rất cổ tại Trung Quốc, đã có từ thời kỳ Xuân Thu Chiến Quốc, có vai trò chủ yếu là cố vấn của nhà vua, không quy định chức vụ cố định, tùy cơ cấu cai trị của từng nước mà đại phu có quyền hạn khác nhau, nhưng thấp hơn chức Khanh. Lại còn chia ra nhiều bậc khác nhau như Trưởng Đại Phu, Thượng Đại Phu, Trung Đại Phu v.v... Lạn Tương Như từng làm Thượng Đại Phu nước Triệu, Khuất Nguyên làm Tam Lư đại phu nước Sở (chức vị Tam Lư chưởng quản vương tộc nước Sở. Vương tộc nước Sở gồm ba chi phái là là Chiêu, Khuất và Cảnh. Tam Lư đại phu cai quản cả ba dòng này). Sau khi Tần Thủy Hoàng thống nhất Trung Hoa, đại phu là cận thần của hoàng đế, cũng chia ra nhiều bậc. Chẳng hạn, Trung Đại Phu trực thuộc Lang Trung Lệnh. Đời Hán, đặt thêm các chức Ngự Sử Đại Phu, Thái Trung Đại Phu, Gián Đại Phu. Trung Đại Phu về sau đổi thành Quang Lộc Đại Phu, nhiệm vụ chủ yếu là nghị luận chính sự. Phạm Lãi giữ chức Thượng Đại Phu nước Việt, kiêm nhiệm Thượng Tướng Quân trong công cuộc bình Ngô. [↑](#footnote-ref-33)
33. [[1]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-50.htm#_ftnref1) Có rất nhiều cách giải thích câu này, nói chung khó hiểu và không rõ ràng, nên chúng tôi chọn cách giải thích đơn giản của giáo sư Từ Tỉnh Dân trong tác phẩm Độc Dịch Giản Thuyết. Theo đó, sanh mạng của chúng ta do Âm Dương của cha mẹ kết hợp, trước đó, du hồn của chúng ta nhập vào thai, nhờ vào tinh khí của cha mẹ để thành thân hình, đó là *“tinh khí vi vật”*, hoặc gọi là Sanh. Khi thân thể chúng ta suy lão, âm dương phân ly, do vậy, hồn mất nơi nương tựa, đó là chết. Hồn mất nơi nương tựa, phiêu đãng nên gọi là Du Hồn. Cho đến khi âm dương giao hội, do khí phận tương cảm, lại nương gá vào để chuyển thế lần nữa, nên gọi là *“du hồn vi biến”* [↑](#footnote-ref-34)
34. [[2]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-50.htm#_ftnref2) Tử Cấm Thành là cung điện của nhà vua. Tử Cấm Thành là danh xưng chỉ có từ thời Minh trở đi, chỉ cho hai nơi:

    1. Cố Cung nhà Minh ở Nam Kinh, còn gọi là Nam Kinh Cố Cung, do Châu Nguyên Chương (Minh Thái Tổ) bắt đầu xây dựng vảo năm Chí Nguyên 27 (1367). Khi ấy, Châu Nguyên Chương vẫn còn là Ngô Vương, chưa xưng đế, nên còn gọi là Ngô Vương Tân Cung. Cung ở phía Nam núi Chung Sơn, có kích thước 790x750 mét, gồm nhiều điện như Phụng Thiên, Cẩn Thân, Văn Lâu, Vũ Lâu, Càn Thanh Cung, Khôn Ninh Cung, Đông Tây Lục Cung, chia thành bốn cửa chính là Ngọ Môn, Tây Hoa, Huyền Vũ, Đông Hoa. Phía sau cửa Ngọ Môn lại có thêm một lớp cửa là Phụng Thiên Môn. Sau khi Minh Thành Tổ dời đô về Bắc Kinh, nơi này được gọi là Cố Cung, và dùng làm hành cung nếu vua xuống phương Nam. Khi bọn phỉ Thái Bình Thiên Quốc tấn công Nam Kinh dưới đời nhà Thanh đã phá hủy, đốt cháy toàn bộ cung điện này.

    2. Tử Cấm Thành (Cố Cung Bác Vật Quán) tại Bắc Kinh là cung điện do Minh Thành Tổ xây khi dời đô lên Bắc Kinh và được dùng làm cung điện nhà vua mãi cho đến khi nhà Thanh sụp đổ. [↑](#footnote-ref-35)
35. [[3]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-50.htm#_ftnref3) Một na-do-tha (na-dữu-đa) là một con số khá lớn. Cụ thể lớn bao nhiêu thì có nhiều thuyết khác biệt. Đời Nguyên, Châu Thế Kiệt đã cho rằng Na Do Tha là một vạn vạn lần A Tăng Kỳ. Một A Tăng Kỳ là 10 lũy thừa 104, tức là sau con số một (1) có 104 số 0. Na Do Tha là sau số một có 112 con số 0. Thuyết này hơi khác với lời dạy trong kinh Hoa Nghiêm (theo phẩm A Tăng Kỳ của kinh Hoa Nghiêm thì Na Do Tha chỉ là 10 lũy thừa 28). [↑](#footnote-ref-36)
36. [[4]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-50.htm#_ftnref4) Bất khả thuyết bất khả thuyết là một con số rất lớn trong kinh Hoa Nghiêm. Phẩm A Tăng Kỳ nói Tâm Vương Bồ Tát hỏi Phật về các con số, đức Phật bèn dạy: Một trăm lạc xoa là một câu chi, câu chi lần câu chi là một a dữu đa, a dữu đa lần a dữu đa là một na do tha, na do tha lần na do tha là một tối thắng... cho đến bất khả tư nghị lần bất khả tư nghị là một bất khả tư nghị chuyển, bất khả tư nghị chuyển lần bất khả tư nghị chuyển là một bất khả lượng, bất khả lượng lần bất khả lượng là một bất khả lượng chuyển, bất khả lượng chuyển lần bất khả lượng chuyển là một bất khả thuyết, bất khả thuyết lần bất khả thuyết là một bất khả thuyết chuyển, bất khả thuyết chuyển lần bất khả thuyết chuyển là một bất khả thuyết bất khả thuyết. Một lạc-xoa là mười vạn (100.000). [↑](#footnote-ref-37)
37. [[5]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-50.htm#_ftnref5) Nguyên văn Tiểu Thái. Theo cách gọi của người Đài Loan, đây là những món ăn lặt vặt được chuẩn bị với số lượng ít, thường dùng như món khai vị, hoặc lót dạ trước khi ăn các món chính thức, chẳng hạn dưa leo trộn chua ngọt, sứa trộn, đậu nành non trộn thật cay v.v... [↑](#footnote-ref-38)
38. [[6]](file:///E:\BUDDHA\PHAP%20AM\TINH%20KHONG%20PHAP%20SU\TINH%20DO%20DAI%20KINH%20GIAI%20DIEN%20NGHIA\DOCUMENT\Tinh-do-dai-kinh-dien-giai-nghia-50.htm#_ftnref6) Đối Pháp hiểu theo nghĩa hẹp là Luận Tạng, hiểu theo nghĩa rộng là danh từ thuật ngữ trong Phật pháp. Đối Pháp nghĩa là dùng trí huệ nơi thánh đạo vô lậu để quán sát đạo lý Tứ Đế và thật quả Niết Bàn. [↑](#footnote-ref-39)